NĂM THỨ MƯỜI BẢY • # 196 • AUGUST 2005

THẾ KỶ 21

14775 MORAN STREET WESTMINSTER CA 92683 -USA
EMAIL: theky21@mail.nguoi-viet.com
ĐIỆN THOẠI TRỊ SỰ: (714) 657- 8051
TOÀ SOẠN: (714) 839- 8746

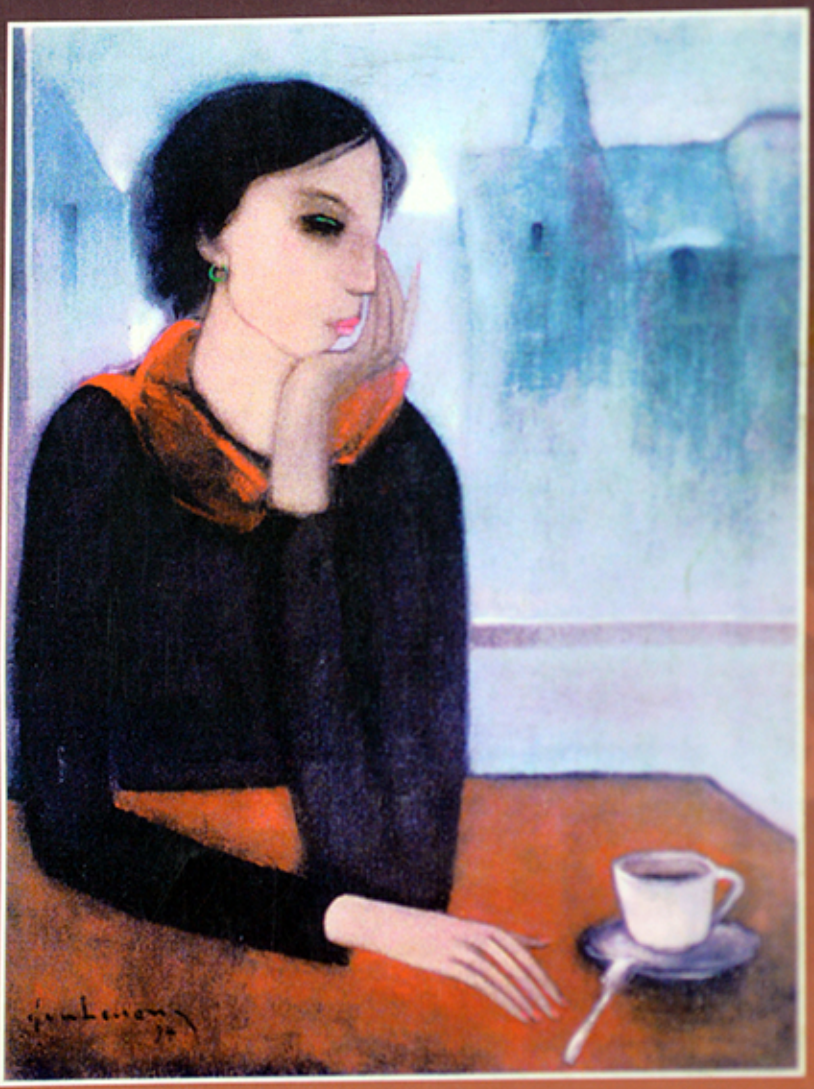

SỢ...
TRẦN THỊ DIỆU TÂM

BÚN BÒ HUẾ TRẦN KIÊM ĐOÀN

HOÀNG CẦM VỚI LÁ DIÊU BÔNG
TRẦN CÔNG NHUNG

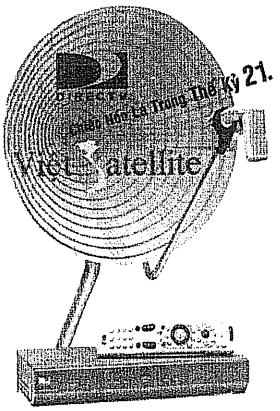

VIỆT SATELLITE
AMERITRAN USA INC.

www.vietsatellite.com
15567 Brookhurst Street
Westminster, CA 92683
1-866-277-0748
1-714-775-5400
Công ty duy nhất do người Việt làm chủ
Đại Diện Chính thức cho DIRECTV
DIRECTV AUTHORIZED DEALER

Mở cửa 7 ngày trong tuần

BIG SALE!!!
BIG SALE!!!

Chúng tôi có nhân viên lắp ráp
trên toàn quốc Hoa Kỳ

Miễn phí Satellite DISH + RECEIVER cho 4 phòng + Installation
Quý khách có thể xem đài SBTN 24/24 phát hình từ Orange County, California
với nhiều tiết mục thật hấp dẫn và độc đáo như: Tin tức với Diệu Quyên-Việt Dũng,
thể thao với Đỗ Tân Khoa, tâm tình nghệ sỹ với Giáng Ngọc, tân nhạc, cải lương,
khoa học kỹ thuật, phim Trung Hoa và Đại Hàn chuyển âm qua tiếng Việt v..v...

DIRECTV®
AUTHORIZED DEALER

LỆ PHÍ HÀNG THÁNG THẤP NHẤT:

$24.99* gồm có đài SBTN và các đài địa phương
$44.99* đài SBTN và 80 đài Mỹ (PREFFER CHOICE)
$61.98** đài SBTN và 140 đài Mỹ (TOTAL CHOICE PLUS)
trong 3 tháng đầu được miễn lệ phí
7 đài HBO, 9 đài SHOWTIME, 3 đài CINEMAX,
12 đài STARZ movie và 25 đài SPORTS Pack
$36.99** 5 đài nói tiếng Quãng Đông. FREE 2 tháng đầu.

* Tất cả giá ghi trên chỉ áp dụng cho Receiver thứ nhất.
Receiver thứ 2 trở đi, thêm $4.99/tháng/receiver
** Chương trình chấm dứt July 31th, 2005

Nhân viên Việt Satellite và đài SBTN

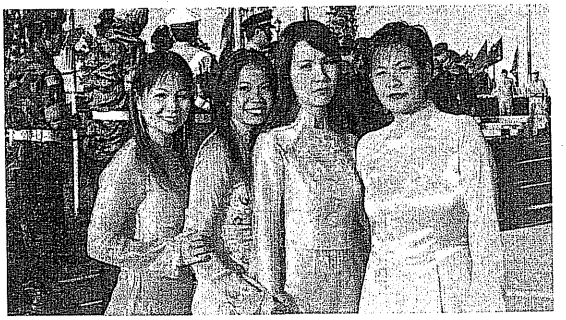

Nhà sách TỰ LỰC hân hạnh giới thiệu:

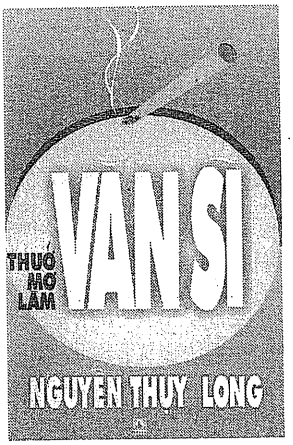

THUỞ MỚ LÀM VĂN SĨ
Hồi ký của **NGUYỄN THỤY LONG**
Tác giả là một nhà văn nổi tiếng của miền Nam trước kia, hiện nay ở tại Việt Nam. Ông có một cuộc đời gian nan khổ cực từ nhỏ, nhưng cũng rất phong phú nhờ nếm trải nhiều cảnh ngộ bất hạnh trong đời. Hồi ký này viết xong vào năm 2000, ông viết với một giọng văn chân thành và tỉnh táo, không có ý tiểu thuyết hóa cũng như cố tình đẩy sự việc đến chỗ ly kỳ. Vì vậy những trang hồi ký này có thể xem như là chứng tích của một thời. Giá 14 Mỹ kim.

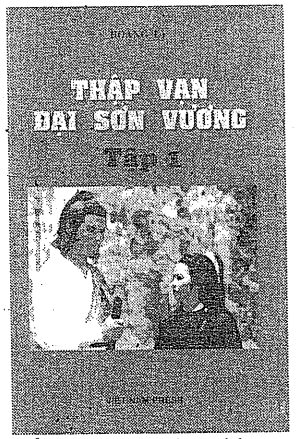

THẬP VẠN ĐẠI SƠN VƯƠNG
HOÀNG LY
Chuyện đường rừng, chuyện phiêu lưu là một đề tài một thời rất ăn khách. Tác giả Hoàng Ly cũng một thời nổi tiếng với loại truyện này, vì ông có tài dựng nên các câu chuyện phiêu lưu ly kỳ hấp dẫn với nhiều kiến thức vững chắc về miền thượng du miền Bắc Việt Nam, nơi ngày xưa là địa bàn hoạt động của nhiều đảng bí mật có sự liên hệ với người Tàu qua biên giới Việt Trung. Thập Vạn Đại Sơn Vương là một tiểu thuyết phiêu lưu nổi tiếng của Hoàng Ly. Giá trọn bộ 2 tập: 24 Mỹ kim.

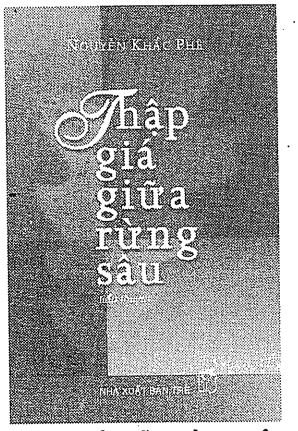

THẬP GIÁ GIỮA RỪNG SÂU
NGUYỄN KHẮC PHÊ
Rừng là một mối lợi, nhưng nếu khai thác bừa bãi thì sẽ gây ra nhiều tai họa cho con người. Tiểu thuyết "Thập giá giữa rừng sâu" không phải là một cuốn sách về tôn giáo, mà có chủ đề về rừng, trong đó mô tả tình trạng của một địa phương hiện nay tại Việt Nam có dính dáng đến rừng, sự phá hoại rừng không thương tiếc của những kẻ chỉ biết có lợi, và cố gắng của những người khác để ngăn chặn sự phá hoại và gầy dựng lại rừng. Giá 9 Mỹ kim.

MẸ VÀ CON - B.S. VŨ THỊ CHÍN
Cuốn sách nghiên cứu về "Tâm lý sản phụ và quan hệ sớm mẹ con." Những quan hệ này chi phối trước mắt và lâu dài sự phát triển tâm lý của trẻ. Nhiều triệu chứng rối loạn tâm lý của trẻ cũng như người trưởng thành sau này bắt nguồn từ những xung đột, những hụt hẫng mẹ con đó. Bà mẹ là cái nôi sinh lý của em bé mới sinh, bà mẹ cũng đồng thời là cái nôi tâm lý xã hội văn hóa của đứa con. Tác giả và các cộng sự đã tìm tòi một cách khoa học các mối liên hệ tương tác đó để giúp các bà mẹ hiểu rõ hơn vai trò của mình đối với đứa con. Giá 10 Mỹ kim.

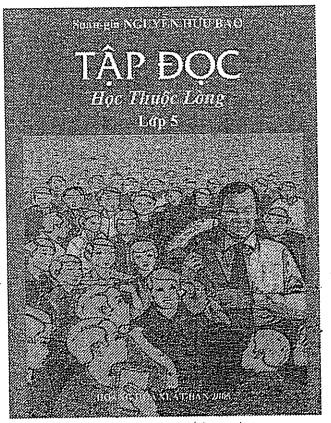

TẬP ĐỌC, HỌC THUỘC LÒNG Lớp 5
NGUYỄN HỮU BÀO
Một cuốn sách giáo khoa Việt ngữ, nhằm giúp cho học sinh, phụ huynh và các thầy cô giáo có sẵn tài liệu để học tập, hướng dẫn, dạy bảo tiếng Việt cho con em Việt Nam ở hải ngoại. Soạn giả đã khéo chọn những bài tập đọc hợp với trình độ Việt ngữ của học sinh và không xa lạ với khung cảnh sinh hoạt ở ngoài Việt Nam. Sau các cuốn dành cho lớp 3 và 4 được đón nhận nồng nhiệt, cuốn Tập Đọc dành cho lớp 5 này chắc chắn sẽ rất cần thiết cho các em ở trình độ cao hơn. Giá 12 Mỹ kim.

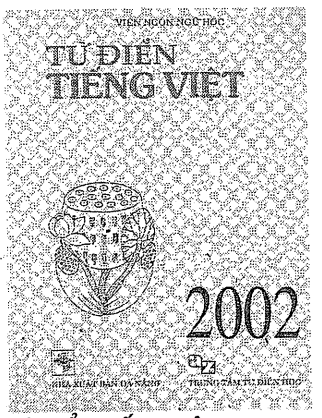

TỪ ĐIỂN TIẾNG VIỆT
HOÀNG PHÊ chủ biên
Nước nào cũng cần có từ điển giải thích chính tiếng nước mình, vì ngôn ngữ thì rất phức tạp mà lại được dùng thường xuyên hàng ngày qua trao đổi bằng tiếng nói, bằng thư từ, văn kiện, báo chí, sách vở... trong mọi lãnh vực của đời sống. Cần phải hiểu rõ từ ngữ mà chúng ta dùng, không hiểu rõ hoặc nghi ngờ thì phải có chỗ mà tra cứu, đặc biệt trong giới học sinh, sinh viên, nhà giáo, nhà văn, nhà báo, nhà văn hóa v.v... Cuốn Từ Điển Tiếng Việt này chính là nơi cần thiết cho những tra cứu đó. Giá 32 Mỹ kim.

Nơi tập trung tất cả những loại sách cần có trong tủ sách gia đình của bạn: Văn, Thơ, Nhạc, Chính trị, Kinh tế, Xã hội, Tôn giáo, nghiên cứu phê bình Văn học, Lịch sử, Y học, Khoa học Kỹ thuật... cùng nhiều thể loại khác.

Nhà sách TỰ LỰC, 14318 Brookhurst St.
Garden Grove CA 92843 – USA. Tel: (714) 531-5290
E-mail: BuyBooks@TuLuc.com * www.tuluc.com

GIỚI THIỆU SÁCH

Hội Văn Học Nghệ Thuật Việt Mỹ (VAALA)
14781 Moran St., Westminster, CA 92683
(714) 891-8172 • www.theforgottenones.org

Xuất bản và hân hạnh giới thiệu **THE FORGOTTEN ONES**: sách ảnh tài liệu về thuyền nhân Việt Nam tại Philippines. Một chương không thể nào quên trong lịch sử của người Việt lưu vong.

Giá: $25 USD
Cộng: $3.95 (cước phí trong nước Mỹ) hoặc $10 (cước phí ngoài nước Mỹ).
Chi phiếu xin đề VAALA. Phiếu mua sách có thể lấy từ website hoặc xin cung cấp đầy đủ tên và địa chỉ để gởi sách đến.

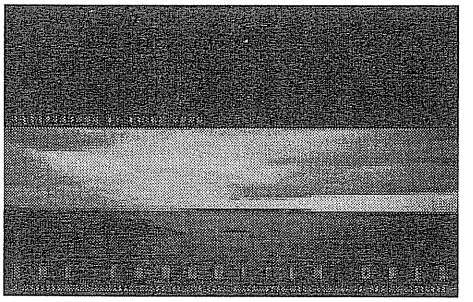

ISBN 0-9755673-0-6

"Mỗi bức hình trong cuốn sách đi kèm với chú thích về hoàn cảnh của từng nhân vật, điều này khiến chúng ta phải đối diện với một thực tế là chúng ta đã biết quá ít về sự đau khổ của họ [những thuyền nhân Việt Nam còn kẹt tại Philippines]."
— San Jose Mercury News

"Hình ảnh được Brian Đoàn ghi lại trong ống kính dưới một lăng kính mà mới xem qua người ta tưởng là của quá khứ! Nhưng đấy là hiện tại. Đấy là sự thật đang hiện hữu bên lề xã hội trong một trại tỵ nạn của vùng Đông Nam Á."
— Nhật Báo Người Việt

"Có quá ít người Mỹ biết về nỗi đau khổ tại Palawan, Philippines, nơi có khoảng 1800 người Việt sống trong bất hạnh, bần cùng, vô tổ quốc."
— OC Weeekly

Century 21

Newtek Realty
15576 Brookhurst St., #A
Westminster, CA 92683
(714) 290-7747, 943-9864
hoangmaidat@yahoo.com

Minh Thủy
Hoàng Mai Đạt
Realtor®
MUA BÁN NHÀ ĐẤT – CƠ SỞ THƯƠNG MẠI
TÀI TRỢ ĐỊA ỐC– ĐẦU TƯ BẤT ĐỘNG SẢN
Làm Việc Với Lương Tâm

DẠY HỌC và PIANO

Nhận dạy
Anh ngữ, Việt ngữ,
Toán, SAT, và Piano.

Xin liên lạc
Cô THANH
điện thoại:
323- 868- 2120

Tìm đọc

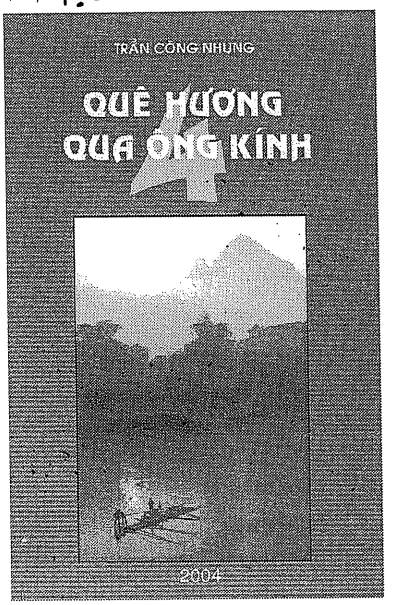

Mọi chi tiết xin liên lạc: **Trần Công Nhung**
P.O. Box 2197
Hawthorne, CA 90250 - USA
Email: trancongnhung@yahoo.com
Website:www.ltcn.net

Đã Phát Hành

CD MẮT MÀU NÂU

HỒNG KHẮC KIM MAI

CD MẮT MÀU NÂU được tác giả thực hiện rất công phu, đẹp từ hình thức đến nội dung. Là một tác phẩm nói lên được cuộc đời của người nghệ sĩ Hồng Khắc Kim Mai qua Thơ, Văn, Nhạc, Họa

Giá bán :
Tại Hoa Kỳ và Canada : US $15.00
Các nước khác: US $20.00

Chi phiếu xin gửi về :
Mai Phạm
1025 NW Couch St, suite 720
Portland, OR 97209 USA

hongkhackimmai@yahoo.com

TẠP CHÍ
THẾ KỶ 21
CHÍNH TRỊ • VĂN HỌC • LỊCH SỬ

Tạp chí ra hàng tháng
Cty Người Việt sáng lập (1989)
Hội VAALA bảo trợ

14771 Moran Street
Westminster, CA 92683 USA
Tel: Tòa Soạn: (714) 839-8746
Trị sự: (714) 657-8051
E-mail: **theky21@mail.nguoi-viet.com**

Hội Đồng Quản Trị:
Đỗ Quý Toàn, Đỗ Ngọc Yến,
Đỗ Việt Anh, Hoàng Ngọc Tuệ,
Phạm Phú Minh, Phan Huy Đạt
Phạm Phú Thiện Giao,
Trần Văn Ngô.

Chủ nhiệm:
Đỗ Ngọc Yến (1989-91)
Lê Đình Điểu (1991-96)
Phạm Phú Minh (1997-2001)
Hoàng Ngọc Tuệ (2001-2004)
Đỗ Việt Anh (2005-)

Chủ bút:
Vương Hữu Bột (1989-2001)
Phạm Phú Minh (2001-)

Bài cho Thế Kỷ 21, xin gửi bằng e-mail, bằng đĩa (có kèm bản in), hoặc bài viết trên một mặt giấy. Bài gửi cho nhiều báo xin ghi rõ để tòa soạn tùy nghi giải quyết. Bài không đăng, không trả lại bản thảo. Tòa soạn nhuận sắc, nếu cần. Bài đăng trên Thế Kỷ 21 không nhất thiết phản ảnh quan điểm của nhóm Chủ trương. Trích đăng bài của Thế Kỷ 21 phải có sự đồng ý của tòa soạn, và ghi rõ ở đầu hoặc cuối bài: Trích Thế Kỷ 21.

Trị sự:
Phan Mỹ Sương
(714) 891-8142
Ngân phiếu đề: THE KY 21

Đại diện phát hành:
Bắc Cali: *Bùi Duy Thuyết*
(408) 225-2199
Đông HK: *Nguyễn Văn Khanh*
(703) 489-7839
Pháp: *Lê Tất Luyện:* 01 45 83 19 12
Ph. Thu Hương: 01 39 84 00 84
Hòa Lan: *Nguyễn Quyết Thắng*
0229 231 666
Đức: *Nguyễn Phi Hùng*
02371 43 9238
Canada: *Hoàng Chiều Nhân*
(450) 466-0895

ISSN 1056-4640

BAN BIÊN TẬP
Bùi Bích Hà, Hoàng Chiều Nhân, Hoàng Khởi Phong, Lan Hương, Ngô Nhân Dụng, Nguyễn Ái Nhân, Nguyễn Chí Kham, Nguyễn Đức Tường, Nguyễn Hùng Vũ, Phạm Phú Minh, Thanh Thảo, Trần Doãn Nho, Trần Mộng Tú, Trần Ngọc Tuấn, Trần Quán Niệm.

Bìa: Tranh **Đinh Cường**
Trình bày bìa: **Nguyễn Đồng** và **Nguyễn Thị Hợp**
Minh họa: **Nguyễn Thị Hợp, Thái Tuấn, Vũ Thái Hòa, Đinh Cường**
Hí họa: Babụi
Kỹ thuật: **Võ Thành Điểm**
Ảnh: tư liệu

MỤC LỤC

Số 196 – Tháng Tám 2005

THỜI SỰ – CHÍNH TRỊ – KINH TẾ
8. Trung Quốc thay đổi hối suất – **Ngô Nhân Dụng**
13. Bàn về chính sách dân chủ hóa hoàn cầu của Hoa Kỳ – **Nguyễn Quốc Khải**
19. Nhiệm kỳ Bush II: nửa năm thử thách – **Cổ Lũy**
28. Liệu thế giới này rồi sẽ thành Tầu cả? – **Geprg Blume, TM** dịch
34. Khi tình người va chạm với chính trị quốc tế – **Dewi Angraeni, Vann Phan** dịch
49. Đi dự ngày lễ Độc Lập của nước Mỹ tại Sài Gòn – **Hoàng Linh**
VĂN HÓA – VĂN HỌC
36. Hồ Xuân Hương và *Đoạn Trường Tân Thanh* – **Trần Ngọc Ninh**
41. Chữ Việt gốc Tàu – **Nguyễn Hữu Phước**
74. Hoàng Cầm với Lá Diêu Bông – **Trần Công Nhung**
78. Lai lịch của bài thơ Lá Diêu Bông – **Đào Hùng**
110. Gốm Bát Tràng có còn không? – **Lê Văn Tân**
VĂN
81. Bún bò Huế – **Trần Kiêm Đoàn**
91. Sợ... – **Trần Thị Diệu Tâm**
95. Hai đầu mùa hạ – **Trần Mộng Tú**
97. Nhật ký của bốn bàn tay – **Trang Châu**
101. Mộng làm quan – **Vũ Ngọc Ánh**
114. Chị Cả Bống – **Phạm Lưu Vũ**
THƠ
73. Bông sứ Úc châu – **Nguyễn Thủy Quan**. 79. Xanh, Con cua, Con chong chóng – **Lưu Văn Vịnh**. 87. Sáng mai Đà Nẵng thức – **Nguyễn Nam An**. 93. O Huế chừ đây – **Trần Huy Sao**. 106. Những tưởng... – **Phan Nhật Nam**.
MỤC THƯỜNG LỆ
6. Bạn đọc viết
7. Tòa soạn và Bạn đọc - Thư Trị Sự
51. Sổ tay – **Ngô Nhân Dụng**
57. Đời sống quanh ta – **Hồng Châu, Trần Quán Niệm, Từ Nguyên, Lê Mạnh Hùng**
68. Trang chuyện phiếm – **Song Thao**
119. Giới thiệu sách Tác Giả Việt Nam – **Phạm Xuân Đài**

Về việc điểm sách

"Ý kiến về việc điểm sách" của ông Phạm Trọng Lệ (Bạn Đọc Viết, Thế Kỷ 21 số 195, tháng Bảy 2005) là quan điểm của một người chuyên môn về thư viện, như ông tự giới thiệu. Ông cho thấy trách nhiệm và cách làm việc của một người điểm sách như thế nào, ví dụ giới thiệu một cuốn Từ điển về văn học thì phải cho biết các dẫn mục có chính xác không, tên các tác phẩm của một tác giả có đầy đủ không, ngày tháng năm sinh của một tác giả có đúng không v.v... Ông cũng không cho phép người điểm sách được đưa ra "những từ ngữ thiếu tính cách khách quan ... đầy cảm tính..."

Với tư cách một độc giả bình thường, không chuyên môn về ngành sách vở như ông Phạm Trọng Lệ, tôi xin phát biểu quan điểm của tôi. Một bài viết ra để giới thiệu một công trình văn học thì không cần theo một công thức cứng nhắc nào, mặc dù sự chính xác thì luôn luôn cần thiết. Sự cảm nhận văn học của một người đọc sách thì có quyền mông lung, chứ không răm rắp như trại lính, hoặc như những kệ sách ngay hàng thẳng lối của một thư viện. Một bài giới thiệu sách cho công chúng đọc thì không nhất thiết phải đúng các yêu cầu của một quản thủ thư viện để người ấy dựa vào đấy mà chọn sách mua. Tôi không biết trong báo chí Mỹ hay các nước khác có loại người phê bình sách chuyên môn chỉ dành cho các thư viện tham khảo hay không, chứ riêng trong sinh hoạt báo chí Việt Nam thì có người chịu khó đọc sách và viết giới thiệu là may rồi, và viết là cho công chúng rộng rãi đọc chứ không bao giờ chỉ phục vụ cho một ngành chuyên môn. Và công chúng độc giả thường thường như chúng tôi thì không cần các công thức cứng nhắc của ngành thư viện, mà cần sự nhận định và phê phán, hẳn nhiên là chủ quan (nhưng với công tâm, đĩ nhiên!) của người viết. Sự chính xác khách quan chỉ nằm trong một vài phạm vi nhất định (ngày tháng năm sinh, số các tác phẩm v.v...), chứ làm sao có thể đòi người ta khách quan trong nhận định được, nhất là trong lãnh vực văn học? Độc giả bình thường thưởng thức là thưởng thức sự chủ quan của người viết, chứ không phải cái gọi là khách quan của họ. Chính những nét riêng biệt, ví dụ những điều mà ông Phạm Trọng Lệ chỉ trích bài của Đặng Tiến, lại là những cái mà người đọc như tôi cần và thích, vì những cái ấy cho thấy tính cách độc đáo của từng người viết. Chứ còn "phê bình" sách mà chỉ như trả lời một lô câu hỏi nêu ra sẵn, tuyệt đối giữ sự "khách quan" thì xin lỗi, chắc là tôi nuốt không vô!

***Đỗ Anh Dũng** (Pháp)*

Việc đập bia

Chuyện các tấm bia tưởng niệm thuyền nhân, mà Thế Kỷ 21 số vừa rồi trình bày khá chính xác và đầy đủ, lại một lần nữa cho thấy không có một mẫu số chung giữa những con người cộng sản và không cộng sản. Đó là hai giống người rất khác biệt nhau, không có cùng một suy nghĩ, cảm nhận, và ngôn ngữ diễn tả. Và tận thâm sâu, lại càng không bao giờ là đồng bào của nhau. Để rồi quý vị coi, trước bao nhiêu phản ứng của đồng bào tị nạn hải ngoại về việc đập bỏ bia tưởng niệm, phía cộng sản sẽ hoàn toàn im lặng cho mà coi. Họ không bao giờ có nhu cầu đối thoại đâu. Đúng ra họ không thèm đối thoại. Khi cần trao đổi, họ nói ra những lời lẽ giả dối, cho qua việc, cho có lợi trước mắt, chứ chẳng đời nào mang một tâm tình thành thật. Khi cần, họ phái từng cá nhân đến tỉ tê thế nọ thế kia, nhưng chính thức Đảng đối thoại về những việc họ đã làm thì không bao giờ.

Có thể ở hải ngoại thỉnh thoảng chúng ta cũng gặp một số cá nhân như thế đến với chúng ta, nói năng biết điều, thông minh, nhân bản, thỉnh thoảng lại thanh minh một cách khéo léo cho các việc làm của đảng. Ví dụ ngay sau vụ đập bia, tôi gặp một vị, vị ấy thở dài mà rằng: "Anh biết tổ chức nhà nước nào mà không có nạn quan liêu bàn giấy. Tôi nghĩ đây chỉ là một phản ứng máy móc của guồng máy bàn giấy thôi. Anh cứ thử tưởng tượng mình đang ở trong bộ Ngoại giao của nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam, khi được tin có những tấm bia như thế được dựng lên tại các đảo Bidong và Galang, thì với tư cách là công bộc của một chế độ, anh phải làm gì? Phản ứng đầu tiên là bảo vệ chính chế độ, mà các tấm bia kia thì coi như là những mũi tấn công. Vậy phải vận dụng mọi khả năng của ngành nghề mình để làm triệt tiêu sự tấn công 'sát sườn' đó đi. Vậy là xảy ra sự vụ..." Nghe cũng có lý phải không? Nhưng cái lý đó chỉ được phát ngôn bởi những cá nhân lẻ tẻ, có khi họ phát biểu ý riêng của họ, có khi họ đi làm công tác cho đảng một cách tế nhị khéo léo, nhưng cả hai đều nằm trong sách lược "tranh thủ nhân tâm." Còn chính đảng cộng sản thì luôn luôn ngậm miệng.

Chuyện cần nói thì chúng ta phải la lên cho mọi người và cả thế giới cùng biết, còn đừng hy vọng làm "động lòng" các ngài đảng viên cộng sản, vì họ không có cái lòng giống chúng ta đâu. Vĩnh viễn không có. Đừng mang một tí ảo tưởng nào.

***Phạm Trâm Anh** (Internet)*

Hơn một năm sau...

McLean, July 15 2005

Kính gửi ông Phạm Xuân Đài

Tôi rất ít viết thư cho các tác

giả. Nhưng sau khi đọc "Bài Thuyết Trình Không Đọc" của ông trên Thế Kỷ 21, số 180, tôi muốn tập cho mình thói quen gửi "feed-back" đến người viết.

Chúng tôi thật xúc động khi đọc bài viết của ông.

Mặc dù bài đã được đăng từ tháng Tư 2004 và mãi tới tháng Bảy 2005 chúng tôi mới có cơ duyên được đọc, nhưng khoảng cách thời gian không hề làm giảm đi giá trị của nó: "A thing of beauty is a joy forever."

Cảm ơn ông đã nói lên dùm những cảm xúc, những ý nghĩ của chúng tôi, mỗi khi có dịp đi trên đường phố Paris, hay mỗi khi về thăm Sài Gòn, Hà Nội.

Cảm ơn ông đã khiến chúng tôi hãnh diện thêm vì thuộc hàng ngũ những người có "một khí hậu văn hóa" khác, cao đẹp hơn của "những kẻ chiến thắng."

Xin chúc ông nhiều sức khỏe để tiếp tục sáng tác.

***Phạm Nguyễn H.C** (Virginia)*

Ăn ở có nhân hậu

Việc chính phủ Indonesia ra lệnh đập phá tấm bia tưởng niệm thuyền nhân Việt Nam đã bỏ mình trên đường trốn chạy chủ nghĩa cộng sản thực là đáng tiếc. Tôi không tưởng tượng một việc như thế lại xảy ra trong thế giới ngày nay. Chúng tôi ở Úc, tương đối gần nước Indonesia, nên có được đọc một số báo chí của nước này, thấy quan điểm của họ không chia sẻ chút nào với hành động đập phá ấy của chính quyền. Nhà báo người Indonesia tên là Dewi Anggraeni là phái viên của tờ *Jakarta Post* tại Melbourne có viết một bài rất hay chê trách chính quyền nước ông ta quá theo đuổi cái lợi về ngoại giao mà quên mất khía cạnh tình người. Trong bài viết của ông ta có một đoạn như sau:

"During the post-tsunami telepone fund-raising event conducted by Autralia's Special Broadcasting Service (SBS) Radio, the largest and most generous donations, by far, came from the Vietnamese community. Within two hours, the Vietnamese program collected over A$600 000, and even the number of Vietnamese callers to the Indonesian program outnumbered others. And most of the donors specially asked that their money be sent to Indonesia.

When asked to explain this extraordinary generosity, the Vietnamese community unhesitatingly confessed that they still remembered the kindness of the Indonesian people during their time in Galang."

Quý vị có hãnh diện rằng đồng bào chúng ta là những người ăn ở có trước có sau không? Hai, ba mươi năm trước chịu ơn cứu tử của người ta, bây giờ thấy người Indonesia bị thảm họa sóng thần, chỉ có hai tiếng đồng hồ với sự kêu gọi của chương trình Việt ngữ đài phát thanh Úc SBS, đã đóng góp tức thời 600 000 đô-la Úc (khoảng nửa triệu đô la Mỹ). Những việc như vậy mới chứng tỏ được dân tộc Việt Nam là một dân tộc có văn hiến. Chúng tôi mong mỏi chúng ta giữ gìn được các đức tính đó, và truyền lại được cho con cháu chúng ta. "Ăn ở có nhân hậu..." tôi nhớ bà tôi ngày xưa hay nói như thế, nay ai đảo điên mặc lòng, mình nên cố gắng gìn giữ lòng nhân hậu, thì đời sống mới xứng đáng là của con người.

***Nguyễn Văn Tín** (Úc châu)*

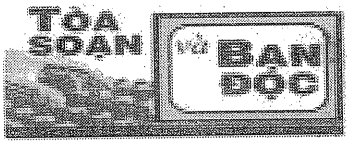

Thưa quý độc giả và văn hữu,

Một vài thông tin ngắn gọn gửi đến quý vị:

- Số báo về Hoàng Đạo, trước định vào tháng Mười, nay dời đến tháng Mười Một, 2005.

- Từ sau số Tết 2005 đến nay, có nhiều độc giả gọi về Tòa soạn hỏi mua hai số báo cũ, đó là số Xuân Giáp Thân 2004 (177&178) và số báo kế tiếp tháng Ba 2004 (179). Sau khi tìm hiểu sự kiện hơi bất thường này, chúng tôi được biết lý do: nhiều độc giả muốn tìm phần I và phần II của bài "Sáng Thế Kỷ đọc bởi một người Việt Nam" của Bác sĩ Nguyễn Hoài Vân, sau khi đọc phần III trong số báo Xuân năm nay. Vì số báo Xuân 2004 đã hết, nên chúng tôi rất tiếc không đáp ứng yêu cầu của quý vị được. Tuy nhiên có một giải pháp giúp quý vị có được đầy đủ bài nói trên: chúng tôi sẽ photocopy phần I và phần II để biếu vị nào cần. Xin cho biết tên và địa chỉ, chúng tôi sẽ gửi bản sao cho quý vị.

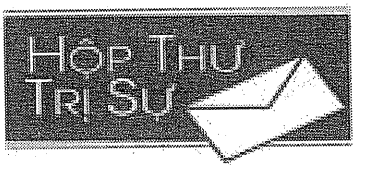

Độc Giả Mới

LinhTu–CA;ThangNguyen–CA.

Độc Giả Gia Hạn

Lê Hữu Chí – CA; Phạm Đài – CA; Lê Phúc Chương – FL; Lê Văn Tâm – CA; Đoàn Văn Thanh – VA Radio Free Asia – DC; Nguyen Hung Quang – CA; Huong Norton Payson – AZ; Lê Doãn Kim – MD, Trương Anh Thụy – VA; Lan Vu - CA; Swets Info Ser – NJ; Nguyễn Quỳnh Phương – Belgium; Trương Thị Kim Anh – Norway; Nguyễn Xuân Phước – TX; Lương Minh Đức – CA; Trần Văn Quảng – CA; Lê Ngọc Minh – CA; Đàm Dung – CA; Phương Nguyễn – CO; Nguyễn Tường Giang – VA; Nguyễn N Thuy – CA; Agnes Buu Hoan – VA; Trần Lợi – CA; Nguyễn Phi Phụng – France; Mai Liêm – Canada; Do Linh – TX; Nguyen Van Vy – MN; Trương Hương Mai – CA; Lê Nhân Tiến – TX; Trương Văn Mạnh – VA.

Độc Giả Thay Đổi Địa Chỉ

Lưu Văn Vịnh – CA; Lê Hữu Chí – CA; Ngô Thanh Tùng – FL; Trương Văn Mạnh – VA; Vo Viet Hung – CA; Adams Jeanne Marie – France.

Trung Quốc thay đổi hối suất

NGÔ NHÂN DỤNG

Thứ Năm 21 tháng Bẩy vừa qua, chính phủ Bắc Kinh đã nâng giá đồng "tiền nhân dân" (nhân dân tệ) lên 2.1 phần trăm. Tài sản của tất cả mọi người Trung Hoa đều tính bằng đồng *nguyên*, cho nên họ bỗng giầu to! Tài sản nhân dân cả nước tăng giá trị thêm hai phần trăm nếu tính ra đô la theo hối suất mới. Nhưng đó chỉ là tăng trên giấy; vì, trừ các đại tài chủ có mấy người Trung Hoa đem bán gia sản mà đổi lấy mỹ kim?

Nhưng có một số tiền bị mất, hơn 10 tỷ, là mất thật. Vì chính phủ Trung Quốc lúc đó đang giữ 711 tỷ đô la ngoại tệ dự trữ. Giả thử trong số này có 500 tỷ giữ dưới hình thức mỹ kim (số còn lại được giữ dưới hình thức vàng, hay đồng *yen* Nhật Bản, đồng *euro*, hoặc đồng *franc* Thụy Sĩ, vân vân) thì khi mỹ kim xuống giá so với nhân dân tệ, số mỹ kim dự trữ cũng xuống giá, nếu tính ra tiền Trung Quốc. Khi mỹ kim xuống hơn 2 phần trăm, số tiền 500 tỷ bị thiệt mất hơn 10 tỷ!

Chính phủ Trung Quốc đã thay đổi chế độ hối suất trong lúc nâng giá đồng nguyên so với mỹ kim. Hối suất cố định từ hơn 10 năm nay là 8.277 nguyên lấy một đô la Mỹ, được nâng giá, chỉ còn 8.11 nguyên lấy một đô la. Quyết định thứ hai là kể từ nay, Trung Quốc không gắn liền giá đồng nguyên với đô la Mỹ nữa, mà tính hối suất dựa trên một "giỏ tiền" gồm tiền tệ của nhiều quốc gia.

Trung Quốc chưa cho biết là trong giỏ đó gồm tiền những nước nào, nhưng chắc mỹ kim vẫn chiếm phần lớn, rồi đến đồng *yen* Nhật Bản, đồng *euro* của Âu châu, có thể thêm đồng *franc* Thụy Sĩ. Thí dụ trong cái giỏ tưởng tượng này có 60 phần trăm là mỹ kim, 20 phần trăm là đồng *euro*, 20 phần trăm tiền Nhật Bản chẳng hạn.

Khi dùng một giỏ tiền tệ làm đơn vị tính toán thay cho mỹ kim, giá trị của đồng nhân dân tệ mỗi ngày sẽ không thay đổi nhiều như trước. Trước đây, mỗi ngày nếu mỹ kim lên hay xuống đối với euro 1% hay 3%, thì đồng nguyên cũng thay đổi bấy nhiêu; hàng Trung Quốc bán sang Âu châu hay Nhật Bản sẽ tăng hoặc hạ giá theo cùng một nhịp độ. Thay đổi luôn luôn như vậy khiến việc làm ăn, thương mại quốc tế đâm ra khó tính toán. Từ nay về sau, sẽ khác. Khi mỹ kim xuống, đồng euro và đồng yen có thể lên, và ngược lại. Do đó, giá trị của cả cái "giỏ tiền" bị xuống vì đô la thì lại lên nhờ đồng euro và đồng yen lên; tính chung cả cái giỏ đó chỉ xuống giá chút đỉnh, không xuống quá nhiều như khi dính hoàn toàn vào đô la Mỹ.

Việc thay đổi của Trung Quốc bên ngoài có vẻ như do áp lực quốc tế, nhất là từ nước Mỹ. Nhưng sự thực việc này đã được chuẩn bị từ năm 2003, khi ê kíp mới, với chủ tịch Hồ Cẩm Đào và thủ tướng Ôn Gia Bảo lên cầm quyền ở Trung Quốc. Thống đốc Ngân hàng Trung ương Chu Tiểu Xuyên được coi là người vẫn chủ trương nên thả nổi hối suất. Trong hai năm qua, chính phủ Bắc Kinh đã tổ chức nhiều cuộc hội thảo về những điều lợi hại của sự thay đổi; họ mời các nhà kinh tế nổi tiếng ở Mỹ sang dự, trong đó có những người đã đoạt giải Nobel về kinh tế học cũng như các chuyên viên về ngân hàng có kinh nghiệm quốc tế. Ngay trong các cuộc thảo luận đó, các chuyên gia ngoại quốc cũng đưa ra những ý kiến đối nghịch; người bảo nên giữ hối suất cố định, người đề nghị nên thả nổi. Bắc Kinh cũng cử những phái đoàn đi nghiên cứu cách làm việc của các "Hội đồng Tiền tệ," tức Ngân hàng Trung ương, của Hồng Kông và Singapore. Singapore là nơi đồng tiền bản xứ được tính trên một "giỏ tiền tệ" chứ không phải mỹ kim; và chính phủ xứ đó cũng chủ trương hối suất thả nổi một cách có chừng mực. Những cuộc thăm viếng và hội thảo có tính cách tham khảo đó diễn ra công khai, nhưng từ cả năm nay ai cũng chờ đợi mà không ai biết đích xác lúc nào chính phủ Trung Quốc sẽ thay đổi, và thay đổi ra sao.

Việc công bố chính sách mới được tổ chức trong vòng bí mật, như một cuộc hành quân. Chiều Thứ Năm 21 tháng Bẩy, một số ngân hàng ngoại quốc ở Bắc Kinh được mời cử người đến dự họp với Ngân hàng Trung ương Trung Quốc vào lúc 3 giờ 30, không biết về vấn đề gì. Khi mọi người tề tựu, phòng họp được khóa lại, viên chức Ngân hàng Trung ương bắt đầu nói về mấy chuyện vặt, không có gì quan trọng, trong khi đó thị trường

hối đoái ở Trung Quốc và các nước Á Đông bắt đầu đóng cửa. Sau khi tất cả các điện thoại lưu động của quan khách được mời đem nộp cho nhân viên Ngân hàng Trung ương rồi, lúc đó họ mới phát ra một bản văn gồm bốn điểm, báo tin đồng *nguyên* không còn gắn liền với đô la Mỹ nữa, và quyết định này có hiệu lực ngay lập tức. Nhưng tất cả mọi người tham dự được yêu cầu giữ kín tin này cho tới 7 giờ tối, giờ Bắc Kinh, là lúc đài truyền hình được lệnh đọc bản tin ngay đầu giờ, trước tất cả các tin tức khác. Cùng lúc đó, bản tin cũng được công bố trên mạng lưới của Ngân hàng Nhân Dân Trung Quốc và Tân Hoa Xã. Chỉ có hai chính phủ nước khác được báo tin từ chiều hôm trước về sự thay đổi này, là chính phủ Mỹ và chính quyền Hồng Kông.

Đồng nguyên còn lên giá nữa hay không?

Hiện nay chưa ai biết chính phủ Trung Quốc sẽ ấn định thành phần cái giỏ tiền tệ đó ra sao, và sẽ điều chỉnh hối suất thế nào; cho nên chưa ai tính toán được tương lai. Chính phủ Trung Quốc chỉ ấn định chính sách cho đồng *nguyên* được lên hay xuống mỗi ngày tối đa là 0.3 phần trăm, tức 3 phần ngàn, so với giá trị giỏ tiền tệ đó. Nhưng chính phủ Trung Quốc có để cho thị trường tự do thay đổi hối suất theo mức tối đa đó hay không, chưa ai biết. Nhưng chuyện đồng *nguyên* tăng giá nhiều là điều khó xảy ra.

Giả thử đồng *nguyên* được tự do lên giá liên tiếp tới mức tối đa, trong 10 ngày sẽ tăng giá 3 phần trăm, trong ba tháng sẽ tăng gần 30 phần trăm, tức là con số mà nhiều người Mỹ cho là cần thiết để đạt tới "giá trị đúng" của đồng nhân dân tệ, tính trên khả năng kinh tế của Trung Quốc so với các quốc gia khác.

Nhưng không ai tin là Trung Quốc sẽ để cho tới tình trạng lên giá 30 phần trăm. Vì nếu đồng nguyên lên nhiều quá sẽ gây ra nhiều hậu quả khó đối phó, trên đời sống kinh tế Trung Quốc. Tuần trước, ông Chu Tiểu Xuyên, thống đốc Ngân hàng Nhân Dân đã dự đoán là sau khi đồng nguyên lên giá 2.1 phần trăm, các xí nghiệp xuất cảng ở Trung Quốc sẽ bán hàng với giá đô la mới, cao hơn khoảng 2 phần trăm. Ông cho là như vậy cán cân thương mại quốc tế sẽ bớt tình trạng mất thăng bằng. Điều đó nói dễ mà thực tế rất khó xảy ra, vì đồng nguyên tăng 2 phần trăm còn ít quá, chưa làm cho thương mại quốc tế bị ảnh hưởng. Trong khi đó, các xí nghiệp ở Trung Quốc sẽ phải thay đổi giá hàng xuất cảng với hối suất mới. Tuần trước, khi đồng nguyên tăng giá 2.1 phần trăm so với mỹ kim, công ty Weihai sản xuất hàng may mặc ở tỉnh Sơn Đông đã phải tăng giá bán của các món hàng như áo khoác, áo vét, áo thung, đồ mặc thể thao, vân vân, khi tính ra mỹ kim. Nếu các khách hàng ở Mỹ và các nước Âu châu vì thế mà giảm số hàng nhập cảng, thì công ty sẽ phải tính lại. Một số quốc gia Đông Nam Á cũng thấy đồng tiền của họ lên giá theo với đồng nguyên. Riêng Mã Lai Á đã bắt chước Trung Quốc, bỏ hối suất cố định tính trên mỹ kim, thay thế bằng chế độ thả nổi, tính theo một giỏ tiền tệ quốc tế tương tự. Những nước khác ở Đông Nam Á không thay đổi hối suất thì hàng hóa của họ sẽ cạnh tranh dễ dàng hơn với hàng Trung Quốc.

Dù chỉ tăng lên 2 phần trăm, giá cả trong nhiều ngành sẽ ảnh hưởng rất mạnh trên số cầu. Vì mức lời của các nhà bán lẻ ở Âu, Mỹ rất thấp vì lý do cạnh tranh, cho nên họ phản ứng rất nhanh khi giá cung cấp tăng hay giảm. Một công ty bán lẻ đang định giá để lời 3 phần trăm trên giá bán chẳng hạn, sau khi trừ các chi phí ngoài phí tổn mua hàng, thì nếu bị mất thêm 2 phần trăm vì giá hàng mua vào đắt hơn, họ sẽ mất hai phần ba số tiền lời. Khi đó, phải tính đi mua hàng chỗ khác dù chỉ cốt tăng mức lời thêm nửa phần trăm. Các công ty bán lẻ ở Mỹ cạnh tranh ráo riết với nhau, dựa trên giá bán; nếu một công ty đổi nguồn cung cấp, bỏ Trung Quốc để mua hàng của Ấn Độ, Mexico, Việt Nam hay Phi Luật Tân chẳng hạn, các công ty khác cũng phải theo để khỏi phải tăng giá bán. Ngay trong tuần lễ sau khi đồng nguyên tăng giá, nhiều đơn đặt hàng đã bắt đầu chuyển qua các quốc gia khác trong khi chờ các công ty Trung Quốc ấn định giá cả với hối suất mới. Hối suất chỉ tăng 2 phần trăm mà đã gây hậu quả dây chuyền như vậy, Trung Quốc khó lòng tăng thêm nhiều hơn trong một thời gian ngắn. Vì phải để cho các xí ngiệp xuất khẩu của họ có thời giờ điều chỉnh chính sách sản xuất cũng như tiếp thị.

Xuất cảng hiện nay là một động cơ mạnh nhất thúc đẩy kinh tế Trung Quốc, cho nên nếu số hàng bán ra giảm đi, ảnh hưởng sẽ rất lớn. Các xí nghiệp xuất cảng ở Trung Quốc khó lòng giảm giá bán, thí dụ một món hàng đang tính giá 8 nguyên 28 xu có thể giảm xuống chỉ còn 8.11 nguyên, để giá bán ra thị trường thế giới vẫn là một đô la, bù cho hối suất tăng lên 2 phần trăm. Việc giảm giá 2 phần trăm cũng khó thực hiện, vì hiện nay mức lời của nhiều xí nghiệp xuất cảng đã thấp lắm rồi. Công ty May mặc Thẩm Quyến cho biết hiện nay

mỗi đô la hàng xuất khẩu bán ra họ chỉ có lời chưa tới một phần trăm! Như vậy thì bớt giá làm sao, nếu không cắt bớt lương bổng của nhân viên và công nhân?

Tuy nhiên, đồng nguyên lên giá 2 phần trăm không có nghĩa là các mặt hàng xuất khẩu của Trung Quốc cũng lên giá chừng đó. Phần lớn các mặt hàng xuất cảng của Trung Quốc được chế tạo với nguyên liệu và các bộ phận nhập cảng từ các nước Á Đông hay từ Mỹ. Các thứ máy móc điện tử như máy quay đĩa DVD, máy vi tính, đều dùng bộ phận ngoại nhập; hàng quần áo cũng dùng nguyên liệu, vải vóc, máy móc nhập cảng. Những món nguyên liệu hay bộ phận nhập nội đó sẽ xuống giá khi mua vào nếu tính ra đồng nguyên, nhưng khi bán ra tính bằng đô la sẽ lên giá trở lại như cũ, tức là sẽ không thay đổi với hối suất. Chỉ có phần chi phí bằng đồng nguyên ở trong nước, như lương bổng công nhân, tiền thuê nhà, đất, tiền thuế, điện, nước, tiền lãi trả ngân hàng khi vay nợ, vân vân là phần giá trị gia tăng do người Trung Quốc đóng góp. Vì vậy, nếu đồng nguyên tăng giá, khi tính giá thành của cả món hàng bằng đô la, cũng chỉ có phần mà các xí nghiệp phải trả bằng đồng nguyên ở Trung Quốc mới lên giá. Còn phần các nguyên liệu và bộ phận ngoại nhập thì không. Tính chung, dù đồng nguyên tăng giá tới 20 phần trăm thì cả món hàng dùng đầu vào ngoại nhập cũng chỉ tăng giá khoảng từ 4 đến 6 phần trăm mà thôi.

Nếu đồng nguyên tăng giá tới 5 phần trăm, nhiều vị quản lý ở Trung Quốc cho là xí nghiệp xuất cảng của họ sẽ phải giảm số sản xuất, nhiều công nhân sẽ mất việc. Trong lúc đó, Trung Quốc còn đang phải đối đầu với các vấn đề khác, như số công nhân đang và sắp bị sa thải từ các doanh nghiệp nhà nước làm ăn thua lỗ, cùng với hàng trăm triệu nông dân từ miền quê lên thành thị tìm việc làm từng ngày. Đó là lý do khiến nhiều người không tin là chính phủ Trung Quốc sẽ để cho đồng nguyên lên giá quá nhiều.

Trung Quốc có thể làm gì nếu muốn giữ cho đồng nguyên lên giá vừa phải, 2 tới 3 phần trăm, sau khi đã chấp nhận thả nổi hối suất? Họ có thể theo lối Ngân hàng Trung ương Nhật Bản vẫn làm. Mỗi khi đồng nguyên lên giá quá mức họ muốn, Ngân hàng Nhân dân Trung Quốc có thể đi mua mỹ kim trên thị trường, bằng cách in thêm tiền hoặc chính phủ phát hành công trái, đi vay bằng nhân dân tệ. Nếu đồng nguyên xuống quá, họ sẽ đem mỹ kim dự trữ ra mua đồng nguyên trên thị trường, để giữ cho giá ổn định. Hiện nay Trung Quốc đang có khối dự trữ ngoại tệ hơn 700 tỷ mỹ kim, và sang năm có thể lên 1000 tỷ, họ không lo thiếu tiền can thiệp.

Cán cân thương mại Mỹ có bớt thâm thủng không?

Mọi người ở Mỹ đều hân hoan ca ngợi quyết định nâng giá đồng nguyên của chính phủ Trung Quốc. Vì từ mấy năm nay bao nhiêu người Mỹ, trong chính phủ, trong quốc hội và trong giới kinh doanh, đã than phiền là chính phủ Bắc Kinh duy trì hối suất cố định "thấp giả tạo" làm thiệt hại cho các nhà sản xuất và công nhân nước Mỹ. Họ nói vì hối suất đồng nguyên quá thấp nên cán cân thương mại của nước Mỹ khiếm hụt. Năm ngoái cán cân chênh lệch 162 tỷ mỹ kim nghiêng về phía Trung Quốc. Nhiều người lên tiếng yêu cầu Bắc Kinh hãy nâng giá đồng nguyên lên, để Mỹ có thể xuất cảng sang Trung Quốc nhiều hơn, nhập cảng bớt đi. Các nghị sĩ Mỹ đã soạn một dự luật yêu cầu chính phủ đánh thuế tới 27.5 phần trăm trên hàng nhập cảng từ Trung Quốc, nếu chính phủ Trung Quốc không tăng giá đồng nguyên lên hơn 10 phần trăm! Ông bộ trưởng Tài chánh Mỹ phải họp riêng với hai nghị sĩ tác giả dự luật này, xin họ hoãn không đem ra biểu quyết, để tránh gây xung đột thương mại gay go khó gỡ. Trong khi đó, thủ tướng Trung Quốc Ôn Gia Bảo tuyên bố nước ông sẽ tự ý quyết định chính sách tiền tệ và hối suất, không để áp lực nước ngoài ảnh hưởng.

Khi Trung Quốc bất ngờ quyết định thay đổi hối suất, các viên chức chính phủ Mỹ coi đó như một sự thành công của họ, để làm dịu dư luận. Tuy nhiên, hành động này có giúp cho cán cân thương mại với Trung Quốc bớt khiếm hụt hay không, lại là chuyện khác.

Trên nguyên tắc, khi đồng nguyên lên giá, hàng Trung Quốc bán sang Mỹ sẽ đắt hơn, hàng Mỹ bán sang Trung Quốc sẽ rẻ hơn. Một món hàng của Mỹ giá một đô la, trước bán sang Tầu tính ra 8.3 nguyên, bây giờ chỉ còn 8.11 nguyên. Rẻ như vậy, hy vọng bán được nhiều hơn trước, tức là Mỹ sẽ xuất cảng được nhiều hơn sang Tầu. Ngược lại, hàng bên đó đem sang Mỹ bán sẽ đắt hơn một chút, bán bớt đi. Kết quả: cán cân thương mại của Mỹ bớt thâm thủng!

Nhưng đó chỉ là lý thuyết. Khi đồng nguyên lên giá đáng kể so với đô la Mỹ, thí dụ trên 10 phần trăm, thì hiện tượng trên chắc sẽ thấy rõ. Còn khi đồng nguyên chỉ lên giá 2 phần trăm, thì không. Như ông Alan Greenspan, chủ tịch Quỹ Dự trữ Liên

bang đã báo trước, việc nâng giá đồng nguyên không chắc đã giúp cán cân thương mại Mỹ bớt thâm thủng. Nâng giá ít quá, lại càng ít công hiệu. Năm ngoái, số thâm thủng về mậu dịch của nước Mỹ lên tới 617 tỷ mỹ kim, trong đó thâm thủng với Trung Quốc nhiều nhất. Nhưng nếu hàng Trung Quốc đắt hơn thì các xí nghiệp Mỹ sẽ đi mua hàng của các quốc gia khác, từ Đông Nam Á tới châu Mỹ La tinh. Số khiếm hụt với Trung Quốc có thể giảm nhưng đối với các nước khác lại tăng lên, tổng số chưa chắc đã bớt được bao nhiêu. Chính Bộ Ngân khố Mỹ cũng công nhận là việc tăng giá đồng nguyên không giải quyết được vấn đề cán cân thương mại khiếm hụt. Có nhà kinh tế đã tính, ví thử tiền tệ của tất cả các nước Á châu đều lên giá 20 phần trăm, thì số khiếm hụt mậu dịch của Mỹ có thể sẽ giảm bớt được 80 tỷ mỹ kim. Con số đó lớn, nhưng vẫn còn nhỏ so với tổng số hơn 600 tỷ hiện nay.

Tình trạng cán cân thương mại Mỹ thâm thủng không phải vì hối suất đồng nguyên hay tiền tệ các nước khác. Lý do chính là vì người Mỹ tiêu xài nhiều, đầu tư cũng nhiều, tiết kiệm thì ít quá. Trong khi đó người Trung Hoa, Nhật Bản, dân Á châu nói chung tiết kiệm nhiều quá. Khi đồng nguyên tăng giá 2 phần trăm thì sự thay đổi không đáng kể. Tháng trước, chính phủ Trung Quốc tăng thuế xuất cảng trên mấy chục thứ hàng Trung Quốc, làm các thứ hàng đó lên giá. Nhưng sau khi chính phủ Mỹ tăng thuế trên một số hàng may dệt của Trung Quốc, Bắc Kinh đã trả đũa, rút lại biện pháp trên. Nếu được thi hành, những biện pháp đó ảnh hưởng trên cán cân thương mại không khác gì tăng hối suất.

Muốn giảm bớt thâm thủng trong cán cân thương mại, người Mỹ cần bớt chi tiêu và tiết kiệm nhiều hơn. Nhìn vào các dòng tiền chạy ra chạy vào một quốc gia, số thâm thủng mậu dịch tức số tiền đi ra, được cân bằng với số tiền người nước ngoài cho vay hoặc góp vốn đầu tư, chạy vào trong nước. Số tiền vốn chẩy vào đó phải lớn bằng số khiếm hụt giữa tiền tiết kiệm và tiền đầu tư trong quốc gia. Khi tiết kiệm ít mà đầu tư vẫn nhiều, thì cần tiền vốn từ bên ngoài chẩy vào bù cho đủ. Chính phủ Mỹ mấy năm qua chi tiêu quá số thu lại còn cắt giảm thuế cho những người lợi tức cao, số tiết kiệm là số âm. Mặt khác dân Mỹ cũng vay nợ nhiều. Tổng cộng, tiền tiết kiệm cả nước rất thấp. Đó là lý do khiến cán cân thương mại khiếm hụt nhiều hơn.

Việc giảm bớt khiếm hụt nghe thì rất đẹp, nhưng hậu quả sẽ rắc rối. Muốn bớt khiếm hụt mậu dịch, người Mỹ có thể giảm bớt đầu tư hoặc tiết kiệm nhiều hơn. Cả hai điều đó, thí dụ dân bớt tiêu xài và bớt xây cất nhà cửa, cơ xưởng, trung tâm thương mại mới, sẽ làm cho kinh tế Mỹ ngưng trệ. Nếu Trung Quốc bớt thặng dư mậu dịch, họ sẽ bớt tiền đem mua công trái của chính phủ Mỹ hoặc trái phiếu các công ty tài chánh Mỹ chiên cho vay để mua nhà. Hậu qủả là lãi suất dì hạn ở nước Mỹ sẽ tăng lên. Người ta khó vay tiền mua nhà, đầu tư, và càng khiến cho kinh tế Mỹ trì trệ. Cho nên việc giảm bớt khiếm hụt trong cán cân thương mại phải thực hiện trong một thời gian rất dài, để không những nước Mỹ, nước Trung Hoa, mà cả thế giới cùng điều chỉnh cho hệ thống tài chánh quốc tế cân bằng, hợp lý hơn.

Tuy vậy, chính phủ Mỹ vẫn bầy tỏ niềm hân hoan trước quyết định của chính phủ Trung Quốc, coi đó là một thắng lợi lớn. Không cách nào khác. Vì đây là nhượng bộ tối đa mà Bắc Kinh có thể làm được để làm hài lòng quốc hội Mỹ. Nhất là trong tháng Chín này ông Hồ Cẩm Đào sẽ bay sang Washington; việc tăng giá đồng nguyên là một món quà ra mắt, làm vui lòng các nhà chính trị và giới sản xuất ở Mỹ, để khi ông Hồ tới sẽ được chào mừng một cách thành thật!

Người Trung Quốc hy sinh, người Mỹ hưởng

Nhưng tại sao Trung Quốc chịu tăng giá đồng nguyên trong lúc này? Tháng trước, thủ tướng Ôn Gia Bảo mới tuyên bố chính sách tiền tệ của Trung Quốc là do người Trung Quốc quyết định, khi nào thấy đúng lúc thì thay đổi hối suất chứ không c cho người ngoài gây áp lực. Thế bây giờ đã là đún lúc chưa? Có nhiều dấu hiệu cho thấy cuối tháng Bẩy là đúng lúc có thể thay đổi hối suất mà không gây nhiều tai hại.

Chính phủ Trung Quốc đã loan báo Tổng sản lượng Nội địa đã tăng 9.5 phần trăm trong quý thứ nhì năm 2005, một tỷ số cao hơn dự đoán. Nếu vì đồng nguyên tăng giá 2 phần trăm mà xuất cảng bớt chút đỉnh, nền kinh tế cũng chịu đựng được sự giảm sút đó.

Một mối lo của chính phủ Trung Quốc khi quyết định sẽ dần dần nâng giá đồng nguyên là hành động đó sẽ khuyến khích người ngoại quốc, đặc biệt, Trung Hoa ở nước ngoài sẽ đem tiền đô la vào, đổi lấy tiền Trung Quốc rồi chờ ngày đồng nguyên lên giá thì đổi ngược lại. Trong khi chờ đợi, họ dùng số tiền đó đi mua nhà, làm nhà cửa ở các thành phố lên giá quá cao. Nhiều người Trung

Hoa ở Mỹ vay tiền, thế chấp hoặc bán nhà, lấy tiền đầu tư vào địa ốc ở Trung Quốc. Nhưng phong trào chuyển "tiền nóng" đó đã nguội bợt từ năm ngoái, sau khi chính phủ Trung Quốc tỏ ra cương quyết không thay đổi hối suất. Mặt khác, người ta cũng lo lắng giá nhà đất ở các thành phố lớn sẽ sụt giảm sau khi cơn sốt đầu cơ nổ như bong bóng, mà chính phủ Trung Quốc thì tha hồ can thiệp vào thị trường địa ốc có thể làm giá hạ xuống nữa. Từ đầu năm 2005, số "tiền nóng" đó đã giảm. Vào ba tháng cuối năm 2004, có 55 tỷ đô la tiền từ nước ngoài chạy vào Trung Quốc, lúc thị trường địa ốc ở Trung Quốc cũng lên cơn sốt. Nhưng trong quý thứ nhì năm 2005, số "tiền nóng" đó giảm xuống chỉ còn 13 tỷ. Giá nhà ở Thượng Hải từ giữa tháng Tư đến tháng Bẩy đã giảm mất từ 10% đến 20%, sau khi chính phủ Trung Quốc đánh thuế bán nhà và ra lệnh các ngân hàng hạn chế cho vay mua nhà. Cho nên vào giữa năm 2005, Trung Quốc không lo ngại về số ngoại tệ tràn vào, như năm ngoái. Nhưng trong mấy tháng tới, số tiền nóng đó sẽ chạy thêm vào nếu người ta dự đoán chính phủ Trung Quốc còn cho đồng nguyên lên giá nữa. Vì vậy, một tuần sau khi thay đổi hối suất, Ngân hàng Trung ương Trung Quốc đã tuyên bố còn lâu hối suất mới cho lên cao hơn.

Việc thay đổi hối suất cần phải đặt trong toàn cảnh hệ thống tài chánh và quản lý kinh tế của Trung Quốc. Gánh nặng lớn của nền kinh tế nước này là các doanh nghiệp nhà nước chỉ tiêu phí tiền, và các ngân hàng cho vay rồi không đòi được nợ. Nói chung, nhân dân Trung Quốc làm việc, tiết kiệm, để nuôi cả hệ thống các xí nghiệp và ngân hàng bất lực đó.

Tăng giá đồng nguyên cũng là một cách giảm bớt những việc đầu tư phí phạm ở Trung Quốc. Từ mấy năm nay, kinh tế Trung Quốc cứ tăng lên, nhưng không phải nhờ người tiêu thụ mua nhiều, mà chính vì các xí nghiệp tha hồ đầu tư nhiều hơn, không cần tính toán việc đầu tư có lợi ích hay không. Họ đầu tư nhiều quá, thừa, vô ích, chỉ vì các ngân hàng cũng dư tiền, cần cho vay để chứng tỏ họ có làm việc. Nhưng tình trạng đó không thể kéo dài; sẽ tới lúc các nhà máy được xây lên sản xuất ra không bán được; những ngôi nhà dựng lên không bán, không cho thuê được. Khi đó, những người vay sẽ không trả được nợ, các ngân hàng sẽ lâm vào tình trạng phá sản, ít nhất là trong sổ sách kế toán. Cơn sốt đầu tư sẽ ngưng lại toàn diện! Đối với một nền kinh tế tăng trưởng nhờ đầu tư tăng mà không phải nhờ tiêu thụ tăng, đây là một tình trạng bất quân bình có thể gây suy sụp rất nguy hiểm.

Từ đầu năm nay cơ cấu kinh tế trên đã có phần thay đổi. Số hàng bán lẻ cho người tiêu thụ đã tăng 13 phần trăm trong 6 tháng đầu năm nay. Một phần nhờ chính sách cắt giảm thuế cho các hộ nông dân, lợi tức của nông dân (60 phần trăm dân số) đã tăng được 12.5 phần trăm. Nếu số tiêu thụ tăng thêm, đầu tư không tăng mạnh như trước, thì kinh tế Trung Quốc sẽ cân bằng hơn.

Nhưng còn một tình trạng mất cân bằng giữa hai nước Mỹ – Trung chưa được giải quyết. Trung Quốc đang giữ một số ngoại tệ dự trữ rất lớn, một số lớn trong số tiền hơn 700 tỷ mỹ kim đó dùng để mua công trái của chính phủ và nhiều công ty tài chánh Mỹ chuyên cho vay để mua nhà. Tức là Trung Quốc cho nước Mỹ vay tiền với lãi suất thấp, để dân Mỹ có thể mua hàng hóa ở Trung Quốc. Trong khi đó, người Mỹ tha hồ mua nhà, mua xe nhờ lãi suất thấp, còn chính phủ Mỹ thì giảm thuế cho những người lợi tức cao nhất nước.

Trong lúc đó, người nông dân nghèo nàn ở Trung Quốc phải chịu đóng nhiều thứ thuế gián thu nặng nề. Lệ phí cho con đi học, đóng góp khi vào bệnh viện, là những món nông dân Trung Quốc phải gánh chịu. Mối lo lắng lớn hơn nữa là tiền hưu bổng của các công nhân và nhân viên các xí nghiệp quốc doanh sẽ không theo kịp với mức giá cả lên khi kinh tế phát triển cao. Tiền tiết kiệm của người dân đem gửi ngân hàng thì được trả một lãi suất quá thấp. Nói chung dân Trung Quốc thắt lưng buộc bụng, trong khi chính phủ ôm số tiền ngoại tệ đem cho chính phủ và dân Mỹ vay, để họ tiêu xài và cắt thuế cho nhau!

Nhiều người đã đề nghị chính phủ Trung Quốc hãy dùng số tiền dự trữ đó để tha thuế cho dân, thay vì bù lỗ cho các xí nghiệp và ngân hàng quốc doanh. Nếu đem chia số dự trữ ngoại tệ cho các nông dân, mỗi người dân sẽ được hưởng 1,000 mỹ kim! Nhưng tốt nhất là dùng một phần ba hay một nửa số tiền đó lập thành một quỹ hưu bổng cho các công nhân xí nghiệp quốc doanh phải nghỉ việc vì cải tổ kinh tế. Làm như vậy, sẽ gia tăng sức tiêu thụ, đồng thời thúc đẩy cải tổ các xí nghiệp nhanh hơn, gia tăng hiệu năng của cả nền kinh tế.

Nhưng đó chỉ là những đề nghị từ bên ngoài, còn lâu mới được đảng Cộng Sản Trung Quốc cứu xét. Vì những thế lực đối kháng để bảo vệ quyền lợi của họ còn rất mạnh, việc cải tổ các xí nghiệp và ngân hàng phải chậm lại.

BÀN VỀ CHÍNH SÁCH DÂN CHỦ HÓA TOÀN CẦU CỦA HOA-KỲ

NGUYỄN QUỐC KHẢI

Ý niệm dân chủ hoá toàn cầu không phải là mới mẻ. Samuel P. Huntington cho rằng đã có ba đợt dân chủ hoá trên thế giới. Đợt thứ nhất chấm dứt vào giữa hai Thế Chiến I và II. Đợt thứ hai bắt đầu vào sau Thế Chiến II và chấm dứt vào đầu thập niên 1960. Đợt dân chủ hóa thứ ba bắt đầu từ 1974 cho đến nay. [1] Vào năm 2001 Paula Dobriansky, cựu Phụ Tá Bộ Trưởng Ngoại Giao Hoa-Kỳ, khi thảo luận về chính sách ngoại giao đã viết "Phát triển dân chủ và nhân quyền là cách đối phó chính yếu của chúng ta đối với nạn khủng bố trong dài hạn." [2] Vào năm 2002 Larry Diamond nghiên cứu về hiện tượng dân chủ hoá toàn cầu sau khi khối Cộng Sản sụp đổ. [3]

Bài phân tích này bàn về chính sách dân chủ hoá toàn cầu của Hoa-Kỳ và sẽ cố gắng trả lời một số câu hỏi sau đây: Dân chủ trở thành một yếu tố căn bản trong chính sách ngoại giao của Hoa-Kỳ bắt đầu từ bao giờ? Chính sách dân chủ hoá toàn cầu hiện nay Hoa-Kỳ đang theo đuổi có những đặc điểm gì, thực hiện ra sao, đã đạt được thành quả nào và chính sách này đối với trường hợp Việt-Nam ra sao ?

Chính sách dân chủ hoá toàn cầu bắt đầu từ bao giờ?

Trong buổi lễ nhậm chức nhiệm kỳ II vào ngày 20 tháng Giêng năm 2005, Tổng Thống Hoa-Kỳ George W. Bush long trọng tuyên bố rằng:

"Sự tồn tại của tự do trên quê hương của chúng ta phụ thuộc vào sự thành công của tự do tại các lãnh thổ khác. Hi vọng tốt nhất cho nền hòa bình của thế giới là sự bành trướng của tự do trên toàn thế giới... Do đó chính sách của Hoa-Kỳ là tìm cách hỗ trợ sự phát triển của các phong trào và cơ cấu dân chủ tại mọi quốc gia và nền văn hóa, với một mục tiêu tối hậu là chấm dứt độc tài trên thế giới của chúng ta." [4]

Bài diễn văn của Tổng Thống George W. Bush được mệnh danh là bài diễn văn tự do (freedom speech) đã long trọng đánh dấu một khúc quanh trong chiến lược của Hoa-Kỳ là đẩy mạnh hơn chính sách dân chủ hóa toàn cầu. Hành động này của Hoa-Kỳ trước hết đáp ứng nhu cầu thực tiễn cần giải thích sự can thiệp của Hoa-Kỳ đã hơn một năm vào Iraq. Nhưng đây chỉ là sự thúc đẩy mới của một chính sách đã được khởi sự vào năm 2003, trong đó dân chủ trở thành một yếu tố quan trọng thứ ba trong chính sách ngoại giao toàn diện của Hoa-Kỳ, bổ túc cho hai yếu tố căn bản đã được thâu nhận là nhân quyền và tự do tôn giáo. Bộ Ngoại Giao Hoa-Kỳ khởi sự công bố phúc trình hàng năm về tình trạng nhân quyền trên thế giới vào năm 1974. Đến năm 1998, Hoa-Kỳ ban hành thêm Luật Tự Do Tôn Giáo Quốc Tế.

Chính sách dân chủ hoá toàn cầu có những đặc điểm gì?

Trong bài diễn văn nhậm chức nhiệm kỳ II, Tổng Thống Bush cam kết:

"Tất cả những ai đang phải sống trong áp bức và tuyệt vọng có thể biết rằng Hoa Kỳ sẽ không làm ngơ trước tình trạng bị áp bức của quý vị, hoặc sẽ không tha thứ những kẻ đàn áp quý vị. Khi quý vị đứng lên đòi tự do, chúng tôi sẽ ủng hộ quý vị."

Ông Bush nói tiếp:

"Những nhà dân chủ bị bắt bớ, đàn áp, tù đầy hoặc phải đi lánh nạn, quý vị có thể biết rằng Hoa-Kỳ nhận biết quý vị là những nhà lãnh đạo tương lai của đất nước tự do của quý vị."

Mới đây nhân dịp tiếp xúc với cộng đồng người Việt tại vùng Hoa-Thịnh-Đốn Đại Sứ Hoa-Kỳ tại Việt-Nam Michael W. Marine cam kết rằng những lời nói trên của Tổng Thống Bush không phải là những lời tuyên bố rỗng tuếch. Trái lại đó là những cam kết đứng đắn được bảo đảm bằng những chương trình hành động của chính phủ Hoa-Kỳ.

Hỗ trợ dân chủ không những phổ biến các giá trị căn bản của Hoa-Kỳ và các nước Tây phương như tôn trọng nhân quyền và tự do tôn giáo, mà còn là ước vọng của tất cả các dân tộc trên thế giới. Hỗ trợ dân chủ giúp xây dựng một thế giới

an toàn, ổn định và phồn thịnh hơn. Điều này hoàn toàn phù hợp với quyền lợi của các quốc gia trên thế giới. Lý do đưa đến kết luận này là những quốc gia dân chủ thông thường có khuynh hướng yêu chuộng hòa bình, chống cực đoan, chống xâm lăng, chú trọng đến các vấn đề an sinh, phát triển kinh tế và bành trướng ngoại thương, chống khủng bố và tội ác, bảo vệ nhân quyền và luật lao động, hợp tác quốc tế, v.v.

Chính sách dân chủ hoá toàn cầu được thực hiện ra làm sao?

Trong buổi lễ nhậm chức nhiệm kỳ II, Tổng Thống Bush tuyên bố: "Đây không chủ yếu là một tác vụ quân sự, mặc dù chúng ta sẽ bảo vệ chúng ta và đồng minh bằng võ lực khi cần. Theo bản chất tự nhiên, tự do phải được lựa chọn và bảo vệ bởi công dân, gìn giữ bởi luật pháp và che chở những nhóm thiểu số."

Ông Bush nói tiếp: "Hoa-Kỳ sẽ không áp đặt hình thức chính phủ của chính chúng ta lên trên những ai không muốn. Ngược lại, mục đích của chúng ta là giúp các dân tộc khác nói lên tiếng nói của chính họ, đạt được tự do của chính họ và đi theo con đường chính họ lựa chọn." Tuy nhiên ông Bush khẳng định rằng "Sự thành công trong mối bang giao của chúng ta [với các chính quyền khác] sẽ đòi hỏi sự đối xử tử tế của họ đối với công dân của chính họ."

Bộ Trưởng Ngoại Giao Hoa-Kỳ Condoleezza Rice mới đây tuyên bố tại Cairo, thủ đô của Ai Cập "Có người cho rằng dân chủ đang được áp đặt. Sự thực trái ngược. Dân chủ không bao giờ áp đặt. Chính độc tài mới áp đặt. Dân chúng tự do chọn lựa dân chủ. Những cải tổ thành công là nhờ phát xuất từ ý muốn của người dân. Hãy nhìn thế giới xung quanh chúng ta ngày nay. Lần đầu tiên trong lịch sử, số người sống trong chế độ dân chủ lớn hơn tất cả so với những hình thức chính phủ khác. Đây là kết quả của một sự lựa chọn, không phải do cưỡng bức." [5]

Qua những lời tuyên bố kể trên của Tổng Thống Bush và Ngoại Trưởng Rice người ta thấy rõ rằng Hoa-Kỳ sẽ xử dụng ngoại giao như một phương tiện chính yếu để thúc đẩy chính sách dân chủ hoá toàn cầu và một cách gián tiếp để chống lại nạn khủng bố trên thế giới. Ông Bush thừa nhận rằng mục đích tiêu diệt chế độ độc tài là việc làm của nhiều thế hệ. Tuy ảnh hưởng của Hoa-Kỳ không phải là vô giới hạn, nhưng rất may cho những dân tộc bị áp bức, ảnh hưởng này rất đáng kể.

Ngoài ra Hoa-Kỳ còn dùng những phương tiện truyền thông, kinh tế, tài chánh và kỹ thuật để thi hành chính sách dân chủ hóa toàn cầu qua việc giao dịch với các chính phủ, tổ chức tư nhân, và các cơ quan quốc tế như Ngân Hàng Thế Giới và Quỹ Tiền Tệ Quốc Tế. Trong việc thực hiện chương trình dân chủ hóa toàn cầu Bộ Ngoại Giao Hoa-Kỳ chú trọng vào một số lãnh vực rộng lớn như phát triển chế độ pháp trị (rule of law) và nhân quyền, bầu cử minh bạch và công bằng đi song song với tiến trình chính trị cạnh tranh, môi trường truyền thông tự do và mở rộng, xã hội dân sự mạnh, tham gia của công dân vào chính phủ và các cơ quan công quyền làm việc hiệu quả, có trách nhiệm, và đáp ứng nhiệt tình. Việc ấn định thời gian và lựa chọn những phương tiện để thi hành chính sách dân chủ hóa tùy thuộc hoàn cảnh của những nước liên hệ.

Trong buổi hội thảo của Nhóm Làm Việc Về Tự Do Tôn Giáo tại Quốc Hội Hoa-Kỳ (U.S. Congressional Working Group on Religious Liberty) vào ngày 29.6.2005 dưới sự chủ tọa của TNS Lindsey O. Graham (Cộng Hòa, South Carolina), ông Michael G. Kozak, Giám Đốc đặc trách về Dân Chủ, Nhân quyền và các Cơ Quan Quốc Tế của Hội Đồng An Ninh Quốc Gia thừa nhận rằng có sự bất nhất không tránh được trong chính sách dân chủ hoá của Hoa-Kỳ. Bằng cớ là trong khi Ngoại Trưởng Condoleezza Rice viếng thăm Trung Đông chỉ trích các chế độ độc tài như ở Syria và Iran và kêu gọi những nước đồng minh Hồi Giáo như Ai Cập, Saudi Arabia, và Jordan cải tổ chính trị, chính phủ Hoa-Kỳ đã mời ông Phan Văn Khải, một nhà độc tài CSVN, vào thăm Toà Bạch Cung. Ô. Kozak cho biết rằng Hoa-Kỳ không chủ trương tiêu chuẩn phân biệt. Mục tiêu dân chủ hoá của Hoa-Kỳ không thay đổi, nhưng có một số yếu tố thực tế chi phối cách thức thi hành chính sách đó là kinh tế, an ninh, quân sự, và địa dư. Ảnh hưởng của Hoa-Kỳ đối với mỗi nước mỗi khác. Do đó cách thức Hoa-Kỳ đối phó với mỗi nước cũng khác. Một thí dụ là Trung Quốc có tiền còn Cuba thì không. Do đó Hoa-Kỳ có quan hệ ngoại giao khác nhau đối với hai quốc gia này.

Hoa-Kỳ chủ trương hợp tác với những chính phủ để cải thiện tình trạng nhân quyền và dân chủ tại các quốc gia này. Đối với những chính quyền thiếu hợp tác, Hoa-Kỳ sẽ phải cố gắng nhiều hơn, tìm cách liên kết vấn đề dân chủ với

những lãnh vực khác mà những chính quyền này mong muốn. Trong nhiều năm qua Hoa-Kỳ chủ trương chỉ làm việc với các thế lực đang cầm quyền, dù dân chủ hay độc tài. Một thay đổi lớn lao mới đây trong chính sách đối ngoại này là Hoa-Kỳ ngày nay chủ trương hợp tác trực tiếp với những cá nhân và tổ chức ngoài chính quyền như các đảng đối lập, cơ quan truyền thông độc lập, các cơ quan phi chính phủ. Hoa-Kỳ trợ giúp các cá nhân và các tổ chức nào đang cố gắng tìm cách cải thiện tình trạng nhân quyền và dân chủ ở trong nước của họ một cách hòa bình.

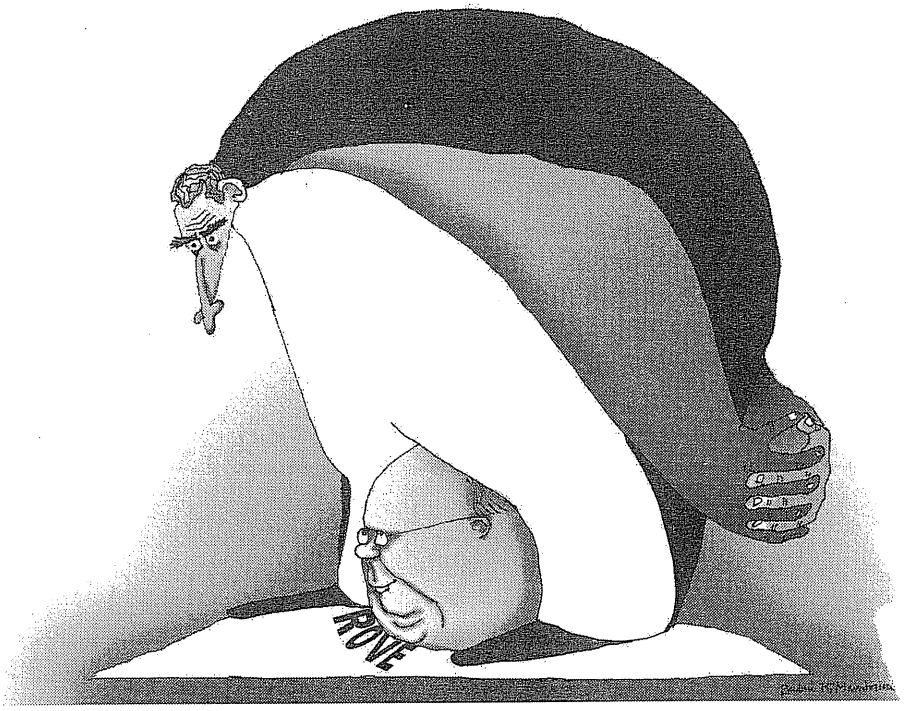

Bộ Ngoại Giao Hoa Kỳ đã thành lập một Quỹ Nhân Quyền và Dân Chủ (Human Rights and Democracy Fund) để trang trải chi phí về việc theo dõi và hỗ trợ nhân quyền và xây dựng xã hội dân sự tại các quốc gia và các lãnh thổ trên thế giới có tình cách quan trọng chiến lược đối với Hoa-Kỳ. Trong quá khứ nằm trong vùng chiến lược của Hoa-Kỳ gồm có Trung Hoa, Thế Giới Hồi Giáo, Phi Châu, Latin và Nam Mỹ. Những khu vực không có ưu tiên nhưng vẫn được trợ giúp là Đông Nam Á và Âu châu.

Ngân sách của quỹ này trong bốn năm qua như sau:

Tài khoá 2004/2005: $43.7 triệu.

Tài khoá 2003/2004: $36.5 triệu.

Tài khoá 2002/2003: $13.0 triệu.

Tài khoá 2001/2002: $13.4 triệu.

Trong tài khoá 2003/2004 Hoa-Kỳ đã có những chương trình tài trợ những dự án sau đây với Quỹ Nhân Quyền và Dân Chủ của Bộ Ngoại Giao:

Âu châu và Âu Á (Eurasia):

1. Phát triển chính đảng tại Uzbekistan và Cộng Hoà Kyrgyzstan.
2. Phát triển báo chí tại Kyrgyzstan.
3. Liên hiệp chống tra tấn tại Uzbekistan.
4. Bảo vệ nhân quyền tại Uzbekistan.
5. Hỗ trợ nhân quyền tại Tajikistan và Turkmennistan.
6. Phát triển hợp tác dân sự tại Trung Á.
7. Huấn luyện ký giả trẻ tại Tajikistan.
8. Huấn luyện ký giả phụ nữ tại Kyrgyzstan.
9. Bảo vệ ký giả độc lập tại Kazakhstan.
10. Huấn luyện về quyền phụ nữ và truyền thông liên vùng.
11. Phát triển quyền công dân tại Ferghana Valley.
12. Huấn luyện phương thức và tiêu chuẩn bầu cử tại Tajikistan và Kyrgyzstan.
13. Thiết lập 20 trung tâm thông tin tại Kazakhstan, Tajikistan, và Uzbekistan.

Những vùng khác (trích dẫn một phần):

1. Chương trình huấn luyện những nhà dân chủ của National Endowment for Democracy (NED).
2. Tài trợ NED về chương trình World Movement for Democracy.
3. Tài trợ các dự án nhân quyền và dân chủ nhỏ trên thế giới.
4. Hỗ trợ sáng kiến của những tổ chức phi chính phủ có liên quan đến vận động dân chủ.
5. Thiết lập mạng lưới những chính trị gia trong

Thế Giới Hồi Giáo.

Các chương trình dân chủ hoá là những đầu tư khó khăn và lâu dài. Không có một công thức nào có thể giúp người ta ấn định được thời gian có thể gặt hái được kết quả của những dự án đầu tư dân chủ. Có những trường hợp người ta không thể biết trước những gì có thể xẩy ra trong vài ba năm hay 10 năm tới. Nhưng cuối cùng Hoa-Kỳ tin tưởng rằng dân chúng sẽ dành lại quê hương của họ từ tay những kẻ độc tài. Có những chính phủ rất mạnh ở bên ngoài, hoàn toàn kiểm soát dân chúng, nhưng thường mục nát từ bên trong. Khi thay đổi xẩy ra, nó xẩy ra rất mau lẹ. Từ những biến chuyển nhỏ nhoi, bất ngờ một đột biến to lớn nổ tung. Đó là trường hợp của một số các nhà độc tài ở Mỹ châu Latin. Ông Michael G. Kozak, cựu Phụ Tá Bộ Trưởng Ngoại Giao Hoa-Kỳ đặc trách Dân Chủ, Nhân Quyền và Lao Động, nhận xét "Mọi lãnh tụ độc tài xem ra rất mạnh cho tới 10 phút chót trước khi bước lên phi cơ bay qua Miami." [6]

Ông Michael G. Kozak nói tiếp "Tôi không biết trường hợp của Miến Điện có giống như vậy không, nhưng điều tôi có thể bảo đảm là không phải chúng ta, không phải quý vị, không phải người nào khác, biết được điều gì đang xẩy ra ở trong chính quyền này và họ đoàn kết đến mức nào. Những lãnh tụ tỏ ra rất cứng rắn và rất mạnh, v.v. Nhưng chúng ta đã thấy một chính phủ rất mạnh, có tổ chức và cứng rắn tại Kyrgyzstan. Rồi một ngày họ phải đối phó với một ít người biểu tình ngồi ở trong một số công sở. Quân đội và cảnh sát mới đầu không hỗ trợ. Và quý vị không biết bao giờ chính phủ này sụp đổ." Trên thực tế Chính phủ của Tổng Thống Askar Akayev của Kyrgyzstan đã sụp đổ vào cuối tháng 3, 2005 đúng vào thời gian của cuộc họp báo của ông Đại Sứ Michael Kozak.

Lịch sử cho thấy mong ước tự do và nhân quyền của một dân tộc có thể bị chế ngự một thời gian bởi một chế độ độc đoán hay tham nhũng. "Tới một lúc quá sức chịu đựng của dân chúng, chỉ một tia lửa tự do lóe lên sẽ làm cho họ đồng loạt vùng dậy để tự định đoạt lấy tương lai và vận mệnh của mình." [7]

Chính sách dân chủ hoá toàn cầu đạt được thành quả nào?

Dân chủ hóa là một khuynh hướng đang bành trướng mạnh mẽ trên toàn cầu. Theo các sử gia Hoa-Kỳ vào năm 1974 chỉ có 30 quốc gia dân chủ. Ba mươi năm sau con số này tăng bốn lần và đến nay là 117. Đây là một hiện tượng đi ngược lại với các thập niên 1950-1970, khi mà chế độ cộng sản độc tài lan tràn trên khắp các lục địa, từ bắc xuống nam, từ đông sang tây. Trong 16 năm qua thế giới đã chứng kiến nhiều biến cố ngoạn mục. "Trào lưu dân chủ hóa bắt đầu từ năm 1989. Trước hết là từ những quốc gia vùng Baltic và Đông Âu, rồi đến Liên Bang Sô Viết, tiếp theo là sự giải phóng Afghanistan (2001) và Iraq (2003), cuộc Cách Mạng Màu Cam tại Ukraine, và cuộc Cách Mạng Hoa Hồng tại Georgia (cả hai đều xảy ra trong năm 2004)." [8]

Cuộc cách mạng dân chủ hóa mới nhất tại Kyrgyzstan đã thành tựu vào cuối tháng Ba vừa qua. Cuộc nổi dậy của dân chúng bắt nguồn từ một tấm hình đăng trên một tờ báo đối lập cho thấy một công thự đang xây cho nhà lãnh đạo độc tài của Kyrgyzstan Tổng Thống Askar Akayev. Tờ báo đối lập này được tài trợ của chính phủ Hoa-Kỳ và in tại nhà in của Freedom House. Trong vài năm qua, Hoa-Kỳ, và một vài nước Âu châu như Anh quốc, Hòa Lan, và Na Uy đã giúp đỡ những chương trình phát triển xã hội dân sự và dân chủ tại Kyrgyzstan. Sau khi Liên Xô xụp đổ, Quốc Hội Hoa-Kỳ đã thông qua đạo luật Hỗ Trợ Tự Do (Freedom Support Act) vào năm 1992 để giúp những nước cựu Cộng Hòa Sô Viết cải tổ kinh tế và dân chủ hoá. Kyrgyzstan nhận được US$12 triệu vào năm 2004. National Endowment for Democracy cũng góp phần tài trợ những dự án dân chủ. Liên Minh Các Tổ Chức Phi Chính Phủ của Kyrgyzstan cũng nhận được tài trợ của Hoa-Kỳ qua Viện Nghiên Cứu Dân Chủ Quốc Gia (NDI - National Democratic Institute). Hai chục Trung Tâm Dân Sự điều hành bởi NDI cung cấp tin tức bằng tiếng Nga, Kyrgyz và Uzbek. American University tại Kyrgyzstan tài trợ cho các sinh viên và những nhà lãnh đạo của các tổ chức phi chính phủ sang Mỹ du học hoặc tu nghiệp. Ông Kurmanbek Bakiyev, tân thủ tướng của Kyrgyzstan, là một trong những người tham gia chương trình này. [9] Những người theo dõi tình hình tại Kyrgyzstan đều đồng ý rằng những hỗ trợ của nước ngoài đã đóng góp không ít vào cuộc cách mạng dân chủ tại một quốc gia nghèo Trung Á này.

Những tiến bộ ở Trung Đông gần đây cũng nhờ vào ảnh hưởng đáng kể của Hoa-Kỳ. Trong thời gian 60 năm Hoa-Kỳ đã theo đuổi chính sách duy trì ổn định tại Trung Đông mà không chú ý

đến vấn đề dân chủ. Kết quả là Hoa-Kỳ mất hết, cả ổn định lẫn dân chủ. Ngày nay, Hoa-Kỳ chọn một con đường khác: hỗ trợ phong trào dân chủ của mọi dân tộc. [10] Hoa Kỳ ca ngợi những cải tổ về giáo dục và chính trị tại Jordan. Tại Ai Cập và Saudi Arabia những cuộc cải tổ mới bắt đầu với cuộc bầu cử ở hạ tầng với sự khuyến khích và thúc đẩy của Hoa-Kỳ. Nhân dân Palestinian vừa lựa chọn chính phủ mới do ông Mahmoud Abbas lãnh đạo trong một cuộc bầu cử tự do. Một quốc gia dân chủ mới đang thành hình với sự trợ giúp đặc biệt của Hoa-Kỳ và Ai Cập và với sự hợp tác của Do Thái.

Trong khi đó Hoa-Kỳ tiếp tục lên tiếng chỉ trích chính sách độc tài tại Iran và Syria. Dưới áp lực quốc tế, quân đội của Syria đã rút khỏi Lebanon và quốc gia này bắt đầu dành lại độc lập và sẽ theo thể chế dân chủ. Về trường hợp Iraq, Hoa-Kỳ đã giúp tổ chức được cuộc bầu cử quốc hội và thành lập được một Hội Đồng Cố Vấn Của Tổng Thống (Presidential Council) và một chính phủ với một vị thủ tướng lâm thời. Hiến pháp mới đang được soạn thảo. Hiện nay Iraq còn ở trong tình trạng rối loạn và còn quá sớm để kết luận là tiến trình dân chủ hoá ở Iraq sẽ thành công hay không.

Chính sách dân chủ hoá toàn cầu và trường hợp Việt-Nam

Ông Michael G. Kozak lúc còn xử lý Phụ Tá Bộ Trưởng Ngoại Giao Hoa-Kỳ đặc trách Dân Chủ, Nhân Quyền và Lao Động nhận định rằng Việt-Nam đạt được tiến bộ trong việc mở cửa về kinh tế trong vài thập niên vừa qua. Điều này có ảnh hưởng một phần đến quyền tự do cá nhân. Nhưng không có tác dụng gì đến quyền dân sự và chính trị. Việt-Nam bị xếp vào danh sách những nước đáng quan tâm vào năm 2004 vì vi phạm quyền tự do tín ngưỡng nghiêm trọng. Hoa-Kỳ và Việt-Nam tiếp cận với nhau khá nhiều. Nhưng đáng buồn là Việt-Nam chỉ mới thực hiện một vài thay đổi nhỏ nhoi. Đây là một khu vực trên thế giới khó chuyển động. [11]

Theo phúc trình của Bộ Ngoại Giao Hoa-Kỳ về Nhân Quyền và Dân Chủ 2004-2005, Hoa-Kỳ duy trì liên lạc mật thiết với những nhà tranh đấu chính trị và những nhóm tôn giáo ở Việt-Nam để nhận biết những vi phạm và khuyến khích những cố gắng cải thiện. Trong năm nay Đại Sứ Hoa-Kỳ tại Hà-Nội Michael W. Marine đã hai lần tiếp xúc với cộng đồng Việt-Nam vào tháng Ba tại San Francisco và tháng Năm tại Washington, DC. Các cơ quan truyền thông Việt-Nam khắp thế giới mới đây cũng đã loan tin và hình ảnh về một số các nhà dân chủ ở trong nước đã tham dự buổi tiếp tân của Toà Lãnh Sự Mỹ tại Sài Gòn nhân dịp Lễ Độc Lập của Hoa-Kỳ với sự hiện diện của nhiều giới chức ngoại giao quốc tế.

Mặt khác Hoa-Kỳ duy trì áp lực và tiếp xúc ngoại giao liên tục với các viên chức Việt-Nam về vấn đề nhân quyền. Vì nhận thấy không có tiến bộ đáng kể về nhân quyền, Hoa-Kỳ một lần nữa từ chối không tham dự buổi họp chính thức để thảo luận về vấn đề này trong năm 2004. Tuy nhiên Hoa-Kỳ vẫn tiến hành một số chương trình liên quan đến vấn đề dân chủ hoá, chính thức qua chính phủ Hà-Nội, bao gồm một chương trình bốn năm giúp cải tổ luật pháp, tài trợ ký giả và thẩm phán Việt-Nam tham dự chương trình "Cuộc Bầu Cử ở Hoa-Kỳ 2004" và "Thực Thi Luật Pháp Và Phát Triển Cộng Đồng." [12]

Sự trợ giúp trực tiếp của Hoa-Kỳ trong chương trình dân chủ hóa cho các tổ chức tư nhân ở trong nước chưa thực hiện được vì không có một tổ chức tư nhân nào được nhà nước cho phép hoạt động. Ông John Knaus, chuyên viên thuộc chương trình Á châu của NED viếng thăm Việt-Nam trong năm 2004 đã cho biết như trên. Đây là một cái vòng luẩn quẩn. Các tổ chức tư nhân độc lập không thành lập được chính yếu vì bị cấm đoán, nhưng một phần cũng vì thiếu phương tiện. Các tổ chức của người Việt ở hải ngoại đóng một vai trò quan trọng trong giai đoạn nà Trợ giúp của họ cho các nhà dân chủ trong nướ sẽ phá vỡ cái vòng luẩn quẩn kể trên, để cho trong giai đoạn kế tiếp một phần tiền thuế của họ đóng cho chính phủ liên bang Hoa-Kỳ cần phải được dành cho các chương trình tại Việt-Nam. Hiện nay chỉ có một tổ chức duy nhất của người Việt ở hải ngoại có chương trình liên hệ đến Việt-Nam được trợ giúp giới hạn của Hoa-Kỳ là Ủy Ban Nhân Quyền Việt-Nam (Vietnam Committee on Human Rights). Một số tổ chức khác hoạt động tích cực như Montagnard Foundation, Committee for Religious Freedom in Vietnam và Vietnam Human Rights Network, v.v. chưa nhận một trợ giúp nào của chính phủ liên bang Hoa-Kỳ. Tình trạng này sẽ thay đổi nếu Dự Luật Nhân Quyền Việt-Nam được Quốc Hội Hoa-Kỳ thông qua. Theo dự luật này, Quốc Hội Hoa-Kỳ sẽ dành một ngân khoản riêng cho các

chương trình dân chủ và nhân quyền tại Việt-Nam.

Kết luận

Phong trào dân chủ trên thế giới có những giai đoạn thoái hóa như sau Thế Chiến I và vào đầu thập niên 1960, trước làn sóng độc tài phát xít và cộng sản. Nhưng trong 30 năm nay phong trào dân chủ trên thế giới phát triển mạnh trở lại. Dân chủ là hình thức chính quyền thích hợp đối với nhân loại bởi vì con người bình đẳng với nhau. Nhiều nghiên cứu đã chứng minh rằng dân chủ giúp cho sự phát triển kinh tế, chống tham nhũng và bất công xã hội một cách có hiệu quả. "Không bao giờ có một nạn đói nào đáng kể xẩy ra ở một nước độc lập, dân chủ và có tự do báo chí". [13] Nhân loại đã chứng kiến nhiều nạn đói khủng khiếp, nhưng hầu hết xẩy ra dưới những chế độ độc tài. Dân chủ toàn cầu giúp các quốc gia giải quyết được những khác biệt và xung khắc một cách hòa bình.

Ngay sau khi Tổng Thống Bush long trọng đưa chính sách dân chủ hoá toàn cầu lên hàng quốc sách vào đầu năm 2005, ngoài những nước độc tài, một số quốc gia đồng minh của Hoa-Kỳ cũng lên tiếng phản đối vì cho rằng chính sách này vi phạm vào nội bộ của các nước hoặc không chấp nhận vai trò "dậy dỗ" của Hoa-Kỳ. Tuy nhiên các nhà dân chủ tại các quốc gia bị các chế độ độc tài áp bức rất phấn khởi. Sự hỗ trợ tinh thần và vật chất của thế giới dân chủ tự do rất cần thiết cho cuộc tranh đấu hết sức cam go trong những nhà tù không luật pháp. Đến nay đã nửa năm, Hoa-Kỳ chứng tỏ đã quyết tâm thi hành chính sách này một cách đứng đắn. Những thành quả đầu tiên hết sức là khích lệ.

Sau Thế Chiến Thứ II, Hoa-Kỳ đã tiên phong áp lực các nước Tây phương trả độc lập cho hầu hết những nước bị thực dân cai trị: từ Ấn Độ, Miến Điện, xuống đến Nam Dương ở Á châu, sang tới các nước ở Trung Đông, Phi châu, và Trung Mỹ. Thế kỷ 21 đang mở một trang sử mới cho nhân loại. Tổng Thống Bush sẽ được ghi nhớ là một chiến sĩ dân chủ tiên phong của thế giới và Hoa-Kỳ sẽ là một quốc gia anh hùng đi giải phóng các dân tộc bị đô hộ bởi chính đồng loại của họ thoát khỏi một thứ thực dân mới: thực dân nội hoá (autocolonization). [14]

08.07.2005

Chú thích:

[1] Samuel P. Huntington, "The Third Wave: Democratization in the Late Twentieth Century," *University of Oklahoma Press, 1991.*

[2] Paula Dobriansky, "Democracy Building Efforts: Continuing Imperative for U.S. policy," *in "Sustaining Global Democratization: Priority Task Now More than Ever," Institute for the Study of Diplomacy, Georgetown University, ISD Report, January 2002.*

[3] Larry Diamond, "Assesing Global Democratization a Decade After the Communist Collapse," *Bucharest: May 6, 2002.*

[4] George W. Bush, "President George W. Bush's Second Inaugural Speech," *White House, January 20, 2005.*

[5] Condoleezza Rice, "Remarks at the American University in Cairo," *Cairo, Egypt, June 20, 2005.*

[6] Michael Kozak, "On the Record Briefing on the Release of Supporting Human Rights and Democracy — The U.S. Record 2004-2005," U.S. Department of State, Washington, DC: March 28, 2005.

[7] Condoleezza Rice, "Remarks on the Release of 'Supporting Human Rights and Democracy: the U.S. Records 2004-2005," *U.S. Department of State, Washington DC: March 28, 2005.*

[8] Những Người Việt Yêu Chuộng Dân Chủ, "Thư Ngỏ Gửi Tổng Thống Hoa-Kỳ George W. Bush" *Hoa Thịnh Đốn, 21.06.2005.*

[9] Craig S. Smith, "U.S. Helped to Prepare the Way for Kyrgyzstan's Uprising," *New York Times, March 20, 2005.*

[10] Condoleezza Rice, "Remarks at the American University in Cairo," *Cairo, Egypt, June 20, 2005.*

[11] Michael Kozak, "On the Record Briefing on the Release of Supporting Human Rights and Democracy — The U.S. Record 2004-2005," *U.S. Department of State, Washington, DC: March 28, 2005.*

[12] Bureau of Democracy, Human Rights and Labor, "On the Record Briefing on the Release of Supporting Human Rights and Democracy — The U.S. Record 2004-2005," *U.S. Department of State, Washington, DC: March 28, 2005.*

[13] Amartya Sen and Amartya K. Sen, "Poverty and Famines — an Essay on Entitlement and Deprivation" *Oxford University Press, London, 1983.*

[14] Trích trong "Cung đình Hà Nội bước vào mùa hè nóng bỏng: Đâu là lối thoát?" *của nhà báo Bùi Tín: Nhà báo Pháp Jean Lacouture rất am hiểu Việt-Nam suốt 60 năm nay, mới đây đã nhận định rằng tai họa giáng xuống đầu dân tộc ta - chiến tranh, chia rẽ, tàn phá, lạc hậu - chỉ vì đảng CSVN đã thực hiện một chế độ thực dân đối với dân mình, còn tệ hơn thời thuộc địa Pháp! Lacouture đã sáng tạo ra chữ "autocolonisation" để chỉ hiện tượng này, nghĩa là chế độ thực dân thực hiện bởi chính những đồng bào của mình.*

THẾ-GIỚI THẾ-KỶ 21 ĐI VỀ ĐÂU
NHIỆM-KỲ BUSH II: NỬA NĂM THỬ-THÁCH

CỔ LŨY

Trong loạt bài về chính-sách ngoại giao và nội-trị cũng như khuynh-hướng ngả hẳn về bảo-thủ của chính-quyền George W. Bush trong nhiệm-kỳ thứ nhì (đăng liên-tiếp trên Thế-Kỷ 21 từ đầu năm 2005) chúng tôi có nhắc đến giây liên-hệ chặt-chẽ giữa chính-sách đối nội và đối-ngoại của các chính-quyền Mỹ, kể cả chính-quyền Bush hiện nay.

Hơn nửa năm đầu —thường là thời-điểm quá sớm để có những nhận-xét chính-xác—vào nhiệm-kỳ Bush II những nhà nghiên-cứu chính-trị kinh-nghiệm đã thấy giây liên-hệ này phát-triển rõ-rệt hơn, và mức liên-hệ còn nhanh hơn so với những chính-quyền đi trước. Lý-do một phần cũng vì cuộc chiến ráo-riết "chống khủng-bố" toàn-cầu (ngoại-giao) và nỗ-lực sửa-đổi lớn-lao trong nước (nội-trị) đẩy mạnh bởi chính-quyền. Cả hai đều gặp nhiều trở-ngại khó vượt qua.

Với những khó-khăn trì-trệ trong nước chính-quyền thường có khuynh-hướng hoạt-động mạnh về phía đối- ngoại tương-đối có ít yếu-tố chi-phối hơn là những yếu-tố ảnh-hưởng trực-tiếp đến đời sống và cận-kề với suy-nghĩ của người trong nước.

Nhưng về mặt đối-ngoại nửa năm đầu, chính-quyền Bush phải đương-đầu với những bất-trắc mỗi ngày một lớn cả mặt quân-sự lẫn chính-trị tại hai mặt-trận Iraq và Afghanistan cũng như thùng thuốc nổ "Trung-Đông." Giữa hội-nghị thượng-đỉnh G-8 tại Anh đầu tháng Bẩy, vụ nổ bom ngay tại thủ-đô nước Anh, một đồng-minh gắn-bó với "cuộc chiến chống khủng-bố" của chính-quyền, xảy đến như một nhắc-nhở tiêu-cực.

Giữa tháng Bẩy, xì-căng-đan liên-hệ trực-tiếp đến hai cố-vấn thân-cận và ảnh-hưởng nhất của tổng-thống Bush và phó tổng-thống Dick Cheney bùng ra giữa những cơn gió đang tập-hợp thành bão-tố trong nước, báo hiệu nhiều thay-đổi lớn sắp tới cả trong lẫn ngoài nước.

Bài sau đây dựa theo những phân-tích về nửa năm đầu của ký-giả Edwin Chen thuộc tờ Los Angeles Times, những sự-kiện trình- bầy bởi ông Michael Smith thuộc tờ Sunday Times of London, cùng nhận-xét của nhiều học-giả, chuyên-viên thẩm-quyền.

CỔ-LŨY

Trong tháng Năm, Sáu và đầu tháng Bẩy vừa qua, nhiều dấu hiệu rõ rệt từ tòa Nhà Trắng (White House) cho thấy những bận tâm về nội trị của chính quyền Bush nhiệm kỳ II đã chuyển vận các hoạt động tới tấp về mặt ngoại giao. Giữa tháng Bẩy một xì-căng-đan lớn liên quan đến hai cố vấn cao cấp và quyền thế, Carl Rove của ông Bush và Libby Lewis của phó tổng thống Dick Cheney, như làm nhòe thêm lằn ngang phân biệt nội trị và ngoại giao.

Tháng Năm và Sáu, tổng thống Bush đã bận rộn liên tục với các nhân vật và vấn đề quốc tế: từ cuộc nói chuyện bằng điện thoại giữa ông Bush với tổng thống Mikheil Saakashvili (cộng-hòa Georgia, nguyên thuộc đế quốc Nga Xô-viết trước thập niên 1990) vào buổi sáng sớm, ăn trưa với tổng thống Mahmoud Abbas (Chủ quyền Palestine, Palestinian Authority), ăn tối với thủ tướng Anh Tony Blair, cho tới họp mặt chung với năm tổng thống châu Phi, rồi với sáu lãnh tụ Mỹ-châu La-tinh, và rồi sau thủ tướng Việt-Nam Phan Văn Khải ông đón tiếp thủ tướng Đức Gerhard Schroeder. Đầu tháng Bẩy, sau khi ghé qua Đan-Mạch (Denmark, Bắc-Âu), nơi ông mừng sinh nhật năm-mươi-chín tuổi, tổng thống vội bay qua Edinburgh, Tô-Cách-Lan (Scotland, phần bắc nước Anh) để dự hội nghị thượng đỉnh tám nước giầu nhất thế giới (G-8). Tổng cộng trong vòng mười tuần lễ ông đã gặp gỡ hay liên lạc bằng điện thoại với hơn năm-mươi nguyên thủ quốc gia. Ít nhất ông còn hai chuyến xuất ngoại đã chính thức dự trù năm nay; trong khi tiếp ông Phan Văn Khải tổng thống lại cho biết ông sẽ sang thăm Việt-Nam năm tới. Đó là chưa kể cuối tháng Sáu, tổng thống đón tiếp thủ tướng Iraq; vài tiếng sau

đó tòa Nhà Trắng cho biết hai thủ tướng Kuwait và Úc sẽ lần lượt đến Hoa-Kỳ trong tháng Bẩy. Vụ nổ bom khủng bố ở thủ đô Anh Luân-Đôn (London) trong thời gian và gần nơi họp thượng đỉnh G-8 sẽ đưa đến nhiều cơ hội cho tổng thống xuất hiện trên trường quốc tế —và chắc chắn sẽ nổi bật hình ảnh trong nước có lợi cho tổng thống, lấy lại phần nào ủng hộ của dân chúng mỗi ngày một xuống thấp.

I. MỘT THẾ-CỜ QUEN-THUỘC: MỘT CHỌN-LỰA KHÁC-THƯỜNG

Với những yếu tố chính trong nghị trình nội trị bị ngăn trở và mức ủng hộ của dân chúng đi xuống đều đặn trong nửa năm đầu nhiệm kỳ hai tổng thống Bush vội nắm lấy thế cờ quen thuộc mà những tổng thống trước ông thường dùng, nhất là những tổng thống hai nhiệm kỳ như ông: Ông càng ngày càng bỏ nhiều thì giờ và năng lực vào những vấn đề ngoại giao, rõ rệt nhất là việc đón tiếp, liên hệ có tính cách phô trương bề ngoài với các nguyên thủ quốc gia khắp thế giới.

Một lý do hiển nhiên là các tổng thống Mỹ nhiệm kỳ hai thường gặp rất nhiều khó khăn về mặt nội trị, nhất là phải đương đầu với các nhà lập pháp dân cử thuộc cả hai đảng chính —những vị này vốn bận tâm nhiều với các bầu cử và tái cử sắp tới (năm 2006 cho nhiều nghị sĩ và dân biểu, cũng như ứng cử viên dự định ra tranh cử tổng thống năm 2008, phải cật lực sửa soạn "lấy điểm" và lấy tiền nhanh chóng từ các nguồn ủng hộ —"interest group"), hơn là hỗ trợ "di sản" chính trị (legacy) của tổng thống đương nhiệm nhưng sắp "về vườn" (lame duck, không còn mấy ảnh hưởng, quyền lực lâu dài vì không thể làm tổng thống thêm nữa). Những nhà lập pháp dân cử đều hiểu rằng dân chúng đi bầu vì những bận tâm ngay trước mắt như công ăn việc làm, y tế, giáo dục, vân vân (những bận tâm về nội trị —domestic issues) thay vì các vấn đề thuộc chính sách ngoại giao (foreign policy). Một số nhà nghiên cứu, học giả chuyên môn hiểu rằng đại đa số dân chúng Mỹ không biết và không để ý đến chuyện ngoài nước; họ cũng không ngạc nhiên khi thấy giai cấp ưu quyền về ngoại giao rất nhỏ, "foreign policy elite" nắm mọi quyết định chính sách ngoại giao Mỹ từ hậu bán thế kỷ 20 (hầu như luôn luôn đếm không quá vài nghìn người, bao gồm các nhân vật cao cấp trong chính quyền, giới tài phiệt, kỹ thương, giới trí thức, chuyên viên đại học và truyền thông; tuy không nói ra bốn giới sau này có đa số là người gốc Do-Thái).

Như thế không có gì lạ rằng các tổng thống hai nhiệm kỳ thường có khuynh hướng chú tâm vào chính sách ngoại giao khi gặp khó khăn về nội trị. Theo ông Richard Haass, chủ tịch Hội-đồng Bang-giao Quốc-tế, một viện nghiên cứu tư chuyên về chính sách ngoại giao Mỹ, "Rõ rệt là thường các tổng thống [hành pháp] có nhiều quyền hạn về mặt ngoại giao hơn là quốc hội [lập pháp]; lập pháp thường không phải là yếu tố quan trọng trong chính sách đối ngoại." Giáo sư Lawrence Jacobs, một sử gia chuyên về các tổng thống Mỹ thuộc viện nghiên cứu Humphrey Institute trong viện đại học Minnesota, nói trường hợp ông Bush cho thấy, "Tổng thống nhận ra rằng những gì ông muốn thực hiện trong nước là mối nhức óc hơn hết —đây là lý do chính làm ông thao thức hàng đêm."

Dù các tổng thống nhiệm kỳ hai thường thay đổi chú mục từ nội trị qua ngoại giao, những sử gia chuyên về các tổng thống Mỹ, chuyên viên ngoại giao và các nhà phân tích chính trị đều nhìn thấy điểm rõ rệt trong trường hợp ông Bush: vị tổng thống thứ bốn-mươi-ba trong lịch sử Mỹ đã chuyển chú mục từ nội trị sang ngoại giao trong một thời gian kỷ lục so với các tổng thống trước ông.

"Ngoại giao trở thành một nơi trú ẩn an toàn cho mọi tổng thống nhiệm kỳ hai —như đi ngược chiều với quyền lực mỗi ngày một bấp bênh hơn với thời gian tại chức ngắn bớt lại," theo giáo sư David Gergen thuộc viện đại học Harvard, một cố vấn cho nhiều tổng thống thuộc cả hai đảng chính trước đây. "Điều đáng ngạc nhiên là tổng thống Bush đã thay đổi chú mục từ nội trị sang ngoại giao rất nhanh —chỉ trong vòng nửa năm đầu nhiệm kỳ hai. Trong khi thường các tổng thống khác đợi đến qua một năm rưỡi mới thay đổi [một thời gian cần thiết để có một số thành tích khả dĩ mang lại lợi điểm cho mình và đảng đang cầm quyền], trước kỳ bầu cử quan trọng sau hai năm đầu của nhiệm kỳ hai. Cơ hội cho tổng thống [thực hiện các mục tiêu trong nước] như khép lại rất nhanh chóng."

II. NHỮNG YẾU-TỐ BÊN NGOÀI VÀ BÊN TRONG

Tổng thống Bush quả thực phải đối đầu với nhiều vấn đề nội trị khó khăn, và có thể phải quay sang chính sách ngoại giao như một lối gây "hỏa mù" thông lệ. Một số những mục tiêu nội trị

ưu tiên ông ấp ủ cho nhiệm kỳ hai, như tư hóa (privatization) hệ thống an sinh xã hội (social security) cồng kềnh và đầy bấp bênh, sửa đổi hệ thống thuế khóa, chính sách nhiên liệu và các bổ nhiệm quan trọng cần thỏa thuận của lập pháp —tất cả đều gặp nhiều nghi ngại và ngay cả phản kháng từ phía giới dân cử từ Cộng-hòa đến Dân-chủ, và từ những nhóm quyền lực phe phái (interest groups) cả tiến bộ lẫn bảo thủ (liberal, tả, và conservative, hữu).

tâm lớn lao và đòi hỏi nhiều thời giờ cũng như chú tâm của chính quyền Bush. Theo ông Richard Haass nói trên, một viên chức ngoại giao cao cấp trước 2003, "Thế giới bây giờ đưa ra một loạt những thử thách ghê gớm cho Hoa-Kỳ. Và như thế bất cứ ai đang ở tòa Nhà Trắng cũng phải bận tâm về chính sách ngoại giao."

Cuối tháng Sáu, với thăm dò dư luận dân chúng cho thấy mức ủng hộ chiến tranh của Mỹ ở Iraq đi xuống mức thấp nhất từ trước đến nay (vì những

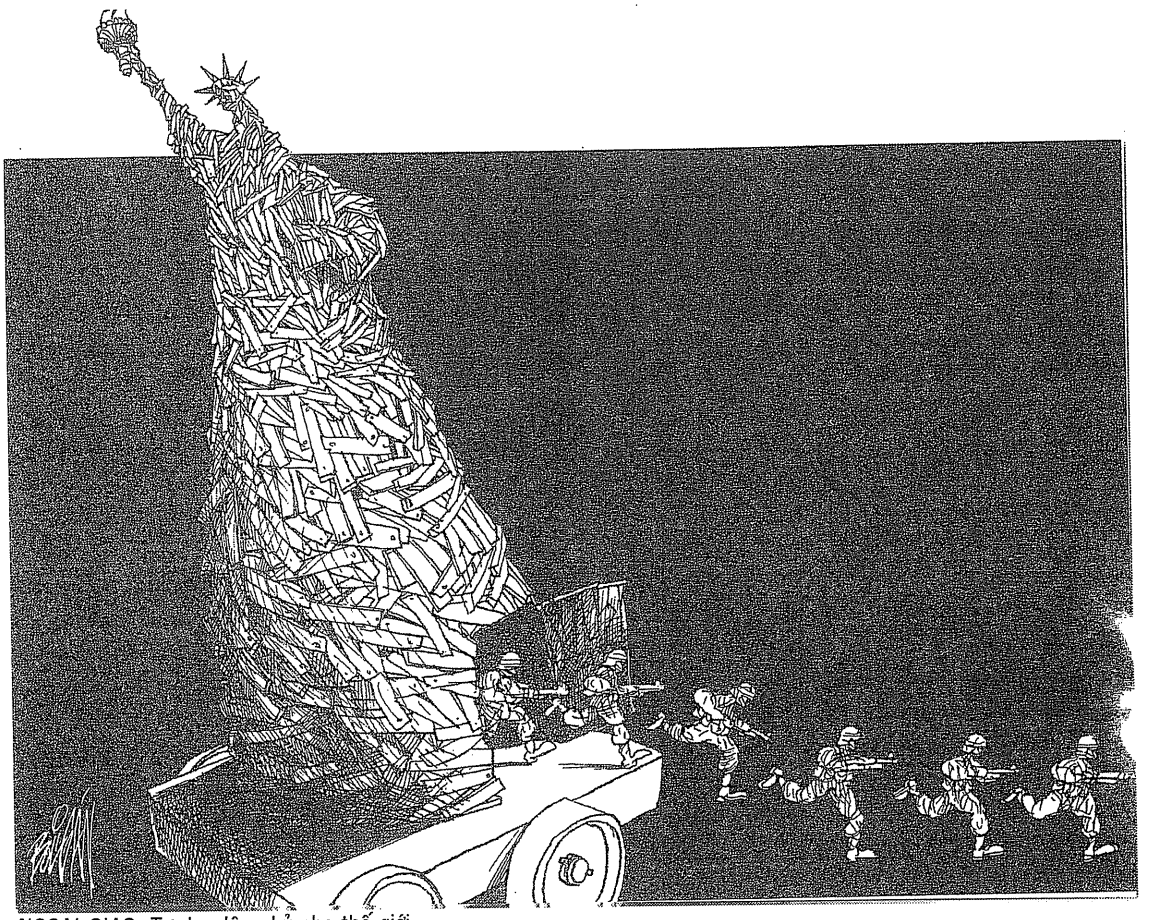

NGOẠI-GIAO: Tự-do, dân-chủ cho thế-giới

Nhưng phải công bình vô tư để thấy rằng những vấn đề ngoài nước là chuyện thực sự cần lưu ý. Những xung đột mâu thuẫn ở A-Phú-Hãn (Afghanistan) và Iraq, những nhì nhằng ì ạch liên quan đến vũ khí hạch nhân ở Bắc-Hàn, rồi việc đắc cử mới đây của một nhân vật Hồi-giáo cứng rắn ở Ba-Tư (Iran, một nước Hồi-giáo Shiite có khả năng phát triển vũ khí hạch nhân, ở ngay bên cạnh và ủng hộ chính quyền Shiite tại Iraq với khủng hoảng thường trực), đều là mối bận

"tiến bộ" hay "cải thiện" không thấy mấy, đồng thời "khủng bố" cùng những thương vong cả Mỹ lẫn Iraq mỗi lúc một lớn lao và tàn khốc hơn ở Iraq), tổng thống vội đến trung tâm huấn luyện biệt động Fort Bragg, Bắc Carolina, nơi có nhiều lính Mỹ tham chiến ở Iraq, để đọc diễn văn được truyền hình vào lúc nhiều khán giả nhất. Nhưng diễn văn phần lớn không có gì mới mẻ, chỉ nhắc lại lập luận và khẩu hiệu chống khủng bố cũ, và không gây được mấy hồ hởi với khán thính giả

—nhiều hệ thống truyền hình toàn quốc không trực tiếp "chạy" diễn văn này, chỉ gián tiếp nhắc qua sơ sài. Phiếu dư luận dân chúng của hệ thống truyền hình ABC và nhật báo *Washington Post* cho thấy gần hai-phần-ba dân chúng không hài lòng với chính sách của ông Bush ở Iraq.

Ở thời điểm hiện nay, có thể là kết luận quá sớm về triển vọng của các chính sách, biện pháp ưu tiên của chính quyền về mặt nội trị. Nhưng các nhà quan sát chính trị xác nhận mỗi ngày qua đi khả năng thực hiện các ưu tiên nội trị của tổng thống càng giảm bớt. Với rất ít người chú ý, tổng thống đã lẳng lặng dời ưu tiên cải tổ hệ thống thuế khóa sang mùa thu năm nay, có lẽ sợ rằng sẽ gặp khó khăn như các nỗ lực nội trị khác. Quốc hội với đa số Cộng-hòa mạnh mẽ cũng không chịu đi theo tổng thống cùng đảng trong các ưu tiên nội trị. Dù đã thông qua các đề nghị bảo thủ của tổng thống về hạn chế quyền khai phá sản (nói chung cho phép người khai được duy trì một số tài sản căn bản) và thưa kiện tập thể (class-action lawsuit, nói chung bất lợi cho giới chủ nhân kỹ thương) quốc hội không đi với tổng thống trong các ưu tiên khác. Hạ viện đi ngược ý muốn của tổng thống và quyết định cắt một nửa nguyên liễm Hoa-Kỳ đóng cho Liên-Hiệp-Quốc nếu tổ chức quốc tế này không làm những thay đổi có lợi [ngắn hạn] cho Hoa-Kỳ. Hạ viện cũng chống lại ý muốn hạn chế nghiên cứu tế bào bào thai (stem cell research) tổng thống đưa ra nhằm "lấy điểm" với giới tôn giáo bảo thủ nòng cốt trong kỳ bầu cử tổng thống vừa qua. Tại Thượng viện phe Dân-chủ thiểu số, nhưng nay đoàn kết nội bộ chặt chẽ, cùng vài nghị sĩ Cộng-hòa ngăn chặn ông John Bolton cực đoan vào chức đại sứ Mỹ tại LHQ, ngược hẳn ý muốn của tổng thống. Các ưu tiên tổng thống hằng ấp ủ khác cũng không qua cửa quốc hội: Hiệp-ước Tự-do Mậu-dịch với Trung Mỹ (CAFTA, Central American Free Trade Agreement), sửa đổi luật lệ di trú và luật lệ về nhiên liệu. Vượt quá tất cả những ưu tiên trên, nhiều nhân vật Cộng-hòa nòng cốt trong quốc hội vẫn không hết ác cảm và lo sợ phản ứng tiêu cực trong dân chúng về đề nghị tư hóa an sinh xã hội, nguyên tắc căn bản nhằm cải tổ hệ thống an sinh xã hội của tổng thống mà đa số dân chúng không ủng hộ. Dù vẫn cổ động và đề cao nguyên tắc tư hóa này những dịp ra mặt ủng hộ nguyên tắc này trước dân chúng mỗi ngày một thưa thớt: chín lần tổng thống xuất hiện trong tháng Hai, mười-hai lần trong tháng Ba, sáu lần trong tháng Tư, còn lại năm và bốn lần trong hai tháng Năm và Sáu vừa qua.

Giáo sư Allan Lichtman, một học giả về các tổng thống Mỹ thuộc viện đại học American University ở Hoa-Thịnh-Đốn, giải thích, "Tổng thống đang vướng vào rào cản trong chính sách nội trị. Đã vướng mắc vào đây các tổng thống nhiệm kỳ hai rất khó lấy lại ưu thế về mặt nội trị. Nếu có chăng các tổng thống nhiệm kỳ hai thường dựa vào các hoạt động liên quan đến chính sách ngoại giao [để vớt vát ưu thế]." Ông Leon Panetta, nguyên dân biểu California và đổng lý văn phòng phủ tổng thống thời ông Bill Clinton, nói: "Khó nhất là thúc đẩy quốc hội làm luật theo ý tổng thống [về mặt nội trị]." Giáo sư David Gergen nói trên tuyên bố: "Mỗi lúc một rõ hơn là di sản lịch sử lớn nhất của ông Bush ngả về mặt ngoại giao. Nhưng ngay ở mặt này vẫn chưa rõ là di sản ngoại giao của tổng thống sẽ như thế nào."

III. DI-SẢN NGOẠI-GIAO

Tổng thống Bush, cũng như các tổng thống hai nhiệm kỳ trước đây, có vẻ như đã chọn lựa — hoặc là bị đẩy đến mức phải chọn lựa— con đường ngả nhiều về các hoạt động ngoại giao. Nhưng đây không hẳn là tổng thống gặt hái được nhiều thành quả ngoại giao đáng để vào di sản chính trị cho hậu thế.

Trước hết chọn lựa ngả về ngoại giao không nằm trong nghị trình khi ông Bush ra ứng cử tổng thống lần đầu năm 2000. Giống như nhiều ứng viên và tổng thống Cộng-hòa trước đây, và cũng như đa số dân chúng Mỹ, ông không biết và cũng không để ý mấy đến chuyện liên hệ bang giao quốc tế. Ông từng chỉ trích tổng thống Bill Clinton và ứng viên tổng thống Dân-chủ Al Gore (nguyên phó tổng thống cho ông Clinton hai nhiệm kỳ) về những "phiêu lưu quốc tế" cùng phí phạm ngân quĩ quốc gia ở đâu đâu chứ không lo chuyện cần thiết trong nước. Chỉ trích nặng nhất là nỗ lực "xây dựng nước mới" đầy lý tưởng nhưng đắt giá và không mấy hiệu quả như chính quyền Clinton làm ở vùng Balkan đông và đông-nam châu Âu (nỗ lực thường gọi là "nation building" ở các nước mới độc lập tự do hoặc vừa trải qua chiến tranh hay nội chiến tương tàn —giống hệt như chính quyền Bush đang làm ở A-Phú-Hãn và Iraq hơn ba năm nay).

Trước đây giới truyền thông vẫn thường lấy ông Bush làm đề tài giễu cợt vì ông ra ứng cử tổng thống siêu cường độc nhất trên thế giới mà

rất lơ mơ về địa dư quốc tế và tên tuổi các vị nguyên thủ quốc gia khá quen thuộc. Điểm chính trong nghị trình ứng cử của ông Bush nằm ở mặt nội trị, nhằm thúc đẩy quốc hội làm luật cắt giảm thuế má cũng như thực hiện những biện pháp dễ dãi cho giới kỹ thương giầu có rất gần với ông và đảng Cộng-hòa làm ăn buôn bán thoải mái, với quyền hành cùng lợi nhuận cao cho giới chủ nhân thiểu số và quyền lợi thu hẹp cho giới công nhân và người tiêu thụ đa số.

Sau khi đắc cử tổng thống không mấy ngoạn mục vì những lem nhem bầu cử ở tiểu bang Florida, nơi ông Jeb Bush em ông làm thống đốc, và thua hẳn ông Gore nửa triệu phiếu, ông đã gặp khó khăn nhiều với các mục tiêu quốc nội hằng ấp ủ nói trên. Chính quyền mới như lêu bêu vô định; bỗng đâu, như nhiều người trong giới truyền thông nói, "khủng bố" Hồi-giáo cực đoan tấn công Nữu-Ước và Hoa-Thịnh-Đốn tháng Chín năm 2001, đẩy vào tay ông cơ hội mở màn "chiến tranh chống khủng bố" ("war on terrorism") toàn thế giới: ông hóa thân thành tổng thống năng nổ chuyện ngoại giao sớm hơn các tổng thống khác (ngay từ một năm rưỡi đầu nhiệm kỳ một). Có thể nói, lợi dụng khí thế chống khủng bố này tổng thống nắm được thế thượng phong và tấm ngân phiếu trống (blank check) từ đại đa số dân chúng Mỹ "ái quốc" và ngù ngờ chính trị quốc tế, từ giới lập pháp dân cử yếu đuối e sợ dư luận dân chúng, cũng như giới tư pháp bảo thủ. Giới trí thức và truyền thông —quyền thứ tư ngoài ba quyền lập pháp, hành pháp và tư pháp, trong các nước dân chủ tiền tiến— thì rụt rè èo uột, không làm đúng vai trò mình và không cùng với tư pháp và lập pháp tạo thành những ngăn trở, giám sát và quân bằng cần thiết (checks và balances) trong chế độ dân chủ thực sự. Hành pháp như hoàn toàn tùy nghi sử dụng tấm "xéc" để trống.

Cưỡi lên ngọn triều thiếu dân chủ thực sự này, chính quyền trong bốn năm qua chuyển hóa một cách có hệ thống lớp lang những xúc động rộng lớn trong nước vì vụ tấn công khủng bố thành cơ hội: xây dựng phát triển quân sự tới mức chưa từng thấy trong thời bình; tấn công, xâm chiếm và tiêu pha hàng trăm tỉ ở Afghanistan và nhất là Iraq mà không có lý do bằng cớ chính đáng; thay đổi mở rộng chính quyền liên bang ghê gớm; đẩy ngân sách quốc gia đến mức kiệt quệ; hạn chế và vi phạm quyền tự do căn bản của dân chúng trong nước, chủ quyền và nhân quyền người ngoài nước.

Tất cả không đưa "war on terrorism" đến thành quả khả quan nào, nhưng lại đẩy khủng bố chống Mỹ thành một ý thức hệ nhiều người trong thế giới Hồi-giáo sẵn sàng bỏ thân cho (những "jihadist" ở khắp thế giới và nhất là ở Iraq; Iraq nay được xem là nam châm thu hút các jihadist đến diệt Mỹ và huấn luyện khủng bố thử lửa chờ ngày ra tay ở châu Âu, Mỹ và nhiều nơi khác). Sau khi xâm chiếm Afghanistan và Iraq để chống khủng bố, mức khủng bố trên thế giới không thuyên giảm mà lại gia tăng gấp ba tới bốn lần trước đây. Hoa-Kỳ như đã mất "chính nghĩa," và bị các tổ chức nhân quyền quốc tế trao cho hỗn danh là nước tạo ra các "gulag" đầy đọa tù nhân Hồi-giáo như Nga Xô-viết dưới thời Stalin xưa.

Cuộc chiến chống khủng bố toàn cầu và cấp bách, rầm rộ và ráo riết, bạo tàn và tốn kém — nhưng không mấy hiệu quả— như hoàn toàn chú tâm về mặt quân sự và như làm đắm chìm đi câu hỏi chính trị căn bản: tại sao khủng bố bắt đầu? và, tại sao khủng bố lớn mạnh? hoặc, giản dị hơn, làm thế nào Osama bin Laden và những nhân vật đầu não của ông từ cuối năm 2001 đến nay vẫn ung dung di chuyển và hoạt động trong một khu vực nhỏ giữa hai nước Afghanistan và Pakistan mà không bị "bắt sống hoặc giết chết" bởi lực lượng Mỹ hùng hậu thiện chiến nhất với trang bị cực kỳ tối tân, nếu không phải là những "lãnh tụ khủng bố" này có sự ủng hộ trợ lực thật sự của dân chúng, ít nhất là dân chúng Hồi-giáo trên thế giới ("popular base/support," như sách vở lý thuyết Mỹ về chiến tranh nổi dậy/du kích thường nêu ra).

Chính quyền như mù mẫn theo đuổi những chính sách và phương tiện mà các chuyên viên về dân chúng và văn hóa Hồi-giáo, về chiến tranh chống khủng bố xem là sai trái hoàn toàn. Một số giới thẩm quyền nhận xét rằng "war on terrorism" cho chính quyền tất cả những lợi thế chính trị như Chiến-tranh Lạnh (Cold War) đã mang lại cho các chính quyền kéo dài hơn bốn-mươi năm trước đây: vốn liếng chính trị lớn, chuyển những món tiền công kếch xù vào tay tư nhân cùng phe nhóm (như giao kèo độc quyền hàng chục tỉ ở Iraq cho đại công ty Halliburton, từng dưới quyền phó tổng thống Dick Cheney năm năm) một cách hợp pháp hoặc bán hợp pháp, giải quyết khó khăn kinh tế hoặc vấn đề nội trị bằng chiến tranh, và nhất là ảo ảnh hay ảo tưởng mình đang làm lịch sử với hệ quả lớn lao và lâu dài ("march of folly," theo chữ của sử gia Barbara

Tuchman). Và vì "war on terrorism" không đưa ra tiêu chuẩn thế nào là thắng hay bại, nó có thể chấm dứt hoặc kéo dài tùy nghi lợi ích cho người đang cầm quyền. Vì thế chính quyền mới trả lời dân chúng Mỹ và Iraq một cách mơ hồ rằng quân đội Mỹ sẽ ở lại Iraq "cho tới khi không cần thiết nữa," hoặc "chính xác" hơn: "không ở lại thêm một ngày nếu không cần nữa."

A. Giàn cảnh vào Iraq

Khoảng giữa tháng Chín 2004, ông Michael Smith chuyên viết về an ninh và quốc phòng cho tờ *London Daily Telegraph* —và cũng là một ký giả nhiệt thành ủng hộ quyết định xâm chiếm Iraq và thay đổi chế độ Saddam Hussein— nhận được điện thoại của người quen hẹn đến một quán uống rượu ở Luân-Đôn (London, thủ đô Anh). Khi đến nơi hẹn ông nhận ra người bạn cũ từng cho ông nhiều tài liệu trước đây. Khác với trước đây, người bạn đưa cho ông sáu tài liệu mà theo ông "đã thay đổi hoàn toàn ý kiến của tôi về quyết định xâm chiếm Iraq và sự lương thiện của thủ tướng [Anh] Tony Blair cùng tổng thống [George W.] Bush." Sáu tài liệu mật này, cùng với văn thư sau này nổi tiếng là "Văn thư từ số Mười Downing Street" (phủ thủ tướng Anh ở Luân-Đôn), cho thấy những mưu mô đánh lừa dư luận dân chúng Mỹ (như lời nghị sĩ lão thành tiểu bang West Virginia Robert Byrd tố cáo trước đây —xin xem loạt bài về chiến tranh Mỹ ở Iraq trên *Thế-Kỷ 21*, năm 2003, 2004, 2005, cùng người viết), Anh và thế giới để Hoa-Kỳ và Anh cùng các nước "liên minh" xâm chiếm Iraq.

Cũng theo lời ông Smith, những tài liệu mật nhắm vào giai đoạn đưa đến cuộc họp mật thượng đỉnh giữa hai ông Bush và Blair tại nông trại của ông Bush ở thành phố nhỏ Crawford, Texas, vào đầu tháng Tư năm 2002 (khoảng một năm trước khi xâm chiếm Iraq). Những tài liệu này cũng cảnh cáo ông Blair rất chính xác về những khó khăn ê chề và đẫm máu tại Iraq sau xâm lăng và chiếm đóng như thấy hiện nay. Ông Smith cho rằng thái độ ông Blair coi thường các khuyến cáo thẩm quyền và chính xác từ nội các của ông chỉ có thể xem là tội hình.

Đợt tài liệu mật thứ hai chuyển cho ông Smith (lúc này đã qua làm cho tờ *Sunday Times of London*) từ một nguồn khác giữa năm nay, đúng dịp tổng tuyển cử ở Anh (đưa đến tái đắc cử cho ông Blair), liên quan đến cuộc hội họp nội các thu hẹp của ông Blair ngày 23 tháng Bảy năm 2002 —biên bản chính thức buổi họp này là phần chính của "Văn thư 10 Downing Street" nói trên. Ông Smith không xem đây là văn kiện có mức quan trọng bằng những tường thuật ngắn gọn dành cho các nhân vật tham dự buổi họp được soạn thảo bởi các chuyên viên cao cấp trong nội các Blair. Những tường thuật này cho thấy ông Blair đồng ý với ông Bush ở Crawford rằng "Anh sẽ ủng hộ hành động quân sự để thay đổi chế độ ["regime change" ở Iraq, chữ của các cố vấn có ảnh hưởng lớn với ông Bush như phó tổng thống Dick Cheney, quân sư Karl Rove, cố vấn an ninh Condoleezza Rice, tổng trưởng quốc phòng Donald Rumsfeld và thứ trưởng Paul Wolfovitz]. Vì đây hoàn toàn vi phạm công pháp quốc tế các viên chức nòng cốt trong nội các ông Blair nói "cần phải tạo ra cơ hội để Anh có thể ủng hộ hành động quân sự của Mỹ xâm chiếm Iraq một cách hợp pháp."

Phủ thủ tướng Anh đề nghị kế hoạch "xảo" đánh bẫy Saddam Hussein, rồi lấy cớ này xâm lăng Iraq thay đổi chế độ: Anh và Mỹ sẽ làm áp lực với Hội-đồng Bảo-an LHQ ra tối hậu thư buộc Saddam Hussein phải cho thanh tra vũ khí [WMD, Weapons of Mass Destruction, vũ khí có tầm sát hại lớn] LHQ vào Iraq. Dù hai ông Blair và Bush vẫn khăng khăng nói rằng quyết định đi tới LHQ có mục đích tránh việc sử dụng biện pháp quân sự, một văn thư lộ tẩy xác định rõ rệt mục đích "đánh bẫy" (wrongfooting) Saddam Hussein: nếu ông từ chối đòi hỏi của LHQ [mà Mỹ và Anh sẽ viết ra để Saddam Hussein khó thể nào chấp nhận được], Mỹ và Anh có cái cớ xâm chiếm Iraq và"thay đổi chế độ." Nhưng hai nước cũng không chắc Saddam Hussein sẽ mắc bẫy. Và đúng như vậy: Saddam Hussein chịu nhận cho LHQ vào thanh tra; hai nước Mỹ Anh không có cớ xâm lăng Iraq. Do đó mới có thêm Kế hoạch B.

Giới truyền thông Mỹ viết về Văn thư 10 Downing Street chỉ chú trọng vào tuyên bố của ông Richard Dearlove, cầm đầu tình báo quốc tế Anh, rằng mọi người đã nhất định chọn hành động quân sự ở Hoa-Thịnh-Đốn, nơi "các tin tức và sự kiện liên hệ đến tình báo được uốn nắn bóp méo cho phù hợp với chính sách đã chọn lựa [một năm] trước." Nhưng có lẽ một phần khác của Văn thư lại quan trọng hơn nữa, theo đó tổng trưởng quốc phòng Anh ông Geoff Hoon tuyên bố rằng "Hoa-Kỳ đã bắt đầu 'gây hấn' để làm áp lực với chính quyền Saddam Hussein." Đây là căn bản của Kế hoạch B. Theo chi tiết kế hoạch này, phi cơ Mỹ bay trong vùng cấm không quân Iraq bay ở miền

Nam Iraq đã bỏ thật nhiều bom với hy vọng Iraq phản ứng, và từ đây phi cơ Mỹ và Anh có cớ để mở rộng chiến dịch oanh tạc đưa đến nguyên một trận chiến sử dụng không lực —như trong giai đoạn đầu của hành động quân sự thay đổi chế độ. Số bom dùng trong đợt oanh tạc này nhẩy từ số không trong tháng Ba và Tư lên đến trung bình mười tấn từ tháng Năm đến tháng Tám năm 2002. Nhưng những "gây hấn" này cũng không mang lại kết quả Kế hoạch B mong muốn; Iraq không phản ứng: Saddam Hussein không mắc bẫy và Mỹ với Anh không có cớ để xâm lăng Iraq.

Cuối tháng Tám mức độ oanh tạc gia tăng khốc liệt; trong tháng Chín 2002 số lượng bom lên đến 54.6 tấn và tiếp tục gia tăng đến cuối năm. Do đó tập san y học chuyên môn và thẩm quyền Anh, tờ *Lancet* (ngang hàng với tập san y khoa Mỹ *Journal of American Medical Association, JAMA*) ước lượng cho đến nay có hơn một trăm ngàn người dân Iraq thương vong vì xâm lăng Mỹ-Anh.

Ông Smith kết luận: "Hai ông Bush và Blair bắt đầu cuộc chiến bất hợp pháp không phải từ trung tuần tháng Ba năm 2003 như mọi người nghĩ; cuộc chiến đã [được giàn cảnh một năm trước và] bắt đầu cuối tháng Tám năm 2002, sáu tuần lễ trước khi quốc hội Mỹ chấp thuận hành động quân sự ở Iraq.

Những 'uốn nắn bóp méo' tin tức và sự kiện tình báo là chuyện quá rõ rệt rồi.

Chuyện nghiêm trọng hơn hết là thỏa thuận chiến tranh lén lút, làm áp lực LHQ để kiếm cớ, và những oanh tạc bí mật khiêu khích chiến tranh không có phép của quốc hội [Mỹ]."

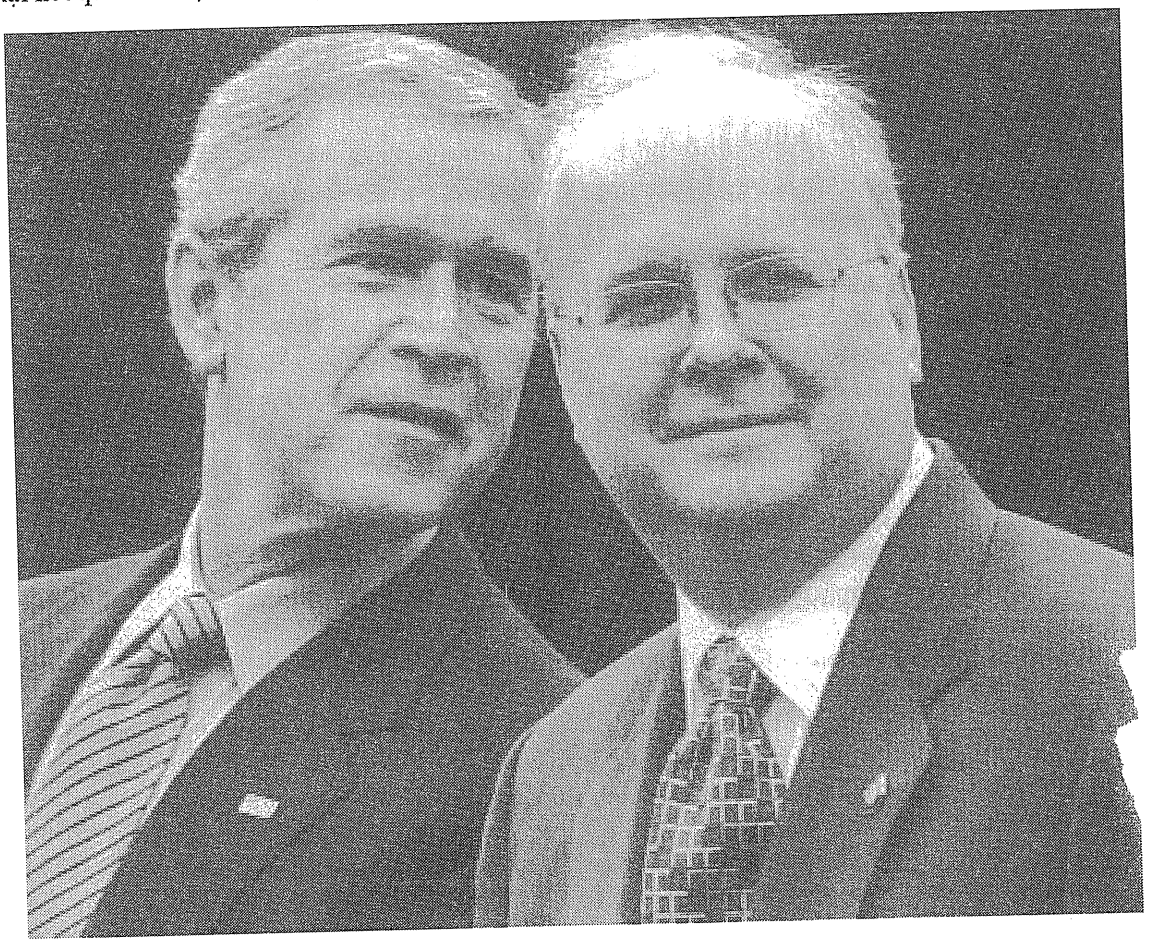

Bush và Rove

B. Yếu tố Karl Rove

Như đã nhắc nhở nhiều lần trong loạt bài về bầu cử tổng thống Mỹ trên *Thế-Kỷ 21* trong những năm 2003, 2004 và 2005, ông Karl Rove, trong vai trò chính thức cố vấn cao cấp của tổng thống Bush, được xem là "kiến trúc sư" (lời ông Bush) sự nghiệp chính trị và những thành công lớn lao của tổng thống từ thời ở Texas. Thật ra ông đã đi cùng gia đình Bush từ thời ông Bush bố còn làm

Chủ-tịch Ủy-ban Cộng-hòa Toàn-quốc và ra ứng cử tổng thống kỳ đầu (thành công) và kỳ hai (thất bại) giữa và cuối thập niên 1980.

Tuy bỏ học ngang không tốt nghiệp đại học ông Rove là người quân sư xuất sắc, và hiện nay cũng là cố vấn chót còn sót lại trong năm cố vấn thân tín nhất của ông Bush từ thời Texas. Người thân thuộc với gia đình Bush mô tả ông Rove như anh em sinh đôi với ông Bush vì hai người suy nghĩ hành động giống hệt nhau. Người chống xem ông Bush là kẻ ngớ ngẩn, không biết gì hết, để phó tổng thống Cheney và nhất là ông Rove (gần gũi hơn) quyết định mọi chuyện từ trong ra đến ngoài nước. Họ xem ông là bộ óc hay cánh tay phải của ông Bush.

Như đã nhắc trên, sau khi đắc cử kỳ hai ông Bush hân hoan giới thiệu với cả nước ông Rove là kiến trúc sư đưa đến thành công và nâng ông lên chức phó đổng lý văn phòng tòa Nhà Trắng. Ông Rove không chỉ mới là "kiến trúc sư" đây; trong khi ông Bush dùng thế lực tổng thống để hô hào dân chúng ủng hộ các chính sách chống khủng bố , thuế khóa, an sinh xã hội và giáo dục, ông Rove dùng ảnh hưởng cố vấn quyền thế nhất để trực tiếp điều khiển mọi quyết định của tổng thống. Ông cũng nắm quyền trông coi chọn lựa người ứng cử bầu cử vào quốc hội và đạt nhiều kết quả khả quan như kỳ bầu cử giữa nhiệm kỳ đầu của ông Bush với phe Cộng-hòa nắm giữ đa số hai viện quốc hội. Xa hơn nữa ông tính toán và thi hành những kế hoạch và biện pháp nhằm triệt hạ cơ cấu hạ từng đảng Dân-chủ (nghiệp đoàn, tôn giáo, người da mầu thiểu số, di dân, vân vân) để đảng Cộng-hòa có thể tiếp tục nắm thế thượng phong trong nhiều thế hệ tới. Ông là sứ giả của tổng thống đi đến với các thế lực chính trị, tôn giáo và kinh tế bảo thủ từng quyết định các kỳ bầu cử quốc hội và tổng thống vừa qua. Nói tóm lại ông là một người có thể đạt những thành quả lớn lao cho nhiều ứng cử viên, kể cả ứng viên tổng thống; trong ngôn ngữ chính trị Mỹ ông là một thứ "kingmaker." Những nhà chiến lược Cộng-hòa ghi nhận công lao của ông Rove không những trong các sửa soạn liên tục cho bầu cử ứng cử mà còn việc xây dựng nền tảng cơ cấu đưa đến thành công lâu dài.

Ông Rove cũng mang một số tiếng xấu theo cùng với chính sách và xảo thuật chính trị. Từ thời hoạt động sinh viên Cộng-hòa ông đã bị chính ông Bush bố điều tra kỷ luật vì một số xảo thuật. Ông được ông Bush bố "trắng án" và được nhận làm một phụ tá. Nhưng rồi cũng bị đuổi vì xảo thuật tranh giành vị thế trong kỳ tranh cử thứ nhì. Năm 1973 ông Rove thành gắn bó với tổng thống Bush con cho tới hiện nay. Ông có tiếng là người khôn khéo và cũng sẵn sàng sử dụng những đòn chính trị gay gắt hiểm độc. Những thành tích và tiếng tăm nói trên có thể gây nhiều khó khăn lớn lao cho ông Rove và nhất là ông Bush trong những ngày sắp đến.

Loạt bài về chiến tranh Mỹ ở Iraq cùng người viết đã nói nhiều về ba lý do chính chính quyền Bush đưa ra trước và sau khi xâm chiếm Iraq và thay đổi chế độ Saddam Hussein. Lý do quan trọng nhất là về WMD của ông Saddam Hussein. Như đã chứng minh nhiều lần và như ngày nay đại đa số dân chúng thế giới và Mỹ đã rõ, lý do này chỉ là phóng đại bịa đặt của chính quyền Bush và Blair để đánh lừa dân chúng, lấy cớ đi vào Iraq và lật đổ Saddam Hussein, người không có liên hệ đến khủng bố .

Năm 2002, khi ông Bush sửa soạn xua quân xâm chiếm Iraq, ông Joseph Wilson IV, nguyên đại sứ Mỹ tại Gabon (Phi Châu), được CIA cử qua Niger (nhiều nguồn tin chính xác nói đây là do thúc đẩy của phó tổng thống Cheney) để điều tra xem Saddam Hussein có mua uranium (đóng bánh mầu vàng trong thùng sắt nên có tên gọi là "yellow cake") để làm bom nguyên tử không. Ông Wilson không tìm thấy bằng cớ nào và báo cáo điều này cho CIA chuyển bằng văn thư lên cho phó tổng thống, bà Rice (lúc đó còn là cố vấn an ninh của tổng thống) và ông Michael Gerson, người viết diễn văn cho tổng thống. Nhưng sau đó, trong diễn văn cuối tháng Giêng 2003 trước dân chúng thế giới và trong nước ông Bush lại khẳng định là Saddam Hussein có mua uranium để sửa soạn làm bom. Sau này từ bà Rice cho đến ông Stephen Hadley (phó cố vấn an ninh, và nay là cố vấn an ninh quốc gia, sau khi bà Rice lên làm ngoại trưởng) và ông Michael Gerson (người viết đã sửa đi sửa lại diễn văn cho tổng thống 24 lần) đều xác định có nhận được báo cáo nhưng "quên bẵng" lưu ý tổng thống. Phó tổng thống Cheney cũng không nhắc nhở tổng thống điều này trong buổi họp chung trước diễn văn của tổng thống.

Ông Wilson thuộc đảng Dân-chủ không những không quên báo cáo của mình mà lại viết điều này trên tờ *New York Times* ngày 6 tháng Bẩy năm 2003, chứng minh chính quyền Bush nhập nhằng tin tình báo và phóng đại WMD để lấy cớ

xâm chiếm Iraq. Ngay sau đó vợ ông Wilson, bà Valerie Plame vốn là một nhân viên CIA chìm cao cấp, bị nêu danh tước trong một bài báo (ngày 14 tháng Bẩy năm 2003) của ký giả bảo thủ Robert Novak lấy nguồn từ các nhân vật lớn trong chính quyền. Ông Wilson và nhiều người xem đây là hành động trả đũa việc ông tố cáo chính quyền trên báo chí. Hậu quả việc này là bà Plame phải nghỉ việc CIA vì đã bị lộ; hai nữa vì đã bị lộ, tính mạng của bà cùng những người hợp tác với bà trong cũng như ngoài nước bị đe dọa hoàn toàn. Về mặt pháp lý việc tiết lộ này là một tội hình và người cố ý tiết lộ có thể bị tù đến mười năm, theo luật nhằm bảo vệ an ninh nhân viên tình báo, Intelligence Identity Protection Act (IIPA) năm 1982. Dư luận báo chí và giới chính trị chỉ tay vào hai người bị nghi tiết lộ danh tính bà Plame: ông Rove và ông Libby Lewis, đổng lý văn phòng phó tổng thống Cheney. Tổng thống Bush cứng rắn tuyên bố là sẽ đuổi ngay bất cừ người nào làm việc này. Ông Patrick Fitzgerald được chọn làm công tố viên độc lập điều tra toàn vụ.

Tuần lễ gần giữa tháng Bẩy vừa qua ông Fitzgerald bỏ tù nữ ký giả Judith Miller của tờ *New York Times* vì bà giữ nguyên tắc nghề nghiệp không chịu tiết lộ danh tính nguồn tin của mình. Ký giả Matthew Cooper của tuần báo *TIME* cũng sửa soạn vào tù vì nguyên tắc nghề nghiệp này, nhưng đến phút chót ông chịu khai danh tính người tiết lộ bà Plame. Với cho phép của ông Rove, ông Cooper tuyên bố ông Rove là nguồn đưa ra danh tính bà Plame, với ý làm ông Wilson mất tín nhiệm (chỉ được chọn đi vì vợ ông là nhân viên CIA cao cấp).

Vì nhiều lý do kỹ thuật lắt léo trong hình luật ông Rove không chắc sẽ bị xem là đã vi phạm hình luật IIPA nói trên. Về mặt chính trị ông Bush gặp khó khăn nhiều vì việc này khơi lại gian dối về WMD để xâm chiếm Iraq, và sự thể rõ rệt là nhân vật cao cấp thân tín nhất của ông trong "war against terrorism" để bảo vệ an ninh quốc gia lại là người quên mất an ninh quốc gia khi tiết lộ danh tính nhân viên CIA cao cấp —và làm hại vợ người lật tẩy tố cáo chính quyền lừa bịp dân chúng.

Trong khung cảnh chính trị sát phạt gay gắt từ thời ông Bush đắc cử và tái đắc cử phe Dân-chủ như có cơ hội trả đũa. Họ đang đưa ra những đòi hỏi khó xử cho chính quyền Bush: (1) ngưng ngay mọi giải tỏa an ninh cho ông Rove ("security clearance," có nghĩa là ông Rove không thể làm việc gì có dính dáng đến an ninh, bí mật quốc gia theo nghĩa rất rộng); (2) quốc hội mở điều tra về ông Rove (với triển vọng đi lên cao nữa); (3) giải chức ông Rove.

Ông Bush cũng rất bối rối vì từ hai năm nay tòa Nhà Trắng từng lập đi lập lại nhiều lần ông Rove không hề dính dáng đến chuyện bà Plame. Ông Bush cũng từng công khai tuyên bố là sẽ đuổi bất cứ ai tiết lộ danh tính bà Plame. Nhưng mới đây trong buổi ra mắt báo chí với thủ tướng Ấn-Độ, khi có vẻ rõ rệt là ông Rove đã làm chuyện này, ông sửa lại là sẽ đuổi người nào bị buộc tội theo luật IIPA. Báo chí cũng đặt vấn nạn rằng suốt hai năm qua sao ông không hỏi thẳng hai người thân cận Rove và Lewis, hoặc ai khác trong nội các, xem họ có làm chuyện "bẩn" này không; hoặc là ông đã biết rồi mà không chịu công khai hóa.

Xa hơn nữa, chính quyền sẽ phải trả lời hai câu hỏi của công tố viên về ai là người cho ông Rove chi tiết về bà Plame (tin mới nhất cho biết có thể là ông Libby Lewis) và còn ai nữa trong tòa NhàTrắng từng nhằm triệt hạ bà Plame và ông Wilson. Những lời khai của hai ông cố vấn Rove và Lewis với công tố viên từ hai năm nay chắc chắn sẽ được đem ra duyệt lại với những phát giác mỗi ngày một nhiều. Những lời khai trước đây của tòa Nhà Trắng và hai ông cố vấn, so với những phát giác mới, dễ biến thành những bất nhất hoặc mâu thuẫn, hợp với định nghĩa pháp lý về "khai gian" (perjury), một tội hình cấp liên bang. Vụ xì-căng-đan này chính quyền Bush cùng đảng Cộng-hòa dù rất kỷ luật và đoàn kết sẽ khó đối phó và nó sẽ còn kéo dài.

Câu chuyện ngoại giao Iraq và an ninh quốc gia nay đã tròng chéo với các vấn đề nội bộ và nội trị. Trong khi đó vấn đề Iraq và khủng bố quốc tế như dầu sôi lửa bỏng. Nhiều người thân với chính quyền đã đưa ra một đề nghị ngoạn mục: để tránh mũi dùi và làm lạc hướng dư luận bất lợi ông Bush phải tung ra quả bom về một nhân vật thay thế bà Sandra O'Connor, nữ thành viên đầu tiên trong Tối-cao Pháp-viện, đang sửa soạn về hưu. Khi báo lên khuôn bài viết này, ngày 19 tháng Bẩy ông Bush đã làm đúng như vậy: ông tung ra tên tuổi người thay thế bà O'connor trên truyền thanh truyền hình toàn quốc.

Một lần nữa vấn đề nội trị lại gây khó khăn lớn, và tổng thống cần một lối tránh. Nhiều người thấy điều này, và cầu mong ông không xuất thủ một thế ngoại giao lấy dân chúng nước ngoài nào đó làm vật tế thần./.

Liệu thế giới này rồi sẽ thành Tầu cả?

GEORG BLUME
T. M. *dịch* - T. L. *hiệu đính*

LTS. *Tác giả bài này, Georg Blume, có vợ người Trung Hoa, là chuyên gia số một về Trung Quốc trong các nhà báo Đức hiện nay. Bản dịch sau đây đã được đăng trên trang mạng Talawas.*

*

Lần đầu tiên một xã hội kỹ nghệ đã phát triển đến mức làm phương Tây phải lo sợ cho vai trò bá chủ về kinh tế và văn hoá của mình.

Thật là chuyện mà toàn thế giới chưa từng chứng kiến! Lenovo mua lại bộ phận sản xuất máy tính cá nhân của IBM. Một xí nghiệp Trung Quốc - trước đây không lâu chẳng ai thèm biết đến tên tuổi - đã nuốt chửng một phần của cơ sở kỹ nghệ khổng lồ phương Tây. Ta thử mường tượng như thể Mercedes-Benz đem bán phắt ngạch chế tạo động cơ của họ cho một doanh nghiệp Trung Quốc và chỉ còn chú tâm đến phần tạo mẫu dáng và khâu phân phối. Biết đâu chẳng bao lâu nữa, chuyện đó cũng sẽ thành sự thật.

Yang Yuan Qing, một người đàn ông thon thả, đã đưa ra một viễn tượng mới cho nền kinh tế thế giới: hình ảnh Trung Quốc như một quốc gia công nghệ cao. Từ hơn 10 năm nay, người đàn ông 40 tuổi này đã đứng đầu tập đoàn Lenovo, biến một cơ sở kinh doanh nhỏ trở thành một tập đoàn sản xuất máy tính đồ sộ bậc nhất châu Á. Từ khi Levono mua lại bộ phận sản xuất máy tính cá nhân của IBM với giá 1,25 tỉ đô-la vào tháng 5, tập đoàn này đã vọt lên vị trí thứ 3 trên thế giới, sau hai cơ sở đầu ngành là Dell và Hewlett-Packard. "Lenovo không còn là một doanh nghiệp thuần túy Trung Quốc nữa, mà đã trở thành một công ty đa quốc gia", ông Yang hãnh diện phát biểu khi lần đầu tiên tiếp một ký giả tại văn phòng làm việc của mình tại Bắc Kinh.

Yang mặc sơ-mi xám, cổ đeo tòn teng thẻ nhân viên công ty. Nhìn xuyên qua cửa sổ văn phòng là một Bắc Kinh cũ kỹ với những căn nhà bằng đá và gỗ tồi tàn từ thời Mao. Yang đã vượt thoát được quá khứ, một con người cuồng nhiệt về tổ chức và kỹ thuật, chẳng bao giờ chịu chấp nhận bị hạn chế bởi bất cứ một ranh giới nào. Ông ta không thích bàn đến chuyện đạo đức: "Trong công ty, người ta chỉ nói đến chuyện làm ăn". Cho dù các nhà chính trị ở Bắc Kinh, Hoa Thịnh Đốn và Brussel đang nỗ lực tìm các quy định thương mại cho ngành may mặc đến đâu đi nữa thì đối với ông ta, Trung Quốc đã không còn là đất nước của tơ lụa, mà đã trở thành một phương Đông hoang dã của thế kỷ 21, một đất nước của những khả năng vô giới hạn. "Mẫu mã và chất lượng sản phẩm của chúng tôi đã thuộc đẳng cấp thế giới," ông Yang nhận định về vị thế của Lenovo. "Tương lai sẽ phụ thuộc vào canh tân. Canh tân có thể sẽ tốn kém hoặc có hiệu quả. Chúng tôi sẽ canh tân có hiệu quả."

Giai đoạn đổi mới gần đây nhất của Trung Quốc là giai đoạn của những người như Yang: Dưới sự bao che của cán bộ cộng sản các cấp, những nhà quản lý, doanh nhân, kỹ sư, kiến trúc sư, nghệ sĩ và các nhà tạo mẫu đã thay đổi đất nước. Họ đã làm cho Trung Quốc không còn là một tổ hợp công cụ sản xuất cho thế giới, được quản lý bởi một liên minh bóc lột thành hình từ tư bản phương Tây và cộng sản phương Đông, như nhiều người ở phương Tây xa xôi vẫn thường hình dung.

Trong thực tế, Trung Quốc đang trải qua một cuộc đổi mới trên nhiều bình diện. Nếu quan sát kỹ, sẽ không chỉ thấy lương lậu rẻ mạt mà còn thấy những khái niệm hiệu quả mới, khác xa loại hiệu quả ngắn hạn của giá trị cổ phần. Đây không chỉ là một thị trường cực kì năng động, mà cũng còn là một hệ thống giá trị truyền thống với những quan niệm riêng của nó về quan hệ nhân bản và giáo dục. Như thế là chủ nghĩa tư bản và Khổng giáo đã tỏ ra tương thích. Lần đầu tiên trong lịch sử, một xã hội kỹ nghệ khổng lồ đã tự hình thành và có thể cạnh tranh với phương Tây, đặc biệt với Hoa Kỳ, kể cả về mặt văn hoá. Hiện nay hầu như không có một liên hoan phim quốc tế nào mà phim của Trung Quốc không đoạt giải thưởng.

"Chúng tôi là những mẫu người mới. Chúng tôi là tương lai," Giám đốc Yang của Lenovo đã quảng cáo tại Đức cho máy tính IBM mới của Trung Quốc như thế. Câu quảng cáo này rõ ràng hàm chứa một cốt lõi của sự thật. Phương Tây sẽ lâm nguy nếu vẫn khư khư với hình ảnh cũ về một Trung Quốc cộng sản dễ lường trước, thay vì phải sửa soạn để thích nghi với tiến trình Hán hoá.

Chắc chắn trong tương lai, Trung Hoa vẫn sẽ tràn vào thị trường phương Tây qua các sản phẩm rẻ tiền. Nhưng không phải chỉ có thế! Trước kia thì nước giàu sản xuất những loại hàng công nghệ cao, cần đầu tư mạnh về nghiên cứu, còn nước nghèo thì chăm chú làm các mặt hàng đại trà cần nhiều sức lao động. Nhưng nay lần đầu tiên, sự phân bố lao động toàn cầu bị đặt lại. "Đặc điểm của Trung Quốc là: từ một nước khổng lồ nghèo nàn bỗng trở thành một quốc gia có thể cạnh tranh cả về nhân công rẻ lẫn các lãnh vực công nghệ cao," kinh tế gia Richard Freeman, xuất thân từ Harvard, phát biểu.

Ông John Stolte ở Villingen-Schwenningen, một thành phố nhỏ ven Rừng Đen (Schwarzwald) cũng cảm thấy điều ấy. Ông là kỹ sư gốc Hà Lan đang điều hành bộ phận phát triển công nghệ tại Đức của hãng sản xuất máy truyền hình lớn nhất thế giới TCL của Trung Quốc. Năm vừa qua, TCL đã mua lại ngạch sản xuất máy truyền hình của đại công ty Thompson của Pháp để leo lên hàng số một trên thị trường thế giới và nhân đó đã mua luôn bộ phận nghiên cứu và phát triển tại Villingen-Schwenningen ở Đức. Chẳng phải cả đôi bên đều lấy làm mừng, vì 50 trong số 150 chuyên viên Đức có trình độ cao đã buộc phải từ giã xí nghiệp bởi những công việc đó giải quyết tại Trung Quốc sẽ rẻ hơn. Ông Stolte được phép ở lại và phải tập làm quen với việc cộng tác với một giám đốc ngang quyền tên là Forest Luo thuộc trung tâm nghiên cứu truyền hình ở Thâm Quyến, nam Trung Quốc. Hàng ngày Stolte viết email cho Luo và những bức điện thư này sẽ hiện lên màn hình của Luo tại trụ sở chính mới toanh của TCL ở Thâm Quyến.

Luo đọc — và không hiếm khi bực mình. "Ở Trung Quốc, ai có sáng kiến là họ muốn thực hiện ngay. Người châu Âu lại cứ phải chờ nghiên cứu trước đã," nhà nghiên cứu trẻ tuổi của TCL trong bộ com-lê sọc thở dài. Ai chứ ông ta thì được phép tuyên bố những câu đại loại như vậy. Trong lúc TCL cắt giảm chỗ làm ở các phòng nghiên cứu tốn kém tại Đức và Mỹ sau khi mua lại Thompson, công ty lại tăng số lượng chuyên viên nghiên cứu tại Thâm Quyến, từ 400 lên đến 600 người. Toàn bộ số kỹ sư và kỹ thuật viên này đều nói trôi chảy tiếng Anh. "Rất nhiều thứ ở Thâm Quyến thuận tiện và rẻ hơn: một phần lớn của việc thiết kế mẫu mã, thử nghiệm thành phẩm và kiểm tra chất lượng," giám đốc Luo tuyên bố. Quanh văn phòng của ông trong cao ốc của TCL còn rất nhiều phòng trống vì đã được dự tính cho hàng trăm nhân viên mới.

Cơ sở sản xuất máy tính Lenovo đã dời trụ sở chính sang New York và cũng đang - như TCL - tìm cách khắc phục những vấn đề hội nhập của một đại công ty liên kết. Thật ra Lenovo và TCL chỉ là một khởi đầu không hơn không kém. "Mọi nhà quản trị Trung Quốc đều biết rằng, ngày nay không còn những cơ sở đầu ngành của riêng từng quốc gia nữa. Mọi người đều hướng theo đối thủ cạnh tranh ở phương Tây," giáo sư Zhang Wie Ying thuộc khoa quản trị Quang Hoa của đại học Bắc Kinh đã tuyên bố như thế. Ông Zhang nhấn mạnh rằng, Trung Quốc không muốn phát minh ra thế giới mới và sinh viên của ông cũng không quan tâm đến chính trị. Ông nói: "Sứ mạng của chúng tôi là khả năng cạnh tranh quốc tế."

Nhiều năm trời, sự bùng nổ phát triển của Trung Quốc đã nâng đỡ cho các ngành kinh tế trên mọi châu lục. Người Hoa đã nhập khẩu dầu hoả, sắt thép và đậu nành, còn thế giới thì sản xuất và ăn lãi. Ông T. J. Bond, nhà phân tích tình hình Trung Quốc của ngân hàng đầu tư Merrill Lynch đã cảnh báo: "Sắp tới, sự tăng trưởng của Trung Quốc sẽ bớt dễ chịu hơn cho nước ngoài." Trong tương lai Trung Quốc sẽ nhập khẩu ít hơn mức chờ đợi, sự bùng nổ về đầu tư sẽ giảm đi, các doanh nhân Trung Quốc sẽ càng tập trung nhiều vào thị trường thế giới và tận dụng đồng Nhân dân tệ luôn bị đánh giá thấp.

Thế là bỗng nhiên Trung Quốc xuất hiện như một đối thủ cạnh tranh trên những địa bàn kinh doanh vốn là sở trường của các doanh nghiệp phương Tây. Nhà cung cấp phụ tùng ô tô Đức ZF ở Friedrichshafen mới đây cảm thấy bị buộc phải đầu tư vào Trung Quốc để không bị những đối thủ Tầu qua mặt mình nơi khách hàng chính là hãng xe Volkswagen — dĩ nhiên là qua mặt trước tiên ở Viễn đông và sau đó sẽ ở mọi nơi khác. ZF tuyển kỹ sư Trung Quốc thành thạo tiếng Đức với mức lương thấp — và trong tương lai có lẽ sẽ sản xuất được nhiều mặt hàng ở Trung Quốc rẻ

hơn tại Đức. Trong nhiều xí nghiệp của ZF, cạnh những cỗ máy công cụ Đức đã có những thiết bị của Trung Quốc đủ sức cho ra lò những phụ tùng ô tô y như của Đức. Một đối thủ cạnh tranh mới cho các nhà sản xuất máy công nghiệp của Đức.

Tình trạng này cũng đe doạ các nhà sản xuất xe hơi phương Tây từng thu những lợi nhuận kếch sù qua các liên doanh Đức-Trung. Nhưng về lâu dài, những đầu tư bạc tỉ của VW, BMW và Daimler Chrysler có thể sẽ đều thành gậy ông đập lưng ông cả. Người Đức đang vỗ béo những đối thủ cạnh tranh tương lai của họ, tức các đối tác liên doanh hiện tại. Mới đây Liên doanh kỹ nghệ xe hơi Thượng Hải SAIC đã tuyên bố sẽ tự lực sản xuất xe hơi từ năm 2007. Công ty này — một cơ sở đã hợp tác với Volkswagen từ 20 năm nay - sẽ tung mẫu mới ra thị trường để cạnh tranh trực tiếp với người Đức, điều mà các doanh nhân ở Wolfsburg (Volkswagen) cho đến nay đã luôn muốn ngăn cản.

Nhưng cản bằng cách nào đây? Luật pháp của Trung Quốc bắt buộc các nhà sản xuất xe ngoại quốc phải liên doanh với các doanh nghiệp bản địa. Mọi người đều biết, điều gì sẽ xảy ra khi công nghệ phương Tây du nhập vào Trung Quốc bằng con đường đó và lực lượng chuyên môn người Hoa sẽ được đào tạo hàng loạt - nhất là khi đại xí nghiệp quốc doanh SAIC lại từng được bình chọn là đầu tầu trong ngành công nghiệp xe hơi Trung Quốc với tham vọng toàn cầu. Hiện nay SAIC đã mua lại SangYong, nhà sản xuất xe hơi lớn thứ tư của Nam Hàn, và mua đứt bản quyền xe Rover 75 và Rover 25 của hãng MG Rover đang nợ đầm đìa ở Anh. Volkswagen phải phản ứng bằng cách tuyển chuyên viên nghiên cứu và quản lý người Hoa vào làm, với phương châm: "Dùng người Hoa trong mọi lãnh vực."

Tình hình đó, với Đức nói chung, là khá đáng lo ngại. Từ 1995 đến nay, giá trị tổng sản phẩm công nghiệp của Trung Quốc so với thế giới đã tăng từ 5% lên 12%. Tỉ lệ này của Đức vẫn nằm ở mức 8%.

Một hiệu ứng gậy ông đập lưng ông khác đang đe doạ Daimler Chrysler. Lý do là nhà máy sản xuất xe hơi Mercedes được xây dựng tại Bắc Kinh nhắm vào thời bùng nổ phát triển, mà thị trường xe hơi tại Trung Quốc hiện nay chỉ còn tăng 15% hàng năm thay vì 75% như trước đây, vì thế chẳng bao lâu nữa sẽ có thể dẫn đến tình trạng sản xuất dư thừa. Thế là Daimler Chrysler tuyên bố ngay rằng trong tương lai cũng sẽ xuất khẩu xe limousine sản xuất tại Trung Quốc. Nói cách khác: Thế là Daimler Chrysler đã chấp nhận cạnh tranh trong nội bộ hãng trên cơ sở lợi thế địa bàn: Daimler Chrysler ở Trung Quốc trở thành đối thủ cạnh tranh của Daimler Chrysler tại Đức. Đây chính là điểm mà cho đến nay, giới lãnh đạo tập đoàn này luôn cố tránh. Giờ đây họ cũng không còn cách nào khác.

Theo dự đoán, vào năm 2010 Trung Quốc sẽ sản xuất 20% xe hơi nhiều hơn nhu cầu trong nước. Volkswagen thì đã xây riêng một trung tâm nghiên cứu tại Bắc Kinh và chẳng bao lâu nữa, những kỹ sư và chuyên viên thiết kế mẫu mã người Hoa sẽ đóng vai chủ chốt tại đó. Rồi điều gì sẽ xảy ra, một khi trong tương lai những sáng kiến tốt hơn lại được đề ra từ Bắc Kinh? Hiện nay, chi nhánh nghiên cứu tại Bắc Kinh của tập đoàn sản xuất phần mềm khổng lồ Microsoft của Hoa Kỳ đã được xem là chi nhánh hoạt động có hiệu quả nhất trên thế giới.

Chủ tịch hội đồng quản trị Heinrich von Pierer của công ty Siemens đã giải thích đúng rằng, hễ cứ tạo được bốn chỗ lao động mới trong một liên doanh với Trung Quốc, thì sẽ bảo đảm được một chỗ làm tại Đức. Hiện nay các hoạt động kinh tế của Trung Quốc, xét theo hạch toán cuối cùng, còn tạo được công ăn việc làm chứ chưa gây thất nghiệp tại Đức. Nhưng câu hỏi đặt ra là tình hình liệu có còn như thế được không, nếu đến năm 2020 số kỹ sư tại Trung Quốc sẽ tăng gấp ba, theo dự tính của Viện Hàn lâm Kinh tế Bắc Kinh? Hiện tại, Trung Quốc đã có số lượng sinh viên đông nhất thế giới và số lượng nhà nghiên cứu đứng thứ nhì toàn cầu.

Thế lực mới của Trung Quốc hiện diện khắp mọi nơi. Những thoả thuận về tiền tệ tại các nước G-7 còn nghĩa lý gì, khi vấn đề lớn nhất vẫn là việc đồng Nhân dân tệ tiếp tục bị kìm tỷ giá? Gây áp lực với Bắc Kinh hoàn toàn không phải là điều đơn giản, vì việc Trung Quốc mua ngoại tệ ở quy mô lớn đã góp phần cơ bản vào việc thanh toán thâm hụt ngân sách quốc gia Hoa Kỳ. Nouriel Roubini, giáo sư tại Stern School of Business, Đại học New York đã phải thốt lên: "Trung Quốc bây giờ lại dám xấc xược tố cáo Hoa Kỳ chính là nguyên nhân gây ra sự mất cân đối trong cán cân kinh tế toàn cầu. Đối với nhiều quốc gia trên thế giới, hiện nay Trung Quốc đã quan trọng hơn Hoa Kỳ." Nhà nghiên cứu này không chỉ nghĩ đến các nước Đông Nam Á hay Úc, mà còn muốn nói đến những quốc gia châu Mỹ La Tinh đã được

chính phủ Trung Quốc hứa sẽ đầu tư trên 100 tỉ đô-la trong vòng 10 năm tới, chẳng hạn để xây dựng những tuyến đường tầu hoả mới ở Brasil. Những tuyến đường sắt ấy sẽ giúp cho việc khai thác nguồn nguyên liệu của châu Mỹ La Tinh, là những thứ mà Trung Quốc đang rất cần.

Năng lượng và nguyên liệu là những thí dụ điển hình về sự đảo lộn trật tự kinh tế toàn cầu dưới áp lực tăng trưởng của Trung Quốc. Một bộ phận ngày càng gia tăng trong dân số 1,3 tỉ của Trung Quốc muốn gia nhập vào đội ngũ những người tiêu thụ xăng. Hiện nay Trung Quốc đã chịu nửa phần trách nhiệm trong việc tiêu thụ dầu hoả tăng vọt trên toàn thế giới. Riêng Tổng công ty dầu hoả Trung Quốc Petrochina đã đầu tư 5 tỉ đô-la ở nước ngoài, gần một nửa trong số đó đã đổ vào Sudan, một quốc gia có nền chính trị thiếu ổn định. Hầu như mỗi vụ đầu tư mới về năng lượng của Trung Quốc đều đi kèm theo một động thái chính trị: chẳng hạn việc Trung Quốc dùng quyền phủ quyết ở Hội đồng Bảo an Liên hiệp quốc để ủng hộ Sudan [1] , hay vụ tranh chấp với Nhật Bản về đường ống dẫn dầu của Nga và về các điểm khoan khí đốt ở khu vực biển Đông Trung Quốc, hoặc vụ giằng co với Ấn Độ trong việc Trung Quốc tài trợ nâng cấp các cảng ở Pakistan. Không một quốc gia nào còn tự nguyện thừa nhận những yêu sách của Trung Quốc nữa. Nhất-là Hoa Kỳ. Bộ trưởng quốc phòng Ronald Rumsfeld đã công khai chỉ trích Trung Quốc về việc liên tục và ngày càng tăng cường mua vũ khí. Ngược lại, Bắc Kinh dẫn chứng rằng Hoa Kỳ đã chi cho quân sự nhiều hơn Trung Quốc 10 đến 20 lần và mỗi người dân Hoa Kỳ trung bình tiêu thụ năng lượng gấp tám lần người Trung Quốc. Quả là bây giờ chẳng ai ở Bắc Kinh chịu nhường nhịn nữa.

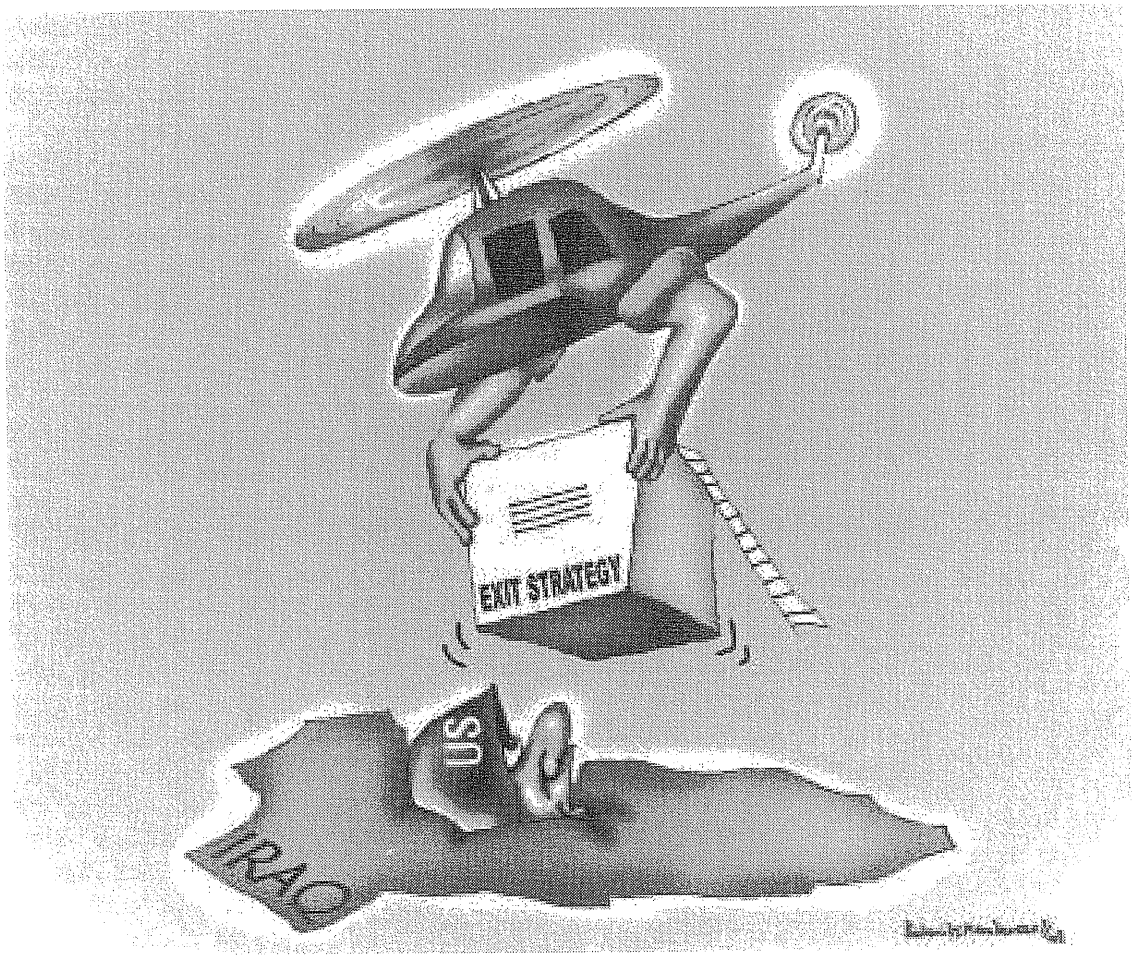

Hiện nay nền kinh tế quốc dân Trung Hoa đã đứng hàng thứ sáu trên thế giới — và về thương mại, quốc gia này đang đứng hàng thứ ba. Chỉ

trong vòng bốn năm kể từ khi Trung Quốc gia nhập Tổ chức Thương mại Thế giới (WTO), tổng doanh số thương mại đã tăng gấp đôi, từ 510 tỉ lên 1100 tỉ đô-la. Zhou Qiren của Trung tâm Nghiên cứu Kinh tế Bắc Kinh đã tuyên bố: "Ảnh hưởng của Trung Quốc trên thế giới tăng lên từng ngày, vì trong kinh tế thị trường không có đường một chiều." Tuy Liên minh châu Âu (EU) vừa sử dụng quyền được WTO bảo đảm để lập hàng rào thuế quan với các mặt hàng vải sợ rẻ tiền của Trung Quốc, nhưng điều đó chỉ có thể thực hiện đến năm 2008. Sau đó sẽ là mậu dịch tự do.

Vào tháng 12 năm ngoái, Uỷ ban tình báo quốc gia Hoa kỳ (NIC) trực thuộc CIA và tổng thống Mỹ đã lên tiếng lưu ý khi so sánh sự cất cánh của Trung Quốc với sự bùng phát của Hoa Kỳ ở thế kỷ 20 và cảnh báo trước những "hậu quả rất có khả năng nghiêm trọng tương tự." Cho đến nay, các nhà sử học thường chỉ so sánh Trung Quốc với những quốc gia phát triển muộn của thế kỷ 20 là Đức và Nhật Bản. Nay thì Trung Quốc đã xuất hiện dưới ánh sáng khác. Khác Nhật ngày xưa, thị trường khổng lồ của Trung Quốc ngày nay hoàn toàn mở cửa - đương nhiên trong chừng mực còn nằm trong ý muốn của giới cầm quyền. Bởi thế, một "Liên minh bài Hoa" khó có thể xuất hiện. NIC nhận thấy "sự bành trướng nhanh chóng về thế lực chính trị và kinh tế của Trung Quốc bắt rễ từ sức mạnh tổng hợp của tốc độ tăng trưởng cao, những khả năng quân sự ngày càng lớn mạnh, chính sách khuyến khích phát triển các công nghệ hiện đại, và một dân số khổng lồ." Theo NIC, chỉ có một "sự đảo ngược hẳn quá trình toàn cầu hoá hoặc một cuộc nổi dậy mạnh mẽ," mới có khả năng ngăn cản được đà tiến của Trung Quốc.

Nhưng tình hình sẽ ra sao, nếu một biến cố như thế - tuy trái với mong đợi — xảy ra? Thực tế thì nguy cơ của một khủng hoảng kinh tế lớn tại Trung Quốc ngày càng có khả năng trở thành hiện thực. Trong một quốc gia độc đảng xơ cứng thì bản chất của hệ thống ắt dẫn đến sự gia tăng của tệ nạn tham nhũng và những căng thẳng xã hội. Kinh tế đã phát triển trên lưng của môi trường vì ba phần tư nhu cầu năng lượng của Trung Quốc dựa vào than đá. Sự phát triển đô thị không kiểm chế và quá nhanh đã gây khan hiếm nước trên tòan lãnh thổ. Giàu và nghèo đã cách xa nhau hàng vạn dặm. Từ nhiều năm nay, mỗi năm có hàng trăm ngàn vụ đình công và chống đối quy mô nhỏ của những người cảm thấy bị thiệt thòi qua chính sách cải cách. Tình thế sẽ ra sao, khi các doanh nghiệp Trung Quốc bỗng buộc phải nhận ra rằng, trong cơn bùng nổ phát triển tưởng như vô tận ấy, sản xuất đã vượt quá xa khả năng tiêu thụ? Sẽ ra sao, khi các doanh nghiệp bỗng buộc phải sa thải, thay vì liên tục tuyển thêm nhân công?

Trong mười năm vừa qua, cùng với việc kết liễu nền kinh tế quy hoạch, chính phủ Trung Quốc cũng đã triệt tiêu mạng lưới xã hội vốn gắn liền với nền kinh tế ấy. Việc xây dựng một hệ thống bảo hiểm xã hội theo luật pháp mới vừa manh nha. Ngày nay ở Trung Quốc, ai thất nghiệp là dễ rơi ngay vào tình trạng không còn khả năng tồn tại. Điều gì sẽ xảy ra, nếu hàng triệu người đùng một cái cùng rơi vào số phận này? Sẽ nổ ra một cuộc nổi dậy lan rộng trên toàn quốc, như một số nhà quan sát phương Tây phỏng đoán chăng?

Chắc là không! Khả năng hiện thực hơn có thể là, một lần nữa người Hoa sẽ lại tuân theo số mệnh. Kiên trì, nhẫn nại và chăm chỉ đã từ lâu là những đức hạnh của dân tộc này mà trước đó không lâu dưới thời Mao Trạch Đông đã phải trải qua những nạn đói khủng khiếp, và so với chúng thì tác hại của mọi cơn khủng hoảng hiện nay chẳng thấm vào đâu.

Mà đa số người Trung Quốc đều đồng tình với Đảng Cộng sản, chính vì trong những năm qua Đảng đã ngăn ngừa được những thảm hoạ kiểu thời Mao. Hệ thống này thật không dễ sụp đổ! Kế tiếp những cải cách thị trường bắt nguồn từ thời Đặng Tiểu Bình, nhà nước cộng sản này đã chứng tỏ được mình là "người môi giới và trung gian cho công cuộc toàn cầu hoá." Đó là lập luận của Zhang Yonglin, Giám đốc Khoa nghiên cứu châu Á, trường Đại học Auckland Tân Tây Lan. Ở điểm này, ông đặc biệt lưu ý đến việc Trung Quốc cấm xuất vốn ra nước ngoài và những biện pháp khác nhằm vô hiệu hóa những ảnh hưởng bất thường của các đại công ty tài chính và công nghiệp quốc tế đối với Trung Quốc.

Các triển vọng tăng trưởng của Trung Quốc lại càng hoành tráng, nhìn từ khía cạnh liên quan đến dân số khổng lồ. Kể từ năm 1980, 400 triệu người Hoa đã thoát khỏi cảnh đói nghèo cùng cực. Ngày nay còn 80 triệu người sống dưới mức 1 đô-la/ngày. 260 triệu người có sở hữu tài sản gia đình trên 20.000 đô-la, họ là thành viên của một giai cấp trung lưu mới và đang phát triển nhanh chóng.

60% người Hoa, 800 triệu, hiện còn sinh sống

ở nông thôn, 10 triệu trong số đó hàng năm đổ về thành thị "điều này sẽ là nền tảng cho sự phát triển lâu dài ở Trung Quốc, bởi vì -đô thị hoá sẽ đẻ ra nhu cầu," như nhà kinh tế Thượng Hải Yin Xingmin đã tiên liệu.

Đó chính là điều mới mẻ của sự hiện đại hoá Trung Quốc: hai quá trình đô thị hoá và toàn cầu hoá diễn ra cùng một lúc, không cách nhau ít nhất một thế kỷ như ở Châu Âu hay Hoa Kỳ. Đô thị hoá cũng là một quá trình chuyển đổi văn hoá. Ở Trung Quốc, tiểu gia đình thành thị dựa trên những giá trị hoàn toàn khác hẳn những đại gia đình ở nông thôn, chẳng hạn về vai trò của người phụ nữ. Toàn cầu hoá thúc đẩy sự chuyển đổi hệ thống giá trị và không còn con đường nào để quay trở về nền văn hoá phong kiến cố hữu nữa. Nhưng ngay cả một chủ nghĩa dân tộc mới, hình thành với quá trình công nghiệp hoá như đã từng diễn ra ở Đức hay ở Nhật, và đang được Đảng Cộng sản tuyên truyền một cách hệ thống, cũng không dễ mà toàn thắng, bởi tất cả những gì làm nên nền văn hoá mới ở thành thị Trung Quốc hôm nay đều đậm nét quốc tế. Nhà bếp tân thời ở Bắc Kinh được Nhật hoá, lối kiến trúc ở Thượng Hải thì Mỹ hoá, y phục thời trang trong cả nước thì Âu hoá, văn chương thì ảnh hưởng lối viết trên Internet. Từ đó tự hình thành một nền văn hoá tổng hòa, kết dệt những yếu tố của Trung Quốc và nước ngoài.

Theo ông Wei, sang đến thế kỷ 20 mà ở Trung Quốc người ta vẫn còn bác bỏ tiền đề rằng con người là kẻ chế ngự thiên nhiên. Ngay cả Mao Trạch Đông cũng đã củng cố cái tiền đề "nhất thể" theo cách của Mao. Mãi sau này, triết học phương Tây mới chinh phục được Trung Quốc, nhưng bây giờ sẽ lại bị đẩy lùi một bước xa. "Trong cái hoàn hảo tuyệt đối của một chiếc bình Tàu có điều gì đó huyền bí, phi lý mà lại không tưởng, rất xa lạ với phương Tây," ông Wei nhận định. Bỗng nhiên di sản văn hoá không còn là gánh nặng mà lại trở thành kho báu.

Chỉ báo đáng tin cậy về tiến trình Hán hoá ngày nay là sự thành công của phim ảnh Trung Quốc. Thí dụ, trong bộ phim Peacock, đoạt giải LHP Berlin, nhà đạo diễn trẻ Gu Changwei đã miêu tả chân dung một mối quan hệ phức tạp giữa cha mẹ và con cái trong giai đoạn Cách mạng Văn hoá. Tương phản với tình yêu lãng mạn, tình yêu cha mẹ và chữ hiếu là những cột trụ đạo đức của Khổng giáo. Trong giáo dục con cái, người Trung Quốc đã đặt những ưu tiên khác hẳn phương Tây, và căn cứ vào kết quả của chương trình quốc tế PISA (Program for International Student Assessment) đánh giá năng lực học sinh tại nhiều quốc gia trên thế giới, có thể thấy tính thời sự rất cao của vấn đề này.

Nhà tạo mẫu Feng Ling ở Bắc Kinh lại kết hợp giữa truyền thống và tiến bộ qua những hình thức và phong cách hoàn toàn khác. Bà vừa phác hoạ xong trang phục sân khấu mới cho ngôi sao nhạc rock Cui Jian, người hùng của phong trào dân chủ tại Trung Quốc năm 1989: Vải lanh mầu xanh lá cây, lót bằng lụa đỏ, theo tinh thần cách mạng thập niên 60. Tuy biết rõ những mặt khủng khiếp của cuộc Cách mạng Văn hoá nhưng bà Feng không hề ngần ngại khui ra cả những truyền thống không lấy gì là đẹp đẽ. Bà tuyên bố: "Cho đến thời gian gần đây, mọi mẫu thời trang đều được nhập cảng và do phương Tây chế tạo. Nhưng bây giờ, chúng tôi hỏi người Trung Quốc: Phong cách riêng của chúng ta là thế nào? Có thể kết hợp toàn bộ những cái mới của phương Tây với những đặc thù của chúng ta ra sao? Ngày nay, thế nào là mang bản sắc Trung Hoa?" Thế nào thì thế, cái gì phát xuất từ Trung Quốc rồi cũng sẽ lan ra toàn thế giới.

Những thành công về kinh tế của Trung Quốc đã cho phép những gì có thể thương mại hoá và toàn cầu hoá của văn hoá Trung Hoa được hiện rõ. "Hiện nay, chúng tôi được chắp cánh bằng sự sinh động, sức sống và niềm hy vọng tràn trề," Cao Kefei, nữ đạo diễn sân khấu trẻ tuổi ở Bắc Kinh, cho biết. Nhưng niềm lạc quan ở Trung Quốc đối với Cao có lẽ hơi quá đà, nên thỉnh thoảng cô lại sang Đức, và gần đây, đã ngạc nhiên về cuộc tranh luận lại mới nổ ra về chủ nghĩa tư bản. Cao thán phục nhiệt tình tranh luận của người Đức. "Ở Trung Quốc thì không thể có một cuộc tranh luận như thế được." Ở đó chỉ có vài ba nhà thơ và hoạ sĩ đặt vấn đề về toàn cầu hoá, và những luận điểm của họ được phương Tây biết đến nhiều hơn ở chính Trung Quốc.

Cứ thế mà Trung Quốc tiến bước trên con đường toàn cầu hoá, trong sự pha trộn giữa lòng tự tin và sự thiếu vắng tinh thần phê phán, và làm thế giới mỗi ngày một thêm Tầu hơn.

[1]Trong vụ khủng hoảng Darfur tại Sudan năm 2003, Trung Quốc đã sử dụng quyền phủ quyết của mình tại HĐBALHQ để cản trở việc LHQ can thiệp vào Sudan (ND).

Khi tình người va chạm với chính trị quốc tế

DEWI ANGGRAENI,
Phái viên của báo Jakarta Post tại Melbourne
Bản dịch của VANN PHAN

LTS. *Âm vang của việc đập bỏ bia tưởng niệm thuyền nhân đến tháng này cũng chưa hết, và có thể sẽ còn dài dài trong tương lai. Vừa qua, bà Thị Trưởng của thành phố Westminster thuộc Orange County, California – nơi có Little Saigon, thủ đô của người Việt tị nạn — cũng đã viết thư cho các chính quyền Malaysia và Indonesia để phản đối quyết định đập bỏ bia tưởng niệm của họ. Ngày 18 tháng 7, 2005, cộng đồng Việt Nam tại Nam Calfornia đã tổ chức biểu tình tại các lãnh sự quán của hai nước Indonesia và Malysia tại Los Angeles để bày tỏ sự bất mãn về việc các bia tưởng niệm đồng bào mình đã bị đập phá. Trong dịp này đại diện của lãnh sự Indonesia hứa sẽ chuyển đề nghị đến chính phủ mình cho trùng tu lại các tượng đài ấy.*

Ngoài ra, bài báo mà chúng tôi dịch lại sau đây của tờ Jakarta Post nói lên cái nhìn của báo chí Indonesia về sự lựa chọn giữa tình người muôn thủa và chính trị nhất thời, nhân vụ đập phá bia tưởng niệm thuyền nhân Việt Nam trên đất nước họ.

*

Sống trong thế giới hiện nay, ngày ngày chúng ta phải nhìn thấy, chứng kiến, trải qua, hay ít nhất cũng phải nghe nói tới bạo lực trên nhiều mức độ khác nhau. Vì thế, chúng ta cũng thường nhìn thấy, chứng kiến, và trải qua những muộn phiền và chấn động chung quanh. Bất luận chúng ta đã trở thành chai đá đến đâu, vẫn có chút gì ấm lòng khi chúng ta có thể giúp làm nhẹ bớt gánh nặng hay giúp chữa lành một chấn thương tâm lý hay nỗi sầu đau của một ai đó.

Trên thực tế, dù hữu ý hay vô tình, chúng ta cũng đã làm điều đó đối với những người Việt Nam tị nạn mà hồi thập niên 1970 đã phải rời bỏ quê hương chiến tranh điêu tàn của họ, đến chờ trên các hải đảo Galang (Ga-lăng) và Bidong (Bi-đông) để được đi định cư tại những nước khác. Nhiều người Indonesia từng làm việc với dân tị nạn trên Đảo Galang, một số trong vai trò viên chức, số khác là những nhân viên thiện nguyện, đã phát triển được một tình bè bạn sâu xa và lâu bền với những người dân tị nạn này, và cho tới hôm nay hai bên vẫn còn liên lạc với nhau. Tuy nhiên, tháng trước đây, không hiểu vì vô tình hay hữu ý, chúng ta lại đã ra tay phá hủy phần lớn những hành vi cao đẹp kia.

Những người dân tị nạn từng bao năm sinh sống tại Galang và Bidong cảm thấy rằng cuộc đời họ trở nên dễ chịu hơn những mong đợi của họ rất nhiều là nhờ có những người cùng làm việc chung với họ tại các trại tị nạn. Không những họ đã vì hoàn cảnh mà bị xua đuổi ra khỏi quê hương và mái ấm gia đình, họ cũng còn phải ôm lấy vết thương lòng sâu kín và nỗi đau buồn khi nhiều đồng bào cuả họ, có thể là cha mẹ, anh chị em, thân nhân và bạn bè thân thiết, đã không tới được bến bờ tự do.

Họ đã cùng nhau trải qua những kỷ niệm kinh hoàng trên bước đường tới bến Galang hay Bidong, bởi vì họ đã đến nơi đây trên những con thuyền rệu rã thường bị lậu nước. Và, như lời kể lại cuả một người tị nạn cũ, "chúng tôi đã phải bỏ lại tất cả của cải. Chúng tôi tới Galang và Bidong không có gì ngoài áo rách trên lưng, đói khát và chỉ đủ sức sống sót được mà thôi, nhưng chúng tôi cũng ý thức rằng mình đã may mắn hơn nhiều người thân thương bị chết trên đường vượt biển."

"Đây là lý do vì sao chúng tôi không thể nào quên được tấm lòng tử tế của những người chủ nhà tại Galang và Bidong đã đón tiếp chúng tôi và chăm sóc chúng tôi. Không có họ, chúng tôi đã không thể nào có mặt nơi đây," đó là lời của Hưng Trần, một cư dân cũ khác nữa của Galang.

Đó không phải là những lời nói trống rỗng.

Trong cuộc gây quỹ cứu trợ qua điện thoại sau thảm họa sóng thần do Đài Phát Thanh Đặc Biệt của Úc Đại Lợi (SBS) khởi xướng thì những món tiền lớn nhất và hào phóng nhất, tính cho tới nay, đã đến từ bàn tay đóng góp của cộng đồng Việt Nam tại Úc. Trong vòng hai tiếng đồng hồ, chương trình tiếng Việt cuả Đài thu vào được trên 600,000 Úc kim, rồi ngay cả con số thính giả gốc Việt Nam gọi vào chương trình tiếng Indonesia cũng vượt trội hơn số lượng các thính giả khác. Và phần đông những người hảo tâm này đều yêu cầu tiền của họ được gửi đi cứu trợ tại Indonesia.

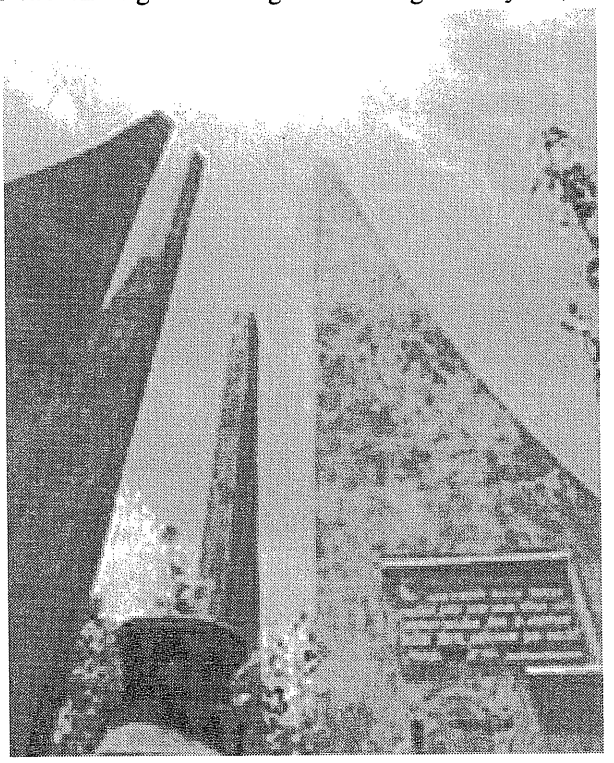

Khi được yêu cầu giải thích do đâu mà có lòng độ lượng kỳ lạ như vậy, cộng đồng Việt Nam chẳng hề do dự thú nhận rằng vì họ vẫn còn nhớ tới tấm lòng tử tế mà dân chúng Indonesia đã biểu tỏ trong thời gian họ tạm trú tại Galang.

Cũng giống như dân chúng trên khắp thế giới từng chịu khổ đau, ngày nay các cộng đồng Việt Nam tại một số các quốc gia mà họ đến định cư cũng muốn hoạt động để phục vụ cho tiến trình hàn gắn vết thương cũ. Và một cử chỉ quan trọng là làm sao ghi nhận những thống khổ của họ. Vì thế, họ đã xây dựng một tấm biển tưởng niệm trên Đảo Galang, và vào ngày 24 Tháng Ba năm nay, họ đã tổ chức một dịp hội ngộ những dân tị nạn cũ hiện nay đang sinh sống tại Úc Đại Lợi, Anh Quốc, Hoa Kỳ, Canada, Thụy Sĩ và Pháp, tại nơi tấm biển được khai trương, có sự tham dự của các giới chức của Hội Đồng Quản Trị Dự Án Phát Triển Kỹ Nghệ Batam (BIDA) cũng như các viên chức thuộc Bộ Ngoại Giao.

Đó là một buổi lễ đầy ắp những xúc cảm. Chúng tôi vinh danh những người đã chết và cảm tạ dân tộc Indonesia đã giúp đỡ chúng tôi, cảm tạ nhà cầm quyền Indonesia đã cho phép chúng tôi dựng nên tấm biển kỷ niệm trên hòn đảo lịch sử này, nhiều thành viên cuả cộng đồng Việt Nam phát biểu như thế.

Thử tưởng tượng nỗi kinh hoàng cuả những người này khi họ được biết tin rằng tháng trước, chiếc biển chiều cao 3 mét, chiều ngang 1 mét kia đã bị tháo gỡ. Khi được hỏi, người ta bảo rằng tấm biển đã bị gỡ đi thể theo lời yêu cầu mà chủ tịch nước Việt Nam đã gởi tới Tổng Thống Susilo Bambag Yudhoyono, bởi vì tấm biển này xúc phạm tới nhà nước Việt Nam.

Không ai còn mơ hồ gì nữa rằng đây là một vấn đề rõ như ban ngày, và rằng đó là một quyết định mà tổng thống của chúng ta dễ dàng đưa ra. Chúng tôi biết rất rõ rằng người ta đã đem cân đo quyết định này với những hệ quả chính trị cuả nó trong bối cảnh toàn bộ chính sách ngoại giao của Indonesia. Tuy nhiên, giữa thời buổi mà giá trị đích thực của sinh mạng con người đang liên tiếp bị khước từ trừ phi nó chứa đầy những lợi lộc về chính trị thì việc phải dừng lại giây lát để mà suy nghĩ cũng đâu có gây ra thiệt hại gì. Chúng ta đã xây dựng các quan hệ đạo đức và tình cảm rất vững mạnh với những cộng đồng hiện nay đang sinh sống tại nhiều phần đất khác nhau trên thế giới, và chúng ta cũng thừa biết rằng những mối quan hệ này trường tồn, bởi vì chúng ta đã thấy được các đáp ứng của những cộng đồng đó sau lời kêu gọi cứu trợ nạn nhân sóng thần cuả chúng ta, ba mươi năm sau, khi những người bạn đó nhớ về điều được coi là tấm lòng tử tế của Indonesia.

Thử hỏi có loại chính trị nào tồn tại nổi qua thời gian một vài năm?

Tại sao chúng ta không thể, chỉ một lần thôi, gạt bỏ chính trị qua một bên và tiếp tục vun đắp trên những gì, dù nhỏ nhoi đến cách mấy, mà chúng ta từng khởi sự làm để phục vụ cho tình người ba mươi năm về trước?

HỒ XUÂN HƯƠNG VÀ *ĐOẠN TRƯỜNG TÂN THANH II*

TRẦN NGỌC NINH

(Phần II. Xin xem phần I ở Thế Kỷ 21 số 193, tháng Năm 2005)

Nguyễn Du ở Nghi Tàm trên bờ Hồ Tây về trong một tình trạng vô cùng sao suyến và bối rối. Ông không biết rằng Hồ Xuân Hương đã gặp những bất hạnh gì làm cho cô phải than rằng

Phấn son còn tủi phận long đong.

Ông buồn nhất là vì Hồ Xuân Hương đã bỏ đi, có lẽ ngay từ đêm hôm đó, và không biết là đi đâu. Trong *Đoạn Trường Tân Thanh*, khi tả tâm trạng của Thúy Kiều lúc rời Quan Âm Các ở nhà Hoạn Thư, ông viết một đoạn dài nói về những ưu tư của Thúy Kiều và sự liều mình bỏ đi, vào chốn vô định:

Phận hèn bao quản nước sa,
Lênh đênh đâu nữa cũng là lênh đênh.

/Lênh đênh/, nhắc lại /long đong/, trong bức tiên mai. Nguyễn Du cho là Hồ Xuân Hương đã phẫn thân mà bỏ đi, và như vậy là một phần nào, thái độ của ông bữa trước đã bị hiểu lầm là sự rứt tình. Ông kể cuộc đào tẩu của Thúy Kiều với những từ ngữ thân thương của hai người với nhau (*điếm nguyệt, cầu sương*), với những chữ trong bức thư của nàng (*năm canh*) *và với cảm tình của ông* trước sự cô đơn nghịch cảnh của nàng (*e* và *thương*).

Nghĩ đi nghĩ lại quanh co,
Phật tiền sẵn có mọi đồ kim ngân,
Bên mình giắt để hộ thân
Lần nghe canh đã một phần trống ba.
Cất mình qua ngọn tường hoa,
Lần đường theo ánh trăng tà về tây.
Mịt mù dặm cát đồi cây,
*Tiếng gà **điếm nguyệt**, dấu giày **cầu sương**.*
Đêm khuya, thân gái dặm trường,
*Phần **e** đường sá, phần **thương** dãi dầu.*
Trời đông vừa rạng ngàn dâu,
Bơ vơ nào đã biết đâu là nhà.

Và, vì không thể viết thư gửi người đưa đến cho Hồ Xuân Hương, ông nghĩ ra được một cách là gài vào trong *Đoạn Trường Tân Thanh* bức thư trả lời của ông, để trần tình và nói rõ tấm lòng của ông đối với nàng. Để cho vấn đề được rõ ràng minh bạch với người trong cuộc, ông dùng chính những lời lẽ trong bức hoa tiên nàng viết cho ông để dẫn vào bức thư trả lời của ông.

*

Tôi không nói rằng Nguyễn Du đã viết *Đoạn Trường Tân Thanh* vì Hồ Xuân Hương.

Ông đã mượn cái khung cảnh của *Truyện Kiều* để treo lên những bài thơ ông viết về những uẩn ức của một cuộc đời trôi nổi trong một trận phong trần lớn của lịch sử. Ông nói về những hoài bão trong tuổi trẻ của ông:

Trông vời trời biển mênh mang,
Thanh gươm yên ngựa lên đường thẳng giong (2216)
Anh hùng tiếng đã gọi rằng,
Giữa đường thấy sự bất bằng mà tha (2430)
Sao cho muôn dặm một nhà,
Cho người thấy mặt là ta cam lòng... (2436)

Ông nhẹ nhàng nói cái quan niệm của ông về công lí, có ân có oán rạch ròi và về hình phạt thì

Đã lòng tri quá thì nên,
Truyền quân lệnh xuống trướng tiền tha ngay (2378)

còn đối với những tội "*lồng lộng trời cao*":

Thể sao thì lại cứ sao gia hình (2388).

Ông kể những thói nhũng lạm của quan nha bằng những lời khinh bỉ khó thấy trong văn chương, miêu tả thế giới ăn chơi với những con người đồi trụy rồi thế giới quyền quí thối nát từ trong lòng dạ họ mà ra để mỗi người ý thức và tự xét.

Ông nêu lên những cái phi lí của cuộc đời để nói được rằng:

Có khi biến, có khi thường,
Có quyền nào phải một đường chấp kinh.

Và ông đã thực hiện được cái mĩ quan của ông, nói lên được cái nhân sinh quan của ông để để

lại cho hậu thế một tác phẩm của tình thương sáng suốt.

Ông chỉ gài thêm vào cái thông điệp lớn ấy một bức thư riêng mà ông muốn gửi cho người nữ sĩ đã có một lúc đặt lòng tin vào ông, nhưng ông đã không đáp ứng được.

Bức thư mà nữ sĩ gửi cho ông, ông đã đọc đi đọc lại không biết bao nhiêu lần trong đêm và đã thuộc lòng từng câu từng chữ. Giấy hoa tiên có vẽ một cành mai, là tên của nàng.

Hai câu đầu đã rất thắm thiết nhưng cũng không có gì đặc biệt lắm. Ông cũng chỉ nói rằng: Tôi đã nhận được thư:

*Mở xem một bức **tiên mai** (1037)*

Bức thư có bông mai là bức thư ấy, hiển nhiên không phải là phục-thư của Sở Khanh cho Thúy Kiều.

Ông chỉ nói thêm rằng ông biết lòng nàng nhớ ông, mong ông:

Tưởng người dưới nguyệt chén đồng
***Tin sương** luống những rầy trông **mai chờ** (1040)*

Trong ngôn từ riêng của hai người với nhau, kỉ niệm ngồi uống trà với nhau dưới ánh trăng trong vườn mai là một kỉ niệm êm đềm, nghìn năm chưa dễ đã ai quên. Còn "*tin sương*" có hai nghĩa, một nghĩa kín là sự đợi chờ ông đến gặp lại nàng mà không được một tin tức gì của ông.

Nàng viết:

Chữ tình chốc đã ba năm vẹn,
Giấc mộng rồi ra nửa khắc không.

Ông nhận là đã có ba năm ấy, và khi nhận được thư nàng thì suốt ngày hôm ấy, một ngày dài hơn mọi ngày trong đời, ông đã sống lại trong tâm tưởng ba năm hạnh phúc xưa, nhưng nay không còn có lại được nữa. Ông đặt những nhớ nhung ấy, và nỗi buồn vô hạn không dìm xuống được của ông vào trong lòng Kim Trọng:

Sầu đong càng lắc càng đầy,
Ba thu dọn lại một ngày dài ghê (248)

mặc dầu Kim Trọng chỉ mới gặp Thúy Kiều có một thoáng trong buổi chiều Thanh Minh.

Ông kể lại, rải rác trong thơ, những buổi hai người tự tình với nhau bên song cửa hay dưới bóng cây trong vườn mai:

Khi chén rượu, khi cuộc cờ,
Khi xem hoa nở, khi chờ trăng lên (3224)

và*: Khi gió gác, khi trăng sân*
Bầu tiên chuốc rượu, câu thần nối thơ
Khi hương sớm, khi trà trưa,
Bàn vây điểm nước, đường tơ họa đàn (1298)

và những lúc cùng nàng dạo bước ven hồ và đi

Mở xem một bức tiên mai (1087)

CẨM CỰU KIÊM TRÌNH
CẦN CHÁNH HỌC SĨ NGUYỄN HẦU
HẦU NGHI XUÂN TIÊN ĐIỀN NHÂN

Dặm khách muôn nghìn nỗi nhớ nhung,
Mượn ai tới đấy gửi cho cùng.
Chữ tình chốc đã ba năm vẹn,
Giấc mộng rồi ra nửa khắc không.
Xe ngựa trộm mừng duyên tấp nập,
Phấn son càng tủi phận long đong.
Biết còn mảy chút sương đeo mái,
Lầu nguyệt năm canh chiếc bóng chong.

mài lệ chép thơ/ cắt người tìm tới đưa tờ nhắn nhe

vãn các cảnh đền chùa:

*Ngày xuân lắm lúc **đi về với Xuân** (1294)*

Ông nói rằng không phải chỉ một ngày hôm ấy, ông nhớ đến những phút giây bên cạnh nàng trong ba năm hai người được gần gũi nhau, mà luôn luôn, hoài hoài, trong mỗi dịp của cuộc đời thường ngày:

***Hương gây mùi nhớ**, trà khan dọng tình (256)*

và mãi mãi, không bao giờ thôi:

***Còn non, còn nước,** còn dài,*

Còn về, còn nhớ đến người hôm nay (558)

(nhắc lại câu thơ xưa *"Bảy nổi ba chìm với nước non"* của nàng)

Nàng tiếc rằng giấc mộng xuân tình của thuở trẻ đã không bao giờ được thành trong nửa khắc, nhưng làm thế nào được vào lúc ấy khi

***Chày sương** chưa nện cầu lam,*

Sợ lần khân quá ra sàm sỡ chăng (458)

Mây mưa đánh đổ đá vàng,

Quá chiều nên đã chán chường yến anh (516)

Trong thư nàng viết

Xe ngựa trộm mừng duyên tấp nập

Phấn son càng tủi phận long đong,

thực là buồn quá. Ngày trước quả là ông đã quá ham danh vọng, nên đã rời nàng mà vào kinh, vả lại lúc đó có chiếu chỉ gọi ông vào chầu, ông không thể trốn tránh được. Ngày nay, tuy rằng trong chức mới, nhất là có ngựa xe tấp nập, nhưng thực là lòng ông đã nguội lạnh nhiều với chuyện công danh; hơn nữa, nhìn lại thấy nàng vẫn chưa an phận, ông lại càng thương cảm vì

nghĩ mình vinh hiển, thương người lưu li (2872)

Nàng ngờ rằng với danh phận cao sang của ông bây giờ, và sau bao nhiêu năm xa mặt cách lòng, ông không còn giữ được tình xưa nữa, nên viết:

Nếu còn mảy chút Sương đeo Mái.

Nhưng sao nàng lại có thể ngờ ông đã thay lòng đổi dạ hay phai lạt trong mối tình với nàng? Với ông, đối với người nữ sĩ Mai cốt cách tuyết tinh thần của Lầu Cổ Nguyệt bên Tây Hồ và riêng đối với nàng:

Tình xưa lai láng không hàn, (3191)

ông trang trọng viết lại rằng.

***Giọt Sương treo nặng cành Xuân la đà.** (176)*

Hãy so sánh lời tỏ tình khấng khít, đẹp như mơ với một hình ảnh vừa Thiền-đạo vừa lãng mạn chứa đựng một hứa hẹn say sưa của **Giọt Sương** với **cành Xuân** tươi trẻ của ông, với lời tỏ tình hơi quê mùa vì quá thật thà của Kim Trọng, và với lời tán tỉnh rất văn hoa nhưng bâng quơ của Sở Khanh, chúng ta thấy rõ sự chân thành trước sau không đổi của Nguyễn Du.

Giọt Sương treo nặng cành Xuân la đà

lại đối nghịch và trái ngược hẳn với câu mà có người đã cho là nói cái tình của Nguyễn Du đối với Hồ Xuân Hương khi viết *Đoạn Trường Tân Thanh*:

Dẫu lìa ngó ý, còn vương tơ lòng

Câu sau này là Nguyễn Du nói về lòng trung của ông đối với triều trước, nay đã dứt hẳn để theo về Nhà Nguyễn mà ông là một thần tử (*lìa ngó ý*), tuy vẫn còn chút nhớ tiếc (*vương tơ lòng*) thời Lê vẫn chưa khuây hẳn. Như trong thơ chữ Hán ông viết (Ngô gia đệ cựu ca cơ), giống cô nàng hầu của em ông, lấy chồng khác đã được ba con mà vẫn còn tiếc cái áo cũ chưa chịu bỏ:

Chậu nước đã đổ rồi, làm sao mà vớt lại được?

{Phúc bồn dĩ hĩ nan thu thủy}

Ngó gãy thương thay, vẫn chưa dứt tơ

{Đoạn ngẫu thương tai vị tuyệt ti}

Câu cuối cùng trong bức tiên mai mà Hồ Xuân Hương gửi đến tay Nguyễn Du là:

Lầu Nguyệt năm canh chiếc bóng chong.

Bề ngoài là một câu thông tin, tách rời ra thì là một lời than, nhưng đi sau câu *Nếu còn mấy chút sương đeo mái*, thì là một lời mời, một câu hẹn hò không thể rõ ràng hơn. Ông hiểu rằng người cũ muốn gặp lại ông vì đang bối rối và có nhiều tâm sự muốn tỏ bầy cùng ông,

Lời tan hợp, chuyện xa gần, thiếu đâu (3028)

Nhưng ông đã không thể đến được với nàng và sự li cách mà nàng đã phải chịu cũng làm cho ông đau khổ không kém trong suốt đường trường:

*Người về **chiếc bóng năm canh**,*

Kẻ đi muôn dặm một mình xa xôi;

Vầng trăng ai xẻ làm đôi,

Nửa in gối chiếc, nửa soi dặm trường.

Và ông chia xẻ nỗi buồn của nàng:

***Một mình âm ỉ canh chầy**,*

*Đĩa dầu vơi, nước mắt đầy **năm canh** (1884)*

*

Nguyễn Du đi sứ về đến Huế là Tháng Tư Giáp Tuất 1814.

Vụ án Nguyễn Văn Thuyên (1813 -1817) dẫn đến sự tự vẫn bằng thuốc độc của Nguyễn Văn Thành, sự xử tử Nguyễn Văn Thuyên bằng hình

Dặm khách muôn nghìn nỗi nhớ nhung, ***Mượn ai tới đấy gửi cho cùng***	*Tưởng người dưới* ***nguyệt*** *chén đồng* ***Tin sương*** *luống những rầy trông mai chờ.*
Chữ tình chốc đã ba năm vẹn, ***Giấc mộng rồi ra nửa khắc không.***	***Chày sương*** *chưa nện* ***cầu lam,*** *Sợ lần khân quá ra sàm sỡ chăng.* *Mây mưa đánh đổ đá vàng* *Quá chiều (thì sẽ) chán chường yến anh.*
	Sầu đong càng lắc càng đầy, ***Ba thu dọn lại một ngày dài ghê!*** Đôi phen nét vẽ câu thơ, cung cầm trong nguyệt nước cờ dưới hoa. Khi chén rượu khi cuộc cờ, khi xem hoa nở khi chờ trăng lên. *Ngày xuân lắm lúc* ***đi về với Xuân*** ***Hương*** *gây mùi nhớ, trà khan dọng tình,* *Vẻ non xa,* ***bóng trăng gần*** *ở chung,* *tình xưa lai láng khôn hàn,* ***Còn non, còn nước****, còn dài,* *Còn về, còn nhớ đến người hôm nay.*
Xe ngựa trộm mừng duyên tấp nập ***Phấn son càng tủi phận long đong.***	*nghĩ mình vinh hiển, thương người lưu li.*
Nếu còn mẩy chút sương đeo mái	***Giọt Sương*** *treo nặng* ***cành Xuân*** *la đà*
Lầu Nguyệt năm canh chiếc bóng chong Hồ Xuân Hương	*Người về* ***chiếc bóng năm canh,*** *Kẻ đi muôn dặm một mình xa xôi.* *Vầng trăng ai xẻ làm đôi,* ***Nửa in gối chiếc****, nửa soi dặm trường.* ***một mình âm ỉ canh chầy,*** *đĩa dầu vơi, nước mắt đầy* ***năm canh.*** Nguyễn Du

lăng trì và sự lên án xử trảm giam hậu Vũ Trình, em rể của Nguyễn Du, xảy ra vào đúng lúc ấy.

Nguyễn Du xin nghỉ về quê được mấy tháng năm 1814.

Theo sự phân tích và tính toán của tôi, bài *Văn Chúng Sinh* được viết trước, rất nhanh, và *Đoạn Trường Tân Thanh* được viết ngay sau đó, đến 1817 thì hoàn thành, với những ý kiến rất che đậy nhưng cũng vô cùng can đảm của Nguyễn Du về công lí, và với bức thư riêng gửi cho Hồ Xuân Hương mà tôi đã trình bày.

Triều đình không đọc thấy những ý kiến của ông và ông thoát.

Hồ Xuân Hương chắc cũng không biết rằng có *Đoạn Trường Tân Thanh*. Bà đã tái giá để lấy Tham Hiệp (tri phủ) Trần Phúc Hiển ở Quảng Yên và được hưởng vài năm thanh nhàn. Bà làm những thơ kể một cuộc du ngoạn Vịnh Hạ Long vào lúc này. Nhưng năm 1819, Tham Hiệp Trần Phúc Hiển bị tố là ăn hối lộ và bị Vua Gia Long

lên án xử trảm. Sau đó, cuộc đời bạc mệnh của Hồ Xuân Hương không biết ra sao. Thơ văn chữ nôm của bà bị một vài nho sĩ đời sau ghen ghét sửa chữa lại, và nhiều bài bị giả tạo ra với mục đích là bôi nhọ thanh danh của một bậc kì-nữ của thi đàn Việt Nam. Đó là một chuyện khác mà văn học sử phải làm cho minh bạch.

Tất cả những lập luận của tác giả bài này dựa vào những điều đã được tìm ra về tiểu sử của Nguyễn Du và Hồ Xuân Hương (một vài điểm còn chưa được hoàn toàn chứng minh) và những văn thơ của hai người. Chứng tích lõi, ở trọng tâm của vấn đề, là bức thư của Hồ Xuân Hương gửi người cầm tay đến trao cho Nguyễn Du khi Nguyễn Du từ Phú Xuân ra Thăng Long để cầm đầu sứ bộ sang Bắc Kinh triều cống, tức là tháng Hai Quí Dậu (đầu năm 1813).

Bức thư của Hồ Xuân Hương có một số phận "long đong" mà ai hay biết cũng phải lấy làm buồn, không phải chỉ cho một bức tiên mai ấy, mà cho cả tình hình văn học sử của nước ta, cho đến ngày nay. Bức thư (tức là bài thơ **Cảm Cựu Kiêm Trình**) là bài cuối cùng của tập *Lưu Hương Ký* mà Hồ Xuân Hương, theo lời tựa sách của Nhan Giác Tốn Phong, nhận là "tập thơ của cả đời cô." Điều này nếu có đúng, thì chỉ đúng vào lúc ấy, tức là trước khi Hồ Xuân Hương lấy Trần Phúc Hiển. Tập thơ *Lưu Hương Ký* độc nhất còn lại là một bản chép tay bởi gia đình ông Nguyễn Văn Tú, nằm trong tủ sách gia đình của ông Trần Thanh Mại; ông Trần đã cho mượn đi cho đến năm 1963 mới được trả về khi ông đọc bài Tựa sách chép lạc vào một tập tài liệu đề là *Du Hương Tích Động Ký* (trong có bài thơ của Chu Mạnh Trinh) do Trường Viễn Đông Bác Cổ Pháp để lại. Theo ông Trần Thanh Mại thì *Lưu Hương Ký* của Hồ Xuân Hương gồm 24 bài thơ Đường luật chữ Hán và 28 bài vừa thơ vừa từ, chữ Nôm. Ông Trần Thanh Mại mới dịch được có 16 bài thơ chữ Hán mà ông đã công bố năm 1964 trong tạp chí *Văn Học* (Hà Nội). Về sau ông Hoàng Xuân Hãn có sửa chữa lại một số chữ hoặc là đọc không đúng, hoặc là in sai, và mọi người chờ đợi một sự nghiên cứu bề sâu của tập thơ văn chính thức của Hồ Xuân Hương. Nhưng ông Trần Thanh Mại mất năm 1964, và sau đó, cuốn sách nhỏ ấy phải sơ tán để tránh bom Mĩ cùng với một số sách của Viện Văn Học trong cái ba lô của ông Hồ Tuấn Niệm và ông Hồ Tuấn Niệm cũng đã mất. Cuốn *Lưu Hương Ký* cùng với cuốn đề là *Duy Hương Tích Động Ký* trở về nằm ở Thư viện của Viện Văn Học, nhưng trong khoảng nửa thế kỉ nay, *Lưu Hương Ký* đã tuyệt tích, không ai nhận là đã thấy nó ở đâu. Những điều tôi kể lại ở trên là tóm tắt những nhận xét của ông Hoàng Xuân Hãn và ông Tạ Trọng Hiệp, phần lớn là do bà Thụy Khuê kể ra; tôi hoàn toàn tin cẩn ở những vị này về sự chân thành trí thức.

Sự phân tích và phê phán văn bản ở trên cho phép tôi nghĩ rằng, cho tới khi có những chứng tích mới thuận hay nghịch, bức thư CẢM CỰU KIÊM TRÌNH của Hồ Xuân Hương là thực và đích thực là của nữ sĩ họ Hồ gửi cho Nguyễn Du khi ông đến Thăng Long để khởi hành dẫn sứ bộ đi Bắc Kinh. Ông viết *Đoạn Trường Tân Thanh* sau cuộc Bắc Hành.

Trần Ngọc Ninh
Tháng Hai, Ất Dậu 2005,
Kỉ niệm 240 năm sinh nhật của Tố Như.

THƯ TỊCH

Trần Ngọc Ninh - Tố Như và *Đoạn Trường Tân Thanh*, Westminster, USA - 2005, Viện Việt Học và Khởi Hành x.b.

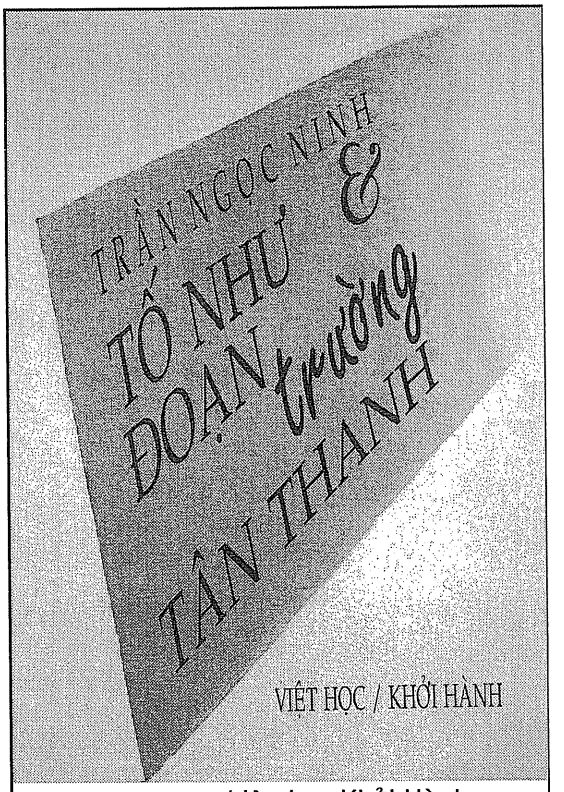

Liên lạc: Khởi Hành
P.O.Box 670 Midway City
CA, 92655 - USA
Giá: $30.00 **(714) 554-1886**

Chữ Việt Gốc Tàu

NGUYỄN HỮU PHƯỚC

Sau đây là những chữ viết tắt sẽ dùng trong bài nầy:
VN = người Việt Nam, hoặc tiếng Việt.
TH = Người Trung Hoa (còn gọi là người Hoa), trong sách VN, còn gọi là người Tầu, (hay Tàu), người "Hán"; chữ TH, chữ Hán = chữ Tàu = chữ "nho."
HV = Tiếng **H**án**V**iệt, giọng đọc HV; chữ HV = chữ ký âm giọng HV bằng mẫu tự của chữ quốc ngữ VN (thí dụ chữ "điện đàm" = nói chuyện bằng điện thoại).
QĐ = tiếng TH giọng **Q**uảng **Đ**ông, người QĐ.
TC = tiếng TH giọng **T**riều **C**hâu, người TC còn gọi là người Tiều.
QT = tiếng TH giọng **Q**uan **T**hoại hay giọng Bắc Kinh (có nơi gọi là Bạch thoại); giọng nói được dùng làm giọng chung cho cả quốc gia TH vì TH tuy dùng một thứ chữ viết nhưng có trên vài chục giọng nói (phương ngữ) khác nhau.
Hầu hết những chữ Việt gốc Tàu đều có trong quyển Tầm Nguyên Tự Điển Việt Nam của cố Giáo sư Lê Ngọc Trụ (LNT). Những chú thích cách đọc theo HV cũng từ quyển nầy.

*

- Mình ơi, hôm nay em mua thịt quay bánh hỏi và rau sống, mình muốn ăn với nước mắm tỏi ớt, hay ăn với "xì dầu" tỏi ớt?

- Tại sao em hỏi anh về "xì dầu"?

- Vì anh thường nói thịt quay là món ăn chuyên môn của Tàu, phải do Tàu quay mới ngon, do đó phải dùng "xì dầu" làm nước chấm cho đúng điệu. Right honey?

- Đúng và không. Dùng xì dầu thì đúng, nhưng pha tỏi ớt (tươi) kiểu VN là không. Vì muốn đúng điệu Tàu phải dùng "lạc chiếu chường" để vào xì dầu, không dùng tỏi ớt kiểu VN.

Chữ Việt gốc Tàu khác chữ Hán Việt

- Em biết "xì dầu" là "nước mắm Tàu," còn "lạc chiếu chường" là gì hở mình?

- Gọi "xì dầu" là "nước mắm Tàu" là gọi theo kiểu Việt Nam. Đúng ra phải gọi "nước tương" vì "xì dầu" là nước làm ra từ tương (làm bằng đậu nành), không có chút mắm nào trong đó. Còn "lạc chiếu chường" là tương ớt (Chường = tương, và lạc chiếu = ớt). Đó là loại ớt băm nhỏ ngâm trong dầu, loại tương ớt mà dân ta dùng chung với "bún bò giò heo" đấy.

Sẵn đây hôm nay anh muốn nói cho em nghe về những **chữ Việt gốc Tàu**. Có nhiều chữ (hay nhóm chữ) Việt gốc Tàu rất thông dụng như chữ "xì dầu," và cũng có một số chữ chỉ thông dụng giới hạn trong số những người Việt Nam có tiếp xúc với người Tàu.

- Có phải mình muốn nói đến tiếng Hán Việt không?

- Không. Anh nhắc mình nhớ hai chuyện. Thứ nhất là anh chỉ biết có vài chữ Tàu đơn giản hay thường thấy. Thứ hai là số vốn chữ Hán Việt của anh tuy có nhiều hơn mình nhờ tốt nghiệp trung học chương trình VN, nhưng số vốn đó thật là quá nhỏ so với số chữ Hán Việt dùng trong các sách VN. Do đó anh cũng phải "tra" tự điển Hán Việt mới hiểu nghĩa. Tuy nhiên anh phải nói sơ sơ về tiếng HV trước rồi mới nói đến những chữ Việt gốc Tàu.

Giọng Hán Việt là một giọng đọc mà các nhà nho dùng để đọc chữ Hán theo kiểu gọi là VN. Thật ra, đây là một cách đọc có hệ thống rõ ràng theo giọng đọc mà các nhà khảo cứu gọi là giọng Trung Hoa đời Đường bên Tàu, (tức giọng nó xưa của người Tàu, khoảng thế kỷ thứ 9 và thứ 10, gọi là giọng Trường An. Trường An là đị bàn chánh của dân Tàu đời Đường). Ai đã có c học chữ Hán theo giọng Hán Việt đều có cách đọc giống nhau khi gặp cùng một chữ. Nói khác đi, tiếng HV cũng là tiếng có gốc Tàu, nhưng là một giọng nói, một cách đọc có hệ thống rõ ràng.

Trong suốt 10 thế kỷ (từ thế kỷ thứ nhất cho đến thế kỷ thứ mười) VN sống dưới sự đô hộ của người Tàu. Tất cả văn kiện trong hành chánh, luật pháp, văn chương, tôn giáo v.v. VN dùng chữ Tàu làm chữ chánh thức trong việc giao dịch với Trung Hoa, và dùng giọng Hán Việt để đọc chữ Tàu. Có lẽ vào thời xa xưa đó, dân ta (người có học chữ Tàu) và người Tàu (nói giọng Trường An) hiểu nhau qua tiếng nói.

Điều cần biết là người Trung Hoa có trên vài chục giọng địa phương, nhưng họ đều dùng cùng một loại chữ viết. Do đó, tuy không đối thoại với nhau được bằng tiếng nói họ vẫn hiểu nhau qua

chữ viết một cách dễ dàng. Lối dùng chữ viết để giao dịch hay "nói chuyện bằng chữ" gọi là "bút đàm." Do đó, có thêm một nhóm VN vào việc "bút đàm" là chuyện không có gì xa lạ vì nhà cầm quyền TH không thể buộc tất cả những sắc dân TH hay những nước bị TH đô hộ nói cùng một thứ tiếng.

VN dành lại được nền độc lập vào thế kỷ thứ 10. Từ đó cho đến đầu thế kỷ 20, giới có học của dân ta vẫn tiếp tục dùng chữ Tàu và giọng đọc HV đã học được của thời xưa. Trong 10 thế kỷ độc lập với người Tàu, giới "có học" của dân ta dạy học sinh những thế hệ kế tiếp những gì đã học được. Chữ viết và giọng Hán Việt , cách dạy HV không có thay đổi chi nhiều trong 10 thế kỷ nầy. Từ đầu thề kỷ 20, khi chữ "quốc ngữ" của VN (dùng mẫu tự La Mã để ký âm tiếng Việt) phát triển, giọng HV cũng được "ký âm" bằng chữ quốc ngữ VN. Lẽ dĩ nhiên là người Tàu chánh hiệu, không biết tiếng Việt và không học chữ Việt không thể đọc và có nghe cũng không hiểu giọng HV. Nhưng người Tàu nào *có học tiếng Việt*, với vốn chữ Tàu có sẵn, lại có thể dùng giọng HV để đọc chữ Tàu rất dễ dàng.

Trong lúc đó, từ thế kỷ thứ 10 đến giờ, tiếng Tàu, từ chữ viết và giọng đọc đã thay đổi rất nhiều theo thời gian và hoàn cảnh (người TH đã phải gánh chịu 90 năm đô hộ của người Mông Cổ (nhà Nguyên) và gần 270 năm của người Mãn Châu [nhà Thanh]). Tuy vậy giao dịch với VN vẫn dùng chữ Tàu. Cho đến hiện đại, ngay cả ở trong nước TH, chuyện "bút đàm" vẫn còn là chuyện quen thuộc.

Giọng nói thời Trường An, càng ngày càng xa giọng nói hiện đại. Nói cách khác, giọng HV của các nhà nho VN càng khác xa với giọng nói của TH hiện đại.

(Như vừa nói ở đoạn trên, vì có quá nhiều giọng phương ngữ nên khi người TH dành lại được độc lập [khỏi sự cai trị của Mãn Châu] nhà cầm quyền TH ra lệnh dùng giọng "Quan Thoại" [tức giọng Bắc Kinh] làm giọng nói tiêu chuẩn trong trường học và trong hành chánh TH, mặc dầu các phương ngữ vẫn tiếp tục sống động.)

Mặt khác, "Chữ Việt gốc Tàu" là những chữ mà dân ta dùng thẳng cách đọc của người Tàu hiện tại, và dùng âm của *mẫu tự VN* viết lại, giống hay gần giống, có khi hơi trại đi cách đọc của Tàu vì không có giọng tương đương. Khi ta nói lên tiếng đó, người Tàu "liên hệ" (có cùng giọng nói) có thể hiểu được. Thí dụ hai chữ "xíu mại" và chữ "chạp phô" (tiệm tạp hóa) là chữ Việt gốc Tàu Quảng Đông.

- Mình ơi, em gốc là học trò "*trường chim*" như mình thường "ngạo" em (trường Couvent des Oiseaux là trường trung học do dòng tu công giáo lập ra ở VN, dùng tiếng Pháp làm chuyển ngữ, và chỉ nhận nữ sinh thôi; Pháp: oiseaux = chim). Nói thiệt mình đừng buồn, em vẫn không thấy sự khác biệt giữa tiếng Hán Việt và "Tiếng Việt gốc Tàu".

- O.K. Đại khái có điểm khác biệt chánh sau đây:

Tàu và những người VN biết chữ Hán đều có thể có thể nói chuyện với nhau bằng cách viết chữ Hán (bút đàm), nhưng không thể hiểu nhau qua *tiếng nói*, vì người Tàu không hiểu giọng Hán Việt và người Việt không hiểu giọng Tàu. Với các "chữ Việt gốc Tàu" thì ngược lại. Khi một người VN (dù không biết chữ hay tiếng Tàu) nói lên một chữ Việt gốc Tàu Quang Đông thì người Trung Hoa/Quảng Đông "có thể" hiểu, mặc dù hai người đó không thể "bút đàm" được. Khi vào tiệm Tàu ăn sáng, mình gọi "xíu mại" là người "bồi" nhà hàng hiểu ngay mình muốn gọi món gì.

Để anh tìm cách nói rõ hơn một chút về chữ Việt và chữ Hán Việt trước, (sau đó sẽ đưa ra một thí dụ khác về chữ Việt gốc Tàu) bằng cách thuật cho mình nghe một câu chuyện của một "*tiểu đồng*" đến "*trình*" với "*tiểu thơ*" chủ nó, một chuyện (ba chữ viết nghiêng là ba chữ Hán Việt). Nó dùng gần như hoàn toàn tiếng VN câu sau đây:

Dạ thưa Cô *Chín*
Ông tôi trao *chín* đồng tiền
Biểu Cô mua *chín* cái bông
Đem về cúng *chín* Ông Phật.

Biết tiểu đồng là một em bé lanh lợi, lại biết khá nhiều chữ HV, nên tiểu thơ nói: Trong câu rồi có quá nhiều "*điệp ngữ*" (là chữ HV = "chữ trùng nhau" hay là lập lại nhiều lần) vậy em bé nói lại bằng một câu khác cùng nghĩa, nhưng không có điệp ngữ được không? Tiểu đồng thưa "được":

Dạ thưa cô tám, một (8 & 1 = 9)
Ông tôi trao bảy, hai (7 & 2 = 9) đồng tiền
Bảo cô mua năm, bốn (5 & 4 = 9) cái bông
Đem về cúng sáu, ba (6 & 3 = 9) Ông Phật.

Tới đây, bài thơ vẫn là tiếng Việt. Tiểu thơ khen giỏi và tiếp tục thử sức chú bé: Em bé có

thể đọc câu trên *hoàn toàn bằng tiếng Hán Việt* được không? Bé thưa được:

*Tâu trình Cô bát nhất **
Gia gia giao thất nhị quan tiền
Lệnh Cô mãi tứ ngũ đóa hoa
Đáo lai tế lục tam bồ tát.

(* HV: Bát = tám; nhất = một; thất = bảy; nhị = hai; tứ = bốn; ngũ = năm; lục = sáu; tam = ba; da da = ông; đáo lai = trở lại, về; mãi = mua)

Bây giờ qua mấy câu trên mình có phân biệt tiếng Việt và tiếng HV chưa?

- Sơ sơ thôi. Cho em một thí dụ nữa đi.

- Ok. Mình còn nhớ bài thơ "Trường tương tư" của Lương Ý Nương mà anh đã có dịp đọc bản dịch tiếng Việt cho mình nghe rồi. Bài thơ đó của người Tàu viết bằng chữ Tàu. Các nhà nho của chúng ta (người biết đọc chữ Hán theo giọng HV) sẽ đọc bài thơ đó và dùng mẫu tự VN (chữ "quốc ngữ") viết ra bốn câu giữa của bài thơ đó như sau:

Quân tại Tương Giang đầu
Thiếp tại Tương Giang vĩ
Tương tư bất tương kiến
Đồng ẩm Tương Giang thủy

Bốn câu đó là bốn câu chữ HV đấy. Người Tàu chánh cống khi nghe chúng ta đọc bốn câu trên họ sẽ không hiểu gì cả. Còn mình thì sao? Mình có hiểu hết các chữ trong đó không?

- Em thấy có vài chữ quen thuộc vì đã được dùng nhiều trong tiếng VN như: tại, đầu, thiếp, tương tư (nhớ nhau), thủy (nước). Nhưng còn nguyên cả bài thì chịu thua.

Bài thơ trên được "dịch" ra hay viết bằng tiếng VN như sau:

Chàng tại đầu sông Tương
Em tại cuối sông Tương
Nhớ nhau, nhưng không thấy nhau
Cùng uống nước sông Tương.

Bây giờ em phân biệt được một số tiếng HV rồi phải không?

- Có thể gọi là sáng hơn đôi chút. Nhưng còn chữ Việt gốc Tàu hay chữ Tàu Việt hóa thì nói "thi... thi...ệt" mình nghe, em vẫn "mị... mị... ịt mù trời đất," không phân biệt được chữ Việt gốc Tàu* với những chữ HV khó, lạ, mà em chưa biết. Mình nhớ là nên cho em một thí dụ thiệt đơn giản, dễ hiểu nghen mình.

- Em có ý kiến hay lắm. Vì anh "mất dạy" (mất nghề thầy giáo, không đi dạy học) lâu lắm rồi nên giải thích không rành. Để anh đưa ra vài thí dụ thiệt dễ theo đề nghị của em, hy vọng câu chuyện sáng tỏ hơn đôi chút.

(*Hầu hết những chữ Việt gốc Tàu trong bài nầy được viết bằng chữ đậm (bold) đều là chữ có gốc Quảng Đông. Chữ nào không phải gốc QĐ sẽ được ký chú trong ngoặc đơn như chữ "xí lắt léo" là gốc Triều Châu sẽ được viết **xí lắt léo** (TC) = chết.)

Trở lại đề nghị của mình, anh dùng số 1, 2, 3, 4, 5, 6 làm thí dụ. Các số trên sẽ được đọc và dùng mẫu tự VN ký hiệu cách đọc như sau:

Tiếng VN thuần túy: một hai ba bốn năm sáu

Tiếng VN giọng Hán Việt: nhứt (nhất) nhị tam tứ ngũ lục

Giọng Tàu Quảng Đông: dách dì xám xây ựng lục

Giọng Tàu Triều Châu: chực nò xa xí ngầu lác

Giọng Tàu Quan Thoại: dí ư xán xứ ù liu

Câu tiếng Việt sau đây gồm một số của các chữ trên:

"Anh Tư tôi, năm mười bốn tuổi thôi học khi xong lớp đệ tứ trung học (lớp chín ngày nay); ảnh thích chơi hai loại bài: "dà dách" và "xí ngầu lác"(tức là chơi đổ hột xúc xắc); trong khi đó chị Ba tôi lại mê bài "xập xám" (mười ba).

"**Dà dách**", "**xập xám**" và "**xí ngầu lác**"(Tiều Châu) là ba "**chữ Việt gốc Tàu**" mà người VN quen dùng. Không ai nói chơi bài "2,1" hoặc "21" (hai một, hai mươi mốt hay hăm mốt); và không ai dùng giọng HV để nói "chơi bài *nhị nhứt* hay *nhị thập nhất,* hoặc bài "mười ba, hay thập tam." Khi ta phát âm "dà dách," hay "xập xám" người Quảng Đông và dân chơi bài người Việt (không biết nói tiếng Tàu) đều hiểu. Cũng y như vậy cho chữ "xí ngầu lác" đối với người Việt và Triều Châu. Thêm vào, dân ta còn có thói quen gọi Anh Tư nhưng không gọi anh Bốn, và nói *mười bốn* chớ không xài *mười tư.* Chữ tư là tiếng Việt biến thể của chữ HV "tứ". Phong phú thay, nhưng rắc rối cho các em lớn lên ở hải ngoại.

Điều cần nêu ra là có thể nói khoảng từ 50 đến 60 phần trăm những chữ trong tiếng Việt là tiếng Hán Việt*. Trong số đó khoảng một nửa đã được VN hóa vì chúng ta đã dùng hàng ngày từ lâu rồi, nên khi nói không chú ý chúng là tiếng HV nữa (thí dụ như "điện thoại, giao thông, tâm lý, tinh thần, tương trợ, du lịch, huynh đệ v.v.) *Trong khi đó số "chữ Việt gốc Tàu" chỉ độ trên*

dưới một trăm năm chục chữ thôi.

(* Theo Tu Dinh va Vo Cao, ["Văn phạm và ngôn ngữ Việt Nam] nếu không đếm những chữ HV đã hoàn toàn VN hóa, thì tỉ lệ HV trong ngôn ngữ VN như sau:

"Truyện thơ Chữ Nôm: 21%; Thơ Chữ Nôm: 9%; Nghiên cứu và biên khảo nửa đầu thế kỷ 20: 24%; Truyện đầu thế kỷ 20: 12%; Thơ tiền chiến: 17%; Ca dao:1%; Truyện nửa đầu thế kỷ 20: 8%; Truyện nửa sau thế kỷ 20: 9%; Thơ nửa sau thế kỷ 20: 11%; Nghiên cứu và biên khảo nửa sau thế kỷ 20: 30%; báo chí đầu thế kỷ 21: 29%".

Như vậy, càng gần đây, số chữ HV càng tăng vì ngôn ngữ VN theo đà phát triển, cần có thêm nhiều chữ mới để đáp ứng với nhu cầu phát triển trong nhiều lãnh vực khác nhau.)

- Nhưng có quá nhiều tiếng Hán Việt đọc lên nghe "lạ quắc," thấy như tiếng Tàu làm sao em phân biệt được tiếng nào là Hán Việt và tiếng nào là "chữ Việt gốc Tàu"?

Đó là lý do mà anh cố gắng nói ra (và ghi ra) hôm nay một số những"chữ Việt gốc Tàu" để mình nhận dạng chúng nó.

"Từ Việt gốc Tàu" phát xuất ở vùng nào?

- "Chữ Việt gốc Tàu" phát xuất từ vùng nào vậy hở mình?

- Câu trả lời khá đơn giản: Ở VN, nơi nào có người Tàu sống là nơi đó có "từ Việt gốc Tàu." Có thể nói từ Bắc chí Nam nơi nào cũng có một số người Tàu sinh sống thường là nghề buôn bán. Do đó họ thường có mặt ở các chợ, tức là những thành phố nhỏ hay lớn. Việt, Tàu mượn chữ của nhau trong giao dịch hằng ngày, có chữ mượn xài luôn cho tiện vì không có chữ tương đương để "dịch"; miễn đôi bên hiểu nhau là được.

Theo học giả Lê văn Lân, ngoài Bắc có một số chữ quen thuộc: **Hàm xôi phá sáng** (đậu phọng rang, nóng giòn có ướp hương liệu), **lọ mậy cấy** (xôi gà), **chí mà phù** (chè mè đen), **tàu xì** (tương đậu nành, hột đen), **lạp xưởng** v.v.

Nhưng miền đồng bằng *Đồng Nai - Cửu Long* (ĐN-CL) có nhiều người gốc TH nhất. Họ đã định cư và "chung sống" với người Việt từ mấy trăm năm nay. Vì vậy có thể nói những "từ Việt gốc Tàu" mà dân Việt (kể cả người Việt hải ngoại) còn dùng ngày nay, phần lớn đều phát xuất từ miền ĐN-CL.

Trong số những sắc dân người Hoa có công góp phần mở mang vùng Đồng Nai - Cửu Long, đa số là người Quảng Đông và Phước Kiến. Nhưng cũng có nhiều nhóm khác, trong đó có người Triều Châu (còn gọi là người Tiều). Tuy hầu hết sống bằng nghề buôn bán, nhưng người Triều Châu còn có lối sinh sống khá đặc biệt. Họ sống trong lãnh vực trồng tỉa nhứt là ngành "hàng bông" (tức là nghề trồng rau cải cung cấp cho các chợ). Có thể nói họ là nhóm hòa mình nhiều nhất vào đời sống dân Việt, nhất là ở các tỉnh từ Long Xuyên, Sóc Trăng cho đến Bạc Liêu, Cà Mau. Sự có mặt của người Triều Châu được ghi lại trong ca dao:

Bạc Liêu nước chảy lờ đờ
Dưới sông cá chốt, trên bờ Triều Châu
Hoặc: *Bạc Liêu là xứ cơ cầu,*
Dưới sông cá chốt, Triều Châu trên bờ.

Hơn thế nữa, tiếng Việt gốc TC và QĐ cũng có mặt trong vài câu Ca dao "ba rọi" sau đây:

Gió đưa chú "*tửng*" từng tưng
Gặp chị bán gừng "*na nả*" chị ơi (Nguyễn Trúc Phương/ NTP)

(TC: "tửng" = đứa bé. Một số gia đình dùng chữ nầy để đặt tên ngoài cho con; QĐ: "na nả" có lẽ là do chữ "nải nải" = bà chủ lớn, mà ra. Trong câu ca dao nầy chắc là tác giả dùng "nải nải" theo nghĩa châm biếm.)

Sau đây là câu ca dao ba rọi khác trong đó có nhiều tiếng Việt gốc TC, theo sách của tác giả NTP):

Chờ anh cho hết sức chờ
Chờ cho "ến xại" lên bờ "khui hui"

(TC: ến xại" = rau muống; "khui hui" = trổ bông)

Hoặc: *Chim kêu Ngồ Ố (1)* Láng Dài
A hia (2) xùa bồ (3), a mùi (4) ùm chai (5)
Hoặc: *Trời mưa dít am (6) hoang tùa (7)*
A hia phề chuối (8) xuốt gùa (9) thăm em.

(Những chữ cần chú thích đều là tiếng Triều châu: "; Ngồ Ố = Láng Dài (địa danh); (2) a hia = anh; (3) xùa hồ = cưới vợ; (4) a mùi = em; (5) ùm chai = không hay biết; (6) dít am = trời tối; (7) hoang tùa = gió lớn; (8) phế chuối = chèo ghe; (9) xuốt gùa = ra đi.)

Chữ Qua và chữ Phúc

Trước khi kể ra đây những chữ Việt gốc Tàu liên quan đến việc ăn uống, "qua" muốn nói với "bậu" một chữ mà hầu hết chúng ta cứ nghĩ là tiếng Việt 100 phần trăm. Đó là *chữ "**qua**" trong việc xưng hô*. Em còn nhớ có lần anh đã đọc cho em nghe mấy câu thơ vui:

***Qua** với bậu không duyên cũng nợ*

Bậu với qua như Tấn với Tần
Sống dương gian phải được nằm gần
Chết âm phủ chẳng phân đôi ngã...

Hoặc ca dao cũng có câu:

Miễn bậu đành ừ, qua chẳng từ lao khổ
Dầu đăng sơn tìm hổ,
Dầu nhập hải tróc long
Trước sau giữ vẹn một lòng...

Chữ "qua" trong tiếng Việt có nhiều nghĩa:

1—: Mướp (hay dưa) như khổ qua (mướp đắng); đông qua = bí đao.

2—: Cây giáo (binh khí).

3—: Chiến tranh, giặc giã (như chữ can qua).

4—: Di chuyển từ chỗ nầy đến chỗ khác:

Thương em chẳng dám vô nhà,
*Đi **qua** đi lại hỏi gà bán mua* (ca dao).

5—: ra khỏi, vượt khỏi như "*qua* cơn bệnh nặng."

6—: *Tiếng xưng hô thân mật của chồng khi nói chuyện với vợ, hoặc của người lớn tuổi với người nhỏ hơn. Tiếng "qua" nầy có nghĩa đơn giản là "tôi"*

Chữ "**qua**" cuối cùng nầy là "chữ Việt gốc Tàu đấy "bậu" ơi.

Sau đây là các giọng đọc của chữ "tôi". QĐ: "ngộ"; QT: "wọ"; TC: "Wá".

Anh cần nhắc em nhớ chữ "tôi" viết bằng chữ Hán, đọc theo giọng Hán Việt là "**ngã**" như trong chữ "vô ngã" (không kể đến mình) thường dùng trong văn chương Phật giáo. VN ta mượn giọng đọc chữ "tôi" của QT/TC và viết theo VN là "qua."

Tầm nguyên tự điển Việt Nam ghi:

"**Qua** (wá TC; ngọ QĐ; ngã HV. Tôi, ngôi thứ nhứt số ít). Từ của người lớn tuổi xưng hô thân mật khi nói chuyện với người thuộc vai em cháu." (LNT)

Ngoài ra em có biết cái tên cúng cơm của anh là gì không?

Ở nhà các Anh Chị của anh đều gọi anh là "**Phúc**". Vậy đó có phải là tên anh muốn hỏi em hay không? Nhưng Phước với Phúc cùng nghĩa, tại sao lại có chuyện gọi hai tên?

Ba mươi tám năm rồi, kể từ ngày chúng ta cưới nhau, anh quên chưa nói với em. Hồi khai sanh lần đầu, Cha đặt tên anh là Phúc. Nhưng vài năm sau, khi phải xin lại "thế vì khai sanh" (vì sổ hộ tịch đã bị đốt cháy khi Nhật chiếm) thì đúng lúc có ông quận trưởng tên Phúc đến trấn nhậm ở quận Mỏ Cày. Vì tục cử tên, Cha ghi tên anh lại là Phước. Điều anh muốn nói với em không phải vấn đề đổi tên, mà anh muốn nói chữ "**phúc**" là tiếng Tàu Việt hóa đấy. Tên anh, viết bằng chữ Tàu (hay chữ Hán), và đọc theo QĐ là "Duyễn dậu Phúc." Giọng HV cũng đọc y chang là "Phúc." Và "phúc" đã bị Việt hóa 100 phần trăm, nên ít ai để ý "phúc" cũng là giọng QĐ.

- Nhưng Út ơi, Út có thể nói cho em nghe nhiều hơn về chữ "phúc" thân thương của "tui" không?

- Sao Út gái lại hỏi khó Út trai chi vậy? Cho "tui" thiếu chịu, sẽ nói về chữ phúc trong một lần khác nhé, vì chuyện những tiếng Việt gốc Tàu còn khá nhiều đó.

- OK. Em đi dọn "lẩu" lên cho Út ăn và kể tiếp chuyện chữ Việt gốcTàu.

- Được, Út tiếp tục. Trong tiếng VN còn có rất nhiều chữ mượn âm QT và đọc giống y, hay trài trại một chút. Thí dụ chữ "**pú cáo**" (QT), VN viết và đọc theo tiếng Việt và hiểu cùng nghĩa: "**bố cáo**"; chữ "**Quàng cáo**" (QT) VN dùng tiếng HV và viết là **Quảng cáo** và dùng cùng một nghĩa; chữ "**khốn nạn**" (QT = khó khăn) dân ta cũng mượn âm QT đọc y chang như vậy. (Ngoài nghĩa "khó khăn", dân ở miền "lục tỉnh" dùng chữ "khốn nạn" theo một nghĩa khác: tiếng chửi, chỉ người vô lương tâm như câu: Nó là một thằng khốn nạn, đi lường gạt một ông nhà quê).

Út còn nhớ vào năm 1965, Út qua Đài Loan để tu nghiệp về "Trắc nghiệm và Hướng dẫn" (Testing & Counseling) trên đường đi đến trường, taxi chạy ngang qua một tòa dinh thự to lớn. Út hỏi anh tài xế đó là tòa nhà gì? Anh ta trả lời bằng tiếng Quan thoại: **Chủng thùng phù**. Một anh bạn VN ngồi cùng xe bật tiếng nói ngay: "Tổng thống phủ" chứ gì.

Như vậy chữ "tổng thống phủ" của ta và chữ "chủng thùng phù" có giọng đọc quá gần nhau, và điều nầy không có gì lạ vì cả hai "đều là giọng Tàu," một xưa và một thuộc thời nay. Thêm một thí dụ nữa là chữ "**bán**" (HV có nghĩa là "phân nửa" như chữ "bán đảo", "bán thời gian") giọng QT đọc là "**pán**" như "dí pán" là một nửa. Vừa rồi chỉ kể sơ vài chữ thôi, còn rất nhiều chữ VN thuộc loại nầy.

Chữ Việt gốc Tàu trong việc ăn uống

Sau đây anh sẽ lần lượt kể ra những chữ gốc Tàu trong việc ăn uống.

Dầu chá quảy. Có thể nói đây là một trong những chữ gốc Tàu chẳng những

thông dụng ở vùng ĐN-CL mà hiện nay còn thông dụng ở hải ngoại nữa. Những tiệm bán cháo cá, cháo lòng, hủ tiếu v.v., đều có bán "dầu chá

quảy.". Cũng như "hot dog" của HK, tên bánh "dầu chá quảy" nếu không biết rõ nguồn gốc, mới nghe thật là vô nghĩa. Tiếng QĐ, "dầu chá quảy" có nghĩa là "quỷ chiên dầu" (hoặc mỡ). Đây là một loại bánh bột mì gồm hai miếng dính lại và được chiên vàng trong dầu thực vật hay trong mỡ (động vật). Nhưng tại sao là hai miếng? Và tại sao gọi là quỷ chiên?

Bánh nầy có liên hệ đến hai nhân vật đời Nam Tống bên TH. Đó là Tần Cối và Nhạc Phi. Tần Cối đã dùng địa vị Tể Tướng của mình, xui giục vua Tống Cao Tôn ký hòa ước nhượng đất cho nước Kim. Nhạc Phi là võ tướng trung thần bị gian thần Tần Cối hại chết. Dân chúng thương tiếc Nhạc Phi và rất ghét Tần Cối. Vì vậy sau khi vợ chồng Tần Cối bị xử tử (bằng cách trói chung lại và bỏ vào vạc dầu sôi) dân chúng vẫn tiếp tục tỏ bày sự chán ghét vợ chồng Tần Cối, nên chế ra bánh "dầu chá quảy" , gồm hai miếng bột ghép chung lại, tượng trưng vợ chồng Tần Cối.

Lẩu. ("Bề tôi" biết rõ là sau món thịt quay** "hoàng hậu" sẽ cho "bề tôi" ăn "lẩu lương" với bún. Thật phải nói câu "thiên đàng là đây" để tỏ lòng biết ơn với "hoàng hậu"). Chữ "lẩu" có thể nói là một chữ gốc Tàu khác sống vượt thời gian và rất phổ biến như chữ "dầu chá quảy." Món "lẩu" là món thông dùng trong nhiều gia đình. Hầu hết các tiệm ăn từ bình dân cho đến các cao lâu đều có món "lẩu". Nào là lẩu mắm, lẩu dê, lẩu lương, lẩu tôm mực, lẩu hải sản, lẩu thập cẩm v.v.

- Nhưng "lẩu" là gì hở mình?

- Chữ "**lẩu**", QĐ đọc "lổ-ù" có nghĩa là "**lò lửa**". Chúng ta dùng luôn âm đó và đọc "lẩ-u". Hình dạng đầu tiên của "lẩu" là một dụng cụ nấu trong đó có cả "lò" và "nồi" chung nhau. Lửa được đốt từ bên dưới và sức nóng thoát lên qua một ống hình khối tròn và dài như ống khói. Vì nồi nấu có nước nằm bao quanh ống đó nên "lẩu" còn có tên là "**cù lao**".

Tả pín lù. Cách đây khoảng trên bốn thập niên, hay lâu hơn, món "lẩu" còn có tên là món "**tả píl lù**" (đọc trại thành "tả pín lù). Người ta chuẩn bị các loại rau (tùy ý thích) và các loại khác như cá, tôm, thịt heo (hoặc gà, bò v.v.) dọn lên bàn ăn. Đốt lửa nấu sôi nước pha giấm, hoặc nước lèo (hoặc nước có pha mắm xay nhuyễn). Khi nước sôi, mỗi người tự để rau cải và loại tôm, thịt mình thích vào nước lèo đang sôi. Khi thấy độ chín vừa ý thích, gắp ra cuốn bánh tráng, chấm mắm nêm hay nước mắm pha và ăn. Nói khác đi cách ăn nầy y như ăn món "bò nhúng dấm" trong bữa ăn "bò bảy món."

Tiếng QĐ, "tả píl lù," HV đọc "đả biên lư" nghĩa đen là "đánh bên lò". (Lê Văn Đức và Lê Ngọc Trụ / LVĐ&LNT). Ngôn ngữ QĐ dùng ba chữ nầy để chỉ món ăn vừa tả ở đoạn trên. Dân ta sau nầy đọc trại một chút thành "tả bín lù" hoặc "tạp bín lù". Nhóm chữ nầy có khi được dùng theo nghĩa "đủ thứ" như trong nghĩa chữ "thập cẩm."

Ngày nay, "lẩu" là món ăn với lò lửa ngay trên bàn ăn dù dùng hình thức "cù lao" hay không. Điều cần nói là trong cách ăn "lẩu," các món vật liệu đã được nấu trước rồi, lò lửa chỉ có phận sự giữ cho món ăn tiếp tục còn nóng, chớ không có phận sự "nấu chín." Còn ăn "tạp bín lù" hay "nhúng dấm" (hay "nhúng nước lèo") thì rau cải, thịt, và các hải sản còn tươi (chưa nấu chín) sẽ được nấu từng phần tại bàn ăn; việc "nấu" và "ăn" xen kẽ suốt bữa ăn. Vì vậy, chủ nhơn của bữa tiệc phải lo canh sao cho có đủ sức nóng giúp nước sôi mau, nếu có ai để nhiều thức ăn vào nước lèo. Và vì mỗi người tự chọn số lượng và tự nấu lấy, nên độ chín của vật liệu có thể khác nhau theo ý muốn của mỗi người. Như vậy "lẩu" và "nhúng dấm" là hai cách ăn khác nhau mặc dù cả hai đều dùng "lò lửa" tại bàn ăn.

(** QĐ gọi "thịt quay" là "**xíu dục**" hay roast pork. Đó là [nguyên] con heo, còn da [đã cạo sạch] được quay trong lò, khi bán mới chặt nhỏ. "Xíu dục" khác với món "**xá xíu.**" Món nầy là thịt đã được thái ra từng miếng khoảng một đến hai pounds, xỏ xâu khi nướng, và có ướp màu đỏ; nó được mang danh Hoa Kỳ là "BBQ pork".)

Tiệm xấm hay tiệm xâm có nghĩa là "ăn sáng" hay "ăn lót lòng." Nhưng "tiệm xâm" là cách lót lòng với những món ăn rất "Tàu" có tên quen thuộc vì đã bị Việt hóa như:

Xíu mại = thịt heo hoặc bò, băm nhỏ, ướp gia vị, có thể có một lớp da "hoành thánh" bọc một phần, có thể có thêm tôm, nấm rơm hay nấm đông cô trộn chung trong thịt băm, và được hấp chín.

Há cảo = bánh tôm (há = tôm, cảo = bánh); bánh gồm bột bao quanh con tôm đã lột vỏ, và hấp chín.

Xá xíu báo = bánh bao nhưn "xá xíu" tức thịt heo BBQ có màu đỏ, không phải "thịt heo quay" theo nghĩa tiếng Việt); **cấy báo** (= bánh bao nhưn thịt gà).

Thêm vào còn có các loại thức ăn khác có tên Tàu, nhưng tên Tàu không thông dụng vì có tên

VN như bánh cuốn nhưn tôm, tôm-thịt xay bọc càng cua, bao tử bò hấp, vịt quay, cháo v.v.

Nhưng dân ta khi đi ăn lót lòng ở một "tiệm nước" (nhà hàng bình dân do người Tàu làm chủ), còn có thể gọi các món khác để "lót lòng" hay ăn trưa như:

Hoành thánh = "mây nuốc" vì có cái vỏ bên ngoài (giống mây) "nuốc" (bao quanh) cái nhưn bên trong; HV âm là "vân thôn"; **Xủi cảo** = bánh nước, giống như hoành thánh nhưng to hơn, ngoài thịt heo bằm ra, thường có tôm, và nấm mèo, dùng làm nhân, và có hình bánh quai vạc của Việt Nam.

Hủ tíu (TC đọc quẻ tíu; HV: qua điêu) nôm na là bánh phở . Nhưng chữ "hủ tíu" chỉ chung thức ăn gồm có bánh phở, thịt heo hay các loại thịt, cá, nấu theo kiểu Tàu. Quí vị có thể vào nhà hàng Tân Triều châu ở góc Brookhurst và Wesminster, hoặc nhà hàng "Cali" khu Bolsa, quận hạt Orange để tìm các loại "hủ tíu" nầy. Xin nhớ là những loại "hủ tíu" nầy không bao giờ được gọi là "phở" cả vì món chánh là thịt heo. "Phở" được coi là thức ăn độc đáo của VN mặc dầu "bánh phở" tức bột gạo cọng dài và khô khi chưa nấu đích thực là một loại "hủ tíu" như của Tàu. Xin nhắc lại ở đây là tiếng "phở" có lẽ có nguồn gốc là chữ "phảnh" trong nhóm chữ "ngầu dục phảnh" (= hủ tíu thịt bò) của QĐ.

Phé = cà phê. Sau khi gọi một trong các món ăn sáng vừa nói, có thể gọi thêm một tách **xỉu phé** = cà phê nhỏ, hay một **xây chừng** = cà phê đen ly nhỏ, hoặc một **xây cá nại** = cà phê sữa / ly nhỏ; ("xây cá nại" còn có nghĩa thứ hai là không công bằng hay là "thiên vị" trong việc trọng tài hay việc phân chia quyền lợi), giọng HV đọc là "tế gia nải."

Ngoài cà phê, nước trà thường được dùng khi ăn tiệm xâm vì nước trà có công dụng làm tan mỡ và giúp cho khẩu vị ngon hơn.

Nhẩm xà. Tiếng nầy nghĩa QĐ đơn giảng là "uống trà" (HV: ẩm trà). Nhưng nhóm chữ "**tiền nhẩm xà**" lại có nghĩa là tiền "buộc boa" (Pháp: pourboire) hay tiền "típ" (Mỹ: tips) là loại tiền thưởng thêm cho người nào đã cung cấp cho mình một dịch vụ gì. Ngoài ra, sau nầy "tiền nhẩm xà" còn được dùng theo nghĩa rộng hơn: đó là tiền chi phí trong việc giao tế. Theo thời gian, nó được hiểu là "tiền hối lộ" cho công việc được thuận lợi.

Sâm bổ lượng. Về các món chè tráng miệng, chúng ta có thể gọi **sâm bổ lượng** (QĐ : txíng pổu lu-ởng, HV đọc thanh bổ lương) là một "*vị thuốc mát bổ (gồm) có **phổi tai**, bo bo, hoài sơn, bá hợp hoa, trái táo khô. . . ăn dưới hình thức chè*" (LNT).

Phổi tai còn có tên VN là "khổ tai" (HV đọc hải đới). Đó là "rong biển," và cũng là một vật liệu thường có trong món tráng miệng khác là "chè đậu xanh" mà QĐ gọi là **lục tầu xá** (HV: lục đậu sa)

Ngoài ra còn có các chữ quen thuộc sau đây trong lãnh vực thức ăn:

Bò bía (TC). Món bò bía cũng là một món ăn "cho vui miệng" (ăn chơi). Bò bía gồm có bánh tráng bột gạo hoặc bột mì, bọc nhưn (gồm nhiều nhất là củ sắn đã xào chín, vài con tôm khô nhỏ, vài miếng lạp xưởng mỏng đã luộc chín, đậu phọng rang) giống như cuốn "gỏi cuốn."

Chí quách, còn gọi là **xí quách.** Có nhiều người, nhất là dân "nhậu," khi vào tiệm ăn trưa, trước khi gọi hủ tíu, hoặc hoành thánh, họ gọi "chí quách" để nhăm nhi với bia hay với rượu trắng. "Chí quách" có nghĩa đơn giản là "xương heo" (chí = heo; quách = xương). Nhưng trong tiệm ăn, đây là món xương heo đã được dùng để nấu nước lèo. Xương đã hầm (ninh) lâu trong nước sôi, nên lớp thịt mỏng hoặc gân còn dính ngoài xương đã trở nên rất mềm dễ gặm để tách rời khỏi xương. Vì vậy dân nhậu thích ăn "chí quách" lắm. Nghĩa bóng là "sức lực." (Anh ta hết "xí quách" rồi, không làm gì được nữa).

Cấy = gà, như món **bạc cấy** = gà trắng tức là gà luộc; **dìm cấy** = gà ướp muối, **xì dầu cấy** = gà ướp nước tương, **xáo cấy** = gà xào.

Lạp xưởng. Trong các món xôi của dân ta có món xôi **"lạp xưởng"** (tiếng HV dọc là "lạp trường"). Đây là món dồi thị heo (có lộn mỡ) ướp muối diêm, gia vị, và dồn vào ruột heo rồi phơi nắng, hoặc sấy ấm cho khô. Dân Tàu và dân Việt thường để lạp xưởng thái lát, hoặc cắt nhỏ, vào cơm chiên.

Phá lấu (TC). Có thể dùng lòng heo (bao tử, gan, tim, lưỡi v.v.) ướp hương liệu, xì dầu và đem um (nấu với lửa nhỏ) cho vừa cạn nước gia vị. Món ăn nầy TC gọi là "phá lấu". Các tiệm bán thịt BBQ của người Tàu đều có bán món nầy. Để giữ cho thịt "phá lấu" được ấm và không khô, tiệm bán BBQ thường ngâm phá lấu (đã um xong rồi) trong nước gia vị, bên dưới có lò nước nóng. Đây là một trong những món mà dân "nhậu" rất thích.

Phàn = cơm; (HV đọc "phạn"). Đi chung với

chữ *phàn* chúng ta có vài chữ đôi sau đây mà những người VN có bạn Tàu-Việt đều hiểu và dùng thường: **Xực phàn** = ăn cơm, (HV: thực phạn); **Dương châu xáo phàn** = cơm chiên Dương châu.

- Mình ơi! Tại sao dân ta thích món ăn Tàu và hầu như luôn luôn chọn nhà hàng Tàu cho những bữa tiệc lớn?

- Mình hỏi câu nầy mới nghe thì tưởng dễ trả lời nhưng thật ra hơi khó có câu giải đáp chính xác. Nếu hỏi nhiều người khác nhau, chắc chắn là sẽ có sự tranh cãi sôi động và hay ho lắm.

Cách đây năm, sáu chục năm hay lâu hơn, trong tiếng VN có thành ngữ "*ăn cơm Tàu, ở nhà Tây, cưới vợ Nhật.*" Đó là ba điều ước của dân ta lúc xưa (dĩ nhiên điều ước thứ ba chỉ áp dụng cho phái nam). Giải thích đơn giản như sau:

Cơm Tàu ăn ngon và có vẻ thịnh soạn; vì thường đắt giá nên người bình dân, lợi tức kém ít có dịp thưởng thức nên nó trở thành món "ngon và quí" và thành điều ước mơ.

Nhà Tây, những ngôi biệt thự do Tây xây cất, trông "đẹp," chắc chắn, và bền. Bên trong rất là đầy đủ tiện nghi so với đa số nhà của dân ta lúc xưa. Dù lúc ấy chưa có máy điều hòa không khí, nhưng cách kiến trúc với vách tường dầy hoặc hai lớp tường (tường đôi có khoảng cách chừng một thước rưỡi, dùng làm hành lang) và cửa sổ rộng, giúp cho trong nhà mát hơn, nhứt là vào những ngày oi bức.

Vợ Nhật. Phụ nữ Nhật dù không có mặt ở VN để phái nam ngắm nhìn, nhưng qua sách báo họ được mô tả được nhắc đến và được đề cao là những "hiền nữ" nhu mì, biết chiều chuộng chồng con v.v. Do đó, "cưới vợ Nhật" trở thành một ước mơ, ít nhất là trong văn chương, của một số "chàng trai" nước Việt.

Trở lại với câu hỏi "đầy ý nghĩa" của em. Tại sao dân ta lại thích cơm Tàu và nhà hàng Tàu. Câu hỏi đó khiến anh lại tự hỏi có bao nhiêu học giả, học thiệt VN viết về đề tài nầy.

Dân ta chọn nhà hàng Tàu (HV đọc "tửu lầu" hay "cao lâu") để đãi tiệc. Và có thể nói 99.8 phần trăm là tiệc đám hỏi hay đám cưới của dân ta, xảy ra ở nhà hàng Tàu. Anh nhớ chỉ có một lần thôi, cách đây vài năm, có đọc một bài viết đơn sơ nhưng rất thú vị của học giả Lê Văn Lân nói những lý do mà dân ta thích cơm Tàu. Nhưng anh chưa có may mắn đọc được một bài nào khác viết về cơm Tàu qua hình thức một bài nghiên cứu.

Thổi. Dính líu tới nhà hàng Tàu, chúng ta có chữ **"thổi"** = bàn tiệc. HV đọc là "đài". Một nhận xét, nhưng không có cách giải thích thích đáng, là người Việt gốc Bắc lại dùng chữ "thổi" thường hơn dân gốc Nam khi nói đến tiệc tùng ở nhà hàng Tàu. Dân trong Nam thường dùng chữ "bàn."

Phổ ky = người hầu bàn (bồi bàn) trong tiệm ăn hay nhân viên bán tiệm tạp hóa. HV đọc "hỏa ký."

- Mình ơi! Em quên hỏi mình một câu là người Tàu đến vùng Đông Nai – Cửu Long tự bao giờ vậy mình?

- Mình lại hỏi khó anh rồi. Cho anh hẹn lần tới sẽ nói tiếp. Hôm nay cho anh nghỉ ở đây.

(Còn tiếp một kỳ)

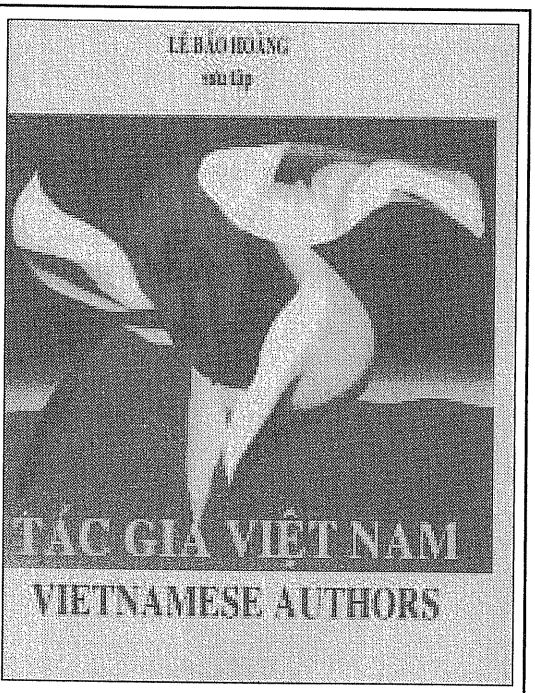

TÁC GIẢ VIỆT NAM

VIETNAMESE AUTHORS

Lê Bảo Hoàng sưu tập

SONG VAN Magazine xuất bản lần thứ nhất, tháng 5, năm 2005. Giá 25 Mỹ kim.

Mua sách, liên lạc tác giả:

Ông Lê Ngọc Châu

11351 Armand La Vergne

Montreal Nord PQ H1H – 5W3 - Canada

Hoặc liên lạc nhà xuất bản:

SONG VAN Magazine

P.O. Box 832464 - Miami. Florida 33283 - USA

Đi Dự Ngày Lễ Độc Lập của Nước Mỹ tại... Sài Gòn

HOÀNG LINH

(ghi lại theo lời kể của một nhân vật tại Sài Gòn)

Tôi ngỡ ngàng nhận được thiệp mời dự buổi tiếp tân mừng lễ Độc Lập của Hoa Kỳ được tổ chức vào ngày 1 tháng Bảy 2005 tại tòa lãnh sự Hoa Kỳ ở Sài Gòn. Ngỡ ngàng bởi vì cách đây 30 năm khi nhìn chiếc trực thăng cuối cùng của Hoa Kỳ cất cánh trên nóc chính ngôi nhà mà bây giờ là tòa lãnh sự, tôi đã nghĩ thôi thế là người Hoa Kỳ vĩnh viễn ra đi khỏi xứ sở này với lý tưởng tự do của họ. Không ngờ tôi lại sống đến thời điểm này, khi ông thủ tướng Phan Văn Khải thì đi thăm nước Mỹ, còn tôi, một người chống đối chủ nghĩa cộng sản tại ngay trong lòng chủ nghĩa ấy, lại được mời đi dự tiếp tân lễ Quốc khánh Hoa Kỳ!

Qua một giàn kiểm soát an ninh với đủ các máy dò tìm vũ khí, tôi vào đến bên trong và được một người đến cài lên áo một huy hiệu giống như trong tấm thiệp: lá cờ đỏ sao vàng được ghép chung với lá cờ Hoa Kỳ theo hai hình tam giác. Tôi hơi ngạc nhiên và cảm thấy khó chịu, định tháo ra, nhưng nhìn chung quanh thì thấy ai cũng mang huy hiệu ấy trên áo. Một viên chức ngoại giao của tòa lãnh sự tôi quen và cũng từng ghé nhà tôi thăm, đã ghé tai nói nhỏ với tôi: "Anh cứ đeo huy hiệu này, đừng lấy làm khó chịu, đây là chuyện ngoại giao. Để mời được các anh đến đây, chúng tôi cũng phải tương nhượng với chính phủ Hà Nội một số điều, một 'protocol' mà chúng tôi phải tôn trọng khi hiện diện trên đất nước của các anh và làm những điều tưởng rằng khó có thể làm được." "Những điều tưởng khó làm được" ấy bao gồm cả chuyện mọi người phải đứng chào cờ của cả hai nước trong buổi lễ khai mạc.

Từ trái qua phải: LM Chân Tín, Cư sĩ Trần Thiện Duyên (Hòa Hảo), Thượng Tọa Thích Thiện Minh, BS Nguyễn Đan Quế và GS Trần Khuê

Người đầu tiên tôi nhìn thấy là bà Tâm Vấn đang đứng cạnh Bác sĩ Nguyễn Đan Quế. Bà nhìn tôi cười gật nhẹ đầu, tôi vội bước đến gần bắt tay hai ông bà, một cử chỉ rất tự nhiên mỗi khi gặp người quen. Nhưng như một phản xạ, sau cái bắt tay với ông bà Nguyễn Đan Quế, tôi chợt giật mình nhìn quanh phòng. Và tôi không tin ở mắt mình nữa, không biết mình có đang mơ không: tôi thấy Linh mục Chân Tín, Thượng tọa Thích Thiện Minh, Giáo sư Trần Khuê, Mục sư Phạm Thanh Nhẫn và cả Giáo sư Lê Xuân Khoa từ Mỹ về.

Ngoài GS Lê Xuân Khoa, tất cả những người tôi vừa thấy đều thuộc thành phần "phản động," chuyên chỉ trích, chống phá chính quyền. Tại sao họ lại có mặt tại nơi này, một nơi chắc chắn bị xem là vô cùng cấm kỵ đối với những ai bị xếp vào hàng ngũ đối lập. Tôi hỏi ý kiến một vị, vị ấy cũng lắc đầu, nhưng nói nhỏ chắc đây là chuyện đã giàn xếp cả rồi, hãy chờ xem sao. Mọi người ai cũng đều thắc mắc như tôi. Sự hiện diện của hầu hết những người đối lập ở miền Nam tại cùng một nơi không phải là nhà tù, là một điều không thể tưởng tượng nổi. Chắc chắn phải có sự giàn xếp, mà chính phủ Mỹ làm được điều này thì cũng đáng phục lắm. Ông Khải vừa đi thăm Hoa Kỳ xong thì tại Sài Gòn, chúng tôi, những người có tâm huyết với đất nước đang bị bao vây cấm đoán thê thảm, đùng một cái, lại được gặp nhau tại một nơi sáng sủa sang trọng, tự do ăn nói với bao nhiêu nhân vật hiểu biết và đáng mến. Chúng tôi chụp hình chung với nhau và trao đổi bao nhiêu nỗi khát khao lâu nay. Tôi vội vàng xin số điện thoại của BS Nguyễn Đan Quế vì sợ chẳng còn dịp nào nữa. BS Quế chỉ sang bà Tâm Vấn và bà đọc vội cho tôi số

Từ trái qua phải: Chuyên viên chính trị R. Silberstein, GS Trần Khuê, Kỹ sư Phương Nam và Mục sư Phạm Thanh Nhẫn

điện thoại cầm tay của bà. Tôi cũng quay sang xin số điện thoại của những người tôi được biết đến tên tuổi lâu nay mà chưa có dịp gặp gỡ quen biết. Trong khi trao đổi chuyện trò, tôi không quên kín đáo quan sát quanh phòng. Nhiều người quen thuộc nhưng cũng rất nhiều khuôn mặt đầy vẻ cú vọ, chắc là công an chìm. Nhưng mặc họ, đây là đất của nước Mỹ, chính phủ Mỹ có quyền thết đãi những người tranh đấu và biết đâu, một ngày kia những người này có thể trở thành tầng lớp chính thức đại diện cho lý tưởng dân chủ tại Việt Nam. Công an có nghe lén, có dò hỏi thì cũng đã sao, chuyện họ đặt người canh ở nhà tôi mỗi ngày, đặt máy nghe lén trong nhà, bắt người thân của tôi lên phường đe dọa, bắt khai đủ thứ, thì họ cũng biết rất rõ về hoạt động của chúng tôi rồi.

Bị cấm đoán, quản thúc, đe dọa trong bao nhiêu năm, giờ đây được tâm sự với những người đồng hội đồng thuyền, được nói và được nghe bao điều tâm huyết, thì dù ngày mai có bị bỏ tù trở lại cũng cam lòng. Tôi hỏi BS Quế về những ngày ông trong tù, rồi những ngày ông ra tù nhỏ để bị bỏ vào nhà tù lớn, và đặc biệt về lộ trình chín điểm của ông để Việt Nam thật sự đổi mới, tất cả đều được bác sĩ trả lời rành mạch, ung dung thoải mái, không hề lo sợ nhìn trước nhìn sau. Nhưng mới nói được một ít phút thì tôi thấy có nhiều nhà ngoại giao đến chào hỏi BS Quế. Đếm sơ qua thì có ít nhất chín vị ngoại giao nước ngoài, ai nấy đều tỏ lòng kính mến vị bác sĩ can trường đấu tranh không ngưng nghỉ cho tự do của Việt Nam. Trước những cảm tình của mọi người chung quanh dành cho ông, gương mặt ông lộ một niềm vui; ở đây, ít nhất ông đã tìm được tìm được sự đồng cảm, đồng thuận, từ những người mà lâu nay ông chỉ nghe tiếng hoặc thấy qua hình ảnh. Đến giờ phút này tôi vẫn ngỡ mình đang mơ, nhìn thấy mọi người chung quanh nói cười tôi thấy dường như đã nhìn thấy hình ảnh này ở đâu rồi, chắc từ trong giấc mộng ngày đất nước thật sự được giải phóng ra khỏi mọi sự kềm kẹp độc tài. Quanh tôi, ai cũng lộ rõ một niềm tin cho đất nước Việt Nam trong tương lai. Nhưng trong lòng tôi vẫn nặng nề một nỗi canh cánh. Ai cũng nói khung cảnh đang diễn ra trước mắt đây là chuyện giàn xếp, cái đó thì đã rõ. Nhưng sau đó, cái gì sẽ xảy ra cho những kẻ phản kháng như chúng tôi? Phải chờ thôi.

Và cái chúng tôi chờ đã đến. Mấy ngày sau đó thì điện thoại nhà tôi bị cắt, ra đường thì thấy công an cứ tò tò đi theo, gọi điện thoại cho linh mục Chân Tín từ một điện thoại khác để nói một vài câu chuyện không tiện nói ra trong bữa tiệc thì mới hay điện thoại nhà ông cũng đã bị cắt! Và hình như mọi "nhà chống đối" đều có một số phận như thế cả, chẳng chừa một nhà nào. Tôi thấy chuyện mình nghi ngờ lại đúng, nỗi lo canh cánh bên lòng hôm nào đang hiện rõ. Đêm tiếp tân lễ Độc Lập tại tòa Lãnh sự Mỹ như một trái pháo

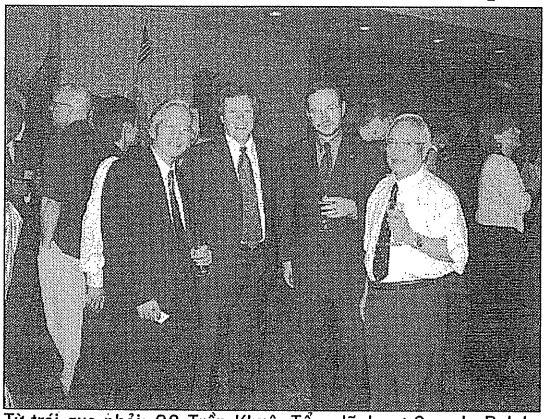

Từ trái qua phải: GS Trần Khuê, Tổng lãnh sự Canada Ralph Flanagan, Tổng lãnh sự HK Seth D. Winnick, BS Nguyễn Đan Quế.

bông xòe ra trong đêm tối, sáng rỡ, lung linh, rồi sau đó màn đêm lại khép lại. Tôi chợt nhớ đến câu thơ "Thà một phút huy hoàng rồi chợt tắt, Còn hơn buồn hiu hắt suốt năm canh," và mong rằng "phút huy hoàng" chúng tôi đã trải qua tối ngày 1 tháng 7 vừa qua sẽ là thời điểm mở đầu cho nhiều biến chuyển có ý nghĩa sắp tới, chứ không phải đêm tối dày đặc lại tiếp tục phủ lên đất nước này. Mặc dù thực tế thì... rõ ràng vòng vây lại đang siết thêm một đợt mới. Điện thoại trước không bị cắt, sau khi đi dự tiệc về thì bị cắt. Có thêm công an theo dõi. Người nhà lại bị gọi lên Phường để khai tôi làm gì, liên lạc với ai, mọi thứ bổn cũ soạn lại... Quen với cảnh từ trong tù nhỏ ra tù lớn, tôi cười thầm trong bụng mặc dù cảm thấy hơi buồn và thất vọng vì cái ước mơ nho nhỏ được một ít tự do sau ngày lễ Độc Lập của Mỹ, rốt cuộc lại cũng chẳng thành!

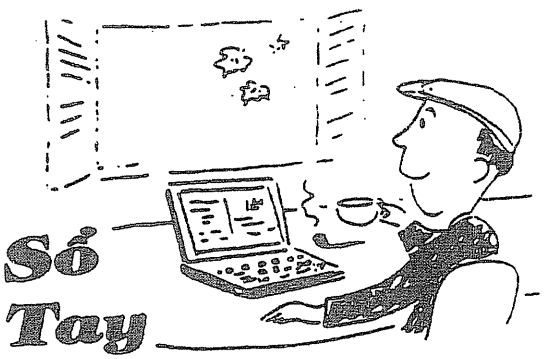

NGÔ NHÂN DỤNG

CHẲNG BAO GIỜ THẤY MỘT "ĐẢNG TƯ BẢN"

Nửa thế kỷ trước đây, thế giới chia làm hai phe. Phe cộng sản do Liên xô lãnh đạo, sau có thêm Trung Quốc. Phe tư bản thì do Mỹ và các nước Tây Âu dẫn đầu. Trong nội bộ nhiều nước, hai phe tư bản và cộng sản cũng đối đầu, được các nước đàn anh trên hỗ trợ. Nếu có phước thì hai phe chỉ cãi nhau cho mỏi miệng, rồi dân chúng bỏ phiếu chấm coi ai thắng ai thua. Nếu vô phước thì sẽ đánh nhau bằng gậy gộc, súng đạn, rồi ám sát, khủng bố, trả thù, và gây nội chiến.

Một điều lạ, là trong các cuộc tranh hùng đó, các đảng cộng sản thì tự nhận họ là Đảng Cộng Sản, nghĩa là theo lý thuyết Mác Lê Nin từ đầu tới chân; nhưng không có một đảng chính trị nào tự nhận mình là Đảng Tư Bản cả! Không một đảng nào ghi trong cương lĩnh của họ "quyết tâm tiến tới chủ nghĩa tư bản" như các anh em cộng sản vẫn làm, ngay cả khi họ đổi tên khác.

Tại sao có những đảng mang tên cộng sản mà lại không đảng nào mang tên tư bản? Chắc một phần vì có nhiều người nhất định muốn thực hiện chủ nghĩa cộng sản, quyết tâm coi đó là mục tiêu tối hậu, là lý tưởng. Về phía tư bản, không có ai tỏ ra cương quyết như vậy cả. Chắc có nhiều người cũng thích chủ nghĩa tư bản, bằng cớ là các nước tư bản vẫn còn đó, và giầu hơn, mạnh hơn; trong khi phe cộng sản đang rụng gần hết. Nhưng nếu ai bảo là "chúng ta hãy cùng nhau thực hiện chủ nghĩa tư bản" cho nó sướng, hay là cho nó tốt, cho đúng lý tưởng, vân vân, khẩu hiệu đó chẳng có gì hấp dẫn. Cho nên chưa thấy ai thành lập một cái đảng tư bản.

Nhưng lý do chính có lẽ là những chữ "chủ nghĩa tư bản" tự nó không có nghĩa gì hết. Không ai viết tuyên ngôn giương cao ngọn cờ chủ nghĩa tư bản như bản Tuyên ngôn Cộng Sản của Karl Marx. Chính những người sống trong các nước tư bản cũng chỉ coi họ đang sống cuộc đời bình thường chẳng biết chủ nghĩa tức là cái gì. Lúc ăn, lúc ngủ; lúc làm việc, lúc nghỉ ngơi, không ai nhân danh một thứ chủ nghĩa nào hết. Nền kinh tế của các xứ đó theo lối tự do cạnh tranh, cũng không cần biện minh. Chế độ chính trị của các xứ đó thường theo lối dân chủ, tự do; trong đó những người chống chủ nghĩa tư bản và đòi xóa bỏ nó, họ cũng có quyền công khai hoạt động. Vì trong xã hội có nhiều tư tưởng đối nghịch, nhiều đảng phái chính trị xung đột không ngừng như vậy, nên thế giới tư bản tự nó luôn luôn thay đổi, mà nhờ thay đổi hoài nên mới tiến bộ. Không ai mất công đặt ra một cái mô hình tối hậu cho một hiện tượng luôn luôn thay đổi làm gì.

Trên bình diện quốc tế, phe tư bản Mỹ tự gọi là "thế giới tự do," một chiêu bài khả nghi. Nhưng bản chất của phe đó là tôn trọng quyền tự do lựa chọn, trong phạm vi kinh tế cũng như chính trị. Còn trong nước thì phe tư bản thường tự nhận là "quốc gia," đối lập với bên cộng sản thuộc "phe quốc tế." Không ai tự gắn nhãn hiệu "phe tư bản" hay "đảng tư bản!"

Ở nước ta đã có một đảng cộng sản từ thời 1930. Năm 1945 ông Hồ Chí Minh đã giả bộ tuyên bố giải tán đảng. Mãi đến năm 1951 ông mới chính thức lập lại, lấy tên là đảng Lao Động. Sau khi chiếm được cả nước Việt Nam năm 1975, đảng Cộng Sản Việt Nam mới trả lại cái tên nguyên thủy. Còn chưa bao giờ thấy đảng Tư bản Việt Nam cả.

Đảng Cộng Sản Kinh Tế Tư Nhân Việt Nam

Sang thế kỷ 21 mới có một bước rẽ lịch sử, là có những đảng cộng sản thâu nhận các nhà tư bản! Bên Trung Quốc làm trước, Việt Nam làm sau. Mai mốt chắc Bắc Hàn và Cuba cũng theo sau nốt cho đủ bộ.

Hội nghị Trung ương Đảng Cộng Sản Việt Nam họp tháng Bẩy năm 2005 quyết định sẽ chấp nhận cho đảng viên đi kinh doanh, họ gọi là "làm kinh tế." Mà kinh doanh nghĩa là gì? Là được phép làm chủ các nhà cửa, máy móc, các phương tiện sản xuất, được phép mướn nhân viên, thợ thuyền và trả lương họ. Rồi nếu có lời thì được phép hưởng lợi nhuận. Nói cho

cùng, các đảng viên cộng sản từ nay được phép trở thành các nhà tư bản, theo định nghiã của ông Karl Marx. Hơn nữa, những người ở ngoài đảng làm kinh tế tư nhân, tức đã thành nhà tư bản rồi cũng có thể vào đảng Cộng Sản!

Đây là một quyết định quan trọng, có tính cách lý thuyết và tư tưởng căn bản. Giống như một người có cái đầu đang nhìn về phía trước bỗng đổi hướng, đặt cái đầu quay ngược lại, nhìn về phía sau! Thế các nhà lý luận trong đảng Cộng Sản Việt Nam nghĩ thế nào?

Hồi đầu tháng Bẩy, một lý thuyết gia của đảng Cộng Sản Việt Nam đã phát biểu về vấn đề này. Trong cuộc phỏng vấn của VietnamNet, người ta hỏi ông Hồng Hà, tổng thư ký Hội đồng Lý luận Trung ương, nguyên Bí thư Trung ương Đảng, rằng Cộng Sản Việt Nam có "tham khảo" các bài học của Cộng Sản Trung Quốc hay không. Ông Hồng Hà lắc đầu: Không thể sao chép một khuôn mẫu của nước nào cả. "Sao chép là chết," ông nói.

Nhà báo mới xin ông đưa ra một thí dụ nào cho thấy Cộng Sản Việt Nam "không áp dụng một biện pháp nào của Trung Quốc." Ông Hồng Hà trả lời, nói ngay đến việc Cộng Sản Trung Quốc chấp nhận các nhà tư bản vào đảng. Tức là ông nói "không!"

Chưa đầy ba tuần sau, họp xong, Trung ương mới lật ngửa lá bài lên: Đảng ta chấp nhận các đảng viên được "làm kinh tế." Ông Nguyễn Khoa Điềm lập lại một cách long trọng hơn. Ông Tạ Hữu Thanh còn nói rõ hơn: "làm kinh tế không hạn chế quy mô." Nghĩa là muốn lớn tới đâu thì lớn. Nếu giỏi thì làm giầu như các nhà tư bản Đài Loan, Hồng Kông, Hàn Quốc đi, vẫn được công nhận là một đảng viên cộng sản như thường!

Bên Trung Quốc họ đã chấp nhận điều này từ năm năm nay, họ đã sửa điều lệ đảng để mở cửa cho các nhà tư bản kinh doanh; rồi họ sửa hiến pháp để bảo đảm quyền tư hữu được tôn trọng ngang với tài sản công. Bây giờ Cộng Sản Việt Nam cũng làm y hệt như vậy. Thế mà bữa trước nhà lý luận Hồng Hà vẫn chối rằng không! Thật không ai nể mặt ông Hồng Hà chút nào cả! Điều này chỉ chứng tỏ rằng ở trong đảng Cộng Sản, các nhà lý luận không có chút "ký lô" nào. Người ta dùng họ để minh họa cho các quyết định của Bộ Chính trị, vẽ vời rồng rắn sao cho vui tai; chứ không ai nhờ họ hướng dẫn, chỉ đường cả. Thế nào rồi mai mốt các chuyên gia minh họa cũng tìm ra rằng Hồ Chí Minh đã từng có "tư tưởng" nhận các nhà kinh doanh vào đảng rồi, nhưng vì Bác đãng trí cho nên bỏ quên không áp dụng thôi!

Ông Tạ Hữu Thanh nói thêm: Các người làm kinh tế tư nhân muốn vào đảng phải "có ý thức chấp hành tốt điều lệ đảng."

Tưởng tượng những đảng viên đã "làm kinh tế tư nhân" tạo nên tài sản vài chục triệu mỹ kim nhờ đảng đổi mới, hay một nhà triệu phú (triệu mỹ kim) được vào đảng. Họ sẽ phải chấp hành các điều lệ đảng. Họ sẽ chấp hành điều lệ như thế nào?

Điều lệ đảng bảo là đảng viên cộng sản phải học chủ nghĩa Mác Lê nin. Thế thì Marx nói những gì về giai cấp tư bản? Marx nói rằng những người dùng vốn của mình tích lũy được, mua máy móc, phương tiện sản xuất đem về, thuê công nhân đến làm, trả lương; còn mình hưởng "giá trị thặng dư" do sức công nhân làm ra, những người đó Marx gọi tên là nhà tư bản. Đọc Marx thì thấy ông định nghĩa thế nào là một nhà tư bản, không thể lầm được. Nếu các đảng viên đảng cộng sản làm kinh tế tư nhân nhìn vô gương, sẽ thấy chính họ cũng là những nhà tư bản! Họ cũng làm chủ khách sạn, chủ xe taxi, mai mốt chủ nhà máy! Họ cũng thuê công nhân, trả lương giờ, trả lương càng thấp càng sinh lời nhiều.

Ở một khách sạn tại Hà Nội, các anh bồi phòng khi mang ly cà phê từ bếp lên phòng cho khách, các anh phải leo cầu thang chân, dù lên lầu bốn. Bồi bếp và các cô dọn dẹp gối, nệm không được đi thang máy! Để tiết kiệm điện, tăng lợi nhuận cho ông chủ! Chỉ khi nào có khách lên xuống thang máy thì anh, chị mới được đi cùng thôi! Bóc lột công nhân như vậy đấy, nhưng mai mốt nhà tư bản này vẫn là một đảng viên cộng sản chân chính được như thường! Vợ một ông công an xếp lớn ở Đồng Nai lập một quán internet cho cả trẻ con vào coi phim khiêu dâm, làm ăn theo lối tư bản, nhưng vẫn là đảng viên cộng sản như thường. Hiện nay bao đảng viên vẫn "làm kinh tế tư nhân" như vậy, đầy cả ra, chỉ chờ tài sản được chính thức hóa. Đảng bây giờ chính thức ghi vào điều lệ là xong! Từ nay, trong đảng cộng sản sẽ có những đảng viên là các nhà tư bản! Nhưng nếu việc sử dụng các nhà tư bản là "giải phóng sức sản xuất" của xã hội, thì tất nhiên đảng phải cố gắng phát huy thành tích

đó. Tức là làm sao để tất cả các đảng viên sẽ trở thành các nhà tư bản hết! Đó mới là "giải phóng sức sản xuất" một cách toàn diện!

Nếu họ thành thật, các nhà kinh doanh tư gia nhập rồi sẽ phải xin đổi tên đảng. Không nên gọi là "Đảng Cộng Sản Việt Nam" nữa. Hãy đổi thành "Đảng Cộng sản và Tư bản Việt Nam." Có như vậy mới phản ánh đúng tình trạng trong đảng vừa có những người cộng sản chân chính, lại vừa có các nhà tư bản cũng chân chính không kém! Đây sẽ là một đảng chính trị đầu tiên ở nước ta và trên thế giới lấy tên là "Đảng Tư bản Cộng Sản." Đó là đảng tiên phong của giai cấp tư bản, lần đầu tiên trên thế giới mới có là một! Nhưng đây vẫn chỉ là một thời kỳ quá độ tiến lên chủ nghĩa tư bản mà thôi. Khi tất cả các đảng viên đều được"giải phóng sức sản xuất" trở thành các nhà tư bản hết thì chúng ta sẽ đổi tên lần nữa, gọi tắt Đảng Tư Bản Việt Nam! Đó sẽ là một đảng mang tên Tư bản đầu tiên trên thế giới!

Nhưng Trung ương Đảng Cộng Sản Việt Nam vẫn tị hiềm, không dám dùng đến hai chữ 'tư bản." Đã chửi bới chủ nghĩa tư bản hàng trăm năm nay, bây giờ ăn, nói làm sao! Không thể ghi những chữ "nhà tư bản" vào điều lệ một đảng cộng sản được, nghe kỳ quá! Những người mà Karl Marx đặt tên là "nhà tư bản" nay Trung ương Đảng gọi là "những người làm kinh tế tư nhân." Như vậy thì có thể tiến tới một thỏa hiệp trong việc đổi tên đảng. Xin đề nghị đổi tên đảng Cộng Sản hiện nay thành "Đảng Cộng Sản và những người làm kinh tế tư nhân Việt Nam."

Một cái tên đảng như vậy hơi lòng thòng, khó đọc, khó nhớ. Nhất là rất khó hô khẩu hiệu. Có thể đặt cho đảng một cái tên gọn gàng dễ hiểu hơn: "Đảng Cộng Sản kinh tế tư nhân." Có thể hô khẩu hiệu, "Đảng Cộng Sản kinh tế tư nhân" muôn năm! Nghe rất hồ hởi.

Mà đặt tên như vậy lại đúng chức năng của đảng nữa. Hiện nay công việc chính của đảng Cộng Sản Việt Nam là khai thác khả năng kinh tế của người Việt để sinh lợi cho các đảng viên nhanh mồm nhanh miệng hưởng với nhau. Đi tới cơ sở làm ăn lớn nào thì ở đó phải nghễu nghện có một ông, bà đảng viên đang ngồi. Đi tới tỉnh, tới thành phố nào thì tòa nhà tỉnh ủy của đảng Cộng Sản to ngang hay to hơn tòa nhà hành chánh của tỉnh. Cứ bên hành chánh có cái gì, bên tỉnh ủy phải có cái tương đương để trùm lên. Bao nhiêu tiền bạc của quốc dân, chạy thế nào mà chạy thẳng vào trong quỹ riêng của đảng Cộng Sản, không hề có trong ngân sách nhà nước mà cũng chẳng nằm trong một thứ thuế nào cả. Họ tha hồ tiêu dùng, không người dân nào được kiểm soát. Như vậy có phải là họ đang khai thác nước Việt Nam như một nhà thầu, để "làm kinh tế cho một đảng tư" hay không? "Đảng Cộng Sản kinh tế tư nhân" muôn năm!

"Giải phóng sức sản xuất"

Một đảng cộng sản mà trong đó có các đảng viên tư bản thì nó tự mâu thuẫn, cũng giống như một Giáo hội Vô thần vậy. Nhưng đó là một vấn đề lý thuyết mà bên trong đảng Cộng Sản Trung Quốc họ đã tìm cách giải quyết từ bốn năm nay rồi, không còn ai thắc mắc gì nữa. Chắc các lý thuyết gia của đảng Cộng Sản Việt Nam cũng sẽ tìm ra cách nói, nói xuôi nói ngược sao cũng được, miễn xong việc thì thôi, như các đồng chí bên Trung Quốc đã làm.

Bên Trung Quốc họ biện minh chính sách mới bằng lý thuyết Tam Biểu của Giang Trạch Dân. Ông Giang nói đảng của ông phải có ba tính cách đại biểu, một trong ba điều đó nói rằng Đảng Cộng Sản phải là "đại biểu cho lực lượng sản xuất tiên tiến nhất." Khi nhìn đi nhìn lại, ở Trung Quốc bây giờ bọn làm kinh tế tiến bộ nhất chính là các doanh nhân tư bản. Vậy thì nếu bọn người tiến bộ nhất đó không muốn, đảng cũng phải lôi chúng vào trong đảng! Thế là ông Giang giải quyết được vấn đề lý thuyết.

Ở Việt Nam, đảng Cộng Sản cũng bắt chước y hệt lối lý luận của Giang Trạch Dân nhưng không dám thành thật thú nhận điều đó, vì sợ dân chúng Việt Nam lại thắc mắc về những vấn đề như thác Bản giốc hoặc hải phận trong Vịnh Bắc Việt.

Ngày xưa ông Hồ Chí Minh không ngần ngại tuyên bố với các nhà báo rằng ông không cần viết sách vở lý thuyết làm gì, vì bao nhiêu những điều cần nói đã có ông Mao Trạch Đông viết ra sách hết rồi. Ngày nay, quý ông Nông Đức Mạnh, Phan Diễn, Nguyễn Khoa Điềm, vân vân, không dám thành thật như vậy. Cho nên trong dự thảo Báo cáo chính trị Đại hội X quý ông không nói gì đến lý thuyết ba đại biểu, mà chỉ nói một cách bóng bẩy đến việc "giải phóng sức sản xuất," viết xong lại gạch dưới nữa!

"Giải phóng sức sản xuất" nghĩa là gì? Đó là một từ ngữ Mác xít. Karl Marx tưởng tượng ra một con đường tiến hóa của nhân loại, từ thời kỳ này sang thời kỳ khác, lấy kinh tế làm cơ bản cho cuộc vận hành. Khí cụ thay đổi làm cho tương quan sản xuất và tương quan xã hội thay đổi, lực lượng sản xuất cũng thay đổi. Khi Karl Marx nói đến thời kỳ kinh tế tư bản phát triển cùng cực, ông tiên đoán nó sẽ tự tan rã vì các mâu thuẫn nội tại. Mâu thuẫn lớn nhất là giữa lực lượng sản xuất đối nghịch với quyền sở hữu tư. Lực lượng sản xuất do giới vô sản đóng vai chính thì mang tính cách xã hội, tập thể; còn quyền sở hữu các phương tiện sản xuất thì vẫn nằm trong tay giai cấp tư bản. Mâu thuẫn đó làm cả hệ thống đó phải tan rã. Khi chế độ tư bản tan rã, Marx giải thích tiếp, các phương tiện sản xuất sẽ trở thành sở hữu chung, các lực lượng sản xuất bèn được "giải phóng." Đó là đại ý những điều ông Marx đã viết.

Ngày nay, quý vị trong Bộ Chính trị đảng Cộng Sản tìm ra được ý nghĩa mới cho cụm từ "giải phóng sức sản xuất." Nó hoàn toàn ngược lại với ý tưởng ban sơ của Marx. Nhưng nó lại ăn khớp với tư tưởng Giang Trạch Dân! Ông Giang lý luận thế này: (1) Nếu giới kinh doanh tư nhân là lực lượng sản xuất tiên tiến nhất, và (2) nếu đảng Cộng Sản muốn làm đại biểu cho cái lực lượng sản xuất tiên tiến, thì tất nhiên, (3) đảng phải lôi các nhà kinh doanh vô trong đảng!

Thay vì chép nguyên văn các lý luận đó ra, Đảng Cộng Sản Việt Nam đã mô tả hậu quả của tư tưởng Giang Trạch Dân: Đảng thu nhận giới tư bản tức là giúp cho lực lượng sản xuất (tiên tiến) được giải phóng! Cho nên, báo cáo chính trị của Cộng Sản Việt Nam không nhắc đến lý thuyết tam biểu của Trung Quốc mà lại nhắc đến một thuật ngữ mác xít thế kỷ 19. Viết "giải phóng sức sản xuất" thay vì viết "giải phóng lực lượng sản xuất" cũng vì tránh không dùng chữ lực lượng, là hai chữ Hán!

Điều thần tình của lý thuyết này là nó dùng một từ ngữ Mác xít để diễn tả một điều ngược lại với ý của Karl Marx! Thay vì giai cấp tư bản bị lịch sử đào thải, hệ thống kinh tế tư bản tan rã để giai cấp vô sản "giải phóng sức sản xuất," thì bây giờ ngược lại, giai cấp tư bản được nuôi cho lớn lên, được chào đón, hoan nghênh vào trong đảng cho các đảng viên khác noi gương, đó mới gọi là "giải phóng sức sản xuất."

Từ chế độ phong kiến tiến tới chế độ tư bản

Nhưng tại sao ông Giang Trạch Dân không nói đến chuyện "giải phóng sức sản xuất" trong lý thuyết ba đại biểu của ông? Tại sao ông nhường cho các đồng chí phương Nam dương cao ngọn cờ Mác xít?

Thực ra không phải là ông Giang ngu đâu. Ông khôn lắm. Nếu nói rằng chính sách mới của đảng Cộng Sản là nhằm "giải phóng sức sản xuất" thì chẳng khác gì cũng thú nhận rằng từ nửa thế kỷ nay đảng đã kìm hãm sức sản xuất của xã hội!

Quý vị trong Bộ Chính trị và Trung ương Đảng Cộng Sản Việt Nam không nhìn thấy điều tế nhị mà ông Giang Trạch Dân đã lảng tránh. Có thể khi dùng những chữ "giải phóng sức sản xuất" thì quý vị cũng quên không tham khảo coi cụm từ đó phát sinh trong một văn cảnh như thế nào khi tác giả Karl Marx viết ra.

Phải công nhận khi họ cho phép các đảng viên làm ăn theo lối tư bản, và thu nhận các nhà tư bản vào đảng, thì đó phải coi là một điều tiến bộ trong lịch sử đảng Cộng Sản, ở Trung Quốc cũng như ở Việt Nam. Vì giới làm ăn, nhà kinh doanh, là lực lượng sản xuất tiến bộ nhất trong xã hội hiện đại. Chính Karl Marx đã hết lời ca ngợi khả năng sáng tạo, đổi mới cơ cấu sản xuất, mà giai cấp tư bản đem lại cho lịch sử loài người. Nhưng khi viết như vậy, Marx nói đến thời kỳ lịch sử nhân loại chuyển biến từ xã hội phong kiến sang xã hội tư bản, là lúc giai cấp tư bản đóng vai trò tiên phong.

Còn bây giờ thì sao? Giai cấp tư bản đang nẩy mầm ở Trung Quốc và Việt Nam có đóng vai trò lịch sử từng được Marx khen ngợi hay không?

Nghe tưởng như đùa, nhưng câu trả lời là: Có. Quyết định của các đảng Cộng Sản Trung Quốc và Việt Nam thu nhận giới tư bản để giải phóng lực lượng sản xuất là theo đúng chủ nghĩa Mác. Vì nhìn cho kỹ thì xã hội Việt Nam và Trung Hoa hiện nay cũng đang chuyển từ một thời kỳ kinh tế phong kiến sang thời kỳ kinh tế tư bản, như Marx mô tả. Nó chỉ khác bản phác họa của Karl Marx về hình thức mà thôi.

Một đặc điểm có bản chất phong kiến vô cùng, là hệ thống uy quyền theo hàng dọc, từ trên ban bảo xuống dưới, từ dưới xin ơn huệ ở trên. Mối

dây ràng buộc xã hội theo hàng dọc, vẫn có từ ngàn năm trước ở Á châu, nay được chế độ cộng sản hai nước Á Đông này giữ nguyên không đổi.

Một điểm khác, bên ngoài có vẻ đổi nhưng bên trong thì không, là những phương tiện mà giới lãnh chúa dùng để bóc lột dân. Thời phong kiến, giai cấp thống trị dùng quyền làm chủ ruộng đất để khai thác sức lao động của dân, bắt dân đóng "tô tức" theo nhu cầu của vua quan. Ngày nay, người dân cũng không có quyền làm chủ ruộng hay đất. Trên nguyên tắc, đất đai là do "nhà nước" làm chủ, trong thực tế, nhà nước chỉ là một dụng cụ của giai cấp thống trị, tức là quý vị trong Trung ương Đảng. Tuy nhiên, ngày nay ruộng đất không phải là nguồn lợi đáng kể nữa. Thay vì khai thác ruộng đất, lợi lộc chẳng bao nhiêu, giai cấp thống trị bây giờ khai thác những thứ "quyền." Nghe thì trừu tượng, nhưng có thể tính ra tiền được cả. Những độc quyền như "quyền giải thích pháp luật," "quyền lãnh đạo," cụ thể là "quyền cấp giấy phép," vân vân, là tiền rừng bạc bể, là những nguồn lợi lớn lao cả. Như ông thủ tướng Phan Văn Khải nói, "hành chánh tức hành dân là chánh!" Cái quyền "hành chánh" nó chỉ thể hiện cái quyền "lãnh đạo" của đảng Cộng Sản; đó chính là tài nguyên vô giá thời nay! Giai cấp phong kiến ngày xưa chỉ biết khai thác đất đai, họ còn dại dột lắm. Nếu họ biết túm lấy các nhà tư bản, cho tha hồ làm ăn nhưng bắt phải xin phép, cái gì cũng xin phép, xin phép trên rồi lại xin phép dưới, thì cái mối lợi đó không biết bao giờ mới cạn!

Hai yếu tố, hệ thống uy quyền từ trên xuống dưới; và độc quyền khai thác một tài nguyên không bao giờ cạn là quyền lãnh đạo, quyền hành hạ dân thay thế cho đất và ruộng, hai yếu tố đó cho thấy chế độ cộng sản ở Trung Quốc và Việt Nam không khác chế độ phong kiến thời xưa là bao.

Cho nên điều mà ngày xưa ông Marx mô tả sắp lại xẩy ra ở Việt Nam và Trung Quốc: Chế độ phong kiến vẫn bao trùm các nước này đang chuẩn bị chuyển sang những xã hội tư bản, bắt đầu với việc cho giới kinh doanh được tham gia vào đảng, tức là tham gia vào guồng máy lãnh đạo.

Nhưng những người mà các đảng Cộng Sản ở Trung Quốc và Việt Nam đang tính thu nhận vào, họ có thực là những người tư bản theo đúng nghĩa hay không? Bởi vì, người tư bản thật là những người có được tài sản nhờ làm lụng siêng năng, biết đầu tư, biết quản lý và theo đúng luật lệ. Không phải cứ ai làm chủ cửa hàng hay xưởng thợ đều là nhà tư bản. Không phải cứ ai giầu tiền, nhà cao cửa rộng đều là tư bản. Coi chừng, các đảng Cộng Sản không thu nhận các nhà tư bản thật, mà chủ đích của họ chỉ là chính thức công nhận một tầng lớp "tư bản rởm" mà thôi!

Theo sau Trung Quốc, nhưng chưa đầy đủ

Giới lãnh đạo đảng Cộng Sản Việt Nam đã không theo đúng những bước thay đổi của Bắc Kinh. Đáng tiếc là, khi Hà Nội không theo đúng các bước đi của Bắc Kinh thì hoặc họ đi chậm lại, chậm quá, hoặc họ lảng tránh không theo những điều hữu ích, đặc biệt khi đó là những thay đổi về mặt chính trị.

Cả hai đảng Cộng Sản đã có những thay đổi về chính trị mà người bên ngoài không coi là đáng kể vì chưa bao gồm những quyền tự do ngôn luận, tự do báo chí, tự do hội họp và tự do bầu cử. Khi các đảng Cộng Sản hai nước công nhận quyền làm kinh tế của tư nhân, họ đã tự tách ra khỏi quan niệm Marx, Lenin, Mao Trạch Đông rồi. Việc bãi bỏ bộ máy quản lý kinh tế tập trung, để cho các doanh nghiệp nhà nước nhất là ở các địa phương được nhiều quyền tự do quyết định kinh doanh, đó cũng là một thay đổi quan trọng có tính cách chính trị. Bước đổi mới chính trị đầu tiên, là tách quyền hành chính trị ra khỏi các quyết định kinh tế một cách có giới hạn, đã được Trung Quốc thực hiện, rồi Việt Nam bắt chước theo. Sự phân tản quyền lực từ trung ương cho các địa phương cũng nằm trong chiều hướng tách chính trị ra khỏi quyết định kinh doanh, từ đó quyền hành của các lãnh chúa địa phương được nâng cao. Hiện tượng này cũng giống như khi chế độ quân chủ chuyên chế biến thành chế độ phong kiến tản quyền. Vào thời Trung Cổ, hiện tượng trên xẩy ra vì các lãnh chúa được phép xây đắp thành lũy, có thể tự vệ trước các đạo quân của chính quyền trung ương; đồng thời các lãnh chúa có quyền khai thác đất đai và nông nô, xây dựng cơ sở kinh tế tự túc của họ. Ngày nay, các quyền quyết định cấp giấy phép kinh doanh và khai thác tài nguyên, nhân lực địa phương chính là những thành lũy phong kiến mới. Các quyền khai thác đó củng cố quyền hành và nâng cao quyền lợi của các tỉnh ủy, thành ủy, khiến họ tha thiết bảo vệ chế độ mạnh hơn.

Nhưng hiện tượng phong hầu kiến cát ở Trung Quốc và ở Việt Nam thời nay không làm suy yếu chính quyền trung ương như thời quân chủ chuyên chế, vì còn một định chế ràng buộc các địa phương, đó là sự thống lãnh của guồng máy đảng

trên guồng máy nhà nước. Muốn có sự thay đổi chính trị đáng kể, nghĩa là muốn tiến tới những định chế dân chủ để người dân được tự do hơn, thì còn phải tách rời đảng Cộng Sản ra khỏi bộ máy hành chánh của nhà nước. Trên mặt này, Cộng Sản Trung Quốc đã có những bước tiến bộ mà đáng tiếc là Cộng Sản Việt Nam vẫn chưa bắt chước.

Ngay từ lúc đầu, năm 1979 ông Đặng Tiểu Bình đã xác định mục tiêu tối hậu của việc cải tổ kinh tế là để dân chủ hóa nước Trung Hoa. Quan niệm về dân chủ của ông còn mang nặng tính đấu tranh giai cấp, nhưng ông cũng gắn bó chế độ dân chủ với tinh thần trọng pháp. Đến Đại hội 9 đảng Cộng Sản Việt Nam mới bắt đầu ghi mục tiêu xây dựng "Dân Chủ" vào cương lĩnh, khi họ nói đến một xã hội công bằng, "dân chủ," văn minh.

Tuy đến nay Cộng Sản Trung Quốc vẫn chưa nói rõ ràng phải tách Đảng ra khỏi Nhà nước, nhưng ngay từ năm 1986 Báo cáo chính trị cho Đại hội thứ 13 của Cộng Sản Trung Quốc đã chính thức công bố một điều quan trọng không kém. Đó là điều nói rằng "Đảng Cộng Sản không thể đứng trên pháp luật." Cương lĩnh ghi một quy tắc tối quan trọng là "mọi hoạt động của đảng phải nằm trong khuôn khổ luật pháp." Khi người ta đặt luật pháp quốc gia trên các quyết định của các đảng viên và cấp ủy của đảng, đó là mở một cánh cửa để tách đảng ra khỏi nhà nước. Trong báo cáo chính trị trước đại hội thứ 13 của Cộng Sản Trung Quốc cũng có một mục riêng nói rằng quyền lãnh đạo đảng phải tách khỏi nhà nước và quyền Hành pháp, tuy nhiên vẫn giữ cho lãnh đạo đảng quyền hướng dẫn trên các quyết định quan trọng, kể cả về nhân sự.

Tại sao Cộng Sản Trung Quốc đi xa như vậy? Có thể nói giới lãnh đạo của họ bị ám ảnh về thời kỳ Cách mạng Văn hóa, mà đa số họ chính là những nạn nhân. Trong giai đoạn "vô chính phủ" đó, một số cá nhân (Tứ Nhân bang) có quyền quyết định mọi điều, bất chấp luật lệ. Đó là một biểu lộ cùng cực của quan niệm "nhân trị," ngược với "pháp trị." Quan niệm nhân trị đã có truyền thống hơn hai ngàn năm ở Trung Quốc cũng như ở các nước Á Đông khác, cho nên các ông Đặng Tiểu Bình, Diệp Kiếm Anh cho tới Triệu Tử Dương thấy cần phải nhổ tận rễ tư tưởng nhân trị, không cho mọc lên lại. Cộng Sản Trung Quốc nhấn mạnh đến "pháp quyền" một lần nữa trong Báo cáo chính trị cho Đại hội thứ 15, năm 1997. Bản hiến pháp Trung Quốc cũng được thay đổi để ghi rõ quan niệm trị quốc bằng pháp luật này.

Trên đây là mấy thay đổi trong quan niệm chính trị được ghi vào hiến pháp và cương lĩnh đảng cộng sản ở Trung Quốc, mà Cộng Sản Việt Nam chưa mạnh dạn bước theo. Việc ghi lên giấy mấy quan niệm đó không bảo đảm việc thi hành, tuy nhiên đó là những bước khởi đầu cần thiết để tách đảng ra khỏi nhà nước.

Trên bình diện thực hành, Cộng Sản Trung Quốc cũng đi những bước xa hơn Cộng Sản Việt Nam trên đường tập thành dân chủ. Đó là việc tổ chức bầu cử trực tiếp ở cấp hương thôn, và hoạt động nghiên cứu về chính trị và xã hội ở các đại học.

Từ năm 1989 Cộng Sản Trung Quốc đã có đạo luật cho phép dân bỏ phiếu trực tiếp bầu cử những người cầm đầu ở hương ấp, và từ mười năm nay cuộc thí nghiệm đó vẫn tiếp tục. Đến năm 1997 đã có 60 phần trăm các thôn làng có người cầm đầu do dân cử. Từ năm 1998, một số thành phố ở tỉnh Tứ Xuyên đã bầu cử trực tiếp.

Một hiện tượng ít được báo chí quốc tế chú ý tới là hoạt động của các viện nghiên cứu xã hội nằm trong các đại học hoặc các cơ quan trung ương. Không cứ các đại học nổi tiếng ở thủ đô như Bắc Đại (Đại học Bắc Kinh) hay Thanh Hoa, những đại học địa phương như Đại học Phục Đán ở Thượng Hải (mạng lưới Fudan), hay Đại học Thành Đô ở Tứ Xuyên (có mạng lưới Tư Vấn, Siwen) trong đó có những cuộc thảo luận công khai về các vấn đề dân chủ hóa, thể chế chính trị và tương lai chính trị Trung Quốc. Nhiều nhà nghiên cứu chính trị làm việc dưới sự kiểm soát của đảng Cộng Sản nhưng vẫn có quyền tìm hiểu và trình bầy ý kiến một cách khá tự do, chúng ta khó tưởng tượng được. Ở Trung Quốc cũng có những nhà báo độc lập như bà Hà Thanh Liên, với các cuốn sách phê bình chế độ bán được hàng triệu bản, mặc dù bà bị công an làm khó dễ thường xuyên. Một tạp chí như Tài Kinh, thuộc ủy ban chứng khoán nhà nước, nhưng can đảm phanh phui các vụ gian lận tư nhưng công ty quốc doanh hàng lớn nhất. Bà Hồ Thư Lập (Hu Shili) chủ bút báo này và bà Hà Thanh Liên đều đã du học ở Mỹ.

Người Việt không ai muốn nước mình nhất nhất thấy bên Trung Quốc làm cái gì cũng bắt chước, nhưng thấy họ có những bước tiến bộ mà không theo thì điều đó còn đáng lo và đáng buồn hơn nữa.

PHI THUYỀN CON THOI VÀ CON NGƯỜI TRONG NHỮNG CHUYẾN BAY KHÔNG GIAN

HỒNG CHÂU

NASA đã loan báo sẽ khởi đầu giai đoạn 'đếm ngược' (countdown) vào ngày hôm nay, Thứ Bảy, cho cuộc phóng phi thuyền con thoi Discovery, chuyến bay STS-114. Nếu mọi việc tiến hành hoàn hảo theo đúng kế hoạch, phi thuyền sẽ rời khỏi giàn phóng ở căn cứ không gian Kennedy, mũi Canaveral, Florida, lúc 10.39 phút giờ đông bộ Hoa Kỳ sáng Thứ Ba 26/7 (7.39 phút sáng giờ California.)

Trong trường hợp đến giờ chót hãy còn có những trục trặc kỹ thuật bất ngờ, hoặc vì lý do thời tiết xấu và chuyến bay còn phải trì hoãn thêm thì "cửa sổ phóng phi thuyền" nghĩa là khoảng thời gian hội đủ các điều kiện thích hợp để phi thuyền có thể khởi hành đi lên Trạm Không gian Quốc tế trên quỹ đạo sẽ còn kéo dài tới ngày 31/7. Sau đó sẽ phải chờ ít tuần lễ nữa mới lại tới một 'cửa sổ thời gian' khác để có thể phóng phi thuyền.

Hai năm rưỡi sau thảm kịch phi thuyền Columbia tan rã trên không phận Texas trong lúc từ quỹ đạo trở về mặt đất ngày 1 tháng 2 năm 2003 làm toàn thể bảy phi hành gia thiệt mạng; dự án mở lại các chuyến bay phi thuyền con thoi đến nay mới đang trở thành hiện thực. Như tất cả mọi lý tưởng phiêu lưu của nhân loại tìm đến những chân trời mới, sự hy sinh tính mạng của một số người tiền phong là không thể tránh khỏi, với giá trị cao quý là để lại kinh nghiệm cho những bước tiến kế tiếp. Trong sự thực hiện giấc mơ ngàn đời của con người là đặt chân tới những tinh cầu xa lạ, những chuyến bay không gian đã và sẽ còn luôn luôn phải chấp nhận nhiều rủi ro từ nhiều yếu tố có thể dự đoán cũng như những lãnh vực hết sức bất ngờ.

Để trở lại với các phi vụ không gian, phi thuyền Discovery đã được cải tiến rất nhiều kỹ thuật, trong số đó phần quan trọng nhất là bình nhiên liệu phụ. Nguyên nhân của tai nạn Columbia xuất phát từ một biến cố mang vẻ rất tầm thường không ai nghĩ tới là một tấm cản nhiệt bằng chất xốp ở vỏ bình nhiên liệu phụ đã bong ra ngay từ lúc vừa khởi hành và bay ngược trở lại va vào cánh phi thuyền. Hư hại nhỏ ấy làm một phần cánh yếu đi đã không chịu nổi lực ma sát và nhiệt độ cao khi phi thuyền với vận tốc lớn bay từ khoảng chân không đi vào bầu khí quyển.

Với những biện pháp an toàn được trù tính tới mức tối đa, chương trình bay trở lại của phi thuyền con thoi Discovery đã phải trì hoãn nhiều tháng để chấn chỉnh các bộ phận được coi là chưa hoàn hảo. Cuối cùng, mọi chuẩn bị đầy đủ, phi thuyền được đưa lên giàn phóng, các bình chứa bơm đầy nhiên liệu và các phi hành gia bước lên tàu sẵn sàng khởi hành ngày 13/7. Nhưng chỉ còn chưa đầy hai tiếng đồng hồ tới lúc khai hỏa, lệnh xuất phát được hủy bỏ vì khám phá ra một trục trặc kỹ thuật đáng lo ngại.

Bộ nhạy cảm trong bình nhiên liệu phụ có nhiệm vụ điều khiển tắt cơ chính của phi thuyền tự động khi hết hydrogen lỏng đã tỏ ra không hoạt động chính xác. Nếu động cơ tắt quá sớm chưa tạo đủ sức đẩy cần thiết, phi thuyền sẽ không lên tới quỹ đạo hoặc rớt trở về mặt đất. Nếu hết nhiên liệu mà động cơ vẫn còn tiếp tục hoạt động, sẽ xảy ra những hư hại nặng nề nguy hiểm trên không gian cũng như lúc trở về mặt đất. Thời gian sửa chữa điều chỉnh bộ nhạy cảm thoạt đầu dự tính khoảng ba ngày nhưng phải kéo dài tới 1 ngày và đến nay đã hoàn tất để sẵn sàng cho thò điểm khởi hành ngày Thứ Ba sắp tới.

Tất cả những công tác phức tạp kéo dài trên một năm cho chuyến bay STS-114 tuy có nhiều điều mới nhưng thật ra nói chung đã là chuyện bình thường đối với NASA từ 1/4 thế kỷ kể từ khi phi thuyền con thoi đầu tiên lên không gian ngày 12 tháng 4 năm 1981. Tuy nhiên, theo lời Giám đốc NASA Michael Griffin trong buổi thuyết trình tại Quốc Hội ba tuần trước thì đây sẽ không phải là một chuyến bay thông thường: "Hai chuyến bay sắp tới sẽ là hai chuyến bay thử nghiệm để lượng định giá trị những cải tiến của phi thuyền con thoi." Không thuyết phục hay trấn an những người ủng hộ và không ủng hộ việc tàu con thoi hoạt động trở lại, ông nói: "Phải hiểu rõ rằng những chuyến bay thử nghiệm có mức độ rủi ro của nó."

NASA nói rằng hoạt động trở lại của các phi thuyền con thoi là bước đầu tiến tới thực hiện những viễn kiến trong công cuộc thám hiểm vũ trụ. Tuy nhiên ngay lúc này, sứ mạng thực tế của tàu con thoi chỉ là tiếp tục hoàn thành kế hoạch Trạm Không Gian Quốc Tế, một dự án đã được thu hẹp rất nhiều so với mục tiêu đề ra buổi đầu thập kỷ 1990. Vì vậy chuyến bay sắp tới của Discovery cũng không được sự quan tâm đặc biệt của dư luận. Các thành tích mới lạ và ngoạn mục khác về thám hiểm không gian thu hút sự chú ý của quần chúng nhiều hơn, như hình chụp các thiên hà xa xôi của viễn kính không gian Hubble, xe lăn Mars Rovers trên Hỏa Tinh, phi thuyền Deep Impact phóng vào sao chổi Tempel 1.

Nhưng đúng vào thời gian thám hiểm vũ trụ không còn là chuyện có sức hấp dẫn đa số quần chúng thì Tổng thống Bush đã đề ra mục tiêu "đưa người trở lại Mặt Trăng trước năm 2020 và cuối cùng sẽ phải lên đến Hỏa Tinh." Điều này đặt ra hai vấn đề: Thứ nhất, nên thám hiểm không gian bằng những chuyến bay có người hay nên sử dụng máy móc tự động; thứ hai, liệu kế hoạch dài hạn tốn kém như thế có được sự tán trợ của quần chúng để cho Quốc Hội Hoa Kỳ chấp thuận cấp ngân khoản hay không.

Thắc mắc mà nhiều người luôn luôn nêu lên là chi phí hàng chục tỷ dollars cho những chuyến phiêu lưu vào vũ trụ có chính đáng hay không khi mà ngay trên Trái Đất này còn có biết bao nhiêu việc cần được quan tâm hơn. Roger Lanius, cựu sử gia của NASA và hiện nay làm giám đốc bảo tàng viện hàng không không gian Smithsonian ở Washington D.C. nói rằng: "Chúng ta đang ở ngả rẽ trên con đường thám hiểm không gian. Những quyết định trong vài ba năm tới sẽ định hướng cho những gì sẽ xảy đến ở tương lai 30 hay 40 năm nữa." Kế hoạch mà Tổng thống Bush đề ra sẽ kéo dài nhiều năm sau nhiệm kỳ của ông và như vậy sẽ đòi hỏi sự kiên trì ủng hộ của dân chúng.

Chuyến bay sắp tới của tàu con thoi Discovery sẽ diễn ra trong tình huống khác xa thời kỳ trước lúc Columbia lâm nạn. Trung Quốc đã đưa được người lên quỹ đạo. Chương trình Aurora của Liên Hiệp Âu Châu từ từ tiến bước với viễn ảnh thực hiện một số các phi vụ có và không người lái trước khi đạt tới mục tiêu đưa người lên Hỏa Tinh năm 2030. Chương trình này đã khởi động từ hai năm trước dự án của Tổng thống Bush. Tại Hoa Kỳ, mùa Thu năm ngoái một phi công thử nghiệm đã hai lần bay dưới quỹ đạo với chiếc máy bay Spaceship One và chủ tịch công ty Virgin Atlantic dự trù sẽ đưa du khách lên không gian, hay ít nhất cũng đến thềm không gian, vào năm 2007. Công ty Bigelow Aerospace ở Las Vegas treo giải thưởng 50 triệu dollars cho nhóm kỹ sư nào chế được một phi thuyền chở bảy người

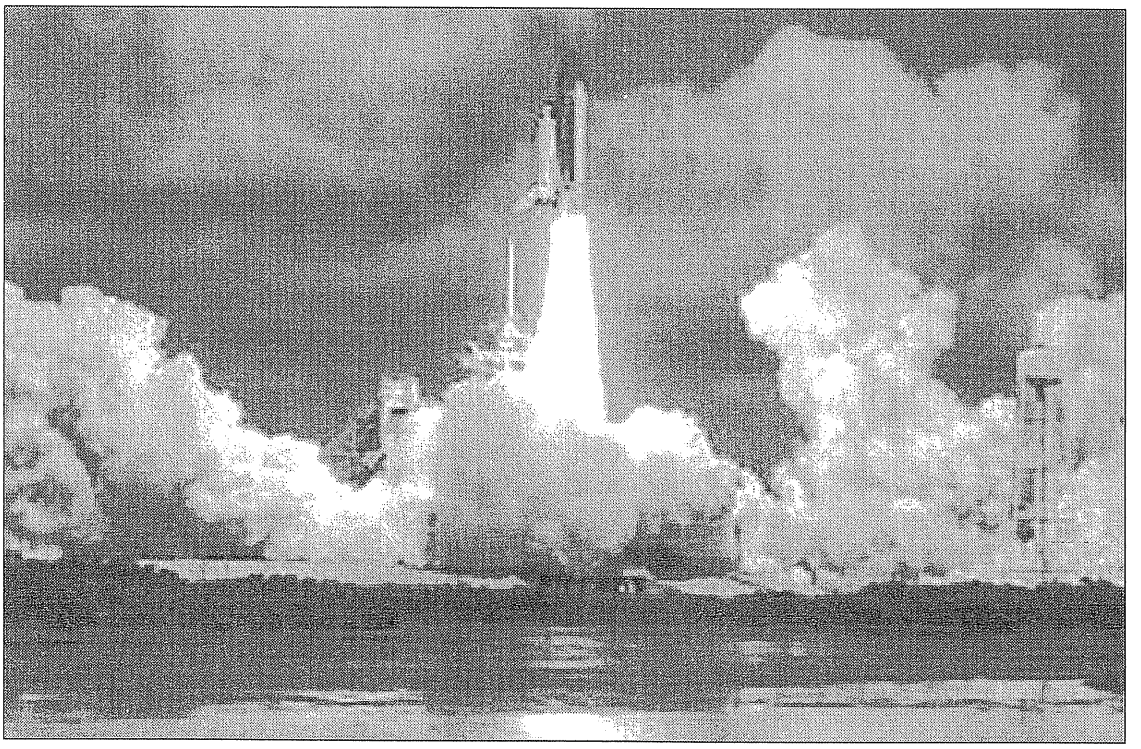

bay lên đến quỹ đạo thấp của trái đất. Trong khi đó thì NASA cũng thành công trong một số phi vụ "rẻ tiền," với tốn kém dưới mức 300 triệu dollars.

Ngày nay nhiều quốc gia đang nỗ lực tiến tới những chuyến bay không gian có người điều khiển, với nhiều lý do tương tự như cuộc chạy đua không gian giữa Hoa Kỳ và Liên Sô trong Chiến Tranh Lạnh từ năm 1957 khi Liên Sô thành công phóng vệ tinh nhân tạo đầu tiên của Trái Đất, Sputnik 1. Phải đợi 12 năm sau, Hoa Kỳ mới dứt khoát giành lại vị trí hàng đầu bằng cuộc đổ bộ Mặt Trăng ngày 21 tháng 7 năm 1969. Tiến sĩ Joan Johnson-Freese, trưởng ban nghiên cứu an ninh quốc gia tại viện Hải Chiến Hoa Kỳ ở Newport, Rhode Island, nói rằng những chuyến bay có người điều khiển thể hiện tiến bộ khoa học kỹ thuật và trình độ phát triển kinh tế của một quốc gia. Do đó, theo lời bà "nhiều nước không muốn thấy khoảng cách biệt thua kém của họ với Hoa Kỳ sẽ lớn dần đến mức không thể nào theo kịp." Trung Quốc nhìn vấn đề theo cách ấy.

Sau Chiến Tranh Lạnh, việc đưa người lên không gian của Hoa Kỳ không còn được coi là một ưu tiên trong các mục tiêu không gian nữa. Năm 1993, kế hoạch Trạm Không Gian Quốc Tế chỉ sống còn trong đường tơ kẽ tóc khi Hạ Nghị Viện Hoa Kỳ đồng ý chấp thuận tài trợ với đa số chỉ hơn có một phiếu.

Giáo sư James Van Allen đại học Iowa, một khoa học gia hàng đầu của Hoa Kỳ và người năm 1958 đã khám phá ra vòng đai phóng xạ bao quanh Trái Đất sau này được mang tên ông, cho rằng các phi thuyền tự động có thể đạt được nhiều kết quả mà không cần đến những phi vụ do người điều khiển. Theo ông, ngoài những cuộc đổ bộ lên Mặt Trăng và các phi vụ lắp đặt viễn kính Hubble trên quỹ đạo, các chuyến bay không gian có người cho đến nay chưa chứng tỏ có thể thâu thập cho nhân loại những hiểu biết về vũ trụ hơn những máy móc tối tân trên những phi thuyền thám sát.

NASA nói rằng theo một thăm dò của Gallup, 68% dân chúng Mỹ được hỏi ý kiến ủng hộ dự án trở lại Mặt Trăng và đưa người lên Hỏa Tinh cùng những hành tinh khác. Căn cứ vào kinh nghiệm quá khứ, vào thời kỳ có khủng hoảng tỷ lệ ủng hộ cho các chương trình không gian tăng lên nhưng giữa những biến cố ấy, vào thời bình mức ủng hộ chỉ vừa phải.

Tiến sĩ Johnson-Freeze nói rằng: "Trong chế độ dân chủ, thực hiện những chuyến bay không gian có người lái là chuyện không dễ dàng. Nếu hỏi dân chúng có tán thành thám hiểm không gian hay không, 99% sẽ trả lời là có. Nhưng nếu đặt câu hỏi với họ là tài trợ cho chương trình không gian được xếp vào ưu tiên nào thì thứ hạng sẽ rất thấp. Tình trạng ấy có từ sau chương trình Apollo đưa người lên Mặt Trăng do Tổng thống John F. Kennedy đề ra và đã đi đến thành quả cuối thập kỷ 1960.

Giáo sư Logsdon đại học George Washington giải thích rằng niềm tự hào và uy tín quốc gia đóng một vai trò quan trọng trong nỗ lực đưa người lên không gian. Tổng thống Richard Nixon không muốn bị lịch sử ghi lại như người làm đứt đoạn các chuyến bay có phi hành gia khi ông chấm dứt chương trình Apollo, và đó là nguyên nhân chính đưa đến sự hình thành chương trình phi thuyền con thoi. Được chủ trương là một kế hoạch tiết kiệm, tránh sự phí phạm loại bỏ tất cả mọi khí cụ sau một lần duy nhất sử dụng, các phi thuyền con thoi theo dự án có thể dùng cho 100 phi vụ.

Nhưng khi đi vào thực hiện thì hiệu quả không được hoàn toàn là như vậy. Chi phí chế tạo các phi thuyền con thoi rất lớn và công tác bảo trì hoàn chỉnh cho mỗi phi vụ tốn thêm hàng trăm triệu dollars nữa. Phi thuyền Discovery là phi thuyền cũ nhất trong số ba phi thuyền còn lại của NASA sau hai tai nạn Challenger năm 1986 và Columbia năm 2003. Từ 1984 đến nay, Discovery đã bay 30 phi vụ, ở trên không gian 242 ngày, bay 3,808 vòng quỹ đạo trên đoạn đường dài 98,710 dặm. Ngoài hai tàu con thoi Buran và Ptichka của Liên Sô mới chỉ thực hiện được một chuyến bay tự động duy nhất cuối thập kỷ 1980, các phi thuyền của NASA là duy nhất trên thế giới đưa người lên không gian và trở về theo đúng nghĩa con thoi - Space Shuttle.

ANH QUỐC BỊ NỔ BOM

Subway ở Mỹ có an toàn không?

TRẦN QUÁN NIỆM

NGÀY TANG TÓC, KINH HOÀNG

8 giờ 30 sáng thứ năm ngày 7 tháng 7, 2005 dân chúng nước Anh lũ lượt chen lấn nhau vào subway, hối hả đến sở làm. Đột nhiên tại ba hệ thống đường hầm khác nhau ba tiếng nổ lớn phát

ra tại một trong những toa chở hành khách. Một khối lửa sáng mầu cam bùng lên. Đèn tắt. Khói mù mịt. Chung quanh tối đen như mực. Tiếng kêu la, rên rỉ khắp nơi. Người người xô nhau chạy ra cửa cấp cứu để lên mặt đất. Xác người nằm sóng sượt, tan nát trong vũng máu. Những người bị thương nhẹ, lảo đảo rời khỏi trạm subway, thân hình đầy máu, đôi mắt lạc thần. Xe cứu thương hú còi inh ỏi, vội vã đến địa điểm tai nạn. Khoảng vài chục phút sau, một xe bus hai tầng cũng nổ tung.

Đó là cảnh tượng kinh hoàng xẩy ra cho cư dân Xứ Sương Mù và làm rung động dư luận thế giới. Sau thành phố Madrid của Tây Ban Nha bị khủng bố tấn công đường xe lửa năm 2003 gây tử thương cho gần 200 người và một số lớn người bị thương, đây là lần thứ nhì một thành phố Âu Châu bị đặt bom.

SUBWAY Ở MỸ CÓ AN TOÀN KHÔNG?

Ngay khi tin tức được loan ra, câu hỏi đầu tiên lóe lên trong óc mọi người, đặc biệt là cư dân tại New York với hệ thống subway chằng chịt dưới mặt đất: Có biện pháp gì để ngăn chặn sự việc tương tự xẩyra tại New York và các thành phố trên đất Mỹ không? Chuyên viên an ninh John Pike, giám đốc công ty Global Security Corp. cho hay: "Không có cách nào thực hiện một phương pháp toàn hảo để bảo đảm an ninh cho các hệ thống chuyên chở công cộng thoát khỏi sự tấn công của quân khủng bố. Chúng ta chỉ hy vọng ngăn ngừa được chừng nào hay chừng ấy."

Không giống an ninh ở phi trường, dò xét từng người khi qua cổng, các hệ thống subway có nhiều triệu người sử dụng, vội vã trong những giờ đi làm (rush hours) (New York hàng ngày có 7 triệu người đi xe subway), do đó không có biện pháp nào dò tìm chất nổ một cách hữu hiệu cả. Hơn nữa, cảm tử quân ôm bom tự sát rất khó ngăn chận. Chúng coi thường cái chết, bình tĩnh thi hành sứ mạng trong một niềm cuồng tín.

Ngay sau vụ nổ tại Anh, an ninh tại subway New York được tăng cường, trên mỗi chuyến xe đều có cảnh sát sắc phục tháp tùng, mọi người đề cao cảnh giác, báo cáo mọi hành vi của những kẻ tình nghi hoặc các bị, túi để lại trên xe, không có chủ nhân canh giữ. Đường hầm Holland, Lincohn, Midtown va Battery bị block các luồng sóng sử dụng cho cell phone vì sợ quân khủng bố dùng cell phone để nổ bom từ xa (remote control) như trường hợp ở Madrid. Tuy nhiên đây chỉ là biện pháp cấp thời khiến dân chúng yên lòng là chính quyền đã gắng sức ngăn chặn khủng bố chứ không phải là biện pháp dài lâu và hữu hiệu như mong muốn.

Một số những người đi subway tại New York lo sợ rằng khủng bố sẽ lan tràn đến New York một ngày không xa. Dean Jabcobsen, 26 tuổi cư dân tại Manhattan cho hay: "Hàng ngày tôi đều đi subway. Tôi sợ một ngày kia, bom sẽ nổ, dù tôi chẳng biết bằng cách nào và bao giờ."

NHỮNG KẺ ÔM BOM TỰ SÁT LÀ AI?

Mới đầu, cảnh sát Anh cho là các bị đựng bom được bỏ lại trên tầu rồi được kích nổ từ xa. Nhưng điều tra kỹ hơn thì hóa ra cả bốn vụ nổ, người mang bom đều chết. Tuy vậy Anh Quốc vẫn bám víu lấy giả thuyết là những người Ả Rập Hồi Giáo xâm nhập nước Anh để phá hoại. Nhưng cuối cùng thực tế khiến dân chúng Anh bàng hoàng, kinh hãi vì bốn cảm tử quân đó lại là những công dân trẻ tuổi người Anh, thuộc thế hệ thứ hai của những di dân Pakistant, Ả Rập, không có tiền án, sống đời sống bình thường như bao người khác trong xã hội, có công ăn việc làm, có gia đình, có học thức, sinh ra và lớn lên trong một xã hội văn minh, tự do.

Shehzad Tanweer, 22 tuổi, học đại học về môn thể thao, giúp bố mẹ trông nom tiệm food take-out. Mohammed Sadige Khan, có con gái mới sinh được 8 tháng, làm nghề giáo viên, tận tâm dạy cho trẻ tàn tật. Hasib Hussein, 19, từng bị tội ăn cắp vặt nhưng sau đó theo đạo Hồi và trở nên người tốt. Cuối cùng là Eliaz Fiaz, cuộc sống bình thường, không có gì đặc biệt. Bốn người này sống âm thầm, không tỏ vẻ gì khác lạ, đến nỗi cha mẹ họ hàng đều không hay biết gì về ý định tự sát. Bố mẹ của một tên khủng bố thấy con nói đi London chơi vài ngày, nghe nổ bom, nóng ruột báo cáo cảnh sát để tìm con mất tích, và nhờ đó cảnh sát truy ra tông tích của bốn kẻ khủng bố.

Sinh ra và lớn lên trong một xã hội văn minh tự do, đầu óc chắc chắn phóng khoáng hơn là những kẻ cuồng tín bên xứ Trung Đông như vậy tại sao chúng bị nhồi sọ đến nỗi thản nhiên tìm cái chết trong việc sát hại những người vô tội. Những câu hỏi này là những câu hỏi nước Anh muốn biết. Ai chủ mưu vụ này? Ai yểm trợ các cuộc khủng bố? Ai chi tiền? Ai huấn luyện? Ai xúi giục chúng đến nỗi chúng mất cả lý trí suy nghĩ phải trái?

NHỮNG BIỆN PHÁP PHÒNG NGỪA?

Hệ thống subway của Anh có đến 6,000 máy quay phim theo dõi ngày đêm các hoạt động của người sử dụng subway. Nhưng khi hữu sự cho thấy những máy này chỉ giúp truy tầm hình ảnh các tên khủng bố sau khi sự việc đã xẩy ra rồi. New York còn có ít máy hình hơn nhiều (độ vài trăm) và không chạy 24/24. Năm 2004 Subway NY dự trù một ngân sách từ $150 đến $200 triệu đô để thiết lập thêm hệ thống canh phòng điện tử tại các trạm subway, tunnels và cầu.

Thật ra các biện pháp phòng ngừa chỉ có mục đích làm cho khủng bố chùn bước phần nào. Họa hoằn mới có hiệu quả chặn được các hành động phá hoại. Tại Anh, nguyên một guồng máy tình báo khổng lồ của Scotland Yard nhưng hoàn toàn không phát hiện được một dấu hiệu nào là tai họa sắp xẩy đến.

Điều quan trọng là tình báo xâm nhập len lỏi vào những nhóm quá khích ngăn chặn chúng trước khi chúng ra tay, nếu đợi khi chúng ôm bom lên đường thì đành chịu. Nói thì dễ nhưng thực tế khó khăn vô cùng vì lý do các tổ chức khủng bố chỉ là những nhóm nhỏ, tổ chức lỏng lẻo không nhận chỉ thị từ trung ương, và phí tổn điều hành rất ít. Bình thường chúng ẩn mặt, chờ khi ta sơ hở thì ra tay. Chỉ vài chục kí thuốc nổ là đủ gây chết chóc, tàn phá, kinh hoàng.

Ông Calvin Drayton, Ủy Viên cao cấp về an ninh của thành phố NY vừa thực hiện chuyến du hành quan sát bên Anh trở về tuyên bố một câu lạnh mình: "Tất cả chỉ là vấn đề thời gian, trước khi có vụ nổ tương tự tại NY. Các thành phố khác trên đất Mỹ cũng vậy mà thôi. (trích từ *Daily News* ngày 18 tháng 7, 2005) (1). Chúng ta cần học bài học từ Anh Quốc là khi thảm họa xẩy ra, hãy bình tĩnh giải quyết, rồi trở lại đời sống thường nhật. Đừng để kẻ khủng bố làm thay đổi đời sống chúng ta. NY đã kinh qua thảm họa 911 mà vẫn đứng vững và vươn lên."

Như vậy tốt nhất là chúng ta cứ sinh hoạt bình thường, đi subway như thường lệ, mặc cho số phần và cơ quan an ninh làm việc tối đa, tránh được chừng nào hay chừng ấy. Thôi thì "Trời kêu ai nấy dạ" chứ biết làm sao.

Bom nổ tận bên Anh, nhưng một cư dân New York vùng Bronx thiệt mạng. Tên anh là Mike Matsushita, 37 tuổi, bố Nhật, mẹ Việt, chuyên viên về tin học. Thảm họa 911 làm anh sợ New York nên xin qua Anh làm việc. Mới nhận việc được vài ngày, buổi sáng 7 tháng 7 anh lên xe subway từ nhà fiancée đến sở làm. Người nhà từ New York sốt ruột chờ anh gọi về trong nhiều ngày nhưng không thấy. Tuần sau cảnh sát Anh xác nhận tên anh trong số 52 nạn nhân. Rõ là "chạy trời không khỏi nắng."

(Tổng hợp từ các bài báo và các nguồn tin từ New York và khắp thế giới)

(1) Sau vụ nổ tại Madrid năm 2003, người ta đã tiên đoán Anh sẽ bị khủng bố kế tiếp.

CHUYỆN CON CHÓ

Chó Mỹ

Trong xã hội Mỹ, chó là loài vật được quí mến và gần gụi với loài người nhất, chả thế mà chó được vinh danh là "bạn quí của người" (man's best friend).

Đã từ lâu, loài người khám phá ra nhiều khả năng của người bạn bốn chân này. Chó được huấn luyện để đi săn cùng chủ, cứu người bị vùi trong tuyết lở (avalance), bị chôn sống trong đống gạch vụn khi nhà sập, tìm dấu người mất tích, đánh giặc (quân khuyển), đi tuần, dò bom, dò thuốc phiện, dẫn dường cho người khiếm thị, thậm chí trong thời đại mới còn biết mở cửa, lấy đồ vật, lấy phone để chủ gọi (chủ tê liệt, ngồi xe lăn), bật và tắt đèn v.v.

Mới nhất đây, chó lại được huấn luyện để giúp chủ trong một công tác đặc biệt như câu chuyện sau đây.

Những người mắc bệnh đường cao, sợ nhất là khi uống thuốc nhiều quá, hoặc bụng đói chưa kịp ăn, mức đường trong người xuống thấp, nếu không điều chỉnh ngay về mức bình thường, có thể bị xỉu, hôn mê. Nếu không cứu cấp kịp thời

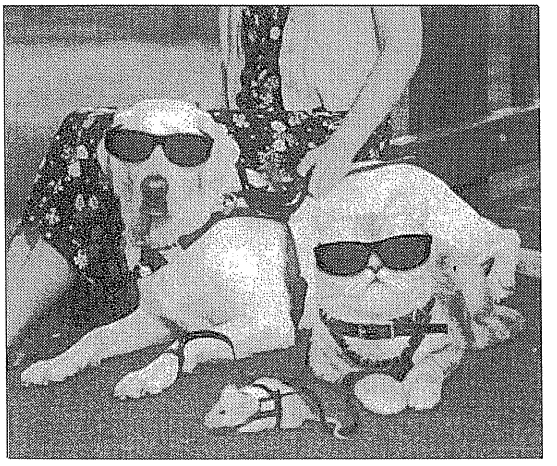

có thể chết. Được một cái là khi đường xuống thấp quá, cơ thể có phản ứng báo nguy là bệnh nhân cảm thấy toàn thân tê tê, buồn buồn như kiến cắn, chân tay bủn rủn, toàn thân toát mồ hôi, hết hơi sức. Lúc này bệnh nhân uống một ly nước cam, ăn một cái kẹo (tất cả thứ gì có chất đường) để mức đường trong người trở lại bình thường là khỏe lại.

Tuy nhiên có nhiều người không thấy triệu chứng nói trên, cứ yếu dần và rơi vào tình trạng hôn mê, rất nguy hiểm, nếu không có người thân quan sát và giúp đỡ. Đó là trường hợp của ông Bob Maher, 64 tuổi. Khi đường xuống thấp, chân tay ông không run rẩy, mồ hôi không tóat ra đầm đìa như người khác, mà cứ thiếp đi. Bệnh nhân loại này luôn luôn ở trong một nỗi sợ triền miên, sợ ở một mình, sợ lái xe, ngay cả ngủ cũng sợ. Người nhà ai cũng đi làm hoặc bận công kia việc nọ, làm sao ở gần bệnh nhân suốt ngày đêm được.

Tháng 6, 2004, vợ của Bob là Jean thấy chồng nằm bất tỉnh trước TV. Khi nhân viên y tế tới, mạch Bob không còn đập, tưởng đã nguy. May sao, Bob hồi sinh kịp thời.

Sau biến cố kinh khủng đó, bà Jean luôn ở bên chồng, không rời nửa bước. Ban đêm bà thức dậy vài lần, check mức đường trong máu cho chồng. Thật vất vả, và lúc nào cũng thấp thỏm, ăn ngủ không yên, căng thẳng và mỏi mệt. Sức người có hạn, không biết bà săn sóc chồng được bao lâu. Bà cũng già rồi chứ bộ.

Bây giờ thì Bob và Jean đều yên tâm. Bob đã có người bạn mới, tận tụy, siêng năng, kề cận 24 trên 24 và hay hơn cả là người bạn trung thành này không cần dùng máy đo, mà vẫn biết khi nào đường trong máu Bob xuống thấp để báo động. Ai mà hay quá vậy?

Xin thưa đó là chú chó Chewie, hai tuổi. Như đã nói, gần đây, người ta khám phá ra nhiều con chó có năng khiếu là cảm nhận được tình trạng sức khoẻ của chủ nhân, đặc biệt trong trường hợp Chewie, chú này biết lúc nào mức đường của Bob xuống thấp để báo động. Mỗi con chó có cách riêng khi báo cho chủ. Phản ứng của Chewie là ngồi ì trước mặt Bob, giục mấy cũng không đi.

Cơ quan Canine Partners chuyên huấn luyện chó để giúp người bệnh cho hay cứ 10 chú chó thì ba chú có khả năng này. Tuy nhiên cần được huấn luyện để phát triển mạnh mẽ và cuối cùng chủ và chó cần được tập dượt chung, để hiểu biết nhau.

Người ta chưa biết bằng cách nào, chó biết chủ sắp đau tim, hay lượng đường xuống. Có lẽ cơ thể người bệnh phát ra mùi mồ hôi khác lạ hay cơ quan não bộ gửi ra những làn sóng điện mà chỉ có chó mới cảm nhận được (1).

Canine Partners , hoạt động đã được 16 năm, cho hay, chó phải được chọn lọc và huấn luyện trong vòng hai năm, với phí tổn chừng $20,000 một con. Tuy nhiên đây là cơ quan bất vụ lợi nên chỉ đòi hỏi bệnh nhân đóng một món tiền nhỏ là $900. Hàng năm Canimne Partners cho ra trường khoảng 30 con, do đó ai muốn xin lãnh chó phải đợi từ tám tới 18 tháng.

Loài người vốn tự hào là thông minh nhất trong muôn loài, nhưng nay, biến chuyển trong cơ thể mình cũng không biết được, phải nhờ người bạn bốn chân khám phá hộ và báo động thì quả nhiên khả năng con ngườI còn hạn hẹp so với loài vật.

Chó Sài Gòn, chó Hà Nội

Chó nhà người ta thì khôn đáo để như thế, còn chó Việt thì xệ quá. Không phải nó ngu. Tại chủ nó không đủ khôn để huấn luyện nó mà thôi. Ấy thế mà còn miệt thị nó một cách oan uổng nữa chứ. Trong xã hội VN, câu mắng nhau nặng nhất giữa người và người là "đồ ngu như chó." Còn nữa, chưa hết "đồ chó đẻ," "đồ chó ghẻ," "đồ con chó," "đồ chó chết v.v.

Chó Việt chỉ có hai nhiệm vụ căn bản là giữ nhà và dọn phân trẻ em.

Gần đây hơn, phong trào ăn thịt chó tự nhiên nở rộ ở VN nên con chó có thêm nhiệm vụ thứ ba là xả thân làm đồ nhậu cho các tay bợm lưu linh. (2)

Mới đây tờ *Tuổi Trẻ* dẫn lời một chủ lò giết chó ở khu Bùi Phát quận 3 Sài Gòn, quả quyết phải trên 1,000 con chó mỗi ngày bị đưa vào lò giết. Dân "Hà Lội" ăn chó cũng rất mạnh. "Chó thật, ăn chó kiểu này thì chó nó sống thế chó nào được." Một ông thương chó và ngán ngẩm cho tình đời đã "chửi đổng" như thế. Sặc mùi chó, phải không.

Công nghệ buôn bán chó phát triển vượt chỉ tiêu nhưng không ai ngó ngàng đến vệ sinh thực phẩm chó. Trên hình báo TT, chó được mổ ngay trên nền đất. Chó già, chó bệnh, chó bị đánh bả (thuốc độc) chết, chó ghẻ, bị lác khô, lác ướt, đều được phù phép thành "đặc sản cầy tơ."

Phóng viên báo TT kể lại khi xâm nhập một lò mổ chó trên đường Bành Văn Trân (Tân Bình), cửa vừa hé mở mùi tanh hôi rờn rợn đã thốc vào mũi. Tay lái chó tên Tấn đưa PV thẳng xuống

nhà dưới, nơi sát cẩu. Bốn "sát thủ" cởi trần trùng trục, mồ hôi mồ kê nhễ nhại đang cạo lông chó. Bốn chú cẩu được đặt ngay trên nền nhà dơ bẩn, ướt nhẹp, nước và lông chó quyện vào nhau. Sát vách chung quanh là những chuồng chấn song sắt nhốt chừng 20 con chó đang nằm thiêm thiếp. Thấy mấy con chó già, ghẻ lở nằm im PV lấy cây bút bi chọc, nhưng chúng không buồn nhúc nhích. PV hỏi: "Sao toàn chó già, chó bệnh, chó ghẻ vậy anh?" Y đáp: "Bệnh gì mà bệnh, còn sống là tốt rồi. Những lò khác, toàn chó đánh bả, ăn vào có ngày méo cả mồm đấy."

Những nhà bên cạnh than "nước dơ, cặn bã, nước làm chó cứ đổ ra ngập đường. Cống bị nghẹt, chúng tôi có trình báo địa phương nhưng chẳng ăn thua." Công an, cán bộ đã được nhẩm xà tiết canh, lòng dồi, thịt luộc rồi thì có ngập nữa cũng mặc thây. Nhiều lò ngụy trang bằng biển hiệu đấm bóp, giác hơi, may đồ, giặt ủi... Lò mổ tập trung đông nhất ở đường Lê Văn Sĩ, cổng xe lửa số 6, Phạm Văn Hai, Bùi Thị Xuân. Khu Lê Đức Thọ, Phạm Văn Chiêu không tập trung đông đảo như khu ông Tạ nhưng mức dơ bẩn thì phải đứng hàng trên.

Lái Tấn cho hay là các chủ lò đều có phép thần thông biến chó già, chó ghẻ, chó chết thành cầy tơ mà dân trong nghề gọi là làm "mông má" chó. Tại lò mổ của ông N "béo" ở khu Bình Triệu, sát thủ đang thanh toán ba con chó chết. Khi thợ mổ moi bộ lòng ra, PV/TT nói: "Tôi muốn nôn oẹ vì mùi hôi thối đến rợn người bốc ra." Tấn nói những con này bị xung điện chết hơn một ngày rồi, nhưng không sao. Sau khi cạo sạch lông, ông N "béo" lau khô chó rồi lôi ra một cái mâm đựng một chất sền sệt, quét khắp mình chó. Chờ thuốc ngấm, ông ta lấy vòi phun ga ra "khò" khắp mình chó, cho lớp hóa chất cháy lên. Lúc này chó chỉ còn mùi khét dễ chịu của cầy thui rơm., mùi hôi biến mất. Hỗn hợp trên là bí quyết gia truyền của lò chó.

Nếu chó già thịt dai như lốp xe hơi thì ngâm bột muối diêm, sẽ mềm như cầy sữa. Cũng có loại hóa chất khác ký hiệu HEC mua ở chợ Kim Biên, hòa trong nước, bỏ cầy già vào ngâm 30 phút. Có chủ lò cẩn thận còn lấy sy-ranh tiêm hóa chất sâu vào thớ thịt. Mềm như bún vậy. Chó ghẻ khô thì cạo sạch lông, bôi mật ong rồi đem hơ lửa. Ghẻ ướt thì vá những chỗ ghẻ bằng một loại bột như bột mì. Sau đó phết khắp mình chó một thứ hóa chất khác có mầu đồng. Khi khô, đem gas "khò" qua một lượt. Y như trò ảo thuật, chú chó ghẻ lác, trắng bệch đã biến thành chú cầy tơ thui rơm vàng ươm, bóng mỡ.

Ở hải ngoại, bợm nào nghiện thịt chó từ năm 1975, xin mời về thăm quê hương, thử món cầy tơ đặc sản xã hội chủ nghĩa một lần cho biết.

(1) Tương tự VN, Hàn quốc cũng tôn vinh thịt chó là món quốc hồn quốc túy. Năm 1996 khi Thế Vận Hội Quốc Tế được tổ chức tại Hán Thành, nhà nước Đại Hàn đã ân cần khuyên bảo cư dân: Muốn ăn thịt chó, xin mời vào các ngõ hẻm, kẻo ở ngoài đại lộ quan khách ngoại quốc "nhĩ mục quan chiêm.."

(2) Ở VN trước khi có thiên tai vài ngày (động đất, bão lụt v.v.) chó đều tru lên báo hiệu. Khi Nicole bị OJ Simson sát hại (tình nghi) con chó của Nicole tru suốt đêm ngoài đường. Nó muốn báo cho hàng xóm là chủ nó bị hãm hại, dĩ nhiên là nó biết thủ phạm. Tiếc rằng chẳng ai nghe được tiếng chó nên OJ Simson trắng án.

Chuyện Nước Pháp

TỪ NGUYÊN

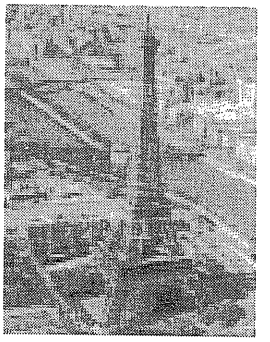

CÁI ĐUÔI CỦA VỤ THẾ VẬN HỘI PARIS 2012

Cho tới đầu tuần này, nhân viên công quyền, báo chí còn xào xáo về chuyện Paris bị mất phần tổ chức thế vận hội năm 2012. Tại Singapore, ủy ban thế vận quốc tế quyết định giao việc đó cho Luân Đôn. Uất hận lên cao, có người lớn tiếng điểm mặt Luân Đôn đã «chơi xấu» đồng minh và cũng là «kẻ thù tuyền kiếp.»

Công khai trong phiên họp hội đồng Đô thành, chính đô trưởng Bertrand Delanoe tố cáo đích danh thủ tướng Tony Blair và Sebastian Coe, chủ tịch ủy ban thế vận Anh đã «gian lận» để dành phần cho Luân Đôn. «Những người này không tôn trọng luật chơi,» lời của ông đô trưởng.

Paris khác, Paris đã quyết định chọn lấy một thái độ: Không thèm hối mại, không ăn gian, ông nói, hàm ý rằng những uỷ ban quốc gia khác không như vậy. Ông có điều gì để làm bằng chứng một cách cụ thể?

Giữa phiên họp ông kể rằng nhờ ở trong cùng khách sạn với thủ tướng Anh Tony Blair, cách một tầng lầu, Delanoe thấy nhiều người từ phòng của Tony Blair đi xuống, trong đó có cả thành viên của ủy ban thế vận quốc tế. Không lẽ ông đô trưởng cứ đứng hành lang để canh chừng, chắc

ông nghe đàn em thuật lại. Và ông đô trưởng tự đặt câu hỏi : *Người ta sẽ nói sao nếu như Paris thắng và sáu tháng sau đó một vị xì căn đan được bật mí ?*

Bertrand Delanoe là người của đảng Xã hội đối lập nên đảng cầm quyền UMP không để cho ông muốn nói chi thì nói! «Đó là những lời nói rất là chướng tai,» Claude Goasguen, trưởng nhóm UMP trong hội đồng Đô thành phê bình, và khuyên rằng chúng ta không nên tố cáo bậy bạ đối với một thành phố vừa bị khủng bố và đã chứng tỏ cho thế giới lòng can đảm. (Ông này đã bắt tréo hai chuyện không dính dáng với nhau.)

Pierre Lellouche, cũng là người của đảng UMP xen vào: *Khi trượt tú tài, không nên tố cáo ban giám khảo!* Ông Lellouche đang ngấm nghé chức đô trưởng năm 2008 muốn làm cho to chuyện nói tiếp: *Những lời tuyên bố của đô trưởng làm giảm giá trị của nước Pháp trên thế giới!*

Vào giờ ăn trưa, Bertrand Delanoe giải thích với báo chí rằng trong số 117 điều cấm kỵ của ủy ban thế vận quốc tế thông qua tại Prague năm 2004 có chuyện cấm hẹn hò với các thành viên ủy ban quốc tế. Paris không bao giờ làm như thế!

Tại sao Paris không thưa kiện ngay lúc đó? Không còn thì giờ, lúc đó là nửa đêm thứ ba mà 9 giờ sáng hôm sau, thứ tư, Paris đã phải trình bày hồ sơ của mình. Thật sự thì Paris vốn lạc quan nên đã không nghĩ đến những chuyện phản đối lẻ tẻ đó? (Nay thì ủy ban thế vận Pháp chính thức loan báo sẽ không thưa kiện nữa.)

Lúc khai mạc phiên họp hội đồng, ông đô trưởng yêu cầu mọi người đứng lên giữ một phút mặc niệm tưởng nhớ tới các nạn nhân vụ khủng bố tại Luân Đôn. Ông muốn một mình lãnh gánh nặng của sự thất bại. «Tôi nhận lãnh hết,» lời của Bertrand Delanoe. Những lời ông nói tiếp theo khiến cho người ta nghĩ rằng tuy ông lãnh đủ nhưng tội lỗi đó không phải do ông gây ra. «Tôi lãnh hết, ngay cả chuyện tôi đã mời tổng thống Cộng hòa Pháp tới Singapour.»

Ông đã trách một vài nước láng diềng mà không nêu tên, có thể là Ý đại lợi hay Tây ban nha. Trách cả ủy ban thế vận Pháp không có đủ nhãn quan quốc tế vì sự thực, lực sĩ Pháp không được đại diện trong ủy ban thế vận quốc tế.

Trong hội đồng có người than phiền về sự tốn kém tiền bạc: ủy ban Pháp đã chi ra 40 triệu euro để vận động cho đơn xin của mình. So với Luân đôn thì Paris tiêu tốn chỉ mới ¼ ; theo lời của đô trưởng.

Trước những lời tố cáo của Paris, có lẽ bạn đọc đoán đúng: Luân đôn từ chối không muốn nói chi thêm. «Chúng tôi đã tôn trọng triệt để quy luật do ủy ban thế vận đặt ra,» phát ngôn viên của phủ thủ tướng Anh tuyên bố. Những người khác không phải là chính thức từ phủ thủ tướng đã lên tiếng thách thức Paris: Nếu Bertrand Delanoe có bằng chứng, cứ đưa ra đi!

Từ Singapore, chủ tịch thế vận quốc tế Jacques Rogge coi chuyện này là một thứ chuyện «nghe qua rồi bỏ.» Ông nói giễu rằng nếu thủ tướng Tony Blair muốn, ông ta cũng có quyền mời những thành viên này vào đảng Lao động của nước Anh.

Tại sao Bertrand Delanoe làm như rằng chuyện mời tổng thống Pháp tới Singapore như là một điều không phải? Chuyện cũ là hai lần trước đây Paris nộp đơn, có sự can thiệp của Jacques Chirac đã thất bại. Chuyện mới cho lần này là ba ngày trước khi tới Singapore, Jacques Chirac đã gặp Vladimir Poutine, tổng thống Nga và Gerhard Schroeder, thủ tướng Đức nhân kỷ niệm 750 năm thành phố Kaliningrad.

Ba người này nói chuyện giễu cợt với nhau không ngờ có nhà báo nghe được, đăng lên. Giễu cợt về nước Anh. «Điều độc nhất mà họ đã đóng góp cho nông nghiệp Âu châu là... bò dại,» lời của ông Chirac. Ông nói thêm để cảnh giác hai người kia: Rằng không thể tin được những kẻ nấu ăn dở: Sau nước Phần lan, Anh là nước có thức ăn dở nhất. (Trong cuộc gặp gỡ báo chí ngày quốc khánh, tổng thống Chirac cho biết không bao giờ nói như vậy: *non, non, je n'ai pas dit ça* !)

Không ai tưởng tượng nổi đó là những lời của một vị nguyên thủ quốc gia, dù trong lúc đùa giỡn. Và hậu quả như thế nào bạn đọc đã biết (như lời của Stephen Clarke trên đây: hai phiếu của Phần Lan thay vì cho Paris, đã cho Luân Đôn.)

Người Tỵ Nạn May Mắn
ANH ĐÀO TRAXEL

Tên của bà, viết theo lối Pháp thêm tên chồng, là Anh Đào Traxel. Nói đến tổng thống Cộng hòa Pháp, Jacques Chirac, bà dùng tiếng «mon père,» cha tôi. Ba đứa con của bà kêu Jacques và Bernadette Chirac là «pappy,» « mamy» ông, bà.

Trong một cuốn sách xuất bản vào đầu năm tới, Anh Đào Traxel kể lại một quãng đời của bà, *boat people* ở trong trại tỵ nạn, sau đó được đô trưởng Paris nhận làm «con nuôi» năm 1979. Đô trưởng Paris hồi đó là Jacques Chirac. Tuần trước, nhiều người được gặp bà trong buổi tiếp tân ngoài vườn

Anh Đào Traxel

Elysée trong ngày quốc khánh, và ngày hôm sau, nằm phơi nắng tại Clamart-Plage, ngoại ô Paris.

Năm nay 47 tuổi, luôn luôn lo lắng cho những người khác như chồng bà thường nói, bà làm việc tại bộ Du lịch và là chủ tịch hội Etoile européenne du dévouement civil et militaire, giúp cho các gia đình tử sĩ. Lần đầu tiên gần hai mươi năm, bà trả lời cuộc phỏng vấn của một tờ báo, nội dung như sau:

- Lần đầu tiên gặp Jacques Chirac như thế nào?

Lúc đó, tôi là *boat people* và đã ở bảy tháng trong trại tỵ nạn. Cha tôi, hiệu trưởng một trường tiểu học bị đi học tập cải tạo. Mẹ tôi đã làm mọi cách để cho tôi đi khỏi Việt Nam. Tháng bảy 1979, tôi tới phi trường Roissy với đoàn người tỵ nạn. Không nói được một tiếng Pháp, rất lo lắng cho thân phận mình, tôi ngồi khóc ở một góc tường.

Lúc đó, một người cao lớn tới nói với tôi: «*Đừng khóc nữa! Kể từ hôm nay, em tới ở với chúng tôi.*» Trong ánh mắt của ông, tôi thấy như ông nói với tôi rằng ông ta sẽ bảo bọc tôi, mặc dầu tôi không hiểu chuyện gì sẽ xảy tới cho tôi. Một người giải thích rằng đó là một nhân vật hết sức quan trọng. Sau đó bà Bernadette Chirac tới ôm chầm lấy tôi và bà khóc. Tôi hiểu là tôi vừa có một gia đình tiếp đón.

Ngày đầu tháng tám, một người tài xế tới trại tỵ nạn chở tôi về tòa đô chánh, nơi đó tôi gặp đông đủ gia đình này.

- Bà sống với gia đình Chirac?

«Như là một chuyện thần tiên, tôi có hai năm sống sung sướng bên cạnh những người ân nhân này. Bà Bernadette giúp tôi học tiếng Pháp và chính thân phụ của bà đích thân chỉ cho tôi đọc sách lớn tiếng. Mỗi tối chúng tôi quây quần bên bàn ăn và Jacques Chirac biểu tôi kể lại những gì tôi đã làm trong ngày. Ông thích kể chuyện vui. Có khi chúng tôi cùng coi một phim *cowboy* hay cùng với Bernadette dắt chó đi dạo.

Trước khi đi ngủ, mặc dù chúng tôi đã lớn, ông đến hôn ba cô con gái. Hôm trước khi đi học tiếng Pháp, chính ông soạn sửa cặp sách cho tôi.»

- Bà cảm thấy thế nào khi sống với một nhân vật quan trọng?

«Chính trị, đối với tôi là một thế giới xa lạ. Lẽ đĩ nhiên sống trong tòa đô chánh, tôi đã trông thấy nhiều nhân vật quốc tế như đức giáo hoàng Jean-Paul II hay đức Đạt lai Lạt ma.

Nhân viên tòa đô chánh coi Jacques Chirac như là ông chủ, tôi coi như cha. Chúng tôi đã sống những ngày hè trong lâu đài Bity ở Corrèze, tôi đi núi và chưa bao giờ tới vùng có tuyết. Vì vậy mà ông ta đã mua cho tôi áo choàng, găng tay, quần dài và khuyên tôi nên đi học trượt tuyết.»

- Bà gọi là «cha tôi» nhưng bà không phải là con nuôi?

«Không, tại vì tôi không là mồ côi. Cha mẹ, các em tôi tới Pháp mười năm sau đó. Nhưng tôi luôn luôn coi Jacques và Bernadette như là cha mẹ thứ hai của tôi. Tôi biết rằng họ sẵn sàng để giúp đỡ tôi.»

- Bà nghĩ sao về Jacques Chirac?

«Đó là một người có lòng, rất gần gũi với nhân viên tòa đô chánh nơi tôi làm việc coi văn thư trong 18 năm. Khi tôi sắp sanh, Bernadette lo mua sắm tả và nôi cho đứa bé. Hai ông bà tới thăm nhân ngày sinh nhật con của chúng tôi. Ngày nay, ba đứa con của tôi (Bernard-Jacques, Laurence-Claude và Jacques kêu ông bằng «Pappy Jacques.»

- Tại sao tới giờ này bà mới kể chuyện của bà?

«Tôi thích kín đáo và nghĩ rằng chuyện đó chỉ liên hệ giữa tôi và gia đình Chirac. Nhưng cuối cùng thì tôi thấy cần kể lại đoạn đời của tôi và qua đó, nói lên lòng biết ơn của tôi với ông bà Chirac mà nếu không có họ, tôi sẽ không có ở đây.»

- Bà có nghĩ rằng Jacques Chirac sẽ ra tranh cử năm 2007?

«Ông ta chưa nói lời cuối cùng. Một khi ngã xuống, luôn luôn ông trỗi dậy. Theo lối sống của ông, tôi không nghĩ rằng ông ta ngừng ở đó hay lấy cần câu để về hưu. Tôi nghĩ ông ta sẽ hoạt động cho đến cùng.» (Dịch theo F. Mouchon, *Le Parisien* số ra ngày 20.7)

Từ Ngày 21.7
PARIS PLAGE 2005

Paris-Plage đã mở cửa đón tiếp dân chúng từ ngày 21.7. Lần thứ tư trong bốn năm liền, đô thành Paris sửa sang bên bờ sông Seine thành một nơi cho những người ở lại Paris, hay là những người vừa đi về và vẫn còn nuối tiếc... khi mùa hè chưa hết, du khách, ra nằm phơi nắng hay đi lang thang bên bờ... nước.

Ở đâu? Bên bờ sông Seine, khoảng bốn cây số từ Pont des Arts cho tới Pont de Sully. Métro: Pont Neuf, Chatelet, St.-Michel, Cité, Pont Marie và Sully Morland, RER B St.-Michel đều được.

Lúc nào? Mỗi ngày từ 7 giờ sáng đến nửa đêm (21.8 là ngày cuối cùng).

Đặc biệt năm nay: Năm Brésil, năm Ba Tây. Chiều dài bốn cây số được biến cải thành ba vùng: rừng rậm, đồng cỏ và sa mạc với những địa danh như là Ipanema, Macarana và Copacabana. Không chỉ có cảnh trí mà còn có đời sống hay nói chung, văn hóa Brésil cùng với hoạt động thể thao, nhảy múa. Những người muốn nhấm nháp món ăn Ba Tây cũng có thể vào quán ăn trên chiếc thuyền 400 m2 mới mở cửa năm nay.

Paris-Plage thu hút ba triệu người trong năm 2004, (đa số là người của vùng Paris và phụ cận nhưng cũng có tới 15% du khách), năm nay có thể đông hơn. Ngân sách năm ngoái bỏ ra để dựng lên là 2 triệu euro. Năm nay cũng vào khoảng chừng đó, theo lời toà đô chánh, với 2 000 tấn cát, 60 cây kè và 40 khu vực với loại hoạt động riêng biệt.

Làm Theo Paris?

Thấy điều hay bắt chước, chuyện cũng tự nhiên thôi. Bên bờ sông Garonne, có Toulouse-Plage. Dijon, bên cạnh thương cảng. Ngay cả thành phố không có sông rạch chảy ngang cũng làm, như Saint-Quentin (Aisne).

Vài thủ đô khác trên thế giới. Bên bờ sông Tibre, Tevere Village giúp cho Rome vui nhộn nhưng không sánh bằng Paris-Plage. Tokyo, lần đầu tiên có ghế xếp và cây kè trong vườn Yoyogi. Cũng không sánh được với Paris.

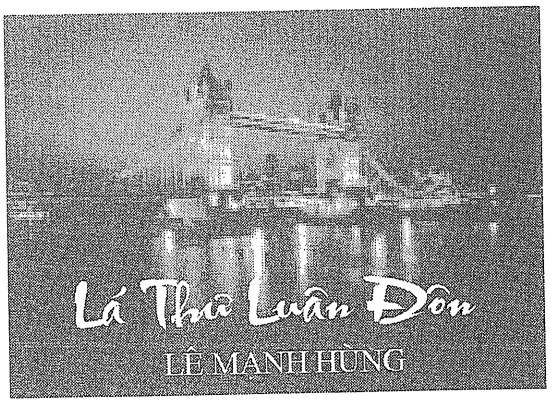

Lần thứ hai trong hai tuần lễ, Luân Đôn lại bị quân khủng bố tấn công vào hệ thống chuyên chở công cộng. Cuộc tấn công lần này xảy ra vào một buổi trưa thứ năm êm ả và một lần nữa mục tiêu là hệ thống xe điện ngầm và một chiếc xe bus. Y như là lời đe dọa của một nhóm có liên hệ với Al Qaeda vốn nhận là chủ mưu cho việc tấn công khủng bố vào thành phố Luân Đôn, vụ tấn công này cũng tỏa ra bốn phía của thành phố: đông, tây, nam và bắc. Khác với lần trước, lần này, đám khủng bố có vẻ đã tỏ ra tài tử và cả bốn quả bom đều không nổ, không gây ra một nạn nhân nào.

Tuy nhiên, sự vui mừng của dân Luân Đôn trước cái may mắn này cũng bị chặn lại một phần bởi một nhận thức rằng, vụ tấn công này cho thấy bốn tên đánh bom khủng bố tự sát ngày 7 tháng 7 vừa qua không phải chỉ hành động một mình. Và đồng bọn của chúng đông đủ để có thể làm một cuộc tấn công khác chỉ hai tuần sau khi xảy ra vụ thứ nhất, một điều đã không xảy ra cả ở New York trong vụ 9/11 hoặc là Madrid trong năm ngoái.

Vụ đánh bom lần này xảy ra vào khoảng giờ ăn trưa tại trạm xe điện ngầm Oval ở phía nam, Warren Street ở phía bắc và ở nhà ga xe lửa Shepherd's Bush ở phía nam. Còn trái bom trên xe bus thì nổ trên chiếc xe bus số 26 tại Hackney ở phía đông. Nhưng lần này, mặc dầu có tin là một người bị thương, nhưng không có ai chết cả vì cả bốn trái bom đều không nổ. Theo tin của cảnh sát thì sở dĩ có tình trạng đó là vì loại thuốc nổ bọn khủng bố sử dụng cũng là thuốc nổ mà những tên khủng bố sử dụng trong vụ tấn công ngày 7 tháng 7 vừa qua. Thuốc nổ này là thuốc nổ tự chế có đời sống chỉ khoảng ba tuần lễ. Ngoài ra, vì những ngòi nổ dùng trong vụ tấn công lần này vũng là ngòi nổ tự chế. Các ngòi nổ dự định dùng trong vụ tấn công sau đã bị cảnh sát tịch thu trên chiếc xe để ở Luton của bọn khủng bố lần trước.

Mặc dầu cả bốn tên khủng bố đều chạy thoát

vì mọi người không kịp phản ứng, nhưng chỉ mấy tiếng đồng hồ sau cảnh sát đã đưa được hình ảnh chúng lên trên truyền hình. Một loạt những cuộc truy lùng cũng được tổ chức. Ngay ngày hôm sau, một người tình nghi khác đã bị cảnh sát bắn chết tại trạm xe điện ngầm Stockwell, trạm xe điện ngay trước trạm Oval, nơi xảy ra vụ đánh bom hụt hôm thứ năm. Các nhân chứng cho biết người bị bắn chết trông có vẻ như là gốc tiểu lục địa Ấn Độ (Pakistan) và mặc một bộ quần áo dầy mùa đông khi bị cảnh sát đuổi chạy vào trong trạm xe điện. Tuy nhiên hôm thứ bảy, một phát ngôn nhân của cảnh sát cho biết người này "có thể" không có liên quan gì đến vụ tấn công khủng bố ngày 7 tháng 7 vừa qua khiến cho 56 người thiệt mạng. Mặc dầu vậy, cơ quan cảnh sát Scotland Yard từ chối không loại bỏ khả năng rằng người này có một quan hệ gì với các hoạt động khủng bố.

Theo giám đốc cơ quan Scotland Yard Ian Blair, "người bị bắn này vốn bị cảnh sát theo dõi vì anh ta từ trong một ngôi nhà bị cảnh sát theo rõi đi ra. Ngôi nhà này vốn có quan hệ với các cuộc tấn công khủng bố vừa qua. Khi ra khỏi nhà, anh ta bị cảnh sát đi theo đến trạm xe điện ngầm. Quần áo và cử chỉ của anh ta đã khiến cho người ta nghi ngờ thêm nữa." Những trường hợp cảnh sát bắn chết nghi phạm như vậy hiếm khi xảy ra tại Anh nơi mà chỉ những toán đặc nhiệm của cảnh sát mới có quyền mang vũ khí. Việc bắn chết này có nghĩa rằng chính cảnh sát đã nghi ngờ rằng người này có thể là một tên khủng bố có mang theo bom trong người để tự sát.

Cảnh sát cũng tổ chức một số cuộc lục soát tại một số địa điểm ở Luân Đôn để tìm cách ngăn chặn những cuộc tấn công trong tương lai. Họ cho biết là đã có hai người bị bắt cũng ở gần khu vực Stockwell nơi xảy ra vụ bắn hôm thứ sáu. Tuy nhiên cảnh sát đã từ chối không xác nhận rằng trong hai người này có ai là trong đám bốn tên khủng bố hay không. Vào cuối ngày thứ bảy, cảnh sát lại lục soát một căn nhà khác tại vùng Brixton ở phía nam Luân Đôn, một khu vực lân cận với trạm xe điện ngầm Stockwell.

Vụ bắn người này của cảnh sát đã tạo ra một số phản ứng cho quần chúng. Các nhóm Hồi giáo tại Anh thì lên án vụ bắn này diễn tả sự xúc động và giận dữ vì nạn nhân vô tội "Cho phép cảnh sát bắn chết người như vậy, chỉ vì chút nghi ngờ quả thật là đáng kinh sợ." Đó là lời tuyên bố của Azzam Tamimi của Hiệp Hội những người Hồi giáo tại Anh quốc (Muslim Association of Britain) với đài BBC. Nhưng ngay cả nhiều người tranh đấu cho nhân quyền cũng phải công nhận rằng cảnh sát ở trong một hoàn cảnh cực kỳ khó xử với việc phải quyết định chỉ trong một khoảnh khắc việc có nên lấy mạng sống của một người hay không. Một quyết định sai lầm có thể không những làm chết một mạng người mà còn làm hại đến nhiều người khác. Kinh nghiệm của những nước bị tấn công tự sát thường xuyên cho thấy ngay cả khi bị trúng thương nặng, kẻ khủng bố vẫn có thể làm nổ bom mang trong người để lấy đi mạng sống của nhiều người khác.

Trong suốt mấy ngày sau đó, các vụ báo động đã làm cho dân chúng cả thành phố nhấp nhổm. Trạm xe điện ngầm Mile End bị di tản sau khi có người báo rằng ngửi thấy mùi cháy, trong khi hai tuyến đường xe điện ngầm bị ngưng chạy. Nhưng sau đó, cảnh sát cho biết rằng đây chỉ là những vụ báo động giả.

Chỉ mới đầu tuần, những người lãnh đạo cộng đồng Hồi giáo tại Anh đã được mời tới họp tại phủ thủ tướng ở số 10 đường Downing với hy vọng rằng họ có thể giúp các cơ quan hữu trách khám phá ra những kẻ gây rối trước khi chúng đi vào con đường nổi loạn. Nhưng chiến lược này của chính phủ Anh có vẻ không có hiệu quả vì chính những vị coi như là "lãnh đạo" này cũng không có bao nhiêu ảnh hưởng với cộng đồng của họ. Một cuộc khảo sát ý kiến do cơ quan YouGov và nhật báo *Daily Telegraph* thực hiện cho thấy 32% dân Hồi giáo Anh cho rằng xã hội Tây phương là một xã hội trụy lạc, vô luân lý cần phải bị tiêu hủy; 16% dân Hồi giáo Anh không cảm thấy trung thành với đất nước Anh. Đặc biệt, 24% dân Hồi giáo Anh tỏ ra có cảm tình với những tên khủng bố tự sát và 6% dân Hồi giáo Anh cho rằng cuộc tấn công tự sát này là chính đáng. Sự phân hóa bên trong cộng đồng Hồi giáo đã trở nên công khai với một ngôi đền Hồi giáo Mosque bị những kẻ quá khích đe dọa vì đã lên tiếng công khai lên án cuộc tấn công khủng bố ngày 7 tháng 7.

Trong khi đó các chuyên gia an ninh cũng như cựu giám đốc cảnh sát Luân Đôn thì lên tiếng cảnh cáo rằng các cuộc tấn công khủng bố vào thành phố có thể vẫn sẽ tiếp tục. Và đô trưởng Luân Đôn Livingstone cũng cảnh giác rằng khủng bố có thể còn tấn công vào những mục tiêu khác "Người ta lúc này có thể ngại đi xe điện ngầm, nhưng rất có thể rằng mục tiêu lần tới sẽ là tại một quán rượu hay là một câu lạc bộ nào đó hoặc ngay tại ngoài đường..." Đó là lời ông Livingstone nói với đài truyền hình Sky News vào lúc đội banh Ý AC Milan hủy chuyến đi đá giao hữu tại Luân Đôn.

Trang Chuyện Phiếm

SONG THAO

ĐỔI

Không biết đã có ai coi phim *Normal* (Bình Thường) chưa nhỉ? Có gì lạ không? Tên phim thật... bình thường nhưng nó đề cập tới một chuyện không bình thường. Nhân vật chính tên Roy, do Tom Wilkinson đóng, là một người bình thường, có vợ, hai con, một trai một gái. Vợ chồng sống với nhau êm đẹp trong 25 năm. Bỗng anh chàng Roy đòi quyền sống! Ai không cho anh chàng này sống? Chính là cái bản tính nữ của anh. Vợ con đề huề như vậy trong suốt một phần tư thế kỷ, anh chàng vẫn sống giả. Anh không phải là anh mà là... chị. Anh đổi giống! Xã hội chung quanh anh phản ứng kịch liệt. Từ nhà máy nơi anh làm việc đến nhà thờ Tin Lành nơi anh vẫn dự lễ hàng tuần, chỗ nào cũng bất bình cho anh... nghỉ chơi. Nhưng trong cái tổ ấm 25 năm của anh mới... tiêu điều lá liễu. Vợ anh, chị Irma, do nữ tài tử Jessica Lange đóng, vốn tận tụy yêu thương chồng, nay cứ băn khoăn không biết mình đã làm gì nên nỗi khiến chồng phải... cải giống! Mẹ anh cứ ngơ ngẩn không tin là mình đã đẻ ra một "bé gái"! Con trai lớn của anh không thể chấp nhận chuyện mình có tới... hai bà mẹ. Chỉ có cô gái út tỏ ra thông cảm với cha vì chính cô cũng là một *tomboy,* một cô gái lẽ ra phải là con trai! Và ông bố anh Roy bây giờ mới nhớ lại là hồi nhỏ đã đánh con mấy trận vì tội... mặc váy đầm của chị! Nữ đạo diễn kiêm soạn giả kịch bản phim Jane Anderson chỉ cho nhân vật Roy đổi giống và sau đó, cho vợ của Roy sát cánh làm bạn với chồng cũ khi ông từ "Ông Roy" trở thành "Bà Ruth". Những vấn đề còn lại, đạo diễn đã khôn khéo lơ đi không đề cập tới.

Chuyện tưởng chỉ có trong phim đã có thật ngoài đời. Anh Lesley Morgan, ngụ tại Windsor, tỉnh bang Ontario, Canada, đã trở thành đàn bà hai năm trước đây. Anh làm việc trong một hãng sản xuất phụ tùng xe hơi và sự đổi giống của anh gây nên một tình trạng dở khóc dở cười cho các đồng nghiệp. Anh chàng đồng sự 48 tuổi của họ bỗng trở thành nữ nhi. Phiền quá đi chứ! Tháng giêng năm 2005 vừa qua, hãng đã phải làm riêng cho "chị" một nhà vệ sinh riêng vì chị không thể dùng nhà vệ sinh nữ cũng như nam. Lập tức nhà vệ sinh... chẳng nam mà cũng chẳng nữ của chị bị viết những câu chế giễu vung vít trên tường. Chiến tranh... hận thù leo thang bằng những bãi nước tiểu lềnh khênh khắp phòng vệ sinh, vương vất lên cả bàn cầu. Rồi những phụ tùng trong dây chuyền làm việc khi đến tay chị có đính kèm theo những mẩu giấy chế nhạo. Tới 9 giờ tối ngày 20 tháng ba vừa qua, giọt nước cuối cùng đã làm sụp đổ sự chịu đựng của chị. Một cú điện thoại gọi đến nhà riêng của chị đã đe dọa tính mạng chị. Chị đi trình cảnh sát, xin nghỉ việc, đầu hàng một cách vô điều kiện. Một người đàn bà không... nguyên thủy mà do những chuyên gia ở Thái Lan tạo ra sau một ca phẫu thuật kéo dài chín tiếng đồng hồ sau tám năm trị liệu bằng *hormone,* đã không được quyền làm... đàn bà!

Đàn bà hồi hai như chị Morgan ở Canada coi bộ nhụt chí khí hơn dân đổi giống Việt Nam ta. *Dân ta hằng anh dũng, dân ta vẫn oai hùng*... là nhạc hiệu của giòng giống ông-thành-bà ở Saigon. Chuyên viên trang điểm Nguyễn Thái Tài, chủ tiệm trang điểm cô dâu Thái Tài tại đường Nguyễn Tri Phương, quận 10, vừa hiên ngang đi Thái Lan cắt giống từ phồng sang tẹt được báo chí tìm tới phỏng vấn đã dõng dạc yêu cầu cứ đưa tên thật của chị lên báo, không viết tắt viết tiếc lôi thôi chi cả. Báo hỏi gì Thái Tài cứ... vô tư trả lời tuốt tuồn tuột. Chị cho biết ngay từ nhỏ chị đã cảm nhận chị là nữ chứ không phải là nam. Tạo hóa coi bộ nhầm lẫn gì đây khi dựng nên cái thân thể... việt vị của chị. Đến năm 20 tuổi được mẹ hỏi sao ngần này tuổi mà chưa bao giờ thấy con có bạn gái, Thái Tài không ngần ngại nói với mẹ; "Con là con gái chứ không phải con trai, chắc là sai sót của bà mụ khi sinh con ra." Bà mẹ khóc khi nghe thấy con nói ra sự thực. Nhưng cũng chính bà mẹ đau khổ này đã vì lòng thương con mà trở thành nguồn an ủi, thông cảm cho anh khi anh quyết định đi Thái Lan thực hiện phẫu thuật đổi giống.

Theo Thái Tài cho biết thì đổi giống không phải là leo lên bàn mổ là đực rựa, bước xuống là nữ nhi đâu. Sự đời đâu có nhấp nháy như vậy!

Tại bệnh viện Yanhee, một trong những bệnh viện Thái Lan nổi tiếng nhất trong việc... cắt ráp, bệnh nhân gặp rất nhiều thử thách. Trước hết là trắc nghiệm tâm lý để xác nhận có đúng con tạo đã lơ đễnh trong việc tạo dựng nên cái thân xác bờ Nam bờ Bắc này không. Sau đó là hàng loạt xét nghiệm và đo các chỉ số về *hormone* và *gen*. Khi có kết quả chắc chắn, lúc đó họ mới bắt đầu chu trình bằng cách tiêm *hormone* nữ mỗi tuần một lần trong vòng từ hai đến ba tháng rồi cho bệnh nhân về Việt Nam uống thuốc bổ sung đều đặn mỗi đêm trong sáu tháng. Trong suốt thời gian này, cơ thể Thái Tài phản ứng dữ dội, tính tình dễ xúc động, hay bị choáng váng, nhưng cái cảm giác cơ thể mình là nữ ngày càng được định hình hơn. Phải mất hai năm đi về giữa Thái Lan và Việt Nam và trải qua bốn lần phẫu thuật lớn, tốn hết 30 ngàn đô Mỹ, con người mới sửa lại được sự sai sót của bà mụ đãng trí! Khoa học đã biến chàng thành nàng nhưng luật pháp vẫn cứ rề rề chậm tiến. Trên phương diện pháp lý, Nguyễn Thái Tài vẫn cứ là me-sừ! Thế nên chị Thái Tài lúc nào cũng... bất hợp pháp. Chị than thở: "Mỗi khi đi chứng giấy tờ người ta không thể tin người đứng tên trên giấy tờ là tôi!" Thành ra tất cả của cải, bất động sản là của "ông" Thái Tài, mà trên đời này làm gì có một đấng mày râu tên Thái Tài nữa. Thế mới rắc rối cái lá đa tự phát! Chưa hết! Chị Thái Tài này chẳng... tài nào lấy chồng được trên phương diện luật pháp. Thế nên tuy đã chung sống với một ông chồng hờ từ 5 năm nay, cuộc tình rắc rối này cũng đã phải hạ màn cái rụp!

Luật pháp không cho người đổi giống lấy chồng nhưng khoa học có hoàn mỹ đến độ tu bổ lại được một người đàn bà hoàn chỉnh có thể làm đầy đủ được việc phòng the của một người đàn bà không? Muốn biết cho tường tận, chúng ta lại phải nín thở theo dõi anh Việt kiều Zoni.

Zoni là một Việt Kiều 40 tuổi nhưng vẫn phòng không gối chiếc. Về nước anh gặp được cô gái rất đẹp, rất dễ thương tên Thúy Lan ở quận 4, Saigon. Anh đem lòng yêu người con gái mà anh tin chắc là con nhà lành này, bởi vì tuy quen nhau đã hơn một năm mà nàng vẫn giữ gìn cái ngàn vàng, chưa cho anh. Để giữ người đẹp, anh không ngại ngần móc hầu bao thuê hẳn cho nàng một ngôi nhà mặt tiền ở quận 1, trả tiền thuê trước 5 năm, sắm xe xịn và trang bị tổ ấm tương lai đầy đủ tiện nghi. Đến ngày động phòng, người đẹp mới thủ thỉ rất dễ thương: "Em không thể chăn gối với anh được vì em nguyên là con trai. Mọi thứ của em là nhân tạo, chỉ để làm kiểng thôi!" Anh Zoni không phải là nhà... chơi kiểng nên anh chỉ còn biết kêu trời! Hóa ra chuyện... vượt tuyến chỉ là chuyện vòng ngoài. Vòng trong: cho em xin lỗi!

Bà Olivia Jenson, Giáo sư địa-vật –lý tại Đại Học tại Đại Học McGill, nguyên cũng là một mày râu chuyển hệ vào năm 1993, đã có kinh nghiệm về các bước cần thiết để nhảy qua phía đối lập. Trước hết phải thiến bịch tinh hoàn và phần lớn... súng. Lộn phần da súng vào trong để cho thành...vực sâu. Độn gò bồng đảo, tỉa bớt khí quản để làm giảm bớt sụn ở phần cổ. Đó là phần cơ bản. Tân trang phần mặt tiền gồm làm môi, xẻ cằm, làm mũi, làm da. Có người đã tốn khá nhiều tiền để mua kem dưỡng da thoa lên toàn thân để tạo nên làn da mịn màng của phụ nữ. Lại còn cái vụ phát ngôn nữa. Dễ gì mà õng ẹo cho ra người đẹp! Đó là chưa kể việc phải bơm *hormone* nữ vào trong suốt cuộc đời.

Làm đàn bà kể ra cũng lắm công phu. Mà không được làm đàn bà thì ấm ức chi đâu. Ấm ức đến...73 năm! Đó là trường hợp ông Lưu Dương Dương, cán bộ nghỉ hưu tại tỉnh Phúc Kiến, Trung Quốc. Ngay từ năm lên sáu tuổi, ông Lưu đã cảm thấy mình như con gái, thích mặc quần áo của các chị và chỉ thích chơi với bạn gái. Ông là con trai duy nhất trong một gia đình có tới năm chị em gái nên cha mẹ bắt lấy vợ sớm để *suya* là có cháu nối dõi tông đường. Năm 1955, bị cha mẹ ép quá, ông đành phải cưới vợ và sanh được hai con gái. Vợ chồng sống rất hòa thuận nhưng nội tâm thì rất đau khổ. Ông định ly dị nhiều lần nhưng vợ không chịu vì sợ khổ cho con và e ngại miệng tiếng người đời. Năm ngoái, vợ ông qua đời vì bệnh ung thư. Trước khi chết, bà căn dặn người trong gia đình là khi bà chết hãy để cho ông chuyển đổi giới tính để sống cuộc sống theo đúng ý ông trong lúc tuổi già. Ngày 16 tháng 3 vừa qua, ông đã chịu phẫu thuật để biến thành dì Lưu. Nay dì rất vui sướng, đi du sơn ngoạn cảnh thoải mái!

Thoải mái thật! Ngày nay, tại các nước khắt khe như Ba Tư chẳng hạn, người ta không thể ngờ là việc biến bà thành ông, biến ông thành bà cũng khá phổ biến. Theo Bác sĩ Bahma Digrarili của phòng xét nghiệm Manvihkia tại thủ đô Teheran thì dư luận tại quốc gia Hồi Giáo này đã ngầm thừa nhận việc đổi giống. Phòng mạch của ông ngày nào cũng có hàng chục người đến khám và giải phẫu. Chi phí cho mỗi ca phẫu thuật khá mắc, khoảng 2500 *euro*. Còn giáo luật Hồi Giáo,

vốn chi phối đời sống toàn diện của con người, thì nói sao về những trường hợp nhảy rào? Theo luật Hồi Giáo ở Ba Tư quy định thì người đồng tính luyến ái nam sẽ phải chịu án tử hình, đồng tính luyến ái nữ bị phạt đánh 200 roi. Thế nhưng luật này lại không đả động tới hình phạt dành cho người thay đổi giới tính! Các giáo sĩ Hồi Giáo còn bảo lãnh cho những ai muốn thực hiện việc chuyển giống! Giáo sĩ Mohamad Kaminidya, một giáo sĩ có uy tín của Hồi Giáo Shiite tại thành phố Kuma, người đã từng bảo lãnh cho hàng chục người muốn thay đổi giới tính, đã giải thích: "Chúng tôi chỉ phản đối nạn đồng tính luyến ái, thay đổi giới tính tự nguyện hoàn toàn khác với đồng tính luyến ái. Những người thay đổi giới tính không hề có tội!" Ngon chưa? Ngon như vậy là nhờ quan điểm của một nhân vật tôn giáo rất uy tín của đất nước này, Đại Giáo Chủ Yatula Khomenei. Theo Khomenei thì một người nào đó, dù là nam hay nữ, muốn thay đổi giới tính của mình hoặc cảm thấy bản thân bị trói buộc trong một cơ thể sai giới tính thì họ hoàn toàn có quyền tự giải phóng khỏi đau khổ.

Những người được giải phóng khỏi cái thân xác... lộn làm tới một cách ồn ào quá đáng. Họ tổ chức thi hoa hậu quốc tế! Năm 2004, cuộc thi người đẹp... nhân tạo được tổ chức tại thành phố biển Pattaya ở Thái Lan. Tên chính thức của cuộc thi là *Miss International Queen 2004*. Lọt vào vòng chung kết có 24 thí sinh đến từ Nhật, Hàn Quốc, Mã Lai, Tân Gia Ba, Phi Luật Tân, Nam Dương, Đức, Pháp, Ấn Độ, Đài Loan, Lào và Hương Cảng. Cô thí sinh mang số 3 Treechada Petcharat, 19 tuổi của Thái Lan đã đoạt vương miện người đẹp... dỏm. Các thí sinh đã trải qua bốn vòng thi: trang phục dân tộc, áo tắm, áo dạ hội và ứng xử. Giải thưởng là 7000 đô Mỹ tiền mặt cùng nhiều tặng phẩm của các công ty đa quốc gia. Được phỏng vấn, hoa hậu xin được gọi thân mật bằng cái tên Poy, tiếng Thái có nghĩa là "đuôi tóc"! Cô bé "Đuôi Tóc" này đã thành thật cho biết ngay từ khi còn rất nhỏ, độ 5-6 tuổi, cô đã tự ý thức mình là con gái, đúng hơn một trái tim con gái trong một thể xác con trai. Cô chỉ thích mặc áo đầm khi đi học, đòi mẹ mua búp bê và thích được gọi là *nong xảo* (bé gái) thay vì *nong chai* (bé trai). Trong gia đình, các em của cô cũng chỉ gọi cô bằng chị chứ không bao giờ gọi bằng anh. Năm cô 17 tuổi mới được cha mẹ đưa đi phẫu thuật tại bệnh viện nổi tiếng Yanhee. Tên cô được thay đổi từ một cái tên rất đàn ông là Saknarin Malayaporn sang một cái tên rất thùy mị là Treechada Petcharat. Cô hiện là sinh viên năm thứ hai ngành điện toán tại Đại Học nổi tiếng của Thái Lan Assumption. Cô mới trúng tuyển một học bổng toàn phần để sang Mỹ du học vào tháng 5 năm 2005 này. Ngoài tiếng Thái, Poy còn thông thạo tiếng Anh và tiếng Hoa.

Năm nay, cuộc thi hoa hậu chuyển đổi giới tính lại được tổ chức tại Pattaya vào ngày 8 tháng 5 vừa qua. Có 30 thí sinh từ khắp nơi về tham dự. Hoa hậu là cô Tiptantree Rujiranon. Giải thưởng là 2500 đô Mỹ và một chiếc xe hơi! Tân hoa hậu Tiptantree đã nói lên mong ước của mình: "Em muốn những phụ nữ như chúng em có thể sống bình thường trong xã hội như những người đàn ông và đàn bà khác và có đầy đủ quyền lợi như mọi người."

Điều mong ước tưởng như giản dị đó lại chẳng giản dị chút nào. Luật pháp còn rất ngỡ ngàng trước việc một ông biến thành một bà hay ngược lại. Lý lịch thay đổi như vậy có thể gây ra nhiều chuyện rắc rối. Chẳng hạn như một tội phạm đàn ông trăm phần trăm muốn tránh sự tầm nã của pháp luật nên chuyển hệ như vậy để đánh lạc hướng nhà chức trách thì sao? Luật pháp nào mà... khám được!

Luật pháp là chuyện của mấy ông mặc áo đen, còn đối với người dân thường, thì việc nhảy sang khối đối lập chỉ là việc thay đổi... lặt vặt! Một chú bé hỏi mẹ:

"Chuyển đổi giới tính là gì hả mẹ?"

Bà mẹ thở dài:

"Đó là chuyện dại dột của một người muốn chuyển đổi công việc từ ngồi xem ti vi sang làm bếp, rửa chén bát, giặt giũ... ấy mà!"

05/2005

GIA VỊ

Tản Đà thì ai cũng biết. Nhưng Bạch Thái Bưởi thì chắc có người không biết. Ông là một cự phú thời Pháp thuộc, làm giầu nhờ khai thác ngành thương thuyền. Bạch Thái Bưởi là bạn của thi sĩ Tản Đà. Thấy bạn viết báo và làm thơ nên lúc nào cũng kiết xác, Bạch Thái Bưởi mời Tản Đà tới ở trong tư dinh của ông. Ông chiều ông bạn tối ngày chỉ có rượu và thơ này rất mực. Một bữa, đi xa về, Bạch Thái Bưởi thấy ông bạn thi sĩ đang trần trùng trục cậy gạch ngoài sân lên, bèn hỏi: "Sao mảnh sân đẹp thế bác lại toan phá đi?" Tản Đà thản nhiên trả lời: " Đẹp thật nhưng dẫu sao thì cũng phải có chỗ trồng húng chứ!" Biết bạn

thường hay nhắm rượu kèm với húng và mùi, Bạch Thái Bưởi vui vẻ cho rào hẳn một góc sân lại để cho trồng toàn húng láng, mùi tàu, mùi ta, tía tô, lá lốt để chiều ông thần khẩu của bạn!

Ăn uống mà không có chút hành ngò, chút tỏi ớt, thì còn ra cái gì nữa! Ngài... ăn sĩ Tản Đà vốn sành ăn. Món gì gia vị nấy, thiếu một chút là hỏng. Cứ như ca dao.

Con gà cục tác lá chanh
Con lợn ủn ỉn mua hành cho tôi
Con chó khóc đứng khóc ngồi
Mẹ ơi đi chợ mua tôi đồng riềng.

Gia vị là một bước tiến văn minh của nhân loại. Thời hồng hoang, tổ tiên loài người mới biết săn bắn, ngả được một con thịt là thi nhau xé ra ăn sống nuốt tươi với nhau, máu me tùm lum đầy miệng. Tới khi khám phá ra lửa, con người mới biết... *barbecue*. Cứ nguyên con hơ trên lửa cháy mà ăn. Ngày nay, những ngày hè nắng ấm, chúng ta cũng *barbecue*, nhưng cái *barbecue* của chúng ta khác với tiền nhân. Thịt thà cứ thơm lừng làm hàng xóm rất tốn nước miếng. Cùng một miếng thịt nhưng được ướp bằng những gia vị khác nhau, chúng ta có những mùi vị khác nhau. Mỗi dân tộc có một thứ gia vị riêng. Ngày còn du học tại Manilla, thủ đô của Phi Luật Tân, tôi sống trong một cư xá dành riêng cho các sinh viên ngoại quốc theo học UP, *University of Philippines*. Cư xá *International Center* được chia ra làm hai khu, một bên nam và một bên nữ, mỗi bên có một khu nhà bếp. Cái bếp của chúng tôi nó có cái mùi gia vị dễ nể vì nó tập trung cả hàng vài chục quốc tịch nấu nướng chung. Giờ nấu ăn người ngợm ướp mùi... quốc tế. Mấy ông Ba Tư mang ra cả đống lá lẩu khô được gửi từ chánh gốc qua chiên xào hăng hăng mùi... ngàn lẻ một đêm. Mấy ông Ấn Độ, cà ri làm chuẩn, vàng mũi mọi người. Một anh bạn Ấn Độ gần phòng tôi có hôm nhận được tiếp tế của gia đình đã mời tôi dùng thử kẹo Ấn Độ. Tôi bóc ăn. Mùi cà ri nồng nặc. Chẳng lẽ nhổ ra, tôi cứ phải ngậm kẹo, ấm ứ khen ngon. Chờ ông bạn quay lưng, tôi vội nhổ ra liền. Trong bếp còn tập trung các ông Lào, Căm Bốt, Thái Lan, Népal, Hongkong... Mỗi quốc gia là một thứ mùi. Gia vị giao lưu với nhau một cách ồn ào quá đáng. Lừng lẫy quá, chẳng nên!

Tại vùng Tây Vancouver, có một nhà hàng Ba Tư đã để cho mùi nấu nướng bay tràn lan ra khắp khu phố. Dân chúng trong một chung cư trước mặt nhà hàng đã phải chịu đựng cái mùi khó chịu đến sanh bệnh nên hè nhau ra trước cửa quan than phiền. Hội Đồng thành phố đã mang vấn đề ra tranh cãi. Cuộc tranh cãi ồn ào quá lắm mới đi được đến quyết định cho ra đời một quy định cấm các nhà hàng để mùi quá nồng xông vào nơi công cộng. Nhà hàng nào vi phạm sẽ có thể bị nộp phạt tới một ngàn đô!

Món mắm tôm mắm ruốc của chúng ta mà... mở cửa thì chắc lãnh cái phạt mười ngàn đô là cái chắc! Cứ vào hành lang một chung cư có nhiều người Việt chúng ta cư ngụ, mắm muối vơ vẩn trong không khí là cái chắc. Cũng như chung cư có nhiều người Ấn Độ thì ca ri không lảng vảng trong từng thước không gian làm sao được! Đối với chúng ta, mắm tôm mắm ruốc mắm nêm là thứ khoái khẩu, thơm lừng, mắc mớ gì mà phạt? Cũng như đối với một con dân xứ Phật, cà ri của người ta ngon nhức răng, thơm nhức mũi, tại sao lại dám chê? Nhưng mỗi dân tộc có một cái mũi riêng, đôi khi chúng nó háy nguýt nhau dữ lắm, quốc hồn quốc túy cứ gói ghém trong mũi nhau, chẳng nên quảng bá ra ngoài quốc tế!

Ngay trong cùng một xứ sở, gia vị cũng có những cách đi riêng vào món n tùy theo từng vùng. Dân miền Trung của chúng ta có lẽ là những bậc thầy về dùng gia vị. Nhà văn Nguyễn Tuân, trong tùy bút *"Nhớ Huế"* có kể lại chuyện ông theo cha tới ăn cơm tại một nhà bà thập lục đờn nổi danh. *"Nghe đờn xong, thì ăn cơm muối, thật là cơm muối, thật là cơm muối theo cái nghĩa đen chật hẹp của nó. Chỉ có cơm và muối. Muối rồi lại muối. Trong lòng mâm đồng tam khí bày đủ mười hai đĩa muối. Nào muối riềng, muối tỏi, muối ớt, muối tiêu, muối hột phộng, muối sỏi sườn, muối mè v.v... Bữa cơm đạm bạc nhai rất thong thả nơi nhà bà đờn để lại cho hai cha con tôi một dư vị mà sau này bao nhiêu thịt cá yến tiệc cũng không làm cho tôi quên được cái đậm đà có tính cơ bản, rất bình dị mà lại rất kiểu cách, rất là muối Huế đó. Và chép miệng mà thấy rằng cũng chỉ có ở Huế đó, thì muối trắng mới đủ mùi đủ màu như vậy, thì sự túng bấn mới được mùi trang trọng tinh tế như vậy thôi."* Mới có muối đã Huế đến như vậy. Ớt còn Huế đến đâu!

Đã nghe ớt đỏ cay nồng
Tìm trong vị hến một dòng Hương xanh
Ruốc thơm, cơm nguội, rau lành...
Mời anh buổi sáng chân thành món quê.

Đó là thơ Cơm Hến của nhà thơ Võ Quê. Huế đi với ớt nhuần nhuyễn đến có thể gọi dân Huế là người Việt gốc... ớt! Mỗi miếng cơm là một miếng ớt, tôi đã biết có những người Huế tài tình

đến vậy. Ớt cay xé lưỡi. Nhưng làm thế nào để biết độ cay? Phải thăm hỏi tới ông chuyên viên về *sauce* Blair Lazar. Ông vừa mới trình làng thứ *sauce 16 Million Reserve*. Đây là thứ sốt cay nhất thế giới mà ngành hóa học có thể chế tạo được . Nó cay gấp 30 lần thứ sốt cay nhất *Red Savina* của xứ Mễ Tây Cơ, gấp 8000 lần thứ *sauce Tabasco!* (Ông chuyên viên này có cái bậy là không nhắc gì tới cái chất cay của Huế!). Cay như vậy là cay đến cái độ nào? Ngày nay, trên thế giới, người ta đo độ cay bằng đơn vị gọi là đơn vị *Scoville*, lấy theo tên của nhà hóa học Mỹ Wilber Scoville, người đã dựa vào số lượng nước đường dùng để giải cay để tạo ra đơn vị đo lường này vào năm 1912. Và cái thứ nước sốt cay nhất thế giới của ông Lazar cay tới 16 triệu *Scoville!* Để có sự so sánh thì thứ nước sốt cay nhất hiện nay được ghi vào sách kỷ lục thế giới *Guinness* là sốt *Red Savina* chỉ cay có 570 ngàn đơn vị *Scoville*. Cay như vậy ai mà dám... đưa cay! Có chứ. Chính là ông cha đẻ của nó Blair Lazar. Ông đã bỏ ra một thời gian để huấn luyện lưỡi trước khi nín thở thử cái nước sốt mà ông đã chế ra. Nếm một giọt xong, ông cho biết: "Cay tàn canh! Nó giống như là lưỡi bị một nhát búa đập mạnh vào. Trời ơi! Nó cay! Lưỡi tôi bị sưng dộp lên và đau như bị giam vào hỏa ngục trong nhiều ngày sau đó." Bạn nào tò mò muốn thử xem cay tàn canh là cay như thế nào thì có thể tới *New Jersey*, tìm tới hãng *Extreme Foods của* ông Lazar xin thử. Ông ấy sẵn sàng tiếp đón. Trong văn phòng của ông đã có sẵn một tủ lạnh đầy nhóc nước suối để giải cay. Có một điều nên biết trước là khi nếm cái... hỏa ngục này thì mồ hôi sẽ tháo ra đầm đìa và nước mắt sẽ tuôn ra xối xả trong khoảng nửa tiếng đồng hồ khiến mắt không thể nhìn được. Nếu ngại đi xa, các bạn có thể thỉnh một chai cay, nút được gắn khằn, cổ chai treo lủng lẳng một cái đầu lâu tí hon, trong chai chứa một vài hạt chất cay *capsaicin* được cô đọng thành tinh thể. Tinh thể trong chai này chỉ có thể dùng cho những chiếc lưỡi thường sau khi đã hòa tan vào trong 950 ngàn lít nước! Giá mỗi chai là 199 đô Mỹ.

Tỏi có cay không? Tỏi sống thì cay nhưng tỏi chín lại có vị ngọt. Tại sao vậy? Bởi vì tỏi tươi chứa đầy các hợp chất của lưu huỳnh trong đó có một hóa chất có tên gọi là *alliin*. Khi các bà nội trợ băm hoặc nghiền nát một tép tỏi, *alliin* nhanh chóng chuyển hóa thành một hóa chất khác gọi là *allicin*. Chính anh chàng này là thủ phạm khiến tỏi sống trở nên cay gắt. Nó kích hoạt hai *protein* ở trong người chúng ta là TRPV1 và TRPA1. Hai *protein* này tương tác với những *neuron* cảm nhận đau trong miệng chúng ta. Khi tỏi được nấu chín thì khác. *Allicin* sẽ biến thành một hợp chất khác của lưu huỳnh. Sự thay đổi này, theo như nghiên cứu mới đây của các Viện Nghiên Cứu *Scripps*, Quỹ Nghiên Cứu *Novartis* và Viện Đại Học Y Khoa Hàn Quốc, dẫn đến sự giảm cay của tỏi chín.

Cay thì cay, tỏi vẫn là người bạn đường của các bậc nội trợ. Có chút tỏi vào, dù phi, xào hay nêm, món ăn dọn lên thấy điếc mũi liền! Không biết các vị sành ăn tại Huế có biết là nơi đất thần kinh này có một cuốn sách dạy nấu ăn bằng thơ rất hy hữu. Đó là cuốn *"Thực Phổ Bách Thư"* của bà Trương Thị Bích, con dâu nhà thơ Tùng Thiện Vương Miên Thẩm, viết từ thế kỷ thứ 19. Đây là một cuốn sách rất thơ. Thơ từ bài đề từ, lời tựa tới phần tổng luận. Tất cả đều là thơ tứ tuyệt. Sách dạy nấu 100 món Huế, từ các món cung đình như nem công chả phụng đến các món bình dân rau, dưa, mắm. Vui nhất là bài tựa sách do mẹ chồng đề cũng... tứ tuyệt như ai.

Một miếng ăn ngon tiếng để đời!
Bắt chước bà gia thuở dọn xơi
Làm thành thực phổ dạy cho người
Dâu, con, cháu , chắt coi mà học
Một miếng ăn ngon tiếng để đời!

Trong trăm món, tôi xin đơn cử món mà tôi thích: món tôm chua. Dĩ nhiên, với món này, anh chàng tỏi bắt buộc phải có mặt.

Tôm tươi phèn rửa bớt đầu đuôi
Muối, rượu say sưa để một hồi
Ớt, tỏi, măng, riềng, xôi đủ vị
Trộn đều, gài chặt ấy là rồi.

Món ăn miền Trung là bậc thầy về gia vị. Ăn mà không xuýt xoa, không rựa nước mắt, không điếc tai là vẫn chưa biết mùi vị của những món ăn ngon. Món ăn miền Nam cũng... gia vị như ai. Không thua kém một chút nào. Nhà văn Vũ Bằng, trong cuốn *«Món lạ miền Nam,»* đã đi một đường thịt chuột. Chuột bốn món! *«Món chuột ướp ngũ vị hương chừng một tiếng đồng hồ đem khìa với nước dừa, đậy vung lại chừng mười lăm phút để giữ lại hương thơm; món chuột ướp hành, tỏi, sả, bỏ lò; món chuột kho mềm sau khi ram vàng và món chuột xào lăn.»* Nghe nồng mùi gia vị. Nhưng, vẫn theo tiên sinh họ Vũ, gia vị không phải là một thứ dễ chơi! Nêm nếm thì cũng vừa đủ thôi, tham lam quá là giết chết gia vị! *«Có*

những người sành ăn muốn thưởng thức món ăn gì, hết sức giữ cho kỳ được vị của món đó trong khi chế hóa mới vừa lòng. Ăn rươi, sợ tanh, mà cho gia vị đánh át mất cả vị của chính con rươi; ăn dê hầm mà cho lá sả và tẩy gừng quá tay để cho mất mùi hoi; hoặc pha mắm tôm ăn chả cá mà cho nhiều rượu và chanh quá, làm mất cả vị của mắm tôm, ăn như thế tức là «ám sát» các vị căn bản của món ăn, thực bất tri kỳ vị!»

Gia vị không phải chỉ đãi ông thần khẩu là xong, chúng còn là thầy lang của chúng ta. Hành là thứ gia vị có mặt hầu như trong khắp các món ăn. Hành có vị cay, tính ấm, có tác dụng làm toát mồ hôi, lợi tiểu, tiêu viêm... Tây y lại cho là hành có tính chất lợi tiêu hóa, chống thối, chống ung thư. Những bệnh thông thường như cảm lạnh, đau đầu, nghẹt mũi, khó tiêu, hành lo liệu được cả. Hành nghiền nát, bôi ngoài da chữa được chứng phỏng, viêm mủ da và làm các vết thương mau liền sẹo.

Tỏi cũng thuộc họ hành, có vị cay, tính ấm. Nhiều thế kỷ trước, người Ai Cập đã dùng rượu ngâm tỏi để uống chữa các bệnh thấp khớp, bệnh tim mạch, bệnh phế quản, bệnh tiêu hóa. Ngày nay đông y cũng như tây y đều quý trọng tỏi. Từ nhiều năm nay, tôi vẫn mỗi ngày một viên thuốc tỏi do Tây y chế tạo, uống cho mạnh khỏe. Nhiều người còn cho rằng tỏi đã bị biến chế uống không tốt bằng tỏi thiên nhiên nên dùng tỏi ngâm rượu uống mỗi ngày. Cứ y như người Ai Cập xưa. Nghĩa là uống xong, người cứ như là một bó tỏi biết di chuyển, tỏa mùi thoải mái! Có mùi tỏi trong miệng trở ngại cho cuộc sống lắm. Vì vậy những lọ thuốc tỏi Tây y luôn được ghi là *odourless!*

Chất cay và nóng của ớt có tính chất kích thích dạ dày và lợi tiểu dùng để trị tiêu chảy và sốt rét. Trong Tây y, ớt thường được dùng trong các trường hợp lên men ruột, tiêu chảy, kiết lỵ, nôn mửa, xuất huyết tử cung, viêm thanh quản...

Cũng thuộc loại cay là gừng. Trong các bài thuốc dân gian, gừng có mặt thường xuyên. Trong uống, ngoài thoa, gừng luôn luôn là người bạn tốt của sức khỏe. Nhưng gừng không phải là... số dách. Để chữa bệnh đau bụng chẳng hạn, gừng chỉ đóng vai phòng hờ. Ca dao có cách chữa thú vị hơn nhiều.

Đau bụng lấy bụng mà chườm
Ví bằng không khỏi, hắc hương với gừng.

Gừng mà đi với muối lại là chuyện khác. Nó là một hợp chất có tác dụng như một thứ keo gắn bó.

Anh nói trước gừng già cay lắm đó
Em lơn ngơn bưng đĩa muối lại gần
Gừng chấm muối sẽ trở thành duyên nợ
Câu ca dao này phải biết để phòng thân

(Quan Dương)

Đó cũng là một thứ gia vị. Gia vị của cuộc đời!

06/2005

Website: *www.songthao.com*

NGUYỄN THỦY QUAN

Bông Sứ Ức Châu

Tặng Trương Kim Anh – Norway

I.
Vườn nhạt nắng chiều, mây trắng bay
Gió đưa bông sứ rụng rơi đầy!
Hoa thơm dành tặng người Tri Kỷ
Hương thoảng nghìn năm, chớ nhạt phai!

II.
Ô kìa! Bông sứ rụng
Thoang thoảng chút "Tình – Thơ"
Hương bay tràn cõi Mộng
Buồn – Vui mắt nhạt nhòa

Ô hay! Đường xa ngái
Bông rụng vào hư vô!
Hương phai tàn cõi Mộng
Tàn cả chút "Tình – Thơ"

Tìm nhặt bông Sứ rụng
Não nề lòng biển dâu!
Nghìn xưa ru cõi Mộng
Hương thừa bay về đâu?

South Australia – May 2005

Hoàng Cầm với Lá Diêu Bông

Bài và ảnh
TRẦN CÔNG NHUNG

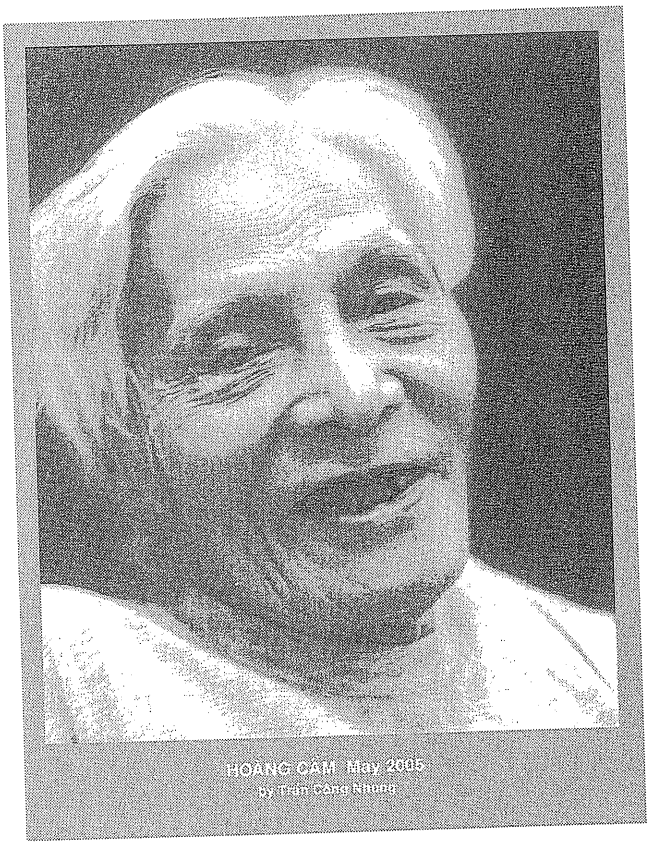

Nghe Tên Hoàng Cầm là nhớ "Lá Diêu Bông." "Lá Diêu Bông" như thế nào, chắc không ai biết mà ngay tác giả tìm suốt đời cũng không thấy "Lá Diêu Bông," cho dù đôi lần có tìm ra thì "người tình" cũng bảo không phải. "Lá Diêu Bông" mãi mãi là một huyền thoại. Huyền thoại không có trong đời thường mà sao ai cũng thương cũng nhớ, cũng muốn hiểu muốn tìm:

Váy Đình Bảng buông chừng cửa võng
Chị thẩn thơ đi tìm
Đồng chiều
Cuống rạ
Chị bảo
- Đứa nào tìm được Lá Diêu Bông
Từ nay ta gọi là chồng
Hai ngày Em tìm thấy lá
Chị chau mày
- Đâu phải Lá Diêu Bông
Mùa đông sau Em tìm thấy lá
Chị lắc đầu
trông nắng vãn bên sông
Ngày cưới chị
Em tìm thấy lá
Chị cười
xe chỉ ấm trôn kim
Chị ba con
Em tìm thấy lá
Xòe tay phủ mặt
Chị không nhìn
Từ thuở ấy
Em cầm chiếc lá
Đi đầu non cuối bể
Gió quê vi vút gọi
Diêu Bông hời...!
Ới Diêu Bông....

Hơn mười năm trước trong chuyến về chơi Bắc Giang, tôi được nghe một đoạn nhà thơ Hoàng Cầm trả lời đài BBC, đài này hỏi về ẩn ý trong bài "Lá Diêu Bông," vì có nhiều người lý giải và gán cho bài thơ, nội dung mang màu sắc chính trị, trong số có nhạc sĩ Phạm Duy. Nhà Thơ Hoàng Cầm đã trả lời chẳng có ẩn dụ gì cả, nó là mối tình của Nhà Thơ lúc còn bé(1). Mười ba năm sau, tình cờ tôi có dịp thăm tác giả "Lá Diêu Bông," vào một ngày sau Tết con Khỉ (2005).

Tôi đi với một người quen đến hẻm 43 Lý Quốc Sư, từ khách sạn tôi ở, đi bộ mất 20 phút. Vừa đến đầu hẻm, thấy có chiếc xe lăn, một người

đàn ông theo sau đẩy. Anh bạn nói ngay:

- Cụ vừa đi đâu về.

- Cụ Hoàng Cầm?

- Vâng, tôi quên nói ông, Cụ bị té gãy chân, phải ngồi xe lăn.

Chúng tôi vào tới thì chiếc xe lăn đã vào nhà và cửa đã khóa trái. Người bạn lên tiếng gọi, sau khi nhận ra giọng quen, một chiếc chìa khóa buộc giây dài từ cửa sổ trên cao vứt xuống. Chúng tôi lên gác, căn phòng bề ngang vừa kê một giường đơn, một bàn tròn nhỏ. Đây là nơi ăn ngủ làm việc của nhà thơ, cũng là bàn ăn của cả nhà. Sau cánh cửa ngăn là phòng vợ chồng con trai Cụ. Giang sơn Cụ xếp gọn trên chiếc giường rộng mét hai. Người bạn giới thiệu sơ về tôi, Cụ chào qua, không nói gì vì cả nhà đang dùng cơm trưa, và cụ vừa ở Đại Hội Nhà Văn về, người con trai hỏi:

- Hôm nay Cụ có gặp các ông lớn không?

Người phụ tá trả lời:

- Cụ được Nông Đức Mạnh ôm hôn hai lần. Cả Đại Hội, Tổng Bí Thư chả hỏi ai, chỉ hỏi thăm Cụ.

Người con dâu không hiểu đùa hay thật thêm vào:

- Thế là Cụ sướng nha, lại còn được tặng cái túi xách.

Mỗi đại biểu dự hội được một túi du lịch nho nhỏ bằng Simili, có lẽ hàng Trung Quốc, màu xám, một giây kéo bình thường, không có gì đáng gọi là quà văn nghệ, nhất là đối với một nhà thơ lão thành cỡ Hoàng Cầm.

Trong Xã Hội Chủ Nghĩa, những việc "ban phát" tỉ mẩn như thế thường được lưu ý, người "thụ hưởng" ít nhiều cũng cảm thấy hả hê phấn khởi. Có lẽ từ đó đẻ ra tâm lý kèn cựa, tranh chấp, dòm ngó nhau... Sống trong hoàn cảnh khó khăn, người yếu "nội lực" khó mà đứng vững trước những bức bách về vật chất cũng như tinh thần.

Cụ Hoàng Cầm năm nay đã 84 tuổi, cụ vẫn viết, vẫn sáng tác đều đặn. Ăn uống đạm bạc, Cụ ăn mỗi bữa một bát cháo lớn nhưng món không thể thiếu là thuốc đen. Mỗi ngày Cụ tiêm hai cữ. Nhà Thơ phải thuê riêng một người để tiêm thuốc và theo giúp đỡ Cụ lên xe xuống xe mỗi khi cần đi đâu. Người phụ tá chuẩn bị bàn đèn. Xưa giờ nghe nói giới viết lách thường giao du với nàng Tiên Nâu, nhưng, chưa hề một lần thấy tận mắt. Hôm nay là lần đầu tôi được nhìn rõ bộ khay đèn và theo dõi cung cách làm thuốc, tiêm thuốc, chuyện không bao giờ ngờ.

Nhà Thơ nằm dài trên giường nghỉ ngơi, người đàn ông đứng tuổi soạn khay đèn, mới nhìn qua đã thấy ngay "bàn đèn không chuyên," nghĩa là bộ khay đèn kết hợp bởi nhiều thứ đồ dùng ngày nay. Khay không phải khay gỗ chạm trỗ ngày xưa mà cái chậu nhựa vuông, nông, dùng để bê bia Carlsberg trong nhà hàng. Đèn cũng loại chế tạo từ lon, chai, ống hút lớn bằng ngón chân cái, dài chừng 50cm, có gắn nồi thuốc như chiếc bình độc ẩm da chu, một cái ly cao cắm nhiều que đồng để vê và tiêm thuốc. Người tiêm thuốc dùng que cắt nhỏ một viên thuốc nguyên cỡ hạt tiêu, hơ nóng rồi lăn qua lại nhiều lần trên cái đĩa con. Khi thuốc đã "chín" nở nhuyễn, anh ấn viên thuốc vào miệng nồi, anh nằm xuống sàn nhà, quay đầu ống hút cho Cụ ngậm rồi châm lửa. Nhà Thơ hít một hơi dài, từ từ nhả khói trong trạng thái tâm hồn lơ mơ. Cảnh đúng như lời giải thích câu "Tửu tứ trà tam a phiến nhị" năm xưa của nhà cổ ngoạn Vương Hồng Sển (2). Người tiêm lại nạo hết "xái" trong nồi, trộn thành một viên lớn, tiếp tục cắt thuốc vê lên miệng nồi đã hơ nóng, khi thấy được lại tiêm cho Cụ. Tôi thấy một cữ Cụ hút cũng đến 10 điếu, nhưng chỉ có một điếu nguyên, còn thì "xái". Anh bạn cho biết, vì hút "xái" mới sinh nghiện, còn hút thuốc nguyên thì bình thường. Các dân tộc trồng thuốc họ hút như ăn cơm, không ai nghiện cả. Xong cữ thuốc đen, đến thuốc Lào, Cụ ngồi tựa lưng vào thành giường, tự nhồi thuốc, tự châm hút. Khói thuốc Lào tỏa quanh người Cụ, trông rất hay, chân dung Nhà Thơ bồng bềnh lãng mạn hơn khi nằm tiêm thuốc. Từ lúc mới vào, tôi đã xin, Cụ cho phép chụp ảnh thoải mái. Cụ hít một lúc mấy hơi thuốc Lào mới bắt đầu chuyện trò.

- Thưa Cụ, mỗi ngày tính ra tiền thuốc khoảng bao nhiêu?

- Trăm nghìn.

- Thưa, nếu không hút thì cụ thấy thế nào?

- Không ăn uống được, không làm việc được.

- Như vậy hút cũng như uống thuốc bệnh, để có sức sáng tác?

- Đúng thế.

- Thưa, nhỡ gặp khi khó khăn khan hiếm thì lấy thuốc đâu ra?

- Điều này không lo, đã có người đủ thẩm quyền giúp mua.

Tôi hỏi như thế là nghĩ đến sức khỏe Cụ, hết thuốc là hết xăng, xe dù có đắt giá bao nhiêu cũng chỉ là đống sắt vụn. Vừa chuyện trò vừa

bấm máy, có thuốc vào nét tinh anh sắc bén lộ hẳn trên gương mặt Nhà Thơ. Cụ luôn luôn cười, thịt da trên mặt đầy đặn hơn trong khi thân mình chân tay teo tóp. Thân già mà đầu óc rất trẻ. Nghĩ thế, mà thật thế nên tôi định hôm sau sẽ trở lại cho Cụ xem mấy bức ảnh chụp cô gái Liêu Trai (3). Qua chuyện "Lá Diêu Bông", tôi hỏi thẳng Cụ:

- Thưa Cụ, cháu đọc được một bài viết về "Lá Diêu Bông" ở hải ngoại, bảo rằng, nội dung bài thơ là mối tình của Cụ chứ không ám chỉ gì cả.

- Đúng như vậy, anh nào viết chắc có nghe cuốn băng tôi nói chuyện.

- Thế nhưng Cụ đã phải tù tội vì "Lá Diêu Bông"?

- Vâng, không những tù mà còn bị cấm in tác phẩm suốt 30 năm. Thành thử nhiều thế hệ không biết Hoàng Cầm là ai.

- Cụ có thể cho cháu biết sơ tình tiết của "Lá Diêu Bông."

Nhà Thơ thẳng người dậy, hít một hơi thuốc Lào rồi trầm ngâm mấy giây như hồi tưởng:

- Vào khoảng tháng 8 năm 82, tự nhiên Công An đến lục xét rồi bắt tôi đi mà không cho biết lý do. Tôi bị nhốt vào nhà giam và buộc làm kiểm điểm. Tôi không hiểu kiểm điểm về việc gì, nhưng mỗi ngày phải viết kiểm điểm. Tháng này qua tháng nọ, rồi họ đưa cho tôi tập thơ Về Kinh Bắc, bảo kiểm điểm từng bài, từng chữ trong đó. Sau nhiều ngày tháng suy gẫm kiếm tìm, tôi thấy có gì sai trái đâu, toàn những bài thơ tình. Một hôm tôi chợt nghĩ, có lẽ bài "Lá Diêu Bông," do ý nghĩa mơ hồ tạo ra mối nghi ngờ chăng. Tôi viết kiểm điểm ngay bài thơ, và quả nhiên, anh thiếu tá công an vui vẻ cảm ơn tôi, còn nói thêm: "Tết này thế nào anh cũng được về."

Nhưng tôi vẫn tiếp tục bị giam. Không còn viết kiểm điểm tôi nghĩ là chuyện đã giải quyết xong, vậy mà tôi phải trả thêm một năm tù nữa, một món nợ tôi không hề mượn bao giờ.

- Trước sau Cụ bị giam bao lâu?

- Mười tám tháng.

- Thực sự thì do đâu Cụ bị oan?

- Do bài thơ chưa in nhưng lọt ra hải ngoại, có người đem bình luận diễn giải, tuy không đúng

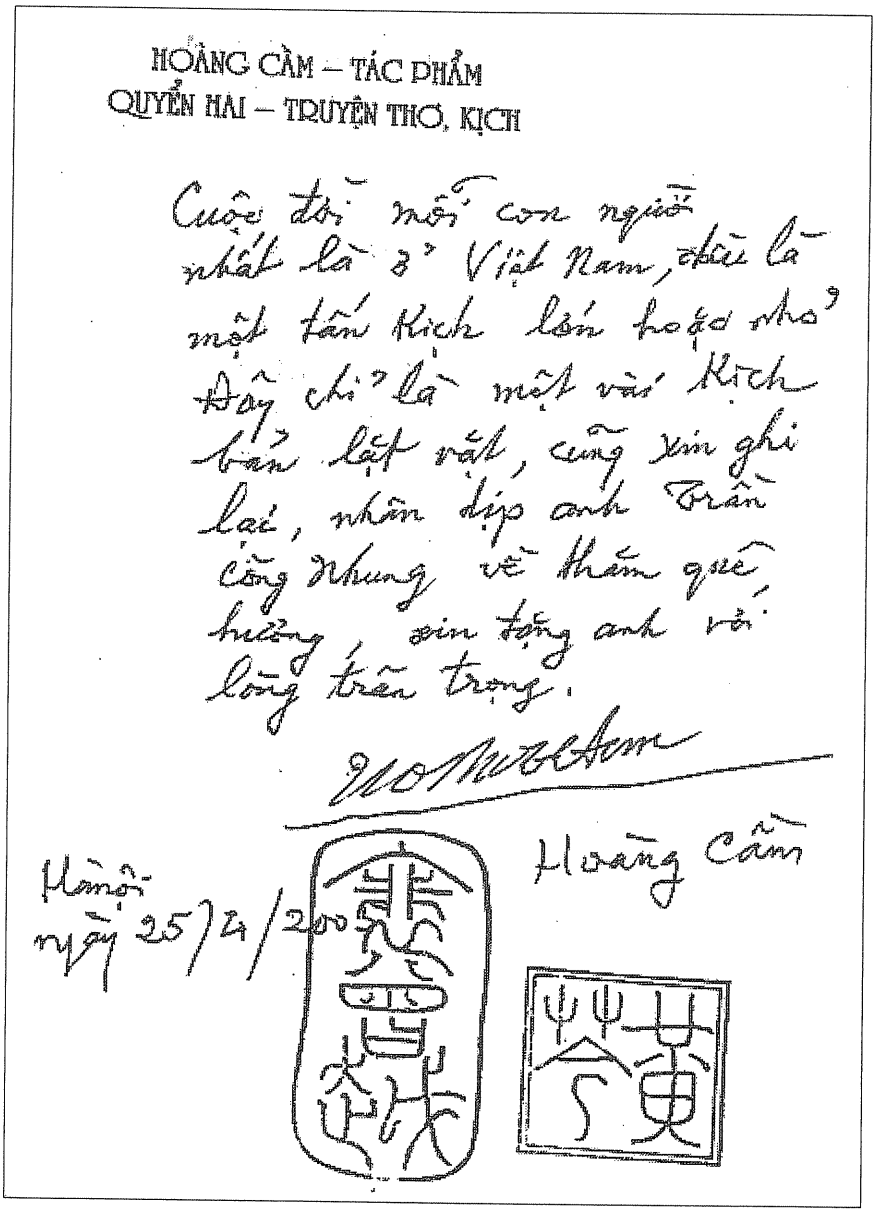

với chủ đích của tác giả nhưng lại đúng với thực tế. Người ta bảo Hoàng Cầm làm bài "Lá Diêu Bông" là ám chỉ Đảng. Chị là Đảng, em là Nghệ Sĩ, Nghệ Sĩ được Đảng yêu thương, Đảng bảo gì nghe nấy, nhưng chẳng bao giờ được gì (dù có bỏ xác vì Lá Diêu Bông).

Đến lúc bị tù, làm đúng bài kiểm điểm, sắp được ra, lại cũng do hải ngoại có thư gửi chính phủ yêu cầu thả tự do cho Hoàng Cầm. Tố Hữu nổi cơn thịnh nộ phán: "Nhốt nó thêm một năm nữa vì tội có nước ngoài can thiệp."

Tôi phân vân, không hiểu sao ông Tố Hữu oán ghét căm thù người cùng môn phái đến thế. Về sau anh bạn cho biết, do Tố Hữu ganh tỵ tài năng. Nam Cao chết cũng vì Tố Hữu (4). Hồi còn giữ chức Phó Thủ Tướng kiêm Tổng Trưởng kinh tế, Tố Hữu nắm quyền sinh sát trong tay, giới nghệ sĩ liệu mà giữ gìn "ăn nói." Nhưng Tố Hữu làm những bài thơ nô dịch, xem rẻ tổ tiên nên nhiều người phản bác, trong số có Hoàng Cầm. Tố Hữu viết:

Thuở Anh chưa ra đời (ý nói cách mạng tháng 10 Nga)

Trái Đất còn nức nở
Nhân loại chửa thành người

Hoàng Cầm vặn lại: "Anh của ông ra đời năm 1917, thế trước năm 17 'nhân loại chửa thành người' thì là gì? Khỉ à. Con Hồng cháu Lạc, bốn ngàn năm văn hiến của anh đâu." Câu chuyện đến tai, Tố Hữu ức lắm, tìm cơ hội trù dập Hoàng Cầm. Tôi nghĩ, con người dù cầm bút hay cầm cày, khi đã chấp nhận làm nô dịch cho danh lợi thì nhân phẩm không còn gì để nói, và, họ sẵn sàng làm mọi chuyện tồi tệ cho quyền lợi riêng tư của mình. Tố Hữu tiếp tục ngấm ngầm hại nhà thơ Hoàng Cầm bằng cách không cho in tác phẩm suốt mấy mươi năm. Mãi đến năm 2003 nhà xuất bản Hội Nhà Văn mới sưu tầm in 3 tập Hoàng Cầm : Tập 1: Thơ, tập 2: Truyện Thơ Kịch, tập 3 : Văn Xuôi. Trong tập Thơ lại không có bài Lá Diêu Bông mà chỉ có bài: Bao giờ nói hết chuyện Diêu Bông (trang 245), bài thơ có năm đoạn xin trích đoạn một:

Dẫu anh biết Diêu Bông không thực
Sao Diêu Bông cứ thức hồn em
Cứ sao băng mãi đường đêm
Cứ trăng lên đậu cành mềm xuân quê
Cứ lơi áo cởi trưa hè
ngực trần vỗ yếm gọi về tuổi hoa
Cứ hương thiên lý đường xa
Cứ lưng chừng đợi ngọc ngà hồ ly
Cứ môi hôn yên chi chụm cánh
dẫn anh về chuốt mảnh chiếu gon
Hương nhu xoải tóc lưng tròn
cái đêm hôm ấy mắt mòn men tê

Hôm sau tôi trở lại mở Laptop cho Cụ xem mấy tấm ảnh chụp cô gái tóc dài, nhân thể nhờ Cụ điểm xuyết mấy câu gọi là "tức cảnh sinh tình." Cụ xem ảnh, tôi đọc bốn câu thơ, nhưng Cụ không còn nghe, Cụ ngắm nhìn rất kỹ người trong ảnh. Nét mặt Cụ tươi tỉnh và sáng hẳn ra. Cụ bảo "đưa gần lại tôi thấy cho rõ.". Tôi để máy slide show, hình ảnh quay lại đến mấy lượt. Tôi biết Cụ thích lắm, Cụ khen nhiều câu... Rồi Cụ bình phẩm. Tôi vừa nghe, vừa chụp ảnh. Nhà Thơ và anh bạn trao đổi nhau về nét tướng nhân dáng người con gái. Và, lần đầu tôi nghe những "Tố mao... chiết yêu... cự huyệt, trường túc tri... lao" Tôi thấy vui, bao nhiêu chuyện khổ ải, thăng trầm, bao nhiêu lợi danh người đời... chúng tôi đều quên, quên luôn cả Thơ, để đi vào cái đẹp lung linh huyền ảo muôn thuở mà có người lên tám đã mê say. Sẵn bút nhà thơ Hoàng Cầm ký tặng tôi ba bộ sách của ông do Hội Nhà Văn in.

Con người đích thực của nghệ thuật, dù trong hoàn cảnh có cay nghiệt chăng nữa, vẫn một lòng lòng say mê tôn vinh cái Đẹp, chỉ có cái Đẹp mới khích lệ vỗ về an ủi người sáng tác. Cái Đẹp chính là thứ lá dâu tuyệt hảo để Tằm nhả tơ vàng. Xin đa tạ những đoá hoa nhiêng nước nghiêng thành, những đóa hoa rừng, những đóa hoa dại, những người mẫu yêu quí đó đây trên những chặng đường tôi đã đi qua... và xin đứng xa thật xa... kẻo nữa:

Diêu Bông hời...!
Ới Diêu Bông...

(Tháng Tư -2005)

(1) ...bản chất của tôi là đam mê *có lúc đến yếu đuối. Tôi vốn đa tình, mới tám tuổi đã biết mê nhan sắc, 12 tuổi đã biết buồn đau về nỗi trống vắng yêu thương của một người nữ... (Mấy Dòng Tâm Sự trang 619 thư gửi Đặng Tiến, Phạm Duy, trong* Hoàng Cầm tác phẩm Văn Xuôi*)*

(2) Làm Lồng (BVNCCK trang20)

(3) Chuyện Liêu Trai QHQOK 4

(4) Tìm mộ Nam Cao QHQOK 5.

LAI LỊCH CỦA BÀI THƠ Lá Diêu Bông

ĐÀO HÙNG

LTS. *Sau đây là lời kể của nhà thơ Hoàng Cầm về lai lịch của một bài thơ nổi tiếng của ông, bài Lá Diêu Bông. Chính bài thơ này đã khiến ông bị hai năm tù vào đầu thập niên 1980, và cũng gây ngộ nhận, suy đoán sai lệch của một số người ở hải ngoại.*

Đây là trích đoạn phần thứ 2, nhan đề là "Tình yêu đầu tiên" trong bài "Nói chuyện với nhà thơ Hoàng Cầm" của Đào Hùng đăng trên Talawas, vào tháng Sáu, 2005.

Tình yêu đầu tiên

Bài thơ "Lá diêu bông" tôi viết về một câu chuyện có thật, câu chuyện về mối tình đầu tiên trong đời tôi. Vào một đêm năm 1959, khoảng 3 giờ sáng, tôi chợt tỉnh giấc rồi thao thức không ngủ lại được. Căn nhà ở phố Lý Quốc Sư nằm sâu phía trong, lại thêm thuở ấy ban đêm không có tiếng xe tiếng còi ầm ĩ như bây giờ, nên đêm khuya càng thêm thanh vắng. Chợt tôi thấy lóe trong đầu văng vẳng mấy câu thơ do một người đàn bà đọc bằng giọng lanh lảnh: *Váy Đình Bảng buông chùng cửa võng...*

Tôi lấy ngay cây bút chì và tập giấy luôn để sẵn trên đầu giường ghi lại. Rồi từng mẩu ký ức cứ hiện lên trong đầu tôi, hình ảnh người đàn bà, người Chị năm xưa cứ rõ nét dần để đi trọn hết bài thơ.

Tôi nhớ đâu hồi lên bốn tuổi, cha mẹ tôi từ làng quê chuyển lên sống ở một phố nhỏ dọc đường quốc lộ. Gọi là phố nhưng thực ra chỉ có khoảng 14, 15 ngôi nhà dựng dọc hai bên đường, cách thị xã Bắc Giang chừng sáu cây số. Nhà tôi quay về hướng tây, phía trước là đường cái, sau nhà có một mảnh vườn nhỏ có hàng rào dâm bụt, tiếp đấy là đường xe lửa. Người trong phố làm các nghề thợ may, cắt tóc. Cha tôi có tủ thuốc bắc và gánh hàng xén của mẹ.

Tôi lên năm, cha tôi đã cho tôi đến trường, cách nhà chừng hai cây số. Nhưng đi học xa, dọc đường hay bị trẻ chăn trâu bắt nạt, vì vậy năm sau ông gửi tôi lên tỉnh học. Lên sáu tôi đã đọc thông viết thạo, lại thêm võ vẽ chữ Pháp, nên được nhận vào trường công ở thị xã Bắc Giang. Tôi được gửi ở nhà thầy ký ga Núi Tiết. Mỗi chiều thứ bảy, tôi đi thẳng từ trường ra sân ga lấy vé, đi tàu mất 10 phút là về đến ga gần nhà. Thuở ấy đi tàu dễ dàng nên trẻ con đi một mình cũng không sợ. Cuộc đời của một thằng bé cứ lặng lẽ trôi nếu không có một biến đổi về tình cảm mà dấu ấn của nó sẽ để lại trong lòng tôi nhiều cảm nghĩ đến tận sau này.

Năm đó tôi lên 10, đã học đến lớp ba (cour élémentaire). Một buổi chiều thứ bảy, tôi về nhà như thường lệ. Đang dừng lại ngoài sân nhìn vào trong nhà, tôi thấy có một người đàn bà đang cúi xuống bồ hàng xén của mẹ tôi chọn mua một cái gì đó. Chị mặc chiếc áo phin trắng, ngoài có chiếc gilê màu thẫm. Khi đó nắng xiên khoai dọi vào nhà, lúc chị ngửng đầu lên thì cả khuôn mặt chị được ráng vàng chiếu sáng, tôi thấy bừng lên một khuôn mặt khiến tôi choáng váng cả người. Không hiểu cái máu đa tình có từ bao giờ, mà chỉ mới lên chín lên mười, tôi đã bị khuôn mặt đó làm cho tôi ngơ ngẩn suốt buổi chiều. Mua hàng xong chị ra về, khi đi ngang qua tôi trông theo, thì biết chị là người hàng xóm, ở ngôi nhà ngay bên kia đường hơi xế cửa nhà tôi. Hỏi mẹ thì biết gia đình nhà đó mới dọn về, có ba mẹ con, chị là con gái lớn, còn một cậu em trai nhỏ. Thảo nào tuần trước tôi về chưa gặp. Tên chị là Vinh. Cả ngày chủ nhật hôm sau, tôi cứ ngong ngóng nhìn sang nhà đàng trước, chờ xem chị có xuất hiện không. Đến sáng thứ hai tôi lại quay trở về thị xã.

Về đến Bắc Giang, tôi làm ngay một bài thơ gửi chị, theo thể lục bát. Hồi đó tuy chưa học niêm luật, nhưng tôi đã biết làm thơ lục bát. Nguyên tôi trọ học ở nhà ông ký ga, buổi tối nhà chủ thường tập trung các bà, các chị trong xóm đến làm hàng xáo. Buổi tối khoảng 9 giờ học xong, trước khi đi ngủ, các bà các chị thường gọi

tôi xuống nhà dưới đọc truyện cho mọi người nghe, trong khi họ đang giần sàng thóc gạo. Mỗi tối tôi đọc chừng một tiếng rồi đi ngủ, các bà thường thù lao, khi thì bát chè, khi thì phong kẹo. Nhưng cũng nhờ vậy mà tôi được đọc hết mọi truyện thơ dân gian, từ Phạm Công Cúc Hoa, đến Nhị độ mai, rồi Hoàng Trừu... Tôi có giọng tốt, lại biết ngâm nga, nên được các bà tín nhiệm, và cũng vì vậy mà thơ lục bát cứ ngấm vào người tôi, không cần học cũng biết cách gieo vần.

Tôi chép bài thơ vào tờ giấy học sinh. Trang đầu chép bốn câu có vẽ hoa bướm, trang sau chép nốt bài. Tôi không còn nhớ bài thơ tình đầu tiên đó viết những gì. Chỉ nhớ là tôi nắn nót viết lên đầu trang giấy dòng chữ "Em gửi chị Vinh của em." Tôi bỏ thơ vào phong bì, chờ hôm về nhà, tìm gặp chị trao tận tay nói: "Em gửi chị cái này." Chị không mở ra xem, chỉ mỉm cười hơi bí mật rồi bỏ vào túi, không nói gì. Sau đó chị không nhắc đến bài thơ đó, và tôi cũng không hỏi lại.

Từ đấy tôi không chỉ về nhà chiều thứ bảy, mà ngày thứ năm được nghỉ, tôi về cả chiều thứ tư. Mục đích là để được gặp chị. Ngày nghỉ, hễ thấy chị đi đâu là tôi đi theo đấy, đôi khi chị thấy tôi đi theo thì đưa tay dắt. Mỗi khi chị ôm chiếu ra sông giặt, tôi lại lẽo đẽo đi theo, ngồi trên bờ nhìn chị cúi khom mình giặt chiếu ven sông. Tình yêu tôi dành cho chị chỉ có thế, nhưng nó cứ đeo đẳng tôi hết năm này sang năm khác. Tôi càng lớn thì tình yêu đó càng thêm đằm thắm, nhưng tôi chưa biết làm thế nào để bày tỏ mối tình của mình.

Năm tôi lên 12 tuổi, những đêm sáng trăng, chị Vinh thường tập hợp trẻ em từ 10 đến 15 tuổi cả trai lẫn gái, tụ tập trên bãi cỏ sau ga để tập hát. Chị Vinh có giọng ca tốt, thường cùng một vài chị trong xóm hát Quan họ. Chúng tôi được chị dạy hát đủ loại dân ca như Trống quân, Cò lả... Mỗi khi đứng hát, tôi thường chen vào đứng cạnh chị, có khi tôi đứng trước chị, đầu tôi vừa đúng ngang tầm ngực của chị. Có khi chị ôm lấy vai tôi, tôi hơi ngả đầu vào người chị, chị khe khẽ vuốt cổ xoa lên hai vai tôi. Tôi có một cảm giác là lạ, đó là những giờ phút say sưa nhất của tôi. Những đêm tháng chín tháng mười, trời hơi se lạnh, đứng dưới gốc cây trên bãi cỏ, tôi được hơi

LƯU VĂN VỊNH

XANH

Da trời xanh, mặt biển xanh
mắt em xanh biếc
hồn xanh chiều tàn
tôi như hạt muối đang tan
trùng dương xô sóng
dâng tràn lòng nhau.

CON CUA

Đường trần ta cứ đi ngang
như con cua nước lang thang lên bờ
bò ngang lớp sóng nhấp nhô
gặp nhau lệch lạc bóng mờ trôi qua.

CON CHONG CHÓNG

Trái tim
điểm đậu
của con chong chóng
quay cuồng yêu đương .

ấm từ người chị truyền sang. Hình như chị cũng cảm thấy sự ham muốn của tôi. Mặc dù lúc đó tôi còn bé, nhưng là một cậu bé khôi ngô tuấn tú, lại có đi học, khác hẳn với những đứa trẻ khác trong xóm. Được chị ôm trong lòng, nhưng tôi chưa bao giờ dám chủ động ôm người chị.

Lần ấy, trong dịp lễ Noel, tôi được nghỉ mấy ngày. Đang đứng ở sân, tôi chợt thấy chị Vinh bỏ cửa hàng đi ra cánh đồng. Tôi vội đi theo. Thấy chị rẽ xuống ruộng, bới các bụi cây ven bờ ruộng. Tôi cũng nhảy xuống theo, không biết chị có nhìn thấy tôi hay không. Chợt chị ngẩng lên hỏi: "Sao mày cứ theo tao lẵng nhẵng như thế này nhỉ?" Tôi không trả lời, nhưng thấy sung sướng vì đã được chị chú ý tới. Rồi chị tiếp tục cúi xuống tìm, cuối cùng bước lên trên một cái gò nhỏ có nhiều bụi cây dại. Tôi hỏi chị tìm cái gì. Chị dừng lại thẳng người lên, nhìn vào mắt tôi nói: "Chị tìm cái lá..." (tôi không nhớ là chị gọi cái lá gì nữa). Rồi chị tiếp lời: "Đứa nào tìm được ta gọi làm chồng..." Nghe câu nói đó, tôi cảm thấy sung sướng vô cùng, người nóng ran lên. Tôi nghĩ đó là một cái lá gì kỳ diệu lắm, có thể dùng làm thuốc, hoặc dùng đắp lên mặt như các cô gái hồi đó thường làm. Tôi cảm thấy giữa chị và tôi có một tình yêu mãnh liệt. Mà tình yêu đó giống như tình yêu tôi dành cho mẹ. Tôi không có chị gái, vì vậy đây là lần đầu tiên tôi cảm thấy một tình yêu đối với người chị.

Hai mươi lăm năm sau, câu chuyện đi tìm lá của chị Vinh hiện lại trong bài thơ mà tôi đặt cho cái tên là "Lá diêu bông."

Chị thẩn thơ đi tìm
Đồng chiều
cuống rạ
Chị bảo
- Đứa nào tìm được lá Diêu Bông
Từ nay ta gọi là chồng...

Một tuần sau, khi tôi từ trên tỉnh trở về, nhìn sang trước nhà thấy cửa đóng im ỉm. Tôi vội hỏi mẹ nhà đó đi đâu rồi. Mẹ tôi trả lời, trong giọng nói như có nước mắt: "Nó đi lấy chồng rồi con ạ." Tôi òa lên khóc, gục đầu vào lòng mẹ. Không biết mẹ tôi có biết mối tình của tôi đối với chị Vinh không, mà sao mẹ lại nói bằng giọng nghẹn ngào? Khi đó cha tôi vừa về, tôi vội lau nước mắt, không dám để cho cha nhìn thấy. Về sau mẹ kể cho tôi biết có một ông Quản khố xanh đi qua đây, trông thấy chị đã mê vì nhan sắc. Chị bằng lòng lấy lẽ, ông Quản đưa cả mấy mẹ con về Phủ Lý quê ông. Từ đấy tôi không gặp chị nữa.

Nhưng câu chuyện chưa kết thúc ở đấy. Năm đó tôi đã 17 tuổi, vừa thi đỗ tú tài xong, đang sống ở Hà Nội. Nhân ngày nghỉ, có một người bạn ở Sen Hồ có người anh cưới vợ, đã rủ tôi về nhà chơi, luôn tiện ăn cỗ cưới. Cỗ bàn xong, chiều hôm đó tôi dạo ra phố Sen Hồ chờ tàu về Bắc Giang. Lúc đó tôi đã viết báo nên cũng có tiền. Tôi mặc bộ complet, thắt ca vát, đầu đội mũ phớt, ra dáng người dân chốn thị thành. Đang thả bộ đi dọc phố, chợt nghe có tiếng gọi: "Cậu Việt ơi!" Nghe giọng quen quen, tôi nhìn sang bên kia đường, thì thấy chị Vinh đang ngồi bên một cái tủ bày bánh kẹo, cạnh một cái chõng bán nước chè. Tôi bước sang đường, chị Vinh mừng rỡ chạy ra, đặt hai tay lên vai tôi rồi kéo vào nhà nói chuyện. Bà mẹ đã già nhưng còn nhớ tôi, hỏi thăm cha mẹ tôi. Một lát sau bà bảo bà có việc phải đi vào làng, tối có thể không về, cậu cứ ở lại xơi cơm. Cậu em đã lớn cũng theo mẹ đi. Hình như cả hai đều biết giữa tôi và chị Vinh còn có nhiều điều muốn nói với nhau. Chị kéo tôi ngồi xuống chõng, chị ngồi cạnh ôm ngang lưng tôi. Tôi nhẹ nhàng khẽ gỡ tay chị ra. Chị kể cho tôi biết tình cảnh của chị sau khi lấy chồng. Chị lấy ông Quản đã có một mặt con. Mấy mẹ con chị về Phủ Lý cũng vẫn tiếp tục buôn bán làm ăn. Nhưng dần dần ông Quản ruồng bỏ chị, đi theo người khác. Cuối cùng ông đã đuổi mấy mẹ con đi. Gia đình chị không muốn trở về chốn cũ, nên đưa nhau về Sen Hồ.

Tôi ái ngại nhìn chị. Lúc này trong tôi không còn cái tình yêu say mê của thời thơ ấu. Tôi chỉ cảm thấy thương cho một con người tiều tụy, nhan sắc đã tàn phai. Bảy tám năm đã trôi qua, nhưng hình ảnh của chị năm tôi lên 10 vẫn còn đọng mãi trong tôi.

Ngày cưới Chị
Em tìm thấy lá
Chị cười xe chỉ ấm trôn kim.

Và cảm giác khi đánh mất chị như vẫn còn đi suốt đời thơ tôi:

Từ thuở ấy
Em cầm chiếc lá
đi đầu non cuối bể
Gió quê vi vút gọi
Diêu Bông hời!...
...
ới diêu bông!..."

Bún Bò Huế

TRẦN KIÊM ĐOÀN

Bún không phải chỉ đơn thuần là một món ăn truyền thống của Huế, nhưng đối với người Huế, bún còn là một phần lối sống "Kiểu Huế." Kiểu Huế là nghèo mà vẫn sang, vui rộn rã mà vẫn man mác buồn, ngoài mặt phẳng lặng mà trong lòng dậy sóng, không soi bóng mình trong gương mà soi bóng mình trong đôi mắt của người thương, bè bạn, xóm giềng. Người ngoại quốc như ông Foulon cũng nhận xét về sự mâu thuẫn của Huế: "Tóc tang cười nụ, vui mừng thở than!"(Lê Văn Lân *dịch*)

Huế mâu thuẫn từ buổi mới vào đời, đài các từ ngày mới có tên. Tên đất thì nhỏ như nốt ruồi son: Ô, Rí, Huế... mà tên người lại dài lướt thướt như mái tóc mây dài chấm gót: Công Tằng Tôn Nữ Thị Sông Hương, Nguyễn Khoa Hoàng Thành, Tôn Thất Quỳnh Phương... Huế quá trầm lặng và chật như cái bể cạn mà phải chứa những tâm hồn bão nổi sông hồ, nên dân Huế ngoài mặt hiền khô mà trong lòng cưu mang những bến bờ viễn xứ, sẵn sàng phản kháng và rực lửa đấu tranh "dấy loạn" như Lục Vân Tiên ra đường thấy việc bất bằng chẳng tha. Cái dấy loạn bão liệt nhưng nên thơ và lý tưởng quá đà của những tâm hồn lãng mạn kiểu Huế chỉ làm cho Huế thành đất dấy nghĩa nhưng không thể nuôi lớn Huế thành căn cứ địa, chiến khu như Tân Sở, Ba Lòng. Xưa vua Hàm Nghi và vua Duy Tân chỉ có những phút huy hoàng và chợt tắt ở Huế, để rồi suốt canh thâu le lói ở phương nào.

Tô bún bò Huế cũng là một biểu hiện của văn hóa Huế vì đây cũng là một sự "dấy nghĩa" trong truyền thống nấu ăn khi cho bò nổi heo chìm trong cùng một nồi, trộn lẫn hai tính chất mâu thuẫn "bò nấu thì teo, heo nấu thì nở" thành một thể hài hòa. Huế đã dùng sả để "chuyên trị" thịt bò chứ không dùng ngũ vị hương để chuyên trị như truyền thống lâu đời ở Trung Hoa và miền Bắc. Tô bún Huế mang hương vị "rất Huế" để mà cảm nhận và thưởng thức như cảm nhận và thưởng thức mùi khói sóng buổi chiều trên sông Hương. Tự nhiên như: "*Nó ngon thì tại nó ngon. Có chồng thì phải nuôi con, thờ chồng*". Cái dễ giận nhất của người Huế là "mình cảm thấy..." mà không cần lý luận. Bởi vậy, hình như càng đem lý tính để phân tích các món ăn Huế, cái hiểu về hương vị thực tế càng xoải cánh bay xa...

Bún Bò Huế. Ai ở xa nghe như thể Huế là vùng đất thổ sản của bò, giống miền Nam Mỹ Texas. Thật ra, tìm một trại bò trên đất Huế cũng khó như tìm lá Diêu Bông của Hoàng Cầm. Tô bún bò Huế cũng là phản ánh cái tham vọng thu nhỏ của người Huế vì muốn dùng cái "lượng" giới hạn để đạt tới cái "phẩm" vô cùng. Bởi vậy, ngoài những chất liệu cay chua ngọt bùi của trần gian, tô bún Huế còn được "nêm" thêm ít nhiều gia vị vô hình của cái tâm chủ quan và cái linh của hoàn cảnh.

Bà Bún

Suốt cả thời thơ ấu, tôi sống ở làng, quanh năm chỉ có "Đây xóm nghèo quê tôi khi nắng lên..." là đẹp nhất.

Hàng năm, sau dịp Tết, người trong làng lại bắt đầu chuẩn bị lễ đầu năm. Mẹ tôi lễ vào ngày 19 tháng giêng để kịp ngày 20 đi coi giò gà và dự

lễ tế Bà Bún tại làng Vân Cù.

Mỗi năm, tôi được ăn bún khá nhiều lần nhưng hai lần trọng đại nhất và ngon nhất là trong dịp lễ đầu năm của mẹ tôi và trong ngày lễ tế Bà Bún tại Vân Cù.

Làm sao tôi quên được những buổi sáng hai mươi tháng giêng. Từ sáng tinh mơ còn lạnh cóng, mẹ tôi đã cẩn trọng nhúng bộ giò gà khô queo trong tô rượu trắng, gói trong giấy bổi, lâm râm cầu nguyện rồi chuẩn bị lên đường bói quẻ đầu năm. Tôi là con trai út, nên được thương nhất nhà và thường bị gọi là "cái đuôi của mạ" vì mẹ tôi đi đâu tôi cũng lon ton đòi chạy theo.

Sau vụ coi giò gà tại nhà thầy Kiên ở Hương Cần thì mặt trời đã lên quá đọt tre. Mẹ tôi tiếp tục cuộc hành hương cuốc bộ đầu năm về làng Vân Cù. Từ Hương Cần về Vân Cù phải qua một cánh đồng lúa rộng, tôi phải chạy lúp xúp theo mẹ mướt mồ hôi, mặc dầu trời tháng giêng trên quê tôi lạnh đến nỗi "giêng hai cắn tay không ra máu!" Sau nầy tôi bỗng khám phá ra thêm một bí mật về cái ngọn tuyệt vời của bún xáo Vân Cù trong ngày lễ Bà Bún một phần cũng là do cánh đồng trống nầy vì vượt qua cho được dặm trường thiên lý nầy thì cái bụng đã trống trơn.

Muốn nói đến Bún Bò Huế thì đừng quên trước hết phải nói đến con bún, vì tô bún là một tổng hợp hài hòa giữa con bún và nước bún. Thiếu một trong hai là kể như có Adam mà không có Eva, có Phạm Lãi mà thiếu Tây Thi! Và, nói đến con bún Huế thì không thể không nhắc đến chiếc nôi của bún là làng Vân Cù. Làng Vân Cù nằm cạnh sông Bồ, là con sông ăn thông với sông Hương qua nhánh sông Đào. Vân Cù cách Huế chừng 10 cây số về phía Tây Bắc. Từ xưa, Vân Cù là lò bún tập thể cung cấp bún cho cả Huế, Thừa Thiên, ra tới Quảng Trị và có khi vào đến Quảng Nam, Đà Nẵng. Hầu hết người làng Vân Cù tuy sống về nghề nông nhưng ai cũng có lò bún trong nhà.

Cũng như rất nhiều nghề thủ công khác ở Huế như nghề Thợ Rèn ở Làng Hiền Lương, nghề Đan Thúng Mủng ở làng Bồ La, nghề Thợ Vàng ở làng Kế Môn, nghề Nuôi Tằm ở làng Dương Sơn, nghề Chằm Nón ở làng Hương Cần, nghề Đan Nôi Bội ở làng Liễu Hạ, nghề Gạch Ngói ở làng Nam Thanh... nghề Làm Bún ở làng Vân Cù là một công việc làm ăn truyền thống và độc đáo riêng của từng đơn vị sản xuất gia đình trong làng, có tính cách cha truyền con nối từ đời nầy qua đời khác. Tất cả dây chuyền sản xuất đều làm bằng tay với những dụng cụ thô sơ, nhưng thành phẩm thường đạt đến mức tinh luyện mà người khác làng khó lòng bắt chước nổi.

Thủy tổ của nghề làm bún tại Vân Cù là một bà, tục gọi là Bà Bún. Thời gian đã xoá nhòa danh sách của những người muôn năm cũ nên chẳng còn ai nhớ tên thật của Bà Bún. Trong những câu chuyện dân gian truyền miệng về cuộc đời của Bà Bún, tôi còn nhớ mãi chuyện kể của bác Cửu Am với mẹ tôi rằng:

Vào một thời xa lắc xa lơ, khi có những người Đàng Ngoài theo chân chúa Tiên Nguyễn Hoàng vào Nam lập nghiệp, có một nhóm người đến định cư trong vùng những Tháp Chàm cổ xưa đã đổ nát nên sau nầy có tên là làng Cổ Tháp, thuộc huyện Hương Điền. Trong số đó có một người thiếu nữ đẹp, có lẽ cũng mắt lá răm, môi cắn chỉ, má lúm đồng tiền... nên rất được nhiều người mến chuộng. Trong lúc mọi người chuyên sống bằng nghề canh tác làm ruộng thì người thiếu nữ nầy miệt mài chuyên nghề làm bún. Bún nàng ngon quá hay vì nàng xinh quá mà làm cho bao người ăn quên cả đường về. Rượu không say bún say mới ngại... Vì vậy nên nhiều người ganh ty. Rồi một dạo dân trong vùng bị mất mùa liên tiếp ba năm. Người ta cúng, tế cầu thần linh cứu giúp. Gặp cơ hội nầy, kẻ xấu bụng tung tin rằng, mất mùa là do thần linh quở phạt vì Cô Bún đã đem gạo là "hạt ngọc của Trời, phơi mao ngậm sữa" ra mà ngâm, mà chà, mà xát, mà nghiến nát ra để làm bún. Thế là nhà nông bắt đầu nổi giận. Hội Đồng Thị Tộc của làng họp bàn và ra lệnh cho Cô Bún phải bỏ nghề làm bún hay sẽ bị trục xuất ra khỏi làng, nhưng Cô Bún quyết sống chết với nghề nên chấp nhận ra đi.

Vì bản chất hiền lương và thuần hậu nên Cô Bún được làng ban ân cho phép chọn lựa hướng đi và cử năm người thanh niên mạnh nhất trong làng theo áp tải. Mỗi thanh niên sẽ cõng cái cối đá làm bún của Cô đi một chặng đường cho đến khi mệt đuối sức thì người khác tới thay cho đến hết người thứ năm là vùng đất mới của Cô Bún. Cứ thế, đoàn người đi về hướng Đông cặp theo sông Bồ không nghỉ. Nơi người trai làng thứ năm khuỵu xuống với cái cối đá trên vai là làng Vân Cù sau nầy. Nơi đây đã trở thành "đất lành chim đậu" cho Bà Bún lập nghiệp và truyền nghề làm bún đời đời qua bao nhiêu biến cố thăng trầm của đất nước và dân tộc.

Người ta thường ví von "mềm như bún" nhưng cái mềm Đông Phương lại là cái dẻo dai bền bỉ

để sống còn trên bước đường vạn dặm. Thân gái dặm trường, Bà Bún đã vượt Hoành Sơn vào Huế. Chim đã về núi, Bà đã về đất nhưng Bún Huế vẫn còn tươi rói với nhân gian như có người đã hát nửa chơi, nửa thiệt: "*Hoành sơn nhất đái chim về cội. Vạn đại dung thân đọi bún bò.*" Một "xưởng bún" điển hình ở làng Vân Cù thường bao gồm một cái xay để xay bột, một cái cối có chày đạp, lò nấu, chảo lớn, rây bột, khuôn bún và một số dụng cụ để khuấy, vớt, đong, đựng bột và bún trong từng chặng đường sản xuất.

Từ hột gạo măng tơ biến ra con bún nõn nà cũng phải cần đến bàn tay, không phép mầu nhưng cũng phải khéo léo và cần cù, của bà tiên lao động. Sợi bún bắt đầu từ hột gạo. Gạo trắng ngâm nước lạnh qua đêm sẽ "mục" ra và được đem xay hay giã nhuyễn thành bột. Tiếp theo, bột gạo được "rây" để lọc ra phần mịn nhất tinh bột của gạo. Bột gạo nguyên chất được rưới nước sôi để nhồi thành một khối bột gọi là "trái bột." Trái bột gạo được luộc chín sơ, rồi vớt ra và đem trộn với bột lọc theo tỷ lệ cứ 30 lon gạo (khoảng 10 ki-lô), trộn với hai ki-lô bột lọc. Tổng hợp bột gạo và bột lọc nầy lại được giã, trộn rất nhuyễn cho tới khi trái bột đạt tới mức "vừa dai, vừa dẻo" là được. Giai đoạn cuối cùng là khối bột mượt mà và dẻo quẹo được đưa vào khuôn bún. Dưới sức ép, những đường bột tuôn ra theo lỗ đục sẵn dưới đáy khuôn bún, rơi vào nồi nước sôi và chín thành bún. Bún được vớt ra, xả sạch với nước lạnh và sẵn sàng để ăn.

Bún tự nó đã là một món ăn thanh đạm của người Huế, nhất là vùng quê. Bún Vân Cù được làm ra dưới ba hình thức: Bún con, bún lá và bún mớ.

Bún con hay bún vắt là một lọn bún quấn lại với nhau, dài vừa nắm tay như cuộn chỉ thêu, rất tiện lợi cho việc ăn uống đơn giản và đạm bạc trên nương, ngoài đồng, giữa đường. Chỉ cần một chút nước mắm ớt và năm, bảy con bún vắt thì bác nông phu trên đường về, chị chủ quán rộn ràng giữa chợ, em bán hàng rong lang thang... có thể tay cầm con bún chấm vào nước mắm ăn ngon lành ngay trên "hiện trường" vừa ngon miệng, vừa ấm lòng, vừa khỏi lơ là công việc.

Bún lá là một lớp bún trải trên lá chuối tươi, cuộn tròn cỡ bằng cái bánh tráng trung bình. Bún trắng nổi trên lá xanh mang vẻ đẹp trinh nguyên nên vừa bắt mắt, vừa bắt miệng. Bún lá thường là đơn vị bún cho cá nhân và gia đình: Mỗi người một rá, mỗi lá một tô.

Bún mớ, còn gọi là bún "ngảo" hay bún kí-lô. "Ngảo" là cái rổ nhỏ thường dùng như một đơn vị đo lường ở các vùng quê của Huế trong khi "kí lô" là đơn vị đo lường mới xuất hiện sau này. Bún mớ là bún sản xuất đại trà với số lượng lớn để buôn bán, đổi chác trên thị trường. Thật ra cả ba loại bún cơ bản là giống nhau, đều có màu ngà đục khi sống và màu trắng trong khi đã luộc chín. Người ta thường dùng danh từ "bún tươi" để chỉ bún mang trực tiếp ra từ lò và "bún luộc" để chỉ con bún được luộc chín từ bún khô. Con bún Huế điển hình có độ dai vừa phải, không "đai hoai" như bột lọc nhưng cũng không bở rệt như bột gạo. Thường người ta dùng đinh ba phân (khoảng 1/8 inch) để đục lỗ thoát trong khuôn bún hay để ước lượng độ lớn của con bún. Trong thực tế, bún lớn hay nhỏ là do bàn tay khéo léo của người cầm "rây." Muốn sợi bún nhỏ, ngay khi những con bún sống đang chảy xuống nồi nước sôi để thành bún chín, chỉ cần đưa cái khuôn đầy bột lên cao; muốn có con bún to thì hạ khuôn xuống thấp. Bún nhỏ là bún kim để làm bún khô hay bún Tàu dùng nấu canh và bún to hơn là bún thô dùng để xào trộn thức ăn trong những dịp giỗ, Tết. Bún con và bún lá thường được cho là ngon hơn có lẽ vì được sản xuất đầu nước nên láng lẩy và tươi tắn hơn: "Bún đầu nước thì ngon, con đầu nước thì dại (?)."

Ngoài cơm và khoai sắn, có thể nói rằng, bún nói chung là món ăn truyền thống được phổ biến rộng rãi nhất đối với người Việt Nam ở trong nước cũng như khắp năm châu. Các loại bún truyền thống miền Bắc thì có bún riêu, bún thang, bún mộc, bún ốc... Bún từ Đàng Ngoài đã theo bước chân Nam tiến đi vào Đàng Trong, rồi chọn đất Thuận Hóa làm nơi nghỉ bước và đâm chồi nẩy lộc thành bún Huế. Bún Huế gồm nhiều loại, mỗi loại có một lịch sử và tính chất độc đáo khác nhau: Bún nước mắm, bún mắm nêm, bún giấm nuốc, bún riêu, bún xáo, bún măng, bún thịt nướng, bún chả tôm, bún bò, bún giò... và bún bò giò heo. Bún bò Huế, tức là bún bò giò heo được ưa chuộng và phổ biến nhất.

Theo thời gian và không gian, bún bò Huế có lúc và có nơi chỉ còn là một cái tên nhưng phẩm chất, đặc tính, mùi vị... đã hoàn toàn biến đổi. Nhiều người vẫn tẩn mẩn tự hỏi, không biết tô bún bò Huế thời vua Gia Long lên ngôi năm 1802 và tô bún thời vua Bảo Đại thoái trào năm 1954 có gì khác nhau trong cung đình và ngoài phố chợ. Có điều rõ ràng là khách ăn bún Huế sẽ

cảm thấy tô bún An Hoà khác hẳn tô bún An Cựu, nơi nầy có thêm lát chả, nơi kia có thêm miếng huyết, nơi nọ có chút rau thơm và chuối cây xắt mỏng lơ thơ. Càng đi xa, tô bún ở Đà Nẵng không giống tô bún Sài Gòn; tô bún Huế Ca-li khác xa tô bún Huế Texas.Trước 1975, tôi có một người ông bà con, quê ở làng Lương Quán, Nguyệt Biều. Mọi người kêu ông là "Ôn Tứ," có lẽ vì ông làm quan tứ phẩm của triều đình. Cứ một năm vài ba lần, ông sai tôi chở qua cung An Định để vấn an "Đức Từ," đó là bà Từ Cung, thân mẫu của cựu hoàng Bảo Đại. "Ôn Tứ" tuổi trên 70 mà vẫn còn đẹp lão như một tiên ông với da dẻ hồng hào và tóc trắng như mây, nhưng hễ cứ mỗi lần tôi khen ông là ông lại nói với giọng nửa như tự hào, nửa như ân năn:

- Ôn sống thọ đây là tại trời đày vì tội phạm thượng, dám ăn đồ ăn của vua!Ai cũng biết thuở trước, ông là người hầu cận thân tín của vua Bảo Đại từ Việt Nam qua đến Pháp. Tôi nghe lạ, hỏi ông, ông giải thích:

- Ngài Ngự làm vua, nhưng là người Tây học. Ngài xử sự công bằng và lịch sự với tất cả mọi người. Hồi còn ở trong Đại Nội, thường có các cận thần hay hoàng thân quốc thích nấu đủ món sơn hào hải vị dâng lên Ngài ăn khuya. Ngài nhận, nhưng sau đó sợ bị mập nên Ngài cứ đưa hết cho ôn ăn. Con coi, ôn ăn hoài cao lương mỹ vị của hoàng đế, "tội to" như rứa mà Trời không phạt răng được!

Trong những lần ngồi đợi ông vấn an đức Từ Cung, trong cái mát lạnh thâm u của cung An Định, tôi có dịp nghe các cuộc mạn đàm của giới thân cận cung đình về các món ăn Huế mà giới quý tộc quan tâm. Bún bò Huế vẫn thường được nhắc đến nhiều nhất. Đặc biệt là cuộc thi nấu các thức ăn đem ra đấu xảo tại chợ Tết Gia Lạc có từ thời Minh Mạng, do Định Viễn Công Nguyễn Phước Bình, con thứ tư của vua Gia Long lập ra. Chợ Gia Lạc nằm giữa chợ Mai và chợ Nam Phổ ngày nay và cũng là vùng đất có Tùng Thiện Vương và Tuy LýVương, hai vị hoàng thân nghệ sĩ đã vang bóng một thời. Lúc đầu chợ chỉ mở ra cho các người trong thân nhân phủ đệ, sau thấy đông vui hấp dẫn, dân thường trong vùng lân cận như Dương Nổ, Nam Phổ, Thế Lại, Ngọc Anh... tìm đến và cũng được các ông hoàng bà chúa cho vào tham gia buôn bán và tổ chức các trò chơi. Hàng năm đến ngày 23 tháng Chạp, chợ Mai đông buổi sáng và chợ Nam Phổ đông buổi chiều để nhường chỗ cho chợ Gia Lạc tưng bừng vui hội Tết. Đông vui và nhộn nhịp nhất là trong ba ngày mồng một, mồng hai và mồng ba Tết Nguyên Đán. Đây là phiên chợ của hàng con vua cháu chúa, nhưng đồng thời cũng mở rộng ra cho bàng dân thiên hạ đến vui Xuân. Theo tương truyền, trong một năm, món bún bò giò heo của Mệ Lựu đã chiếm giải nhất và được phê là "Thập toàn. Ngũ đắc." Thập toàn là mười điều hoàn thiện của một món ăn ngon, đại khái như: ngọt ngào, thơm tho, đậm đà, bổ dưỡng, tinh khiết, bắt mắt, khéo chọn, khéo tay, khéo nấu, khéo bày, bún bò Huế còn được đánh giá cao là vì tính chất bình dân và phổ thông trong bá tính: Mọi người ai cũng biết được, ai cũng ăn được, ai cũng nấu được, ai cũng tìm được vật liệu ngay tại địa phương, ai cũng có thể có dịp mua được (ngũ đắc). Phải chăng vì bún bò giò heo cũng mang tính truyền thống dân gian như bánh chưng, bánh dày thuở trước.

Nếu gặp một người Huế nào đó ở vào lứa tuổi trung niên hoặc già hơn mà hỏi thăm thế nào mới thật là bún bò Huế và bún bò nơi mô ở Huế là ngon nhất, chắc chắn sẽ có hơn chín mươi phần trăm trả lời là, "bún bò Mụ Rớt."

"Bún bò Mụ Rớt có nêm sâm nhung quế phụ vô hay răng mà ngon dữ rứa?" Một lần nào đó đã có người tò mò lên tiếng. Rồi cũng có người đáp lại, "Có chi mô, mụ Rớt cũng ra chợ Đông Ba mua rau, mua thịt như mình nhưng mụ nấu ngon vì có hoa tay." Hoa tay? Hoa tay của ông đồ Vũ Đình Liên là để thảo những nét chữ như rồng bay, phượng múa, nhưng hoa tay của mụ Rớt là để nấu những tô bún bò thanh nhã, ngọt ngào "ăn ngậm mà nghe."

Chừ ri hỉ...!

Cứ tưởng tượng mình đang ở Huế.

Vừa thức dậy sau giấc ngủ trưa, *một buổi trưa không biết ở thời nào, một buổi trưa nhè nhẹ trong ca dao, có cu gáy và bướm vàng nữa chứ...* Và, có tiếng ve đất cuối mùa kêu sau vườn nhưng nghe như xa lắc. Nắng xế cuối mùa của Huế thường phai như màu tóc muối tiêu. Rồi có tiếng xe đạp của ai đó phanh lại trước sân, ba bốn đứa bạn thân rủ nhau đi ăn bún. Con đường Chi Lăng dẫn về Gia Hội chen giữa hai hàng phố cũ với những căn nhà xưa kiểu Tàu pha một căn hai chái, cột mệ cột con đề huề trông thâm nghiêm nhưng thấp bé một cách tội tình. Trước khi rẽ qua đường Ngự Viên đi ngang "mả ông trạng" sau lưng chùa Diệu Đế, hãy ghé lại một căn nhà dãy phố bên phải: Đó là tiệm bún bò Mụ Rớt. Huế làm ăn theo lối "hữu xạ tự nhiên hương," không bảng hiệu, không

quảng cáo mà chỉ cần nghe tiếng tìm vào. Khách vô tiệm tự nhiên và lặng lẽ như ghé lại bến đò. Cứ tìm bàn nào trống, ngồi xuống trên chiếc ghế đẩu không có chỗ dựa lưng, ngó một loáng bâng quơ người quen và người lạ, sẽ có người hỏi:

- Mấy o, mấy cậu thời bún chi?

Khách chỉ có lựa chọn giữa bún khô và bún nước:

- Dạ, cho mấy tô bún nước.

Lát sau, mấy tô bún bò giò heo bốc khói, mùi thơm tỏa ra dìu dịu, được bưng ra đặt trên bàn. Bún được nấu nướng từ sau bức tường của dãy nhà ngang trông vào có vẻ phòng the hơn là bếp núc.

Tô bún bò Huế mới thoạt nhìn, có vẻ đạm bạc và thanh lịch như chiếc áo dài phin trắng nõn nà. Tô bún chỉ lớn hơn bàn tay búp măng xoè ra một tí. Nước bún trong để lộ những tép bún trắng nằm sóng soãi vươn lên miệng tô. Nước bún không mỡ màng, không bị vẩn đục vì gia vị. Vài loáng ớt màu đỏ nhạt, quyện với dầu sả nổi đốm sao trên mặt tô không che được miếng giò heo búp, mỏng bằng hai phần lóng tay. Miếng giò heo trắng ngả màu vàng với lớp da mỏng, ôm khoanh thịt nạc và mảnh xương tròn ở giữa như nhụy hoa nằm bắt mắt và mời gọi, nửa chìm nửa hở trong tô bún. Che mái cho tô bún là ba bốn lát thịt bò bắp xắt mỏng, những lát bò bắp với thớ thịt chắc nịch nâu đỏ và những đường vân vàng nhạt của nạm, gầu, gân, sách. Trên bàn đã có sẵn đũa tre, muỗng sành, nước mắm, ớt tương và rau hành chanh múi. Một dĩa nhỏ hành củ trắng phau và hành lá, rau thơm xanh mướt điểm thêm ngò ta xắt mỏng để rắc lên mặt tô bún cho thêm nồng nàn hương vị. Rau hành của bún không phải là rau sống cuả phở, rau chỉ đóng vai trò "nước hoa" cho tô bún. Trên một góc dĩa là ớt tươi xắt lát. Cái cay của ướt tươi là đậm đà, mọng nước, đủ sức khống chế những cao thủ ớt đã nếm đủ vị giang hồ mà vẫn còn thấy nhạt. Cạnh đó là dĩa ớt tương nhỏ xíu màu huyết dụ; ớt tương của bún bò Mụ Rớt cũng được liệt vào hàng "gia vị bún bò bắc đẩu," nhìn thì có cái vẻ mềm như nhung với màu đỏ sẫm, điểm những hột ớt vàng hoe nhưng nếm vào mới biết thế nào là cái "hiền" của Huế. Gắp một tí ớt tương đầu múi đũa bỏ vào tô là ớt từ từ bung ra như nhụy hoa trên mặt nước bún. Hoa hồng thường có gai, nên nhụy hoa bún cũng làm cho biết bao người cay giọt ngắn, giọt dài! Cung cách nêm tô bún trước khi ăn cũng thể hiện phần nào phong thái của người ăn. Vẻ e dè chờ đợi của khách mới, dáng khoan thai của giới nhàn du, sự xông xáo của người đói bụng, cách lịch lãm của kẻ từng quen... là những biểu hiện thường tình trước tô bún. Khi đã nêm xong, húp một muỗng nước bún khai vị để cảm nhận được cái chất ngọt thanh pha đủ mùi gia vị. Mùi sả, mùi ruốc, mùi xương hầm, mùi thịt luộc, mùi chanh, mùi rau, mùi tiêu hành nước mắm... đã biến chất, đã quyện vào nhau tạo thành mùi bún bò có sức hấp dẫn lạ lùng riêng của nó. Miếng giò heo thanh nhã trong tô bún với lớp da mỏng có bìa da úp quanh miếng thịt nạc như đài hoa chưa nở nên thường gọi là giò "búp". Cắn miếng giò, những sợi thịt trắng vừa béo, vừa ngọt vẫn còn thơm mùi thịt tươi mới chín nhẹ nhàng bốc hơi trên hai cánh mũi. Gắp lát thịt bò bắp. Lát thịt bò mỏng với những đường gân, sứa thịt và viền mỡ dòn tan giữa hai kẻ răng và vị ngọt béo miên man trên đầu lưỡi. Tô bún bò Huế vơi dần nửa như thách thức, nửa như mời gọi khách rằng, chưa cạn hết tô chưa gác đũa.

Tô bún bò Mụ Rớt được xem là đặc trưng cho tô bún Huế là vì nó mang những nét thanh đạm và đơn giản. Có thể nói cái thanh của bún Huế ví như những nét đan thanh của tà áo trắng, tà áo dài mỏng manh cửa đóng then gài ngỡ như là tử cấm thành của phái đẹp thần kinh, nhưng lại kín đáo phô bày trọn vẹn những nét đẹp trên thân thể của người mặc. Người mặc áo Kimono của Nhật chỉ cần một khuôn mặt đẹp, nhưng người mặc áo dài Việt Nam khó mà che dấu được những nét mỹ miều hay thô thiển của thân hình. Cũng tương tự như vậy, một tay nấu bún "hạng lông" có thể nấu một tô bún thập cẩm với tấp nập thịt thà rau cải rềnh rang như chiếc áo Kimono, nhưng lại khó có thể nấu một tô "bún-bò-áo-trắng" kiểu Huế thoạt nhìn tưởng như là quá đơn giản mà ẩn giấu lắm công phu.

Linh hồn của tô bún bò Huế là nước bún. Nước bún là nước được hầm từ xương heo, xương bò, gà tươi, và có khi là cây, củ... Phần khó nhất trong việc nấu nước bún là giữ cho nước trong, ngọt thanh, không mỡ màng, không lềnh bềnh gia vị. Những "trường phái" bún bò khác nhau ở Huế thường giấu bí quyết nấu nước bún vừa trong vừa ngọt, nhưng tất cả đều có điểm cơ bản khá giống nhau là cách chọn xương hầm, cách luộc tái rồi đổ nước đầu tiên, cách vớt và loại bỏ bọt thải đúng lúc, đúng điệu, thường là yếu tố quyết định trình độ cao thấp của "tay nghề." Bún sợi thật sự là bún tươi, trắng ngà, có độ dẻo và độ lớn vừa

phải. Thịt heo trong tô bún chỉ đơn giản một lát giò có đủ da, đủ nạc và xương. Giò luộc vừa chín, không quá lửa làm cong queo, mềm nhũn, thoang thoảng gia vị vừa ăn; thơm nhưng không mất mùi thịt heo nguyên thủy.

Thịt bò trong tô bún là bò bắp luộc vừa chín, xắt lát mỏng, xào nhẹ lại với đồ màu và tránh tình trạng quá lửa làm "bò teo, heo nở."

Gia vị chủ lực của bún bò Huế là sả, ruốc và ớt, nước mắm. Tinh dầu của cây sả có mùi thơm rất nồng, đủ mạnh để làm trung hòa mùi ruốc và giúp cho mùi thịt trộn tiêu hành nước mắm trở nên dịu và ngào ngạt hơn. Dầu sả nhẹ hơn dầu mỡ nên làm cho nước bún nổi sao óng ánh, tránh được những váng mỡ nặng nề làm cho người ăn ái ngại. Một cây sả tươi cần chọn đoạn giữa vừa thơm, vừa phong phú tinh dầu. Đừng quên sả gốc nồng và chát, sả ngọn ít thơm và dễ làm cho nước bún nhiễm màu xanh của lá.

Trong nồi bún, nếu sả quyết định cho hương thì ruốc quyết định cho vị. Ruốc phải đánh loãng và thải hết chất bã. Ruốc nêm lúc nước còn lạnh để khỏi nặng mùi. Ruốc nêm đúng phân lượng sẽ làm cho nước bún có vị ngọt đậm đà và mùi thơm phảng phất chất mắm muối quen thuộc của đồ ăn Việt Nam. Ruốc nêm thiếu, nước bún sẽ "ỏn," nghĩa là lạt lẽo, kém vị, thiếu mùi như nước ốc. Ruốc nêm thừa, nước bún sẽ "hăng," nghĩa là mùi vị nặng nề, không tỏa ngát quanh tô bún mà có vẻ như chìm lỉm trong nồi nước bún.

Bên cạnh kỹ thuật và kinh nghiệm của người nấu, chất liệu cũng đóng một vai trò quan trọng cho hương vị của tô bún Huế. Chẳng hạn như thịt heo nấu bún Huế thường lấy từ thịt heo cỏ. Đó là giống heo nhỏ nuôi bằng rau, chuối nấu với cám gạo cốt để vừa lấy phân, vừa lấy thịt. Heo càng lớn càng dài ra và thịt rắn lại chứ không phát triển "sồ sề" như giống heo mẹo nuôi trong kỹ nghệ lấy thịt sau nầy. Giò heo do đó vừa chắc, vừa thơm, vừa ít mỡ. Giò heo lý tưởng cho tô bún là giò sau: "Nấu giò sau, cho nhau giò trước."

Ngoài ra, rau hành, gia vị... thường được các bà Huế nêm theo kiểu "luyện công" nên mọi thứ đều được tính toán chi li vừa đủ phân lượng cần thiết. Có dịp nhìn một bà Mỹ vào bếp với dáng kích động như muốn nhảy "Disco" với soong chảo, một bà Nam nếm đồ ăn trên lò, miệng chưa tắt nụ cười vui sau câu cải lương mùi mẫn... mới thấy được hình ảnh tay cầm đũa, mắt đăm đăm, môi chút chíp nêm đi nếm lại như đang "truyền tâm ấn" của một bà Huế trước nồi bún đang sôi là "thục nữ thần kinh." Chính yếu tố địa phương, hoàn cảnh và tâm lý đã làm cho tô bún bò Huế trở thành ngon và độc đáo hơn vì nó được chuẩn bị, phục vụ và thưởng thức trong mức độ vừa đủ về lượng cũng như về phẩm.

Sự dễ dãi về hoàn cảnh sinh hoạt và phong phú về điều kiện vật chất có vẻ như có một tác dụng nghịch chiều cho tiến trình tạo nên cái vẻ thanh nhã truyền thống của tô bún bò Huế. Bún bò Huế càng tiến về Nam càng được thêm thắt như tà áo trắng biến thành áo gấm với phượng vẽ rồng thêu. Bún Huế chỉ cần vượt đèo Hải Vân vào Đà Nẵng là đã đổi khác: Tô lớn hơn, mỡ màng và thịt, gân, rau hành nhiều hơn. Bún Huế tiến vào Sài Gòn thành tô "phở bún" xe lửa tàu bay với nước béo, rau sống, giá sống, thịt chả ê hề. Chính bún bò Mụ Rớt Huế vào Nam cũng đã chuyển mình thành "bún bò Mụ Rớt Nam Bộ." Bún bò Huế càng được chiếu cố rộng rãi chừng nào, sự "sáng tạo" và biến thể càng nẩy mầm trăm hoa đua nở chừng đó. Đến nỗi, một người thích "khảo" về các món ăn miền Trung gần đây như ông Đinh Miên đã phải lên tiếng "xóa óa" khi nhắc về bún bò Huế tại Mỹ trong bài "Cơm Việt, Quê Người": "Đi đâu cũng nghe bún bò Huế chính gốc mà không biết gốc gì, nên gốc gì cũng đặng!" (Việt IX - 95). Ông Đinh Miên thuộc về trường phái "chịu chơi" khi luận về bún Huế. Ông cởi mở đón nhận sự chuyển mình của tô bún với vẻ cười cợt hồn nhiên như người đã biết là không thể tắm hai lần trên cùng một giòng sông. Cũng có người muốn "ngồi lại bên cầu thương dĩ vãng" lên tiếng cho rằng, tại sao những món ăn truyền thống của thế giới như Pizza của Ý, Kabob của Ba Tư, Taco của Mễ, Kentucky Chicken Fried của Mỹ, Mì Triều Châu của Tàu... đi đâu cũng nghe cùng một hương vị, mà Bún Bò Huế lại có người nấu Sở kẻ nêm Tần như vậy, sợ một ngày kia "mất giống" tìm đâu!? Có lẽ không ai trả lời được câu hỏi đó vì món ăn là một phần của văn hóa mà gốc của văn hóa là con người. Khi đất nước và con người còn đó thì ngại gì tô bún đổi thay.

Những huyền thoại quanh tô Bún Bò Huế

Tuổi già của Huế thích lui về sống ẩn dật với quê hương, gần gũi với bà con làng xóm và mồ mả tổ tiên, nhưng tuổi trẻ lại thích bay xa tới những phương trời mơ ước. Niềm ước mơ của một đứa trẻ lớn lên sau lũy tre làng như tôi là làm sao được lên Huế học. Thành phố Huế cách làng tôi

chưa đầy một giờ đi xe đạp nhưng đối với tôi thời nhỏ nó vừa thực vừa mộng như một vùng đất hứa. Có những buổi chiều đứng đầu ngõ nhìn những người lên Huế sắm hàng với các món đồ gói trong giấy, trong hộp đầy màu sắc gọi là "đi Dinh mới về," tôi ước chi mình sẽ được lên Dinh.

Tuy không có quy định thành văn nhưng con đường duy nhất để được lên Dinh ăn học đối với tuổi trẻ ở làng như tôi là phải thi đậu "Càng Cua" (concours) trước đã, đó là kỳ thi tuyển học sinh vào lớp đệ thất trường công mà trong toàn tỉnh Thừa Thiên chỉ có thành phố Huế mới có. Mẹ tôi thường nhắn gởi: "Chuyến ni mà con thi đậu 'càng cua,' cực mấy mạ cũng gắng lo cho con lên Dinh học."

Mẹ tôi dắt tôi lên Huế hai ngày trước khi thi "càng cua," đi qua đi lại trước trường Hàm Nghi (ngày xưa là Quốc Tử Giám) nhiều lần cho quen đường đi nước bước. Tôi ở lại nhà chị Quyến tôi nơi đường Ô Hồ. Buổi sáng ngủ dậy, chị kêu gánh bún vào ăn điểm tâm. Gánh bún õng ẹo trên đôi vai o gánh bún, có khói và hơi bốc nhè nhẹ xung quanh như một đầu máy xe lửa xuống đèo. Nghe chị đặt hàng, tôi có cảm giác hơi là lạ:

- O múc cho tô "trung", bún vừa, nước xắp xắp thôi. Cho giò nạc búp, thêm cái ngoéo. Đổi huyết lấy bò bắp xắt vô. Khoát bớt ớt màu, bỏ hành rau răm rươi rươi thôi, ớt tương nước mắm bỏ riêng...

Người bán bún chừng như đã quá quen thuộc với lối đặt hàng rắc rối đó nên làm thinh múc bún. Nồi bún nóng thân tròn, miệng uốn trông như chiếc lư đồng cổ không nắp không chân, đặt trên lò lửa riu riu đỏ. Tay o cầm cái vá cán dài, quây một vòng trong nồi bún với dáng tay nhẹ nhàng và điệu nghệ như cô vũ nữ Thái múa điệu cánh sen. Cái vá dừng ở đâu trong nồi nước bún là "bắt" được ngay miếng thịt, miếng giò đang cần, chính xác như ra-đa tìm thủy lôi.

Một lát sau o mới hỏi:

- Ai ăn rứa?

Chị tôi trả lời một cách hãnh diện:

- Thằng em tôi dưới làng lên ở lại thi "càng cua."

Tự nhiên o bán bún coi bộ quan tâm:

- Nì, nói chuyện vô duyên chơ học trò đi thi không nên ăn giò búp: búp hoài không nở thì mần ăn chi nữa. Để tui múc cho một cặp giò ngoéo:

nguyễn nam an

sáng mai Đà Nẵng thứ

Tặng HN

trong đầu anh còn tấm bản đồ thứ thiệt
những con đường khi chưa bị thay tên
có một hôm tình cờ em hỏi đến
thành phố hiền hiền đã hiện nguyên lên
anh vẽ ra con đường dài Lê Lợi
nào biết đâu cong một khúc giữa đời
dẫu biết qua Quang Trung về thêm chút
Lê Lai rồi Ba Đình đó Gia Long

nơi anh đã lọt lòng me thuở đó
rồi lớn lên như cây lá trên ngàn
như Phạm May như Sơn và như Phước
Trung, Lâm, Hà, Niệm, cu Đí cu anh
trong đầu anh bước rất khẽ ngày xanh
sáng rón rén trở về thành mây trắng
mây lang thang như lòng anh canh cánh
vẽ những con đường chưa bị thay tên

của ngày xưa xanh trong đó còn nguyên

5 tháng 6, 05

ngoéo trước, ngoéo sau thì rớt đi mô được, thi đậu chắc nụi!

Chị tôi coi bộ cảm động ra mặt vì gặp được "Thầy"... bún, nên nhiệt liệt ủng hộ ngay:

- May có o nhắc chớ không thì khổ em tui rồi. Rứa! Múc ngoéo vô đi o!

Thật tôi không ngờ bún Huế "linh" như vậy, nên hôm đó ăn tô bún Huế mà cảm thấy trân trọng và ngất ngây như uống rượu thánh.

Về làng, tôi thường ăn bún với nước mắm ớt. Mẹ tôi có mấy lu ruốc bự bành ky để ở nhà dưới, nước mắm nhĩ trong vắt nằm một lớp trên mặt. Đem lúa đổi lấy bún vắt hay bún lá, rồi múc nước mắm nhĩ từ trong lu ruốc, ra vườn hái ớt xé vào. Bún tươi chấm với nước mắm nhĩ pha thêm ớt trái mùa Xuân ăn ngon "nhức răng." Thêm vào đó, một năm đôi ba lần được ăn bún với nước xáo lòng gà, thịt bò nên chú bé quê trong tôi cũng đã bằng lòng lắm với cuộc đời đầy đãi ngộ nầy rồi. Nay được ăn tô bún Huế với những thịt thà thơm phức, với cách nấu bún công phu, cách múc bún điệu nghệ... làm cho tôi cảm thấy được "lây" cái văn minh sang cả của người thành phố.

Ngày đi thi, tôi dậy sớm trước khi gà gáy lại, hồi hộp chờ trời sáng để tới trường thi, nhưng trong lòng cũng cảm thấy thinh thích khi nghĩ đến tô bún Huế với cặp giò ngoéo có lớp da mềm mềm bao quanh những thớ gân dòn tan như ăn ổi đỏ ở làng. Hình như mới có hai buổi sáng trôi qua mà tôi nghe như đã bị phố phường cám dỗ. Buổi sớm tôi nghe mẹ tôi bàn bạc to nhỏ với chị tôi, rồi tiếp theo đó có người gánh gánh xôi vào trước hiên. Nhìn dĩa xôi đậu xanh chấm muối mè bày ra trước mặt, tôi bắt đầu hoang mang. Mẹ tôi hối:

- Ráng ăn xôi đậu muối mè đi con!

Khi tôi ngao ngán ngáp dài kêu mệt quá và muốn ăn bún chứ xôi đậu, muối mè khô khan quá nuốt không vô, mẹ tôi dịu dàng an ủi:

- Con thi xong rồi, ưng ăn bún cả gánh mạ cũng cho. Con đi thi "càng cua" mà ăn bún vô trơn, nói trời không nghe lỗ miệng, chớ nó trượt đi thì thi hỏng mất! Lúc trước mấy cậu con thi chi hỏng nấy là vì không nghe lời mệ ngoại, cứ dè ngày thi cử mà ăn bún không kiêng cử nên thi trợt tuốt luốt, phải xếp sách vở về quê đi cày. Chừ con gắng ăn xôi đậu, xôi muối mè dính mô chắc nấy, trời mới cho con đậu.

Tôi rướn cổ nuốt cho hết dĩa xôi mè vì thương mẹ hơn là sợ thi trượt. Tới ngày treo bảng, nghe loa đọc tên nhưng tôi không tin là mình đậu "càng cua" thứ nhì trường Hàm Nghi trong số hơn một nghìn thi sinh dự tuyển và có hai trăm trúng tuyển năm đó.

Suốt một đời, tôi không làm sao quên được hình ảnh mẹ tôi với hai hàng nước mắt sung sướng chảy dài trên đôi má phong trần vì lặn lội gieo neo nuôi con. Mẹ tôi nói như đã nắm được bí mật cuộc đời:

- Chộ chưa! Con nghe lời mạ, ăn xôi đậu nên mới thi đậu. Còn thằng Tý xóm Bàu, thằng Rô xóm Cụt, Thằng Lúi lò rèn to béo xắp hai con, nghe nói mỗi đứa ăn hai tô bún để đi thi nên trượt tuốt luốt.

Tôi muốn nói cho mẹ tôi biết bọn thằng Tý, thằng Rô, thằng Lúi... suốt cả mùa Xuân trốn học, thu sách vở trong bụi tre lá ngà đầu làng đi chơi; trong khi tôi học thuộc cháo sách Sử Ký của Trần Đình, giải hết 1000 bài toán đố của Một Nhóm Giáo Viên, đọc nhuyễn 50 Bài Luận Mẫu và Tâm Hồn Cao Thượng của Hà Mai Anh... Thế nhưng nghĩ sao tôi lại thôi, vì mẹ cũng có một khung trời riêng của mẹ mà tôi chỉ dám núp sau áo mẹ để lặng im chiêm ngưỡng chứ không dám thả cánh chim lý luận làm huyên náo khung trời đó và làm mẹ buồn lòng.

Từ đó về sau nầy, tôi thường cố "cữ" ăn bún mỗi lần có thi cử. Ngay cả hơn 30 năm sau, khi tóc đã điểm bạc trên bước đường lưu lạc ở quê người, có những lần đi thi chuyên môn, đi phỏng vấn việc làm, đi thi tốt nghiệp trong trường đại học Mỹ, tôi vẫn "kiêng" ăn bún nhưng chỉ tìm cách né tránh âm thầm chứ không dám nói ra vì sợ bị chọc quê. Thật ra, mỗi lần đụng đến thi cử là tôi lại nhớ mẹ đến quặn lòng, nên tôi cữ ăn bún để được cái cảm giác ấm áp thiêng liêng như hôm đó mình đang có mẹ thật gần.

Đến khi lên Huế học, những huyền thoại về bún bò Huế càng có vẻ mọc cành mọc lá sum sê hơn. Thế giới học trò cũng nhỏ bé và xinh xinh như thành phố. Phía sau trường Hàm Nghi của tôi là Viện Bảo Tàng và nhà thờ Nguyễn Phước Tộc hay là Tôn Nhân Phủ. Bên kia đường là cửa Hiển Nhơn vào Đại Nội. Kế đó, có hai trường văn nghệ nhất Huế, đó là trường Quốc Gia Âm Nhạc và Cao Đẳng Mỹ Thuật mà lũ học sinh nghịch ngợm của chúng tôi thường chọc mấy anh chị sinh viên bằng cách gọi là "Trường Kèn" và "Trường Cọ." Sinh viên hai trường Kèn Cọ thường la cà ở quán cà phê Tôn, nơi đó, thật ra chỉ là một chiếc xe kiểu xe sinh tố đặt mé trái trước Tôn Nhân Phủ do vợ chồng bác Tôn đứng bán bún bò và cà phê. Giới nghệ sĩ lang thang thường bàn luận một cách

công khai rằng, ngày nào vợ chồng bác Tôn không cãi nhau là ngày đó bún bò không ngon vì thiếu đi cái "tinh thần hào sảng" của cặp vợ chồng bác Tôn khi nấu bún.

Giới văn nghệ sĩ cà phê Tôn còn đi xa hơn khi kháo nhau rằng nếu lỡ một mai kia, lịch sử thành thơ đưa họ lên làm lãnh tụ, thì họ sẽ đặt tên con đường từ Vỹ Dạ lên Ga Huế là "Đường Cơm Hến" và đường từ cầu An Cựu lên cầu Trường Tiền là "Đại Lộ Bún Bò" vì mỗi buổi sáng tinh sương, dọc trên con đường nầy có cả đoàn bún gánh phát xuất từ An Cựu tỏa ra khắp thành phố Huế. Khói xanh đun nồi bún bay phơ phất trên đường như một sự mời gọi êm đềm: Bún bò An Cựu, cơm hến Đò Cồn, trứng lộn Chợ Dinh, bánh canh Nam Phổ... Cũng may hay cũng buồn, lịch sử không phải là thơ nên tuy Huế có những con đường tình cảm mang tên kỷ niệm và giai nhân bất thành văn như đường Hàng Me, đường Áo Trắng, nhưng vẫn chưa có tên đại lộ Bún Bò.

Bản thân tôi từ một vùng quê ruộng đồng lên tỉnh học, sau mấy năm học đòi văn hóa Huế, cũng bị nhiễm bún bò rất nặng. Tôi đã ưu tư nhiều về sự hiện diện của bún bò giò heo kể từ khi làm quen với một cô hàng xóm nhân dịp cô đi xe đạp, vạt áo dài tung bay phất phới và cuốn theo chiều gió mà quấn vào trong giây "sên", trong "ổ líp". Tôi bèn ra tay cứu khổn phò nguy gỡ áo em ra và không quên bôi thêm dầu sên lên tay lên mặt cho ra vẻ lấm liệt, can trường. Tên cô là Mộng Hoàng, tất nhiên có cái họ đi trước rất chi là thế gia vọng tộc. Chỉ mới cái tên thôi cũng đủ biến tôi thành Trương Chi bên cạnh Mỵ Nương đi xe đạp mất rồi. Về làng, tôi đi từ xóm trong ra xóm ngoài để sưu tầm những tên giai nhân đẹp nhất thì cũng chỉ có những Nguyễn Thị Gái, Trần Thị Chất, Lê Thị Dẹp... đào đâu ra có Mộng, có Hoàng.

Những buổi sáng, tôi và Hoàng vẫn đạp xe đạp song song chung đường từ Thành Nội, qua cầu Trường Tiền, rồi Hoàng vào Đồng Khánh và tôi vào Quốc Học. Đôi ba lần Hoàng quay sang phía tôi cười, một phiến ớt màu bún bò tí ti đỏ chói nằm trong góc chiếc răng khểnh trắng nõn nà của Hoàng. Tự nhiên tôi cảm thấy hơi mất đi cái cảm giác thanh thoát khi nhìn sự hiện diện vô duyên của ớt màu nằm trên chiếc răng khểnh duyên dáng đã làm tôi xao xuyến bao lần. Tôi lên tiếng, nhẹ nhàng như nắng, sợ làm vỡ những giọt sương tình cảm long lanh. Rồi cả hai đứa dừng lại, đứng khuất sau gốc cây long não, tôi xé mảnh giấy trắng nhất trong tập vở học trò, vo lại thành cây tăm và nín thở khêu chút ớt màu bún bò vô tình nằm chênh vênh không đúng chỗ. Hai đứa nói nhỏ như ngại hàng long não đứng nghe. Hoàng vùng vằng sợ tôi nhìn sâu hơn đáy mắt:

- Ngó dữ chưa tề, dị chết!

Tôi thanh minh như Vương Tử Trực:

- Coi tề, không ngó chộ mô mà khêu!

Khi lên xe đạp đi tiếp, Hoàng phàn nàn, cái phàn nàn mà tôi cho rằng đáng lẽ ra là một sự biết ơn:

- Me phiền dễ sợ! Sáng mô cũng bắt Hoàng ăn bún bò ớn phát sợ luôn.

Cái "ớn phát sợ" của Hoàng lại là cái ước mơ ngoài tầm tay của đám học trò nghèo như tôi. Cứ tưởng tượng mỗi buổi sáng, khi trời Huế còn lành lạnh mà được ăn một tô bún bò giò heo, có váng mỡ vàng mơ ngã hồng trên mặt, nêm thêm một "múi đũa" ớt tương màu huyết dụ chắc sẽ sáng mắt sáng lòng mà học một nhớ mười. So với một chén cháo gạo với muối trắng của tôi hay một chén cơm chan chút nước mắm ớt của tụi bạn cùng hoàn cảnh ăn điểm tâm trước khi đi học, tự nhiên một cảm giác hơi buồn buồn pha chút tủi thân lặng lẽ dâng lên trong lòng. Bún bò tự nó không có giai cấp, nhưng giai cấp tự nó có bún bò: Phận nghèo bấm bụng nằm co. Giàu thời nem chả, bún bò giò heo!

Tuổi trẻ của Huế êm đềm và dễ hòa điệu sống như giòng sông Hương. Tôi đã quên rất nhanh hình ảnh tô bún bò của Hoàng và chén cháo gạo của tôi. Hai đứa chưa bao giờ dám nói thương nhau mà chỉ lửng lơ nói chuyện đã cùng "thương con đường đi học." Mỗi cô gái Huế đều có một bà chúa trong hồn và mỗi cậu con trai Huế đều có một ông hoàng trong bụng. Bà chúa thì thích sang mà ông hoàng thì thích ngọt, cho nên tôi đã nhẹ dạ nghe Hoàng dỗ ngọt mà hẹn hò lần đầu lên chùa Thiên Mụ và về ăn bún bò Kim Long. Chúng tôi đã phạm vào hai điều tối kỵ làm tan vỡ bao nhiêu mối tình đầu đẹp như mơ của Huế: Đó là hẹn hò lần đầu không được lên chùa Thiên Mụ và không được ăn bún. Đồi Linh Mụ là đất thần kinh, nơi để chiêm bái chứ không phải là nơi tính chuyện ân tình hò hẹn. Tình cảm trai gái chớm mầm trên đất thánh thì sẽ không bén rễ trong tim người. Còn ăn bún là trơn tru, không níu kéo như gừng cay muối mặn, nên cuộc tình rồi cũng theo bún mà trôi đi! Rất có thể bà Linh Mụ đã nhìn thấy tôi và Hoàng hò hẹn, cho nên mới "xui" về Kim Long ăn bún. Bởi vậy, nên tới Hè, Hoàng giã từ Đồng Khánh, chuyển qua Jeanne

d'Arc để chuẩn bị đi Tây.

Kỷ niệm chia tay cũng êm đềm mà nhức buốt như những cơn mưa phùn tháng Giêng của Huế. Hoàng gởi cho tôi cuốn sổ lưu bút có giấy pơ-luya màu xanh, màu trắng, màu hồng; có thắt nơ tím với câu thơ tiếng Tây quá quen thuộc với tuổi học trò của Huế ghi nắn nót ở trang đầu: *"Partir, c'est mourir un peu!"... Ra đi là chết trong lòng một ít.* Biết nói sao bây giờ?! Tôi là học trò ban B (Toán - Lý Hóa toàn ròn) nên trong đầu lúc nào cũng lùng bùng ròng những đạo hàm và ẩn số của thầy Trần Tuệ và thầy Hồng Giũ Lưu. Huế lại là vùng đất ưa hò vay trả. Đào đâu cho ra chút văn chương man mác nòi tình mà đáp lại cho Hoàng đây. Tôi bỏ cả việc đi trại Hè để cố đào cho ra dăm câu thơ nếu không "ác liệt" thì ít ra cũng có vẻ môn đăng hộ đối với Hoàng. Bên tê dẫn thơ Tây thì bên ni phải trích thơ Mỹ. Tôi vô thư viện, tìm mục thơ tình lãng mạn để kiếm vài câu làm thuốc. Thơ tình chết tiệt rủ nhau trốn đâu mất cả. Bí quá, bỗng vớ được vài câu thơ đề tựa cuốn sách của Helen Steiner Rice, tôi thấy như mở cờ trong bụng: *"Somebody loves you more than you know. And will always be with you wherever you go!" (Ai nào thấu hết tình ai. Chân mây góc biển thương hoài ngàn năm).* Và, để phụ đề Việt ngữ tôi chọn hai câu thơ của Hàn Mặc Tử, đọc đi đọc lại đắc ý nổi da gà: *"Người đi một nửa hồn tôi mất, Một nửa hồn tôi bỗng dại khờ!"*

Kèm với thơ thẩn là cái lược bằng gỗ trầm hương, vật kỷ niệm của mẹ, tôi xin và tặng lại cho Hoàng mà bỗng tự cảm thấy mình sâu sắc như một người tình trong chuyện thần thoại; năm 1992 về lại con đường cũ, đọc thơ Xuân Hoàng mà nhớ bâng khuâng đốm ớt bún bò và nét cười răng khểnh:

Tôi đi trên đường Lê Lợi dọc sông Hương
Nắng trong suốt lọc qua hai hàng long não
Đất nước đổi thay qua bao mùa giông bão
Con đường xưa vẫn dáng dấp diệu kỳ...

Hơn mười năm, tôi mới có dịp trở lại chen chân trên đường phố Huế vào một buổi chiều 29 Tết. Đi trong nắng cuối Đông dìu dịu thương quen của Huế mà cứ ngỡ như mình mới xa Huế hôm qua. Nghĩ đến mai xa Huế tự nhiên tôi có cảm giác như mình là kẻ phụ tình với Huế. Huế vẫn lặng lẽ chờ đợi như người tình trăm năm mà tôi thì cứ dứt áo ra đi lang bạt kỳ hồ.

Rồi quả đất cũng tròn và thế giới nầy cũng nhỏ nên "những kẻ phụ tình với Huế" vẫn có lúc gặp nhau ở quê người như một sự tình cờ của định mệnh. Hơn 30 năm sau, rất tình cờ, tôi gặp lại Mộng Hoàng ở Little Sàigòn, Quận Cam Cali. Tôi nhận ra Hoàng, bà chủ tiệm ăn có tên vừa Tây vừa Huế, nhờ chiếc răng khểnh "thương bất chết" vẫn tô điểm cho nụ cười duyên dáng ngày xưa. Tất nhiên, tôi từ phương xa ghé vào đây cũng vì món "bún bò Huế chính gốc." Nhắc chuyện cũ, cả hai đứa cùng cười ngặt nghẽo. Giọng Hoàng tuy phảng phất một chút âm vang trời Tây nhưng vẫn chưa phai màu Huế:

- Thời nớ, răng tụi mình dễ thương dễ sợ hí!

Tôi cười cười nhắc lại:

-Sau nớ, còn ai khêu ớt trên răng cho Hoàng nữa không?

Mắt Hoàng bỗng thoáng một chút trầm tư "nhắc làm chi sương khói thuở xa xăm" và ánh lên màu kỷ niệm:

- Lạ chưa tề. Nhắc chi nữa, dị chết!

Tôi nhìn Hoàng. Mắt bâng quơ đậu trên vài ba sợi tóc loà xòa điểm bạc. Hoàng biết và ngúng nguẩy che đi. Hoàng nói thật bất ngờ, giọng trang đài như đọc câu thơ tình thời cổ:

- Chải lược trầm hương nên sớm thành tóc bạc!

Tôi hiểu Hoàng nói gì nhưng phản ứng như anh học trò cả ngố:

- Thơ của ai rứa Hoàng?

Hoàng trả lời "mần đày":

-Thơ ai? Thơ ông cai bến đò!

Đàn bà Huế mà đã "mần đày" thì Tần Thủy Hoàng cũng phải biết rằng mình đã lỡ vô tình, cần lẳng lặng chui vào ổ rơm nằm ngủ qua đêm.

Rứa đó! Dân Huế suốt đời vẫn là những đứa trẻ thơ mỗi lần nhớ Huế, nhớ những kỷ niệm đã thiu thiu ngủ trong ký ức và trên quê mẹ của mình.

Xa quê, rủ nhau ăn một tô bún bò Huế nấu bằng heo Mỹ, bò Anh, ruốc Tàu, bún Nhật... Miếng ăn có thể khác nhau vì ngon hay dở, nhưng nỗi nhớ quê nhà thì vẫn hiu hắt giống nhau trong cùng thẳm của mỗi tấm lòng. Bún bò Huế đã vượt sông Mỹ Chánh ra Bắc, vượt đèo Hải Vân vô Nam, vượt trùng dương sang Âu tới Mỹ. Giữa những phố phường xa lạ quê người, đọc trên một tấm biển của một tiệm ăn nào đó có ghi "Bún Bò Huế", người Việt tha hương nào mà khỏi thấy lòng mình ấm lại. Bún Bò Huế không còn là riêng của Huế mà hương sả nồng, vị ớt cay, mùi ruốc mặn đã thấm vào mạch đất quê hương và lòng dân tộc Việt đầy yêu thương nhưng cũng lắm đoạn trường chưa có ngày sum họp.

SỢ...

TRẦN THỊ DIỆU TÂM

Tới phiên tôi trình giấy thông hành. Anh công an ngước lên cầm giấy tờ, lại cúi xuống. Anh ta chăm chú những hàng chữ trong hộ chiếu, theo dõi những gì hiện ra trong chiếc máy vi tính, có lẽ thế. Ai mà biết được anh ta đang làm gì trong cái bàn đóng kín bưng như thế kia. Tôi thụt lùi ở lằn ranh chờ đợi và chú ý.

Da vàng tái, đồng phục xanh màu cứt ngựa, có lẽ sinh ra sau ngày ba mươi tháng tư, lớn lên trong thời *Đổi Mới, Cởi Trói*, nhưng trông anh ta thiếu chất béo, thiếu chất tươi của tuổi trẻ, lại gầy và có vẻ buồn. Mặc ai chờ cứ việc chờ, ai đợi cứ việc đợi, đây phải làm việc nghiêm túc, không nên vội vã. Tôi nhìn đồng hồ, kim chỉ phút di động đều đặn, anh công an bất động.

Từ ngày qua Tây, mình có viết mấy cái truyện ngắn vớ vẩn, chẳng chưởi bới gì ác liệt, thỉnh thoảng ức lòng nói cho vui vậy thôi. Tôi kiểm soát và nhớ lại, tập truyện đầu tiên có mòi xỏ xiên, nhưng nhằm nhò gì, những người khác chửi bạo mà cũng về đây năm lần bảy lượt, có sao đâu. *Các anh chị cần phải khai báo thành thật, chúng tôi nắm đủ tất cả lý lịch của anh chị* (trong một buổi họp tổ đầu tiên ở phường). Ừ mà, từ lúc viết báo, viết thời sự xứ Tây, thỉnh thoảng mình cũng ca tụng tự do, và mỉa mai họ chứ không sao. Nhưng mình đâu ký tên thật. *Chúng tôi biết rõ các hoạt động của anh chị lâu nay* (lúc bấy giờ tôi mặc áo bà ba ngồi bệt xuống nền đất ghi chú). Bộ nó biết bút danh của mình sao? Sức mấy! Chúng nó chỉ đánh đòn tâm lý.

Lẫn lộn chập chờn những hình ảnh thời còn là ngụy và thời ra nước ngoài trở thành Việt kiều, tôi chẳng biết mình là loại người nào để có một vị trí khẳng định vào lúc này. Muốn trở thành Việt Kiều Yêu Nước cũng không dễ, phải có tiền hoặc là nhiều bằng cấp. Hai điều kiện này tôi đều zê -rô. Vậy tôi là Việt kiều thứ dỏm.

Tôi lại tự vấn theo kiểu triết học: Tôi là ai? *Chị là người đứng bên lề xã hội* (lời của anh công an giải thích vị trí của tôi khi tôi bị bắt quả tang đem thuốc tây bán ở chợ trời năm nào.) Hiện thời, trong va- li có đem theo mấy cuốn truyện, trong đó có vài trang phê bình cộng sản sắc bén. Có thể bị ghép vào tội phổ biến sách báo phản động.

Anh công an nhìn lên bâng quơ, tôi giật thót mình. Nghe báo chí nói ở bên Cali, Việt Cộng nằm vùng không thiếu gì, biết đâu có bọn theo dõi các bài báo mình viết đăng bên đó chăng. Khi không nổi hứng mua vé về chơi, đi một mình, về lại nơi mình đã cố gắng đào thoát. Có lẽ đây là một thứ phiêu lưu, vì đời không phiêu lưu thì mất vui.

Chưa chi, tôi dự liệu làm tờ kiểm điểm trong đầu. Nhưng việc gì phải lo thế. Từ lúc ra khỏi nước, tôi trở thành một con người khác, mạnh dạn hẳn lên, cái gì cũng tự lo liệu, đến đâu tôi cũng xi lô xi la với Tây đòi hỏi quyền lợi tỵ nạn, quyền lợi di dân. Cửa công cửa quyền nào tôi cũng pha hết. Việc gì mà sợ kia chứ. Con học bị ở lại lớp vì kém chữ Pháp. Mẹ cũng không khá tiếng Pháp hơn con, nhưng tôi cố xin hội đồng giáo sư khoan thứ cho nó lên lớp kẻo trễ thêm một năm. Trong căn phòng hơn mười vị, chẳng hiểu tôi nói năng ra làm sao, mà cả phòng họp im lặng phăng phắc lắng nghe, nước mắt tôi bỗng dưng ứa ra khi kể lại nỗi khổ cực mười mấy năm với Cộng sản, làm sao con tôi có thể so bì với điểm chuẩn con người ta ở bên này lâu nay. Thế là được chấp thuận cho con lên lớp ngay. Từ đấy tôi thấy tự tin hơn, mình có thể hoàn tất những việc khó khăn ở ngay xứ sở xa lạ này.

Tôi mở túi xách, kín đáo nhìn xấp tiền lẻ mang theo, định lượng phải chuồi bao nhiêu

để thoát khỏi sự khó dễ của công an, nếu xảy ra. Tôi không biết xảy ra cái gì, nhưng chắc chắn không tốt. Cũng không bao nhiêu, mặt mũi non choẹt thế kia, chắc chưa biết ham tiền . Nhưng chuồi sao cho kín đáo, không bị người khác, công an bên cạnh thấy. Đáng lý ngay lúc đầu mình bỏ tờ 10 euro trong sổ thông hành là tiện, anh ta mở, cho tay gấp lấy dấu vào áo. Tôi sẽ được ra khỏi phi trường nhanh hơn. Đứng đây lâu, ngại bỏ mẹ.

Nhưng gần 20 năm xứ, tôi quên hành vi chuồi tiền. Mình là một đứa ngu ngốc. Một tờ mười đồng, khỏi phải ưu tư chột dạ, khỏi kiểm điểm lục soát quá khứ, hiện tại. Chỉ cái việc đứng như trời trồng hồi hộp chờ cái gật đầu cho phép bước vào nội địa, cũng héo gan thắt ruột.

Cái chi chớ cái màn chuồi tiền, tôi sành mười câu vọng cổ, chứ không phải sáu câu. Nhưng lâu nay bên Tây tôi không được hát vọng cổ. Sao hồi nãy, thằng Tây trước tôi được xét nhanh thế.

Lát nữa mình phải cúi đầu cám ơn anh ta chứ, hay là mỉm cười duyên đây? Thôi bà ơi, bà già khú đế rồi nhé, cười duyên chẳng ai mê, đây chỉ mê có tiền. Nhưng nhỡ anh công an mới ra trường, có người yêu bỏ anh lấy Việt kiều, thù Việt kiều, mình lại mang tội hối lộ vì đem tài liệu cấm, thì bỏ mẹ đời tôi.

Cứ thế tôi lan man nghĩ chuyện này tới chuyện nọ. Nghĩ đến cái xấu nhất sẽ xảy ra (kinh nghiệm của thời sống với cộng sản), tôi sẵn sàng đưa địa chỉ ông anh chồng ở đây, dù bực mình, chắc anh ấy phải lo cứu gỡ cho cô em dâu mới đến Hà Nội lần đầu chứ. Tại sao nghĩ đến những điều xui xẻo như vậy. *Không biết không sợ, càng biết càng sợ* .

Nhưng, may mắn làm sao, tôi thật là người có phúc, vì ăn ngay ở lành, không làm điều gian ác, tôi không hề lừa gạt tiền bạc ai, ông Trời có mắt, do đó anh công an gật đầu đưa giấy thông hành cho tôi đi qua khỏi cửa khẩu kiểm soát, lấy hành lý ra về. Linh hồn tôi bay bổng thênh thang, và thấy mình đúng là một người Việt Nam đích thực, chân chính. Tôi cầm lấy sổ thông hành màu nâu, lẹ làng bước khỏi. Quên luôn lời cám ơn anh công an.

Vài ngày ở Hà Nội, trong một căn nhà khang trang ngay phố. Người nhà dặn dò tôi, đi đâu cô đừng nói là từ bên Pháp mới về nhé, cứ bảo ở trong Nam ra chơi lần đầu. Tôi thấm mệt. Tại sao chị lại lo lắng như thế. Chị sợ nếu biết, họ sẽ tha hồ chém tôi thẳng tay giá cả. Thì lâu lâu cho họ có được thêm chút tiền mà chị. Chị không trả lời. Dù không nói gì với một ai, nhưng cái gì tôi cũng mua đắt gấp đôi.

Tôi dấu bén chuyện tôi viết văn viết báo, điều tôi thường hãnh diện với bạn bè bên Tây (vì không có nghề nghiệp chuyên môn nào, nên xin mượn hai chữ nhà văn làm nghề nghiệp cho lé con mắt.) Sau khi ra cuốn sách đầu tiên, người ta gọi tôi là *nhà văn*. Tôi cảm động và ngượng ngùng sung sướng lắm. Nhưng bây giờ, khi nghe họ giới thiệu mình như thế, tôi cảm thấy họ chế nhạo, vì có khi mình viết ba xạo, chứ văn viếc gì. (Nhưng bài này tôi viết đúng như cảm xúc thật của tôi, xin độc giả hãy tin như thế). Tôi hay bị chứng dị ứng nó hành hạ, người ta dị ứng với lá với hoa, mình dị ứng với rất nhiều thứ trong đời, thuốc nào cũng không chữa khỏi. Vậy mà từ lúc viết lăng nhăng, bệnh bớt nhiều.

Gia đình tôi ở Hà Nội là những công bộc của nhà nước ta, ai nấy đều không ưa loại người viết lách. Nhất là người viết ở nước ngoài về, ưa bày chuyện. Họ cũng sợ những điều tôi hỏi, nên tôi không muốn hỏi. Ngày và đêm tiếng còi xe réo lên liên tục không ngưng nghỉ, bóp còi là một hiện tượng đặc thù của Việt Nam, từ Bắc vào Nam. (Bên Tây mỗi khi có đoàn xe đám cưới, họ mới nhấn còi để chia vui với khách qua đường). Nơi quê hương này, âm vang tiếng còi xe xuyên suốt cả một chiều dài lịch sử nước ta. Cho nên sá gì chiều dài của những ngày đêm tôi ở Hà Nội, Sài Gòn.

Nếu lái xe mà không bóp còi, thì xem như đời mình vô nghĩa. Bóp còi là tín hiệu của sự sống, của sự tồn tại, của sự hiện diện ngày hôm nay, trong giây phút này đây. Bóp còi là một cái tôi, không bóp còi là tôi mất tiêu, là tôi chết. *Tôi bóp còi, vậy tôi hiện hữu.* Sau khi suy nghĩ về tiếng còi xe như thế, tôi mới thông cảm cái hành động bóp còi liên tục, liên tu bất tận suốt ngày đêm của dân ta.

Tuy nhiên những ngày đầu tôi sợ, cứ giật mình liên tục, nghĩ mình sắp bị xe tông. Chẳng lẽ đời tôi bị hai lần xe tông sao. Lấy chồng hai lần còn lành lặn, chứ xe tông qua lần thứ hai thì bộ xương sườn của tôi sẽ nát bấy. Mỗi lần đi qua đường, thấy tôi co người tránh, họ bảo cứ đi liều.

Tuy nhiên có một thứ âm thanh êm ái nhẹ

nhàng lắm: *Cốm đây, ai ăn cốm Vòng đây*, tiếng rao trong trẻo làm người đang ngái ngủ chợt mở con mắt, lắng tai nghe ngóng. Chị bán cốm hẳn là duyên dáng, còn trẻ. Tiếng rao lướt qua nhanh, chiếc xe đạp hàng cốm đi xa. Giọng rao như đánh thức lại lời nói ngọt ngào êm ái năm xửa năm xưa.

Em như cốm xanh, câu nói của nhà tôi dạo nào mới quen nhau khi tôi mặc áo luạ màu xanh non. Sao dạo ấy nhà tôi nói năng thơ mộng thế nhỉ. Sau mấy mươi năm vợ chồng, cốm xanh nay thành cơm nguội khô, ăn vô gãy răng giả.

Cái món ăn tôi thường ao ước nhất khi được đến Hà Nội là món Bún Ốc, đàn bà ai chả mê bún ốc. Riêng tôi cái gì có bún là mê. Tôi hỏi thăm cửa hàng bún ốc nào ngon nhất, người ta đưa tôi tới một quán bên vệ đường, vừa bẩn vừa chật hẹp, nhưng các cô các bà đông nghẹt. Hẳn là ngon. Tôi khoái ngồi ăn ở những quán xập xệ bình dân. Nồi ốc bưu béo ngậy sôi sùng sục, hấp dẫn đáo để, tôi bắt chước gọi ốc ăn chấm riêng. Ăn được vài miếng, tôi lo đứng dậy trả tiền, chưa thưởng thức hết vị ngon, vì bị các cô chen lấn dành chỗ. Mùi ốc luộc thoang thoảng mùi bùn tanh. Về nhà, lại được ăn món đậu phụ làng Mơ chấm mắm tôm ngon tuyệt. Các thứ tuyệt hảo ấy trộn lẫn nhau, trở thành đoàn lính vi khuẩn đánh thuê tấn công ruột gan tôi dữ dội. Tôi phải kháng chiến suốt mười ngày tiêu chảy. Cho đến mãi bây giờ, nghĩ đến các món bún ốc, mắm tôm, tôi rùng mình, tay chân lạnh.

Hôm ở Sài Gòn, có bà bác mời tới nhà ăn cơm trưa. Nhà ở trong ngõ hẻm quanh co, trước đây căn nhà rất mát, nay bị thụt lùi và che lấp do những tầng lầu. Tiếng động chát chúa dội từ bức tường bên cạnh. Bác phân trần, nhà bên cạnh lại lên lầu nữa, họ làm từ sáng cho đến đêm để tranh thủ. Bác phải khiếu nại ở phường chứ, ban đêm cho hàng xóm nghỉ ngơi. Mình thấp cổ bé miệng nói ai nghe. Đang ăn, bỗng nghe tiếng đổ xuống một viên gạch ở trước nhà. Con chó con đang nằm ngoài sân kêu oẳn lên một tiếng, chạy biến vào gầm bàn run lập cập. Gia chủ chạy ra la ơi ới, này mấy chú đừng làm ăn bừa bãi thế nhé, gạch rơi xuống có ngày đè chết người ta. Không thấy ai trả lời, bác vào nhà ăn tiếp, lại phân trần. Cháu biết không, báo chí vừa đăng tin có một gia đình ban đêm đang ngủ, bỗng dưng bị đè chết vì nhà bên cạnh đang

TRẦN HUY SAO

O HUẾ CHỪ ĐÂY

Anh là trai Nam bộ
Về Huế phải lòng Em...

em hiểu lòng anh hồi mô chớ bộ
đợi hôm ni mới hỏi. Thiệt vô tâm
có biết rứa là làm em bực lắm
té ra anh chưa hiểu Huế ngọn ngành!

chưa hiểu hết lòng em O Đồng Khánh
thì làm răng anh đòi Huế thương yêu!
còn dám nói rằng là em khó biểu
khó chi mô? Răng trách tội rứa nờ!

giận thì giận mà nghĩ rồi không nỡ
tự vì anh khéo nhắc chuyện ngày xưa
chuyện lâu rồi em không còn nhớ nữa
mà răng anh nhớ rứa! Giỏi chưa tề!

trái bắp nướng đã lạc đời dâu bể
tóc thề xưa cũng ngắn bớt hơn nhiều
miếng kẹo mạch nha ngọt lạt trăm chiều
e bánh tráng cũng giòn, khô dễ bể

em biết là anh nặng tình với Huế
giú lâu ghê, chừ mới thốt ra lời
O mắt Huế, liếc anh, anh cũng rõ
ướm lòng em, anh hỏi lại mần chi !

xây cất, đập phá làm sụp xuống mái nhà người ta.

Tôi kín đáo nhìn lên trần nhà, ăn vội hơn. Chưa kịp ăn món tráng miệng chè hạt sen tươi, tôi xin kiếu từ vì phải ra bến Bạch Đằng đi Vũng Tàu. Đến bến tàu, còn sớm hơn một giờ, *tàu cánh ngầm* chưa cập bến. Nhưng ngồi chờ nơi đây, dễ chịu và an ninh hơn ở nhà bà bác. Biết đâu đang ăn, có khi gạch ngói ập xuống, u đầu vỡ trán, đời tàn trong ngõ hẹp, bảo hiểm không đền tiền.

Tôi chẳng hiểu tại sao loại tàu chở khách này có tên gọi như thế, nghe nói nó chạy nhanh, bớt nửa thời gian của xe đò từ Sàigòn –Vũng Tàu. Đa số hành khách là người đi công tác việc nước, hay du khách nước ngoài, giá cả khá cao. Để tránh việc di chuyển trên quãng đường xa bằng xe hơi, tôi đi tàu biển cho an toàn.

Khi tàu cánh ngầm đưa tôi ra đến cửa biển, tàu chòng chành ngừng lại tắt máy. Mọi người thắc mắc, 15 phút sau cô hướng dẫn nói vào máy, có sự cố kỹ thuật, xin quý khách vui lòng chờ đợi. Chờ hơn mười lăm phút nữa, máy lại nói, tàu không thể sửa chữa được, quý vị sẽ chuyển qua tàu khác, chúng tôi đã gọi. Chờ tàu khác đến cứu cũng mất gần 20 phút, nếu đi xe đò đến sớm hơn. Tàu cánh ngầm tiếp tục chòng chành trên sóng. May chiều nay không có gió lớn, một người nói. Không sao, mình không thể chết trên biển, mình biết bơi. Tôi nhìn chiếc phao cấp cứu, chắc chắn không đủ cho mỗi người một cái. Mấy chiếc phao chỉ để trang trí cho vui mắt. Bây giờ tôi có thể định nghĩa tên gọi tàu cánh ngầm: là tàu có máy móc hỏng ngầm bên dưới. Vì tôi mua luôn vé khứ hồi cho chắc ăn (giống như ở bên Tây) nên khi về cũng phải đi cánh ngầm. Chiếc phao cấp cứu hình tròn xoáy vòng trong hai con mắt buồn ngủ.

Và rồi đến ngày trở về lại Pháp, tại sân bay Tân Sơn Nhất, anh công an kiểm soát giấy thông hành, thiếu mất tờ giấy khai hải quan. Tôi không nhớ nó nằm ở góc nào trong va-li, bây giờ làm sao lục tìm. Anh công an bắt đầu khó dễ. Chỉ còn một mình tôi cuối cùng. Tờ mười đồng âu kim chuồi nhanh, thôi xin anh làm cho tờ khác. Âu kim màu tươi hơn mỹ kim (vì cao giá hơn), do đó anh công an không cần nói thêm lời nào nữa. Ngó trước ngó sau, anh ta cúi xuống làm lại giúp tôi ghi chú lẹ làng. Tôi nhớ có lần ở phi trường Los Angeles, cũng quên như thế, nhưng người kiểm soát không làm khó. Tôi là người rất cẩn thận, có thể nhớ từng chi tiết nhỏ nhặt về chuyện không đâu, nhưng chuyện cần nhớ thì lại quên. Nhà tôi nói, tại cẩn thận quá nó thế đấy.

Qua khỏi thủ tục kiểm soát đầu tiên, đến trạm đóng thuế ra khỏi nước (thuế gì kỳ cục thế không biết) bằng đô la. Rồi lại trạm kiểm soát khác, mấy cô công an nhìn giấy tờ, hỏi tôi về Sàigòn ở đâu. Rắc rối thêm, hai cô chứ không phải một, cùng nhìn vào giấy thông hành và tờ khai hải quan mới. Tờ khai khi «*đến*» đâu ? Tôi nói bỏ quên trong hành lý gửi đi rồi. Hai cô đồng phục cứt ngựa nhìn nhau. Tôi thấy lạnh, không biết lôi thôi gì nữa đây. Chị từ đâu về ? Bộ không thấy thông hành Pháp hay sao mà hỏi lôi thôi (câu này tôi chỉ dám nói thầm). Nếu chuồi tiền thì bao nhiêu, tôi thấm mệt vì phải suy nghĩ như thế, lỡ có một cô không chịu thì sao, sẽ cho rằng tôi gian lận điều gì đó. Tôi phải đứng khá lâu ở trạm kiểm soát này chờ được xử lý. Đi ra chứ đi vào đâu mà khó thế. Lại bị hỏi, tờ giấy mới này ai khai cho chị? Tôi nói người làm việc ở dưới kia. Thêm mấy phút hai cô do dự. Tôi moi hai tờ giấy, mỗi cô 10 đô la (rẻ hơn hai tờ 10 âu kim, tôi tính toán hơn thiệt), định chuồi. Nhưng may mắn làm sao, như đã nói, tôi là người không hề làm điều gian ác, trời đất cũng có mắt đặt để, có phúc có phần, tôi không cần phải tốn tiền. Hai cô gật đầu cho tôi bước ra cánh cửa. Tôi cười cám ơn, nhét tiền vào ví ngay. Cánh cửa ập một tiếng mạnh sau lưng, hồn viá tôi nhập vào thể xác.

Qua khỏi *Hãi Môn Quan* là xem như thoát khỏi biên giới Việt Nam. Người ngồi ở phòng trong kia là người trong sạch, không tỳ vết gian lận. Tôi ôm cái xắc tay thở phào, vừa mệt vừa ngán ngẩm. Mấy ngày ở Sài gòn, tim tôi tôi đập loạn xạ, đi đâu cũng hãi. Ở đây lâu có ngày e đứng tim, vỡ mạch máu.

Vẫn cứ sợ, vẫn cứ lo. Ngồi chờ máy bay, sốt ruột nhìn đồng hồ mãi. Tôi tìm đứng ở vị trí đầu tiên vào máy bay, khi lọt vào trong, thấy an toàn lạ lùng. Cảm giác này tôi đã gặp cách đây hai chục năm, cũng tại nơi phi trường này, ngày ra đi. Tôi tưởng với thời gian ấy, mọi cảm xúc đều tàn phai. Vâng, có nhiều tàn phai trong tâm hồn khi trở lại đây, nhưng nỗi sợ luôn luôn tươi máu.

Hai Đầu Mùa Hạ

TRẦN MỘNG TÚ

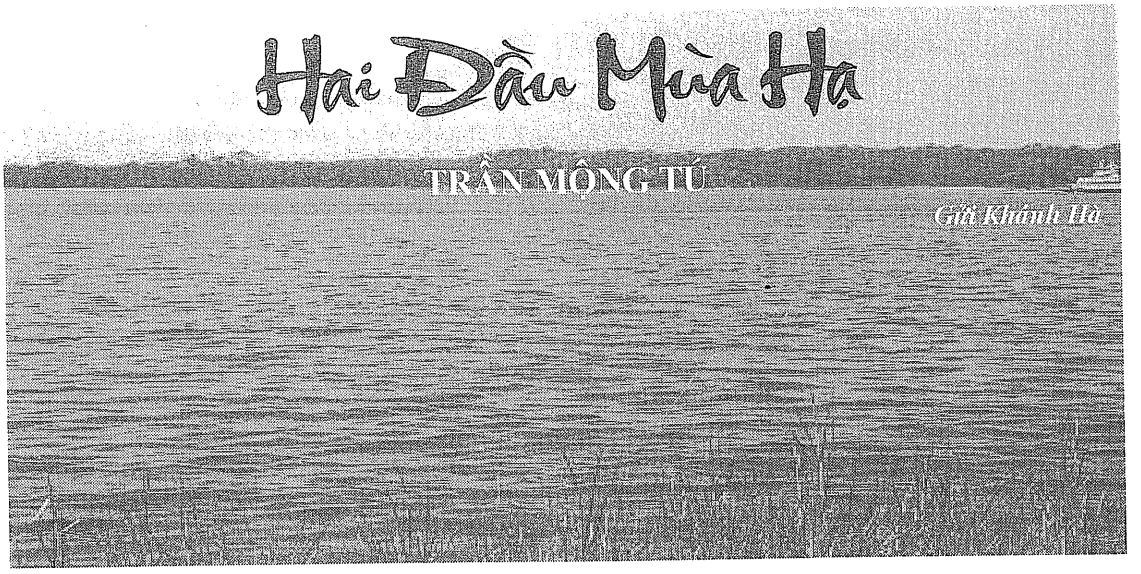

Ngôi nhà không lớn lắm, nó vừa đủ cho ta sự thoải mái nhưng vẫn không kém phần ấm áp, bàn ghế trong nhà mang mầu xanh dương đậm, màn cửa voan mỏng trắng có in lác đác những phiến lá cũng xanh. Đứng trong buồng khách nhìn ra ta chạm mắt ngay một phiến đá phủ những bông hoa tím hồng nằm ngang cửa vườn, phiến đá bề ngang đủ chỗ cho hoa mọc và cho người ngồi xuống ngắm hoa, bề dài của phiến đá kéo ra hơn một nửa chiều dài của mảnh vườn, bên cạnh phiến đá là đủ các loại hoa thay phiên nhau nở theo mùa. Nếu ta cứ đi tới, đi lui trong buồng khách, thỉnh thoảng nhìn ra ngoài vườn thì tảng đá đầy hoa sắc tím hồng ngoài kia như một con suối hồng bồng bềnh trôi, sân cỏ xanh phía bên kia con suối hồng làm cho ta có cảm giác đang đứng ở tả ngạn nhìn về hữu ngạn của một giòng sông nào rất mơ hồ trong ký ức.

Bây giờ bắt đầu mùa hạ, ở vùng khí hậu lạnh thế này, hoa uất kim hương còn nghiêng ngả trên những thân gầy, hoa thủy tiên vừa tàn, nhưng hoa mẫu đơn (peony) thì mới vừa ra nụ. Mảnh vườn cao hơn thềm nhà, nên khi ra vườn là bước lên vườn, mắt ta chạm ngay vào cây táo đang ra hoa trắng xóa ở góc bên trái, hoa táo luôn luôn cho ta sự mới mẻ mang sẵn những dịu dàng không biết từ đâu tới, ta chỉ thấy nó hiện diện và ta được hưởng ân sủng đó. Nắng tháng Sáu của miền Đông Âu vừa đủ để cho những bụi hoa cỏ trong vườn đua nhau chen sắc tím, xanh, vàng. Những bụi hoa cỏ không nhớ được tên mà thấy mầu sắc và hương thơm vô cùng gần gũi, chúng giống như những người bạn ta nghe tên khi nhớ khi quên, viết thư cho nhau qua khung cửa sổ điện toán, chưa hề gặp, chỉ hiểu nhau qua những bài viết, truyện và thơ.

Trong vườn chỗ này một gốc thông cao, chỗ kia một cây đào nhỏ, chỗ này bụi cúc, chỗ kia hoa leo. Chúng đứng chuyện trò với nhau thân ái. Ở một góc vườn bên phải thông mọc chi chít thành một một vòng đai xanh cho ta cái cảm tưởng ở đàng sau nó là cả một cánh rừng, xanh mầu cổ tích. Chiếc băng gỗ đặt dưới một cây táo dại có hoa đỏ thắm như một lời mời âu yếm.

Hai người đàn ông, một Âu, một Á thay phiên nhau cắt cỏ. Họ cho cái máy đi loanh quanh những gốc cây và những bụi hoa, họ đang tìm hiểu sự mầu nhiệm của hương cỏ thơm vừa mới cắt, cũng như sự kỳ bí trong tâm hồn của người bạn mới. Mỗi người là một thế giới riêng tư và mỗi người là hàng ngàn mảnh puzzles chắp lại, tìm được mảnh nọ, thì thiếu mảnh kia.

Thôi đừng tìm nữa, hãy cứ thưởng thức nhau ngay cái mảnh mình vừa nhặt được. Thỉnh thoảng tiếng máy cắt cỏ im bặt cho một cánh chim vụt bay ngang trên đầu họ, cả hai cùng nghiêng đầu lắng tai nghe, thánh thiện như nghe một điều gì rất mới lạ trong Tân Ước. Hai người đàn bà ở trong bếp vừa nấu ăn vừa thỉnh thoảng nhìn ra ngoài vườn. Tiếng bát dĩa chạm vào nhau, tiếng nước chảy, tiếng nói, tiếng cười. Tất cả thành một bài thơ tháng Sáu.

Cái tảng đá đầy hoa như một con suối hồng cứ trôi bềnh bồng trong đời sống hai người. Mỗi buổi sáng khi hai vợ chồng đứng song song múa bài Tài Chi, họ quơ tay nắm bắt lại thời gian trên từng nhịp chuyển động, khi họ ngưng tay lại, nhìn

chiếc va li xếp sẵn, đợi ở góc nhà. Họ có thể ra đi bất cứ lúc nào có tiếng gọi của một người bạn, hay máy bay xuyên lục địa vừa tầm tay. Họ bây giờ tự do như gió, bay theo những đám mây ngũ sắc. Thỉnh thoảng ngồi xuống viết tiếp một trang cho cuốn sách cuối đời, hay đọc một vài chương trong cuốn sách đang đọc nửa chừng. Tất cả những mời mọc khác không còn hấp dẫn với họ nữa. Cái tất bật của áo cơm khi các con còn nhỏ cũng đã xa rồi. Bây giờ cứ thõng tay bay theo đường chim bay đến thăm thú một nơi xa xôi nào đó trên trái đất để tìm thấy mình trong muôn ngàn hạt bụi đang bay.

Cái tảng đá đầy hoa như con suối hồng bềnh bồng trôi ngoài khung cửa kính

làm cho người khách từ xa tới thấy bâng khuâng, đứng dán mũi vào kính nhìn những cánh hoa li ti mọc tràn trên mặt nền đá, dưới chân tảng đá để lộ ra một mảng nâu xanh vững chãi như bờ vai của một người tình. Bất giác một nửa câu thơ cổ từ dĩ vãng bay về *"Thiếp như tố ti hoa."* Tố ti hoa là hoa nhỏ lắm, loại tầm gửi mong manh phải mọc vào thân chủ, tượng trưng cho phụ nữ của một thời rất xa xưa không còn áp dụng vào xã hội hôm nay nữa. Nhưng hình ảnh một cái tảng đá đẹp nằm vững chãi trong khu vườn nhỏ bên trên mặt đá phủ một lớp hoa, và chung quanh nó những cụm hoa khác đua nhau khoe mầu sắc, khoe hương thơm vẫn làm cho ta liên tưởng đến vẻ đẹp thiên nhiên rất giống với vẻ đẹp của con người, cái hòa hợp của nắng và gió, mạnh và yếu, âm và dương như một hiện thực rõ ràng.

Đứng trong nhà nhìn qua cửa kính, buổi sáng mùa Hạ mới như một vuông lụa bạch vừa được tung ra trên mặt hồ Sammamish. Ngày sáng lấp lánh nhìn thấy cả đỉnh lá trên cây phía dẫy núi bên kia hồ, dẫy núi nằm cong như một con rồng, lúc ẩn, lúc hiện tùy theo mùa. Những đám mây trắng rất mỏng uốn éo chung quanh ba từng núi xanh, rồi mới chao nghiêng xuống những cánh buồm trắng. Những chiếc thuyền buồm trên mặt hồ trong suốt mùa hạ, chúng giống như những đàn chim cánh trắng, lúc xà xuống, lúc bay đi. Không biết những cặp cánh trắng đó đến tự đâu và lúc nào? Chỉ biết thỉnh thoảng ra trước cửa nhà đã thấy chúng đậu trắng xóa một khoảng hồ, nhìn ngắm một lúc, đi vào làm một vài việc, nghĩ đến chúng, ra xem, mất hết. Chúng chắc đã đi vào ở khúc quành của ngã rẽ ba nhánh hồ phía đông nam chập lại. Một chiếc máy bay rất nhỏ, từ một góc núi nào bay ra ,thả hai chân ngâm mình xuống nước, đảo một vòng rồi lại cất cánh bay đi, nó chỉ như con chim nhà, bay quanh quẩn góc hồ này sang góc hồ khác, rồi lại đáp xuống cái mảng gỗ bềnh bồng thả nổi của một ngôi nhà trên mặt nước nào đó. Chiếc máy bay đi rồi, thì lại đến lượt một vài chiếc ca-nô xuất hiện. Nó không lặng lẽ như những cánh buồm trắng, có cái to hơn đi phăng phăng rẽ nước, bắn tung bọt nước và gây tiếng động, rạch một đường rạch trắng trên mặt hồ, rồi mất hút, không để lại gì. Nhưng những chiếc ca-nô nhỏ hơn một chút thì thật là ngoạn mục. Nó không lẻ loi, nó mang theo những thanh niên khỏe mạnh, đầy sức sống. Một hai người ở đầu lái, kéo theo một người khác đang đứng trên một miếng ván mỏng, cái thân hình săn chắc đầy ắp dưỡng khí trong lồng ngực đó chao nghiêng, đổ ngược theo cái đà trượt trên mặt nước do chiếc ca-nô điều khiển, vẽ trên nước những con trăn bạc ngang dọc mặt hồ. Cái hình ảnh một thanh niên sừng sững hiện lên giữa nền xanh lam của núi, ngọc bích của thông, hồ thủy của nước, mầu xanh, đỏ chấm phá của những ngôi nhà bên hồ, và cả một không gian tràn ứ mầu bình minh bao phủ "Đẹp quá!" Chắc thủy thần bên dưới cũng phải trồi lên chiêm ngưỡng.

Bức tường đá đằng sau nhà dựng đứng lên như một cái vườn treo, trên những hốc đá có một cây phong nhật nằm sát vào tường, mùa đông cho lá đỏ, những khóm sơn tùng nhỏ, hoa thạch thảo và rất nhiều loại hoa cỏ không thuộc được hết tên. Bên cạnh cái vườn treo này lại có một cái vườn bậc thang. Trước đây nó là một cái giốc đầy những cây dâu dại, mùa hạ cho bao nhiêu trái kèm với bao nhiêu gai. Bây giờ thành cái vườn nhỏ ba tầng, có hoa cúc, thược dược, hoa lan đất, thỉnh thoảng người làm vườn lại đem một loại hoa mới về, đổi cây này, sang chỗ kia, và chim ở đâu tha đến những hạt mầm hoang mọc lên những bông hoa li ti đủ mầu, mỗi cánh hoa trông như một nụ cười nhỏ, người làm vườn làm sao mà nỡ chối từ. Trèo lên hết ba bực vườn thì ta có thể nhìn bao quát cái hồ bên dưới. Những ngôi nhà chỉ nhìn thấy mái, dù trong đó có bao nhiêu tiếng cười, bao nhiêu giọt lệ chắc cũng đang tan ra cùng với mùa hè.

Thiên nhiên đã xóa mất cái ranh giới địa lý từ Đông Âu đến Bắc Mỹ, trong ta chỉ còn mùa hè với tảng đá, dẫy núi, mảnh hồ, khu vườn và những dòng chữ gửi vào một không gian tràn ứa bình minh.

(Tháng 6 Đông Âu-Tháng 7 Bắc Mỹ)

Nhật Ký Của Bốn Bàn Tay

TRANG CHÂU

1.

Thường thường người ta mất ngủ vì suy tư, vì lo lắng, mình tối nay không ngủ được vì sung sướng. Điều mình tin là có và chờ đợi từ lâu đã đến chiều nay. Vũ nói anh yêu thầm mình từ hai năm nay và đã đến lúc anh phải bộc lộ tình cảm của anh dành cho mình. Mình không rút tay lại khi Vũ cầm tay mình sau khi nói. Để yên tay mình trong tay Vũ là thay cho lời từ lâu mình vẫn muốn nói: "Em cũng yêu anh." Ánh mắt mừng vui của Vũ cũng như nhịp tim mình đập mạnh đánh dấu một ngã rẽ quan trọng trong liên hệ tình cảm của hai đứa.

Từ hai năm qua không riêng gì Vũ thầm yêu mình, mình cũng từ hai năm qua vẫn không quên ánh mắt của Vũ khi nhìn mình lần đầu tiên. Ánh mắt làm lòng mình xao xuyến và theo đuổi trí nhớ mình không nguôi. Mình cũng không hiểu vì sao giữa hàng chục đôi mắt đàn ông nhìn mình đêm hôm ấy chỉ có ánh mắt của Vũ gieo vào lòng mình cái cảm giác lâng lâng khó hiểu kia. Có phải vì tính mình thích êm ái hiền dịu mà ánh mắt của Vũ đêm hôm ấy đằm thắm quá đi chăng? Mình nhớ mãi lúc Vũ lại mời mình nhảy, mình đỏ mặt lúng túng thú thực.

"Xin lỗi tôi không biết nhảy!"

Vũ không tỏ gì phật ý, anh ngồi xuống chiếc ghế trống bên cạnh, nói vừa đủ cho mình nghe:

"Tôi cũng xin thú thực ban chiều mới vừa nhờ một anh bạn chỉ cấp tốc nhảy một điệu duy nhất, điệu Rumba. Và tôi đã tự nhủ tôi, tối nay chỉ đi mời khi gặp một đối tượng mà mình nghĩ không thể không mời hoặc nếu không mời sẽ không còn cơ hội để mời nữa hay sẽ không có dịp để gặp lại nữa. Nhìn thấy cô, tôi tự thấy tôi phải thu hết can đảm để cho mình một dịp may. Không mời nhảy được xin cô cho phép tôi ngồi tiếp chuyện."

Mình lại ấp úng:

"Xin cám ơn.... xin cứ tự nhiên."

Từ lúc đó cho đến khi tan buổi khiêu vũ, mình và Vũ không rời khỏi ghế ngồi. Mình tìm lại được vẻ tự nhiên và cảm thấy thích thú khi nói chuyện với Vũ, vì thế trước khi ra về, mình đã bằng lòng cho Vũ số điện thoại.

Nếu dành thời giờ để tìm hiểu nhau, để lắng nghe nhau, để tương trợ nhau là yêu thật sự thì phải nói đó chính là thứ tình yêu Vũ dành cho mình. Biết mình thích đọc sách, Vũ mua báo văn học dài hạn gởi biếu mình; biết mình không thích âm thanh huyên náo, Vũ mua tặng mình những đĩa nhạc thính phòng; nghe mình cảm ho, Vũ tự động kiếm bạn làm dược sĩ để mua thuốc mang đến cho mình uống. Không yêu không thể nào có những cử chỉ săn sóc ân cần và tế nhị như thế.

Nhưng tại sao Vũ không ngỏ lòng với mình sớm hơn? Đôi lúc mình muốn hét to vào tai Vũ: "Sao anh không nói? Sao anh không nói?" Lòng mình như trái chín muồi, chỉ còn chờ Vũ đưa tay hái.

Nhưng hôm nay Vũ đã nói, không những bằng lời, bằng ánh mắt, bằng nụ cười mà còn bằng bàn tay ấm áp của Vũ. Mình cảm nhận một cảm giác mới lạ. Mình bồi hồi khi nghĩ đấy là giác cảm khởi đầu của một chuỗi cảm giác sẽ mỗi ngày mỗi kích thích hơn khi Vũ mỗi ngày một thắt chặt vòng tay. Thích mà run quá, không dám nghĩ tiếp nữa. Chỉ mong sao Vũ cũng như mình, cả hai đều ý thức nếu gắn bó tâm hồn mang lại rung cảm cho thể xác thì gắn bó thể xác cũng sẽ không làm tan biến nét thanh tú của tâm hồn.

2.

Mình lén bắt gặp chị Kim Anh và anh Vũ hôn nhau dưới gốc cây phong sau vườn. Lạ quá, mình cảm thấy như vừa mất mát một thứ gì. Cái hôn đó chia rẽ tình chị em đi, hay làm anh Vũ mất đi cái thế một người con trai đến chơi nhà có hai người con gái? Không chỉ mất mát mà còn nghe chút gì nhoi nhói trong tim vì mình đâu có muốn như thế, mình còn muốn ngược lại nữa là đàng khác. Trong tiểu thuyết, trên màn ảnh và ngoài đời đã có thiếu chi trường hợp "tình chị duyên em." Thường thường cô em hay lấn lướt vì trẻ hơn, hấp dẫn hơn. Một vài trường hợp cô em kém may mắn nhưng cô chị cũng không may mắn hơn, chỉ có chàng trai là may mắn khi hái luôn một lúc cả hoa chị lẫn hoa em. Chị Kim Anh lớn hơn mình ba tuổi, chị 22, mình 19. Trong nhà ai cũng nói chị Kim Anh giống ba, còn mình giống má. Mình xem đó là một cách khen chị Kim Anh và chê mình. Vì giống Ba thì có sống mũi cao, giống má, mũi hơi hếch. Ai cũng khen chị Kim Anh có nụ cười tươi và đôi mắt đẹp. Mình có hai thứ hấp dẫn mà trong nhà lờ đi không đá động tới là ngực mình căng và mông mình tròn. Chị Kim Anh được nhiều người khen có dáng tiểu thư còn chẳng ai khen mình có thân hình khiêu gợi. Nhưng mình đâu cần người nhà khen, chỉ cần đám con trai vỗ tay huýt sáo inh ỏi khi mình lướt qua mắt họ là đủ. Để hấp dẫn lôi cuốn đàn ông, mắt môi làm sao sánh bằng ngực mông được.

Nhưng điều làm mình bực nhất là thiên hạ xì xầm nói mình là con nhỏ ích kỷ, còn chị Kim Anh là người rộng rãi. Sống, mình lo cho mình trước đã, có gì xấu đâu. Chị Kim Anh còn lên mặt giảng luân lý cho mình rằng ở đời cứ cho đi, đừng tính thiệt hơn, có ngày sẽ nhận, có khi còn nhận nhiều hơn những gì mình đã cho. Cám ơn chị, Thượng Đế thì em xin dành cho chị, cho mọi người, còn em, em chỉ xin sống cho em thôi.

Phải nhìn nhận anh Vũ thuộc loại thanh niên hợp nhãn với nhiều loại thiếu nữ. Cao trên trung bình, đẹp trai trên trung bình, lại ăn nói bặt thiệp, làm sao tiểu thư Kim Anh không chấm cho được? Nhưng con nhỏ sexy này cũng có quyền không thờ ơ chứ?

Dù dạo này mình thấy anh Vũ săn sóc chị Kim Anh công khai chứ không kín đáo như trước, nhưng cứ chờ xem. Cái hôn của hai người mà mình bắt gặp lại gợi cho mình một ý nghĩ hay hay. Nếu ngoài đôi môi, anh Vũ có thêm một bộ ngực căng phồng và một đôi mông tròn trịa, anh có thích hơn không? Mình nói thích chứ chưa nói yêu. Ai đi từ yêu tới thích chứ, mình, với đàn ông, mình chủ trương đi từ thích trước rồi mới đến yêu sau. Mình sẽ trắc nghiệm điều đó với anh Vũ khi dó dịp.

3.

Chắc phải nói cho Kim Anh biết chuyện này, nếu mình giấu là mình không thành thật với Kim Anh, mình giấu là mình đồng lõa, rồi không khéo một ngày mình còn là thủ phạm nữa không chừng. Mình là con người chứ đâu phải thần thánh mà không sa ngã? Nên ngừa trước là hơn.

Trưa nay mình gọi điện thoại lại nhà Kim Anh, gặp Kim Bông, Kim Bông trả lời chị nàng đang tắm và nhờ nhắn mình đến đón Kim Anh đi thư viện. Khi mình tới nhà, chỉ thấy một mình Kim Bông ra mở cửa với độc chiếc khăn lông quấn quanh người, tóc còn ướt. Nàng kéo mình vào nhà, khép cửa, tháo chiếc khăn lông vứt xuống sàn nhà, đứng trần truồng nhìn mình miệng chúm chím cười. Mình chưa kịp có phản ứng nào, Kim Bông đã sấn tới hôn mình, kéo tay mình áp lên ngực lên mông nàng. Nàng nói trong hơi thở đứt quãng:

"Anh Vũ tìm không ra mấy thứ này nơi chị Kim Anh đâu!"

Phải mất cả phút mình mới lấy lại được bình tĩnh. Mình đẩy Kim Bông ra và nói nhỏ:

"Kim Bông từng làm thế chị Kim Anh buồn."

Nói xong mình đẩy cửa không ngoái đầu lại, bước nhanh ra xe. Bây giờ ngồi nghĩ lại, mình giận mình quá! Tại sao mình có thể phản ứng chậm và yếu ớt thế? Có quả thật mình bủn rủn khi cọ xát với thể xác của Kim Bông? Có thể như

vậy lắm, cho nên đó là điều đáng sợ, cần phải lo tránh. Nếu mình im lặng, Kim Bông sẽ xem như một sự ưng thuận và sẽ tái diễn hành động, biết đâu lần sau sẽ táo bạo hơn. Phản ứng chậm và yếu ớt của mình sẽ được hiểu như là báo hiệu cho một sự bỏ ngõ hay hưởng ứng trong lần kế tiếp.

Nhưng phải nói cách nào cho Kim Anh tin và không mảy may nghi ngờ; nói cách nào để giữa hai chị em không xảy ra xung đột và hận thù? Mình còn lo thêm nếu Kim Bông ranh mãnh sẽ kể trước chuyện này cho Kim Anh nghe rồi đổ thừa chính mình xâm phạm nàng thì Kim Anh sẽ biết tin ai? Người đàn bà nào cũng có thể nghĩ thân thể họ cũng như thân thể người đàn bà khác là nơi người đàn ông tìm đến để hoặc tôn thờ hay sa ngã.

Trong tình thế này, mình nghĩ xin hỏi cưới Kim Anh và ra ở riêng là giải pháp tốt nhất.

4.

Vũ kể hết chuyện Kim Bông cho mình nghe. Mình ngạc nhiên vừa phải. Mình ngạc nhiên trước sự bạo dạn của em mình nhưng ngạc nhiên vừa phải vì gần đây mình thấy Kim Bông thay đổi tính tình rõ rệt. Nó trở nên gay gắt với mình và đi đứng có vẻ lẳng lơ mỗi khi thấy Vũ đến. Không biết Kim Bông có rõ Vũ và mình đã chính thức là tình nhân của nhau chưa? Mình chưa có dịp thổ lộ chuyện này với Kim Bông. Tuy chị em, nhưng vì tính tình hai đứa khác nhau quá, nên ít khi mình tâm sự với Kim Bông về những điều riêng tư. Nhưng mình nghĩ Kim Bông đã đoán biết, biết mà vẫn phá, phá vì ganh tức hay vì Kim Bông cũng yêu thầm Vũ?

Vũ đề nghị là hai đứa xin gia đình cho tổ chức lễ hỏi và đám cưới ngay trong năm. Thoạt đầu mình thấy ý kiến hay nhưng suy tính lại, mình thấy nên chờ thêm hai năm nữa, chờ cho Vũ ra trường, mình cũng ra trường, hai đứa lúc đó không còn lệ thuộc vào tài chánh của gia đình nữa. Mình nói với Vũ mình hoàn toàn tin tưởng Vũ. Mình đâu còn cách nói nào khác hơn? Hai năm với thử thách hiện nay cũng là thời gian cần thiết để đo lường tình yêu của Vũ đối với mình.

Với Kim Bông mình sẽ giữ thái độ im lặng, coi như Vũ không nói gì với mình, không biết chuyện gì đã xảy ra. Trong gia đình, quả thật Kim Bông thua mình nhiều thứ: Mình học giỏi hơn, đẹp hơn, ngoan hơn, do đó được gia đình cưng hơn cho nên mình cảm thông sự ganh tị của Kim Bông. Mình biết Kim Bông không thương mình nhưng mình, mình vẫn thương em mình, lúc nào cũng muốn làm điều tốt cho Kim Bông để bù đắp những gì em mình thua thiệt. Ngay cả việc, một việc mà mình hy vọng sẽ không xảy ra, nếu Kim Bông chiếm được cảm tình của Vũ, mình sẽ đau khổ nhưng sẽ không hận thù.

5.

Kim Anh bàn với mình nên chờ hai năm nữa. Nàng có lý, không nên vì chuyện Kim Bông mà mình phải cấp tốc hỏi cưới. Hơn nữa chờ đến khi hai đứa có nghề nghiệp vững chắc, đời sống vật chất sẽ bớt đi nhiều lo lắng. Nhất là mình lại là con nhà nghèo, vội vã hỏi cưới còn bị nghi là đào mỏ.

Đối với Kim Bông, mình lúc nào cũng muốn xem nàng như một cô em vợ, nên mình tự thấy có chút bổn phận lo lắng cho tương lai nàng. Kim Bông đang sống có phần nào buông thả, sống hơi ỷ vào sự giàu có của gia đình. Mình thấy có thể giúp Kim Bông, đồng thời cũng là giúp mình nữa, bằng cách giới thiệu cho nàng một người quen của mình. Một người hiện nay dưới mắt mình, mình thấy thừa điều kiện để giới thiệu cho Kim Bông, đó là Phiên. Phiên cũng con nhà giàu, học giỏi lại có vẻ đứng đắn, tiếc là mình không thân lắm, nhưng cũng sẽ kiếm cách ngỏ ý xem sao.

6.

Chiều nay Vũ mời mình đi uống cà phê. Mình hơi ngạc nhiên vì Vũ đâu thân với mình, gặp nhau ở giảng đường thì bắt tay chào hỏi chứ chưa bao giờ cùng đi ăn nhậu hoặc ngồi uống cà phê nói chuyện học hay chuyện đời. Nhận xét về Vũ mình chưa có gì để nói, đương sự chưa làm gì tốt cho mình để mình nói tốt, cũng chưa làm gì xấu cho mình để mình nói xấu. Duy điều đề nghị chiều hôm nay thì mình đang đánh giá để xem có là một điều tốt không? Vũ có ý muốn giới thiệu Kim Bông, em gái của Kim Anh cho mình. Tiếng tăm của hai chị Kim này không chỉ riêng mình biết mà hầu hết các sinh viên ở Campus đều biết. Kim Bông được biết như một cô gái bốc lửa, chịu chơi. Còn Kim Anh được mệnh danh là một Natalie Wood Việt Nam, nhờ nụ cười tươi tắn của nàng. Điều oái oăm Vũ không biết, người mình chấm bấy lâu nay không phải Kim Bông mà là Kim Anh. Nhưng âu cũng là một dịp tốt để quen biết cả hai nàng, còn chọn ai thì thuộc thẩm

quyền của mình. Trong ý hướng đó, mình cám ơn Vũ và nhận lời đề nghị của Vũ.

7.

Anh Vũ mời chị Kim Anh và mình đi ăn tiệm. Hôm đó có thêm một anh bạn của Vũ tên Phiên. Anh này trông cũng không tệ, nghe nói con nhà giàu và học giỏi. Mình hiểu ra ngay anh Vũ định giới thiệu Phiên cho mình. Quan niệm sống của mình bây giờ, với đàn ông, chỉ là bạn hay bồ chứ không là chồng. Mình thích nhiều đàn ông tự ràng buộc vào mình chứ mình không muốn tự ràng buộc vào một người đàn ông. Mình cần mình chứ không cần người; mình muốn sống vội nên muốn có tất cả. Mình đã định cho mình một cái mốc thời gian: đến 25 tuổi mình sẽ ngừng lại, lúc đó mình, hoặc sẽ nghĩ đến việc chọn lựa một người đàn ông, nghĩ đến một gia đình hoặc cũng có thể mình sẽ tiếp tục sống như đã và đang sống khi cái gọi là tổ ấm mình vẫn thấy mình sẽ bị gò bó ở trong. Mình thích đàn ông ở nhiều khía cạnh cho nên khó có người đàn ông nào hội đủ tất cả khía cạnh đó. Tuy nhiên mình thấy tương đối hội đủ nhiều khía cạnh trong một người đàn ông vẫn là anh Vũ. Mình sẽ giữ liên lạc với Phiên, giữ để có cơ hội đi chơi chung, để có thể gặp Vũ một cách tự nhiên mà không bị sự nghi kỵ của chị Kim Anh.

8.

Đi ăn với ba người về, mình nhận thấy Vũ và Kim Anh đang là những người cùng tầng số. Mình có cảm tưởng giới thiệu được Kim Bông cho mình, hai người yên tâm hơn. Nhưng mình cũng nhìn ra Kim Bông không mấy dễ thương với chị mình nàng cũng không nhìn Vũ như ông anh rể tương lai của mình. Phía mình, mình cũng không để lộ ra Kim Anh chính là bóng mát trong tâm hồn mình. Với Kim Bông, mình sẽ đóng vai người tình lơ lửng, hợp cho mình mà cũng có thể hợp cho cả Kim Bông. Nàng chỉ cần mình như vậy, mà mình, mình cũng đâu mất mát gì.

9.

Tiết lộ của Phiên làm mình rúng động. Mình không biết nên xem những thố lộ của Phiên là những lời vu khống hay là những lời nói xấu. Vu khống là nói dối có sắp xếp còn nói xấu là nói quá độ về một sự thật. Phiên thú nhận là Vũ giới thiệu anh cho Kim Bông cốt để che mắt mình. Phiên nói Kim Bông đã kể cho anh rằng Vũ đã có lúc đến nhà lúc vắng mình và ôm hôn Kim Bông. Kim Bông còn nói Vũ rất thích nét khêu gợi của nàng.

Mình tự hỏi Phiên mang chuyện đó ra nói với mình có chủ đích gì? Để chia rẽ mình với Vũ, để muốn mở mắt mình ra trước một sự thật phũ phàng hay vì một ẩn ý riêng tư nào khác? Mình yêu Vũ nên tin Vũ nhưng trong tình cảm đâu ai biết được chữ ngờ. Đàn ông có khi là một sức mạnh, có khi lại là một sự yếu đuối; có khi cao thượng cũng có khi nhỏ nhen. Trong mỗi người đàn ông đều có một con thú nhỏ nằm im đâu đó.

Nhưng mình cũng nên cẩn thận vì mình chưa biết rõ con người của Phiên. Chỉ nên căn cứ vào những hành động có kiểm chứng chứ không nên căn cứ vào những lời nói, nhất là những lời học lại để phán xét. Mình vẫn sẽ giữ im lặng. Mình không nên, vì nao núng mà nêu lại vấn đề hỏi cưới với Vũ, đặt lại lúc này là như gấp gáp muốn tranh thắng với em gái mình. Mình để Vũ, nếu tình yêu Vũ dành cho mình vẫn trọn vẹn, vẫn trong sáng, tự Vũ, Vũ sẽ giữ Vũ cho mình.

10.

Quả thật Kim Bông làm mình sửng sốt. Không thể ngờ Phiên có hành động phản bạn như thế. Kim Bông cho mình hay Phiên chịu quen nàng là vì muốn có cơ hội để dễ dàng đi lại nhà để làm quen Kim Anh mà thôi. Kim Bông còn kể Phiên nói với Kim Anh rằng mình đã nhiều lần làm tình với Kim Bông, và Kim Bông xác nhận. Kim Anh đã giận dữ tra hỏi nàng chuyện đó nhưng Kim Bông đã cáu kỉnh trả lời không ai có quyền chất vấn đời sống riêng tư của nàng.

Phiên nói dối với mục đích gì? Phiên thừa biết rằng lời nói dối không thể mãi mãi nằm yên trong bóng tối được. Phiên nói dối cốt cho Kim Anh hoang mang, ngờ vực mình để lợi dụng thời cơ? Nhưng mặt khác tại sao mình không nghĩ chính Kim Bông dàn dựng lên mọi chuyện để tạo mâu thuẫn giữa Kim Anh và mình, giữa mình với Phiên? Kim Bông đã bạo dạn chứng tỏ nàng muốn gì mình rồi. Bây giờ tốt hơn hết không nên phân trần gì với Kim Anh, vì đôi khi trong một hoàn cảnh phức tạp, càng phân trần càng gieo thêm ngờ vực.

Mình tin Kim Anh đủ sáng suốt để phân biệt hư thực, biết đánh giá lời của Kim Bông lẫn của Phiên. Mình chỉ ân hận, chưa tìm hiểu kỹ Phiên mà đã giới thiệu Phiên. Khi làm công việc này, mình hy vọng gỡ rối không ngờ sự xuất hiện của Phiên làm rối rắm thêm. Nhưng từ rối rắm này, mình rút ra được một nhận xét: Trong tình cảm, không ai thấy mình sai trái cả; trong tình cảm, mỗi người sống với một thứ đạo đức riêng của mình.

MỘNG LÀM QUAN

Tạp ghi của

SƠN DIỆM VŨ NGỌC ÁNH

(Tiếp theo và hết)

Trên báo chí và các sách vở trong thời kỳ này, chuyện quốc gia, dân tộc chẳng bao giờ được đề cập tới, hoặc, nói một cách thẳng thắn hơn, là chẳng ai có gan dám đụng tới . Trong "Đoạn tuyệt," tiểu-thuyết luận đề của Nhất Linh, nhân vật Dũng thực sự là một nhân vật như thế nào, tác-giả chẳng bao giờ nói rõ thân thế, hoặc không dám rõ ràng hơn, mà để người đọc tự tìm hiểu hoặc muốn hiểu sao cũng được, tuỳ ý.

Chuyện "chính chị chính em" thời đó phức tạp khó khăn là như thế, mà làm chính trị thì lại càng phải kín đáo hơn nữa nên những lớp trẻ thuộc thế-hệ chúng tôi hầu như chẳng lãnh hội được gì nơi các bậc đàn anh quá thận trọng và kín đáo này, để rồi bị lóa mắt bởi những cám dỗ quỷ quái của cái bả vinh hoa phú quý hạng bét do thực dân quăng ra để nhử các tầng lớp thanh thiếu niên thuộc giai cấp nghèo, tiểu tư-sản hoặc con cái công chức thời đó (những năm cuối thập niên 30 vă đầu 40) là những thằng học-trò dại dột và khờ khạo như phần đông chúng tôi, ngày ngày cắp sách đến các trường cao-tiểu học tỉnh, trường Thăng Long, trường Gia Long, trường Đỗ Hữu Vị, trường Trung-học Bảo-hộ (Bưởi), trường Lycée Albert Sarraut v.v. để được nghe giảng về văn chương, lịch sử và địa lý nước Pháp, và các thày Ý, thày Sáu, thày Độ, thày Chính, thày Đường v,v, giảng văn chương và lịch sử Việt Nam bằng tiếng Pháp (kể cả thày Võ Nguyên Giáp trường Thăng Long cũng không ngoại lệ).

Công bình mà nói, có lẽ nhờ được học các môn văn-chương Pháp, lịch-sử Pháp, địa-lý Pháp, công-dân Pháp nên những thằng học-trò A-na-mít da vàng mũi tẹt như chúng tôi đã được dạy khá kỹ về những vấn-đề quốc-gia, dân-tộc, dân chủ, cách mạng v.v. mặc dù ở đây "Tổ tiên chúng ta là người Gaulois" và lòng yêu Nước (Pháp) chẳng khác gì những con dân nước Pháp chính cống.

Những bài thơ ái quốc hoặc đề cao những hy sinh cho đất nước (dĩ nhiên là nước Pháp), chẳng hạn như bài "Le son du cor" (hay "Le cor de Ronceveaux" vì lâu ngày nên không nhớ rõ), hay những bài thơ của Victor Hugo nói về những người lính thời Premier Empire v.v. thường làm cho chúng tôi rất xúc động. Cho nên ngay từ mấy năm cuối cùng của Đại Thế-chiến II, khi phong-trào giải-phóng các dân-tộc bị trị bắt đầu nhen nhúm tại các xứ thuộc-địa, với cái cái vốn "Ma patrie, la France," "Les Gaulois, nos ancêtres" thiệt dỏm và vô duyên kia, những người trẻ Việt Nam đã ý-thức được ngay cái ý-nghĩa và ảnh-hưởng trọng-đại của nó, nhờ đó họ đã kịp thời thích ứng với thời cuộc để đáp lại tiếng gọi của chính đất nước thân yêu của mình...

Tuy nhiên đâu ai có thể ngờ là trước đó chưa đầy bốn năm, trong đầu óc của những kẻ đi học lúc nào cũng chỉ lớn vởn hình bóng một người áo xanh. Không phải là người đẹp với chiếc áo dài xanh tha thướt. Cũng không phải là hình ảnh anh chàng Tư Mã áo xanh lãng mạn trong khúc "Tỳ-bà hành" chan chứa lệ giang hồ, bởi vì bài hành rất nổi tiếng của Bạch Cư Dị chẳng ăn nhập gì tới giấc mộng của lũ học trò Việt Nam cách đây sáu, bảy mươi năm, mà là hình ảnh một ông quan huyện trẻ đội khăn đóng, mặc áo gấm màu xanh lam, đeo bài ngà, rất oai phong và trịnh trọng trong ngày lễ phát bằng Tri-huyện tại amphithéâtre số 1 trường Đại-học Luật khoa Đông Dương trên con đường Dobillot trang nghiêm rợp bóng mát. Cho nên người ta đã không lấy làm lạ khi một nhà văn thuộc-địa Pháp đã quyết đoán là "trong bụng của mỗi người a-na-mít đều có một ông quan."

Làm quan kể ra sướng thiệt dù chỉ là một ông tri huyện quèn trị nhậm tại một huyện lẻ quê mùa, tức là một chức vị hành chánh ngang với chức quận trưởng ở miền Nam trước 75. Nhưng làm quan huyện đối với dân chúng thời xa xưa đó, không rõ là có béo bở hơn không, nhưng chắc chắn là oai phong hơn ông quận trưởng thời dân chủ cộng hòa rất nhiều. Sức thu hút quỷ quái của

quan trường chính là ở điểm này vậy.

Trước hết, quý vị thử nghĩ coi, ông huyện chỉ phải khúm núm bẩm báo với ông công sứ Tây và mấy ông quan An-nam đầu tỉnh, nhưng khi về tới huyện thì ông là ông vua một cõi, cởi trên đầu trên cổ hàng bao ngàn người, có lính lệ và mấy ông thừa, ông ký hầu hạ và phục dịch ngày đêm. Dân chúng trong huyện, già trẻ lớn bé, các hàng tổng lý cũng như lê dân, mỗi lần gặp ông đều phải chắp tay cúi rạp chào: "Bẩm quan lớn."

Nói đến bổng lộc, quan huyện có lẽ dễ kiếm chác hơn cả mấy cụ Thượng, cụ Tuần trên tỉnh. Hằng ngày lý dịch và dân chúng mấy chục làng mỗi khi có việc thay phiên nhau lên huyện tìm cách đi cửa trước hoặc cửa sau để lễ lạt hoặc hối lộ quan huyện . Cửa sau thường lợi hại hơn, nhất là trong trường hợp được tử thủ bởi chính áp-trại phu-nhân. Trừ phi quan chê ít, ngoài ra quan huyện chẳng bao giờ làm phiền lòng ai bằng cách bắt người ta phải năn nỉ mình nhận "một chút gọi là của vi-thiềng." Có quan huyện hễ thấy phong bì hay xấp tiền đặt trước mặt ông chỉ đơn giản hỏi có một câu rất vắn tắt và chỉ có hai chữ, vâng, đúng vậy, chỉ có hai chữ mà thôi: "Gì đây?" Rồi như không cần câu trả lời, sẽ gạt chiếc phong bì hoặc xấp tiền vào ngăn kéo rất nhanh, nhẹ nhàng, tỉnh bơ và "thiện nghệ" như máy vậy. Không hiểu khi người ta ví "miệng quan, đít trẻ" có phải ngụ ý ông quan hay ăn bẩn nên miệng ông quan lúc nào cũng dính chút ít của quý giống như đít đứa trẻ con ị suốt ngày, hoặc ngụ một ý gì khác, thú thực là cho tận tới ngày nay tôi vẫn chưa hiểu rõ ý nghĩa xác thực.

Ông tri-phủ cuối cùng vùng tôi ăn bẩn một cách thần sầu hơn nhiều: Tháng ba đói năm Ất dậu, (1945), theo lệ ông thường chỉ ra ngồi công đường mỗi buổi sáng, ngoài ra ông xoa mạt chược tối ngày sáng đêm trong tư-dinh, trong khi đó, sai nha của ông đi lùng một cách hết sức mẫn cán các kho thóc lúa giấu nhà nước mà không chịu khai báo.

Như mọi người đều đã biết, vào hai năm cuối cùng của Thế-chiến 2, Pháp và Nhật bắt dân miền Bắc phải nộp cho chúng tất cả số thóc lúa dân chúng thu hoạch được để nhà nước quản lý. Ai vi phạm lệnh này sẽ bị phạt tù rất nặng. Việc này đã gây nên nạn đói tháng ba Ất dậu, làm cho gần hai triệu dân miền Bắc bị chết đói.

Mỗi lần bắt được một kho thóc bất hợp pháp, bọn sai nha phủ tôi làm biên bản tịch thu tại chỗ. Nếu khổ chủ biết điều năn nỉ, nghĩa là bằng lòng hối lộ quan tri-phủ một số tiền ít nhất là tương đương với giá bán chợ đen của số thóc bị tịch thu, quan phủ sẽ bỏ qua chuyện này, và khổ chủ sẽ không bị giải lên tỉnh để chờ ngày ra toà lãnh án, đồng thời được giữ lại số thóc gạo để nuôi gia-đình khỏi bị chết đói. Nhờ giữ lại được một số thóc gạo nên các khổ chủ và gia-đình của họ đã không bị chết đói, cho nên bà con chẳng những không giận ông tri-phủ mà còn khen ông là một ông quan "nhân đạo" nữa. Thành ra, có lẽ nhờ ông tri-phủ biết ăn hối lộ một cách thần sầu như thế, nên không giống như ở các vùng chung quanh, một số các tiểu điền chủ vùng tôi năm đó thoát được nạn chết đói.

Vấn đề ông tri phủ ngồi xoa mạt-chược suốt ngày với bất cứ hạng người nào cũng không phải là một chuyện "cờ bịch" bình thường, bởi vì mỗi khi bạn có chuyện khó khăn bạn có thể nhờ người giới thiệu xin được hầu mạt chược với quan phủ, để rồi nhờ dịp đó bạn có thể giải quyết vấn-đề với quan phủ, miễn là bạn phải biết đánh ra thế nào để quan phủ có thể phỗng và ù lia lịa những ván thực lớn. Các tổng lý muốn lấy lòng quan phủ cũng thường xử dụng khổ nhục kế "cố ý thua bạc" này. Thành ra, ông phủ tuy ăn hối lộ tối ngày, sáng đêm, chẳng những được tiếng là nhân đạo mà lại còn được khen là một ông quan dễ dãi và bình dân nữa. Cách ăn tiền của ông phủ thần sầu là ở chỗ đó.

Một ông quan huyện nho nhỏ, ngoài bổng lộc, nếu khéo chạy chọt, bợ đỡ quan trên, ngạch trật và phẩm hàm sẽ lên nhanh vù vù. Thí dụ một ông huyện mới được bổ thường phải tập sự ít nhất là hai năm, sau đó mới được lên chính ngạch hạng tư, rồi hạng ba v.v. Đó gọi là ngạch trật. Ngoài ra còn có một cái "sướng" đặc-biệt khác là mỗi khi lên ngạch trật, thăng chức hay có công lao đặc biệt các ông quan còn được triều đình (thực tế là nhà nước bảo-hộ) ban thêm phẩm hàm. Một ông huyện mới ra lò đi tập sự thường được ban thưởng Hàn-lâm Biên tu, tòng thất phẩm. Khi lên tới tri-huyện hạng tư ít nhất cũng được Thị Giảng học-sĩ, tòng lục phẩm. Trên nguyên tắc là như vậy, nhưng nếu có vây cánh thế lực hoặc khéo chạy chọt, chức vụ cũng như ngạch-trật phẩm hàm sẽ được thăng mau hơn, cho nên tuy mới được lên tri phủ hạng tư cùng một đợt nhưng hàm của tôi là Thị độc học sĩ, chánh lục phẩm, trong khi anh chỉ là Thị giảng học sĩ, tòng lục phẩm mà thôi. Lý do là trước đó tôi đã một lần có công hoặc làm việc tốt (hay khéo chạy chọt, chuyện này nào ai

biết?) nên được thăng thưởng đặc biệt.

Nhân tiện cũng xin giải-thích rõ hơn về các phương diện chức-vụ ngạch trật và phẩm hàm của một quan lại hoặc công-chức thời Pháp đô-hộ. Hãy đơn cử trường hợp một ông quan tri-huyện trị-nhậm tại một huyện trung châu Bắc-Việt. Chức vụ của ông là tri-huyện, thuộc ngạch hành-chánh Bắc-kỳ (phân biệt với ngạch tư-pháp), đã qua thời-gian tập-sự, vừa được thăng (tức lên chức) tri-huyện hạng 4 (trật), hàm hàn lâm thị-giảng, tòng thất phẩm. Hàm có nghĩa là một chức danh-dự và chức này thường chỉ có ở trong triều. Trong trường hợp ông tri-huyện hạng bốn trên đây, được chính-phủ Nam triều ban cho chức vị danh dự Hàn-lâm Thị giảng, tức một chức quan nhỏ phục vụ tại Hàn Lâm Viện. Về phẩm thì trên nguyên-tắc có chín bậc. Thấp nhất là cửu-phẩm, cao nhất là nhất phẩm. Nhưng vì mỗi bậc lại có tòng và chánh (tòng thua chánh) nên trên thực-tế phẩm có tới 18 bậc (thấp nhất là Tòng Cửu phẩm, cao nhất là Chánh Nhất phẩm).

Muốn giật được cái Nhất phẩm phải là Thái-sư, Thái-phó, Văn minh điện Đại học-sĩ, Cần Chánh Điện Đại học-sĩ hay ít nhất cũng phải là Tổng đốc, Thượng thơ, Cơ mật viện đại-thần trở lên. Ngoài sự phân-biệt giữa tòng và chánh, về phương-diện phẩm còn có sự phân biệt giữa văn và võ nữa. Thí-dụ: tuy cùng Chánh Tứ phẩm, nhưng tại triều-đình hay chốn đình trung, vào những thời Nho học thịnh, ông quan võ bao giờ cũng phải nhường chỗ ngồi trên cho ông quan văn.

Ở kinh đô Huế, các quan đông hơn lợn con. Ngoài các chức vị cao cấp có tính cách hành chánh như Đốc bộ (tương tự giám-đốc), Tổng tài (tương tự Tổng giám đốc),Thị-lang (tương tự tổng-thơ-ký, đổng lý văn phòng tại các bộ ngày nay), Tham tri (tức thứ-trưởng), còn có hàng trăm chức vụ cao cấp hoặc trung cấp khác tàm việc tại các nha, phủ, viện. v.v. Một vị quan lớn, sau mấy chục năm bôn ba chốn quan trường hoặc cho tới khi về hưu, các chức vụ và phẩm hàm (hoặc phẩm tước, nếu là đại thần) có thể kê đầy một trang. Trung bình thì có thể tạm lấy thí dụ bảng kê các chức tước (thường được ghi trên bài vị) của một vị đại thần danh tiếng nhất của vùng tôi là Thượng thư Phạm Thận Duật:

Phạm Thận Duật
Cố mệnh Đại thần Vinh Lộc Đại phu
Thụ Hiệp biện Đại học Sĩ
Bắc kỳ Khâm sai Đại thần
Lĩnh Hộ bộ Thương thơ
Lĩnh Hình bộ Thượng thơ
Sung Cơ mật viện Đại thần
Kinh Diên Giảng quan
Quốc sử quán Phó Tổng tài kiêm quản Quốc Tử Giám
Sung Khâm sai Bắc kỳ Đại thần
Phó Đô Ngự sử viện Đô sát
Sư Bảo Dục Đức đường và Chánh Mông đường
Sư bảo Kiên Giang Quận Công phủ
Khâm sai hà đê sứ
Bắc ninh Tuần phủ

Trên đây tôi chỉ tạm kê những chức vụ quan trọng nhất của ông mà thôi, nếu như kê hết có lẽ phải mất cả trang giấy. Và chắc chắn thời nay không có tấm danh thiếp nào được kê nhiều chức tước như thế.

Cũng vì Huế là kinh đô, từ trong thành nội ra đến ngoài có quá nhiều quan chức lớn cũng như nhỏ, nên có sự lạm phát trong vấn-đề ban phát các phẩm hàm. Do đó, dân gian nếu có tiền cũng có thể vận-động mua được quan chức, phẩm hàm. Ở các vùng quê, ta thấy có rất nhiều những ông Hàn ông Cửu thuộc loại hàn mua cửu chạy này. Vào thời này, tại kinh đô Huế, việc mua bán và ban phát phẩm hàm quá dễ dàng, hầu như là một kỹ-nghệ vậy.

Cho nên người ta không lấy làm lạ khi thấy mấy anh kéo xe, nấu bếp hoặc đơn giản là người nhà của các quan lớn đều có cửu phẩm, và một đôi khi có cả bát phẩm nữa và một anh thợ may chuyên may quần áo cho các quan Tây được thưởng hàm Hồng lô tự khanh. Các ông cửu, ông hàn thuộc loại này nhiều khi cũng rất hách dịch xì xằng, nhất là mấy ông cửu "bếp" hoặc cửu "kéo xe" của các nhà quan lớn vì thế đã xảy ra nhiều chuyện thiệt là tếu hoặc cười ra nước mắt chẳng hạn như chuyện cậu Nguyễn Hữu Giảng, con trai độc nhất của Thượng thư đầu triều Nguyễn Hữu Bài bị một "ông cửu" kéo xe công khai bợp tai trước cửa chợ Đông Ba.

Cậu Giảng du học Pháp mới về, ít ai biết mặt, một hôm ra chợ Đông Ba chơi, đứng lớ ngớ thế nào mà rồi vấp đạp lên càng chiếc xe kéo gọng đồng của phu nhân một vị đại-thần. Mặc dầu chiếc xe không bị hư hại, nhưng không cần biết phải trái, ông "cửu kéo xe" nhà quan nắm cổ cậu Giảng bợp luôn mấy cái tạt tai. Cậu Giảng vốn hiền lành nên không hề chống cự, vội bỏ về nhà vì

xấu hổ. Mặc dầu cậu Giảng, vì thể-diện, không dám hó hé nói năng gì với ai về câu chuyện cậu bị một anh "cửu-phẩm kéo xe" hành hung, nhưng khi biết được chuyện, chính vị đại-thần đã phải đích thân tới phủ quận công xin lỗi cậu Giảng và phủ quận công (cụ thượng Bài lúc đó đã được tước phong Phước Môn Công). Ngay sau đó anh kéo xe bị đuổi và hàm cửu-phẩm bá-hộ của anh cũng bị tước luôn.

Sau đây là một chuyện tếu khác. Có ông nhà giàu kia đãi tiệc ăn khao vì mới mua được chức Hàn lâm Đãi chiếu. Giữa tiệc rượu một ông khách ngà ngà say nói đổng cố ý cho chủ nhân nghe thấy: "Ơi chao ôi, các cụ ơi! Hàn lâm cũng năm bảy đường Hàn lâm, chứ cái loại Hàn Lâm 'giải chiếu' kia có gì là quý hóa hay ho, ai có chút tiền còm mà chẳng mua được. Thế mà thiên hạ cũng bày đặt ăn khao, ăn khiếc? Rõ rởm đời! Ớ ông Hàn ơi là ông Hàn! Thiệt đúng là 'Hàn nồi'! Hàn 'giải chiếu'!"

Chủ nhân nghe thấy, mặt đỏ tía tai, hầm hầm chạy lại hất đổ mâm cỗ rồi choảng chiếc mâm lên đầu ông khách. Ông này cũng không vừa, cầm chai rượu đế mới vơi nửa chừng bổ lên đầu ông "Hàn," máu me chảy đầm đìa. Tất nhiên tiếp sau đó là màn ăn vạ. Cả hai cùng ăn vạ. Cả hai cùng vừa rên và vừa la: "Ới làng nước ôi, nó giết tôi!" Riêng bà con thì được một mẻ cười thiệt hả hê, và cũng từ đó, câu chuyện trở thành một trong những chuyện khôi hài đen thú vị nhất trong làng tôi và rồi từ trẻ con tới người lớn ai cũng biết mấy chữ "hàn nồi," "giải chiếu" tai hại kia từ đâu mà ra.

Có lẽ quý vị cũng muốn biết hàn-lâm là cái chức gì. Triều Nguyễn bắt chước luật pháp và các định-chế nhà Thanh, theo đó, văn-phòng soạn thảo các chiếu, chỉ nhà vua được gọi là Hàn Lâm viện (không có nghĩa như chữ Hàn-lâm viện dịch từ chữ Anh *Academy* hoặc tiếng Pháp *Académie*.)

Các quan được bổ vào làm việc trong Hàn Lâm viện đều là những tay hay chữ. Chức Hàn lâm có nhiều bậc. Cao nhất là Hàn lâm Thị Độc, thấp nhất là Hàn lâm Đãi chiếu, rồi tới Hàn lâm Biên Tu v.v. Hai chữ "giải chiếu" là do hai chữ "Đãi chiếu" mà ông khách kia cố ý đọc trệch ra để mỉa mai và chửi xéo ông chủ nhà hám danh kia vậy. Đây chẳng những là chức Hàn lâm thấp nhất, mà cũng là chức Hàn-lâm hầu như độc nhất mà dân gian có thể bỏ tiền ra mua để được bàn dân thiên hạ gọi mình là "ông Hàn." Cái cay độc của hai chữ "giải chiếu" là ở chỗ công việc "giải chiếu" cho các quan viên ngồi mỗi khi hội họp hay ăn uống là cái công việc coi như hèn hạ của một con người vai vế thấp nhất trong làng, tức anh mõ.

Tiếp theo và ở bên trên các chức Hàn lâm, trong Triều còn rất nhiều chức-vị đặc-biệt khác mà ta chỉ thấy có ở trong triều mà thôi, chẳng hạn như Thị-giảng Học sĩ, Thị-độc Học sĩ, Hồng lô Tự-thiếu Khanh, Hồng lô Tự Khanh, Hiệp-biện Đại học sĩ, Trung nghị Đại phu, Vinh lộc Đại phu... Đông các điện Đại học sĩ, Văn Minh điện Đại học sĩ, Cần chánh điện Đại học sĩ , các Sư bảo, Thái sư, Thái phó, Thái tử Thái bảo v.v. và v.v. Vì các chức vị trên đây là những chức vị chỉ có ở trong triều đình, làm việc cạnh hoàng-đế, lại có hạn số, nên đã được dùng làm những chức vị danh dự gọi là hàm để ban thưởng cho các quan khác ở trong triều cũng như trị nhậm tại các địa phương.

Tại làng xã, các hàng tổng lý (chánh tổng, lý trưởng v.v) có công hay thâm niên cũng thường được thưởng cửu-phẩm (dân-gian thường chỉ được cửu phẩm hoặc cao lắm là bát phẩm mà thôi, nhưng trường hợp này rất hiếm). Nếu có tú-tài thì cái cửu-phẩm của ông tú sẽ là cửu phẩm văn giai. Nếu không có đỗ đạt gì thì cửu phẩm của quý vị sẽ là cửu-phẩm bá-hộ. Thời Pháp thuộc, điều-kiện "phải là tú-tài" được thay thế bằng "từ bằng sơ-học yếu-lược trở lên." Và những ai có bằng tú-tài Pháp (Bac.Métro) hoặc Bản xứ (Bac.Local) đương nhiên được coi như có cửu-phẩm văn-giai. Nếu trong làng không ai có phẩm hàm cao hơn, ông Tú hay cậu tú kia sẽ được bàu làm tiên-chỉ, chức vị danh-dự cao nhất trong làng.

Mỗi khi làng có hội hè đình đám, theo nguyên tắc ông tiên-chỉ một mình ngồi chiếu nhất tại chốn đình trung, trong khi đó anh mõ làng cũng một mình một chiếu, nhưng là chiếu cuối cùng (một mình một cỗ vì anh là người chức vị thấp nhất, không ai thèm ngồi với anh mõ). Làng Văn Hải (Kim Sơn, Ninh Bình), quê ngoại của tôi, cũng như các làng khác ở Kim Sơn, là một làng duyên hải rất mới, từ xưa tới nay người làng chẳng có ai là khoa bảng hoặc làm quan, nên năm đó, sau khi đậu tú-tài Pháp (Bac. Métro.) cậu tôi mới 22 tuổi nghiễm nhiên được coi như có cửu-phẩm văn-giai, được bàu làm tiên-chỉ (tất nhiên phải có ăn khao trước đó) mặc dầu các ông cửu, ông bá trong làng có cả đống, nhưng họ đều là cửu-phẩm bá-hộ mà thôi. Trong số đó có ông cố ngoại và ông ngoại tôi nữa.

Tại thôn quê, thiên hạ rất coi trọng chuyện

chiếu trên chiếu dưới. Tại chốn đình trung, mỗi khi có hội hè đình đám, người ta kèn cựa nhau từng chỗ ngồi, từng đĩa xôi, từng cái chả chìa, từng miếng thịt lợn mông luộc nguội lạnh, nhiều khi đánh nhau đến bể đầu cũng chỉ vì chỗ ngồi hoặc thiếu một miếng xôi hay một miếng thịt kia. Do đó, chuyện phẩm hàm đối với dân quê, nhất là hàng tổng lý, hết sức quan trọng. Những tệ trạng này đã được hai tờ Phong hoá và Ngày Nay đả phá kịch liệt và gói gọn trong bốn chữ "tệ-trạng xôi thịt." Sự đả phá này phần lớn rất đúng, tuy nhiên cũng có một vài điểm có phần nào hơi bất công cần được xét lại. Khi nào tiện dịp, tôi sẽ đề cập tới vấn-đề này nhiều hơn.

Bên cạnh làng Văn Hải là làng Như Tân. Bác tôi, cụ phán H. là tiên chỉ. Bác tôi xưa chỉ có bằng Đíp-lôm (Cao tiểu-học), sau khi làm phán-sự sở Đoan (tức Quan-thuế) 25 năm, khi về hưu ông là phán sự Thượng hạng ngoại hạng (tột đỉnh của ngạch phán-sự), hàm Hồng lô Tự thiếu-khanh, chánh ngũ phẩm, nên giữ chức tiên chỉ một cái làng quê mùa kia là quá sức xứng đáng rồi. Ngay đối với huyện Kim Sơn thời đó, ngoài một ông bố chánh hồi hưu, có lẽ không có ai có phẩm hàm cao hơn ông bác tôi. Thế nhưng một ngày kia có một ông quản lính khố đỏ về làng ăn khao đòi giành chức tiên-chỉ của ông bác tôi. Dân làng ầm ầm phản đối, cho rằng một anh lính khố đỏ cầu bơ cầu bất tự đâu mò về làng đòi làm tiên chỉ là quá hỗn láo. Nhưng khi ông "quan" quản kia trình bằng cấp phẩm hàm của ông, người ta mới vỡ lẽ là ông ta không phải là vô lý khi muốn giành lại chức tiên chỉ của bác tôi, cụ Hường H. (Hồng lô tự thiếu khanh hoặc Hồng lô tự khanh [cao hơn] cũng đều được gọi là cụ Hường), bởi vì mặc dầu chỉ là chức quản (thượng-sĩ) nhưng ông hàm Tổng binh, tòng tứ phẩm, tức là cao hơn chánh ngũ phẩm của bác tôi.

Cũng chỉ vì chuyện chiếu trên chiếu dưới này mà hồi đó trên khắp bàn dân thiên hạ hầu như ai cũng ham phẩm hàm chức tước. Người ta tranh đua, kèn cựa, ghen ghét tới chửi bới và thù hận nhau vì những hư danh vô bổ đó.

Tôi biết có một ông cụ suốt ngày hầu như lúc nào cũng kể lể, phẩm bình chuyện chức tước, phẩm hàm của những người quen biết cũng như không quen biết, nào là "thằng" huyện con trai lão phán C. mới đi làm quan được mấy năm mà đã thăng tri-huyện hạng ba, hàm Thị độc học sĩ, chánh lục phẩm, nào là cụ Tuần B. về hưu được thưởng đệ nhị hạng Kim Tiền và đệ nhị đẳng Long Bội-tinh, hàm Trung Nghị Đại phu, chánh Nhị phẩm v.v. và tiếp theo đó là những những lời bàn hoặc nhận xét loại Thánh Thán như: "Thằngọ huyện kia lên mau chẳng qua tiếng Tây khá, vợ hắn lại khéo nịnh bợ luồn cúi nên được công-sứ tỉnh nâng đỡ, hoặc: cụ Tuần B. về hưu mà được đệ nhị hạng Kim-tiền, đệ nhị đẳng Long Bội tinh là hay quá rồi, nếu mà được chính phủ Tây ban cho cái Bắc đẩu Bội tinh như cụ Thượng Trần năm ngoái thì đẹp biết mấy, dù là ngũ đẳng cũng là oai lắm rồi. Khổ là cụ Tuần tiếng Tây kém, việc giao thiệp với Tây kém nên chẳng có ông Tây nào đỡ đầu. Thiệt đáng tiếc! Đáng tiếc!

Không biết tay thày giùi nào đã xúi hoặc tên thực dân Tây thâm độc nào đã bày đặt ra chính sách quan-lại hóa các chức-nghiệp đồng thời lập ra cái quy chế phẩm hàm dành cho công chức các ngành trong chính quyền ở hai xứ bảo-hộ Trung-kỳ và Bắc-kỳ, để mê hoặc hầu như mọi tầng lớp trong xã-hội Việt Nam chẳng khác gì một thứ ma tuý vô cùng lợi hại.

Thực vậy, ngày xưa dân ta ham làm quan phần nào cũng vì cái bả vinh hoa phú quý đó, một cái bả quỷ quái và ghê gớm làm cho người ta mờ mắt, quên mọi sự đời chẳng khác gì như bị ăn cháo lú, đến nỗi có một số kẻ có ăn học hẳn hoi mà suốt đời chỉ biết chạy theo cái bài ngà và bổng lộc phi nghĩa chẳng còn nhớ tới đất nước, liêm sỉ hoặc tình người là gì.

Mới chỉ có mấy chục năm mà đối với đại đa số quần chúng hồi đó những chuyện về phong-trào Cần vương, Đông Kinh Nghĩa Thục, Cai Vàng Yên Thế v.v. và ngay cả đến cuộc khởi nghĩa Yên Báy, các vụ nông dân nổi dậy ở Nghệ-Tĩnh v.v. đã là những chuyện hết sức xa xôi và nếu như có ai nhắc đến thì cũng chỉ coi đó như những sự kiện lịch sử như trăm nghìn sự kiện lịch sử xa vời khác, không dính dáng gì tới hiện tại .

Trong họ tôi có ông chú tham gia khởi nghĩa Yên Báy (tên ông là Nguyễn Minh Luân) đáng lẽ cũng bị ra toà một lượt với Nguyễn Thái Học như nhiều anh em đồng chí khác nhưng vì bịnh lao quá nặng, việc xét xử được tạm hoãn lại. Vốn bị bịnh lao lại bị tra tấn một cách dã man nên ít lâu sau ông đã chết tại nhà Hoả Lò Hà-Nội, người nhà chẳng ai dám đi nhận xác. Trong họ, trong làng thỉnh thoảng cũng có người còn nhớ nhắc lại chuyện "hội kín" này nhất là vụ lính khố xanh tỉnh và lính sen đầm từ Hà-Nội về vây bắt ông, nhưng không phải là để đề cao ông, trái lại như có ý muốn nêu cái biến cố ghê gớm đó như một

PHAN NHẬT NAM

những tưởng. . .

Những tưởng đầu đường thương xó chợ
Ai ngờ xó chợ chẳng thương nhau (*)
(*) Bùi Giáng ngẫm ra khi bị móc túi sau giấc ngủ đêm ở Chợ Trương Minh Giảng, Sàigòn, một buổi sau 1975.

1.
Những tưởng trời cao kia có mắt
Đâu ngờ trời nhắm mắt buông tay
Những tưởng em giai nhân tuyệt sắc
Nào hay đâu người ráo kiệt tính nhân
Cứ tưởng chết chuyển tiếp lần hiện sống
Hóa ra rằng chết là tận triệt tiêu
Thường vọng tưởng cuộc đời nầy vô hạn
Thật thấy ra chỉ bất tận khổ đau
Đêm biển biệt chụp bóng đen trùm lấp
Người về đâu nẻo vô ngạn mù khơi?
Rồi sớm mai lại cố bước lên đường?
...
Sống như thể cơn miên man mơ tưởng
Gượng lấy vui ngắn ngủi một vài canh
Chiều sẽ hết và đêm cùng phải đến
Ai giúp ai chia bớt chút buồn phiền
Vậy hãy nghĩ số phần không hy vọng
Cùng một lần thiên hạ hẳn tiêu vong
Nên cứ tưởng...
Hãy dài dài những tưởng
Tôi vời tôi chơi hết một vài chai
Còn mỗi tôi và cái ly không.

2.
Đại thắng mùa Xuân,
Bộ chính trị Hà Nội hoàn tất xong lần Miền Nam giải phóng.
Cô gái Hải Phòng vất tung quần lót,
nâng giá ái tình: Vạn rưỡi cụ Hồ đổi đúng một đô-la.

3
Thi sĩ kết vần buổi thanh xuân đương độ,
Chuyện văn chương thường chấm dứt cùng lần xong cuộc ái tình.
Chỉ con người tận Khổ
Sống mãi cùng Thơ.

4.
Anh chàng Meursault bóp cò súng vì ánh mặt trời nung sôi tròng mắt,
Cậu Raskonikov giáng tay hạ sát mụ cầm đồ bởi phẫn nộ siêu nhân.
Chỉ đảng ta,
Vâng chỉ đảng ta
Giành quyền giết người từ định nghĩa "nhân dân"!

5.
Giòng chữ viết tầm phào
Lời giảng thuyết man trá
Tiếng nhạc, câu hát nhảm
Ngập tràn chốn thế gian.
Khốn khổ thay phận người
Lậm mãi trò lừa dối
Buổi hài trường hí kịch
Lầy đặt giả triên tri.
Thiên Chúa bày giá rẻ
Phật Pháp bị nhân danh
Giọt nước mắt ô uế
Chen giữa nhịp cầu kinh.

6.
Tháng Sáu trong đời nói không nổi
Tháng Sáu trong đời hụt hơi thở
Tháng Sáu gớm ghê
Tháng Sáu căm căm
Tháng Sáu chết thật khi đang còn sống.

7.
Người hiểu được gì trong tuổi sáu mươi
Chiều ngày hè chớm lạnh bỗng dưng không thể biết
Những thắm thiết mới hôm qua nay hóa nên nhạt thếch
Và thấy ra rằng xe ngừng lại tại một ngã tư.

8.
Trăm năm bia đá thì mòn
Nghìn năm cảnh khổ vẫn là như xưa
Bao năm sau gãy ngọn cờ
Vẫn nguyên thống nhục mạc kỳ cuối xuân...

một sự liều lĩnh dại dột con cháu không bao giờ nên bắt chước.

Trong đầu óc chất phác và đơn sơ của dân quê vùng tôi thời đó hai chữ "hội kín" cũng như hai chữ "cộng sản" là những danh từ *taboo* thần bí và huý kỵ, gợi lên trong đầu óc đơn sơ chất phác của họ những gì thiệt ghê gớm được cụ thể hóa với hình ảnh của những tên lính lệ chuyên đi sục sạo trong dân gian, những tên lính sen đầm Tây to lớn, dữ tợn đánh người không tiếc tay, rồi quan tòa "áo đỏ," nhà Hỏa Lò, me-sừ Hà Nội, máy chém v.v. Có người lại nghĩ "hội kín" là những băng đảng bí mật, chuyên đi khủng bố và giết người không gớm tay.

Có một lần, trong khi bổn đạo đương xem lễ 4 giờ sáng tại nhà thờ lớn Phát Diệm, có người ngủ

gật ú ớ la sảng, làm cho một người khác cũng đương ngủ gật giật mình. Không hiểu tại sao, người này hoảng hốt kêu lớn: "Hội kín! Hội kín!"

Thế là cả nhà thờ, không cần biết nếp tẻ ra sao, ầm ầm hớt hải đè lên nhau bỏ chạy. Trong khoảnh khắc, nhà thờ vắng teo, chỉ còn lại vài ba người gan dạ ngơ ngác ngồi lại tiếp tục xem lễ dưới ánh sáng lờ mờ của mấy ngọn bạch lạp leo lét trên bàn thờ.

Nếu nói đến chuyện chết vì cách mạng, bên ngoại tôi cũng có người chết vì cách mạng nhưng trong một trường hợp ngược lại trường hợp Nguyễn Minh Luân. Ông này là chú họ mẹ tôi, tốt nghiệp trường Cao Đẳng Sư Phạm Đông dương năm ông 24 tuổi (cùng khóa với các cụ Hoàng Khôi, Vũ Hoán, Vũ Chứ v.v.), được bổ vào dạy học tại trường trung học Khải Định tức Quốc học Huế. Vì giỏi Pháp văn, ông được mời giúp thượng thư đầu triều lúc bấy giờ là cụ Nguyễn Hữu Bài soạn thảo các giấy tờ giao dịch với bên phủ Khâm, do đó được Phước môn Công đặc biệt chú ý và gả cô con gái út cho ông (1). Người thời đó đồn rằng công tử thứ ba của gia-đình họ Ngô cũng yêu thầm nhớ vụng cô, nhưng không được lọt vào mắt xanh nên thất chí, nguyện suốt đời không bao giờ lấy vợ. Vị công tử này là ai, chắc quý vị đã đoán ra. Tuy nhiên câu chuyện thiệt hư thế não, kẻ viết bài này, là hậu sinh, không dám bảo đảm.

Ông chú họ tôi sau đó được đặc cách bổ làm Án sát Nghệ An (là giáo-sư tốt nghiệp CĐSP Đông Dương, ông có hàm Đốc học, cũng là một chức quan tỉnh, nên việc cải dụng cũng dễ dàng) đúng vào thời kỳ Phong trào nông dân Nghệ-Tĩnh khởi nghĩa. Lúc đó hình như miền Trung chưa có các tòa án Tây, nên các vụ án chính trị tại miền Trung thường do các tòa án Nam ở mấy tỉnh lớn như Nghệ An, Quảng Nam... thụ lý, nhưng hồ sơ các vụ quan trọng đều do sở mật thám và toà công sứ Tây thành lập và quyết định tội trạng sẵn, các toà án của Nam triều cứ việc chiếu theo đó mà xét xử, kết tội và lên án (thường rất nặng, từ 15, 20 năm khổ sai cho tới chung thân hoặc tử hình).

Đối với một ông Án sát trẻ gốc nhà giáo mới ra lò lại nặng tình thần trách nhiệm thì những vụ án cách mạng này thường là những vấn đề hết sức khổ tâm và nan giải, nhất là đối với những vụ mà bên Tòa sứ đã đề nghị án tử hình. Đêm đêm ông thường quên cả vợ, thức khuya tới hai, ba giờ sáng để đọc và nghiên cứu các hồ sơ. Lúc nào cảm thấy buồn hoặc bí lối, không biết phải luận xét các vụ án ra sao, ông thường vặn máy hát nghe mấy đĩa ca Huế để tạm giải khuây. Hình như trước đó ông đã nhiễm bệnh lao, nay lại quá lo lắng, nên ông giữ chức án sát chưa đầy hai năm bệnh bỗng bột phát rồi qua đời ngay sau đó ít lâu, lúc ông mới 29 tuổi.

Thành ra, tuy chẳng làm cách mạng mà ông cũng chết vì cách mạng là như vậy.

Không biết ông ngày xưa có mộng ra làm quan hay không, nhưng theo như người trong nhà cho biết, vì sớm mồ côi cha, lại nhà nghèo nên ông đã chọn nghề dạy học để sớm có công ăn việc làm giúp đỡ mẹ và gia-đình. Có một điều lạ là cũng giống như thân phụ mình trước đó, ông làm quan chỉ được mấy năm và cũng chỉ thọ 29 tuổi. Cụ huyện ngày xưa đậu tú tài tại một khoa thi hương trường Nghệ. Nhà có hai anh em. Ông anh ra Phát Diệm theo cụ Sáu ngồi dạy học rồi lập nghiệp tại Lưu Phương, con cháu đầy đàn. Ông em chỉ có tú-tài nhưng mộng lớn nên vào Huế tìm cơ hội. Ông chơi đàn nguyệt rất hay nên trong khi cơ hội chưa tới xin được một chân nhạc công trong Đại nội và từ đó ông đã có thể xin được hoán chuyển thành tri huyện. Như đã nói ở trên, ông làm tri huyện tại một huyện nhỏ ở tỉnh Thừa Thiên chưa đầy hai năm thì qua đời và cũng thọ đúng 29 tuổi, để lại hai người con, một gái, một trai.

Câu chuyện trùng hợp trên đây kể ra cũng chưa hẳn là đầy đủ nếu không có đoạn tiếp mà tôi xin kể sau đây. Tuy là chuyện riêng trong gia đình nhưng vì tính cách khá lạ lùng của nó tôi xin phép được kể tiếp trong bài "tạp ghi" này.

Số là vào khoảng hơn mười năm sau, tôi thì học tại Collège de Vinh, quen gọi là trường quốc-học Nghệ, cậu ruột tôi thì làm tham tá quan-thuế tại Bến Thủy, cách thành phố Vinh 13 cây số. Giữa lúc đó, cậu tôi được lệnh thuyên chuyển ra Thanh Hoá. Ông cậu tôi vốn là bạn đồng khóa với các anh Trần Trung Dung, Nguyễn Văn Thư, bà Hoàng Thị Nga v.v tại Sarraut, là người Phát Diệm đầu tiên đậu Bac métro, cũng có mộng làm quan, nhưng vì gia-cảnh không mấy dư giả nên phải phá ngang thi tham tá quan thuế. Tuy không có cơ hội đi làm quan, nhưng hình như ông cũng rất lấy làm hài lòng về các phẩm hàm của ông, nào là Hàn lâm thị giảng, nào là Hàn lâm thị độc v.v. Mỗi lần gặp tôi, ông thường bàn tán về những chuyện lẩm cẩm này, nhưng vào lúc đó, dường như tôi cũng rất khoái nghe đề rồi đôi khi cũng có lời bình kiểu Thánh Thán.

Vào ngày chủ nhật trước khi đi Thanh Hoá, như để từ biệt, ông rủ tôi đạp xe đạp một vòng quanh thành phố Vinh. Khi đi qua tư dinh án-sát ở trong thành, ông chỉ cho tôi coi và đã kể lại câu chuyện và điểm trùng hợp trong hai cái chết của bố con ông án T. trên đây cho tôi nghe.

Mấy ngày sau, tôi tiễn cậu tôi đi Thanh Hoá. Chừng ba tháng sau, vào một buổi tối tôi đương cùng ngồi học chung với các anh em nội trú thì ông Tổng giám thị vào trao cho tôi một tờ điện-tín màu xanh: *Oncle* H. *est décédé cet après-midi!* Tôi tính lại thì thấy cậu tôi cũng qua đời đúng năm ông 29 tuổi, giữa lúc ông đương sửa soạn thi vào ngạch Kiểm-tra Quan-thuế (Contrôleur des Douanes & Régies). Có điều rất đáng tiếc và cũng đáng lưu ý là bố con ông án T và cậu tôi là ba người có ăn học và tương lai nhất họ từ xưa tới nay. Vào khoảng đầu thập niên 60, cái chết bất ngờ của cậu tôi bỗng dưng được ký giả Tô Văn (vốn người Thanh Hoá) kể lại một cách khá hấp dẫn trong một thiên điều tra rất ly kỳ về vấn đề thư của người Mường ở phủ Quảng (Thanh Hoá) với những chi tiết mà chính tôi cũng chưa hề nghe thấy nói tới bao giờ.

Người ta nói làm quan có số, mồ mả ông cha phải đắc địa. Vùng tôi không hiểu phong thuỷ ra sao, nhưng chắc không phải là Hành Thiện, vì đường khoa cử, công danh rất kém, xưa nay chưa từng có ai đậu cử-nhân, tiến sĩ, mà làm quan thì cũng chỉ có đến tri phủ hay bố chánh là cùng. Có lẽ một phần cũng vì các làng trong vùng tôi mới được thành lập vào khoảng giữa thế-kỷ 19, nghĩa là mới được chừng hơn một trăm năm mà thôi. Có người được đi làm quan, sau lên tới chức tri phủ, chỉ nhờ một lồng chim xanh.

Ông phủ này hình như gốc tu xuất, biết giăm ba câu tiếng Tây, chẳng có nghề ngỗng gì ra hồn, một hôm xách một lồng đựng bốn con chim xanh lên tỉnh lỵ Ninh Bình tìm công ăn việc làm. Trong khi chưa biết đi đâu để kiếm việc, ông ngồi lớ ngớ ở trước cổng chợ. Tình cờ bà đầm vợ công sứ Tây dắt chó và con đi qua. Thằng Tây con thấy lồng chim xanh mê quá nằng nặc đòi "măng măng" mua cho bằng được nhưng ông nhà quê kia gàn bướng kia nhất định không chịu bán, mặc dầu bà đầm chịu trả tới một đồng bạc, một số tiền khá lớn vào thời đó (lương thông ngôn một tháng chỉ có bảy đồng). Hỏi gặn tại sao không chịu bán, ông cho biết định đem chim đi biếu để xin việc. Bà đầm cười: "Cái gì chứ chuyện đó dễ ợt, hãy xách lồng chim theo tao." Không hiểu bà đầm nói với ông Tây công sứ thế nào mà chỉ nội một tuần sau ông tu xuất kia được bổ đi làm tri huyện tại một huyện trong tỉnh Ninh Bình mặc dầu ông tu xuất kia chưa hề được giữ một chức vụ nào trong xã-hội, dù là chức trương tuần, tức chức vị nhỏ nhất ở trong làng, và dĩ nhiên không có lấy một chút kinh nghiệm hành chánh nào.

Có một ông bố-chánh xưa một đời chỉ mơ ước chức tuần phủ mà không sao đạt được, nên khi hồi hưu ông rất buồn. Trong nhiều năm, ngoài thì giờ săn sóc hòn non bộ khá lớn phía trước biệt thự ba tầng lầu của ông, ông cùng một thầy địa lý đi khắp nơi tìm kiếm và sau cùng ông tìm được một phần đất rất tốt trên một ngọn núi thấp trong dãy Tam Điệp, thuộc phủ Nga Sơn (Thanh Hóa). Tôi không rõ thế đất như thế nào nhưng theo lời đồn thì con cháu của những ai táng trên ngôi đất đó sẽ được làm quan tới Tuần phủ hay Tổng đốc, nhưng ngôi đất này chỉ phát có một đời mà thôi. Mặc dầu là như thế, một đêm trăng kia ông bố hồi hưu sai một người nhà tâm phúc đem cốt của cụ huyện thân sinh lên táng tại ngôi đất trên đỉnh núi. Ông người nhà tâm phúc bèn vội về đào mả ông bố mình, đem hài cốt cụ huyện cố chôn vào đó, sau đó đem hài cốt của ông thân sinh lên táng trên đỉnh núi. Mấy chục năm sau, ông người nhà tâm-phúc của ông bố hồi hưu có hai người con trai làm tỉnh trưởng tức là chức tuần phủ, tổng đốc ngày xưa. Nhưng hai người này cũng chỉ làm tỉnh trưởng được mấy năm mà thôi, đúng như lời tiên đoán theo thế đất.

Ngày xưa làm tuần phủ hay tổng dốc, mặc dầu dưới quyền công sứ Tây, nhưng đối với dân chúng và người đời oai phong hơn nhiều lắm. Người ta chết là chỗ đó vậy. Cũng chính vì thế mà cho tới tận 1945, khi chính phủ Trần Trọng Kim ra đời, trừ một số nhỏ vốn dòng dõi yêu nước và cách mạng hoặc được các đảng phái bí mật giác ngộ, đa số thanh, thiếu niên thời đó vẫn chưa chịu mở mắt, vẫn coi cụ Thượng Quỳnh như là mục đích tối thượng của cuộc đời, đồng thời cũng là tiêu biểu cho tuyệt đỉnh vinh hoa phú quý. Tôi còn nhớ ông cậu ruột làm tham tá của tôi hồi còn sống vẫn thường thì thầm kể những kỳ tích về cụ Thượng làm quan đầu triều kia cho tôi nghe, chẳng hạn như chính Quốc trưởng Pétain biên thư mừng sinh nhật ông 50 tuổi và chính Đức Giáo hoàng Pio XII cũng đích tay biên thư cho ông. Tôi tất nhiên rất tin và thán phục cụ Thượng Phạm Quỳnh với những chuyện tuy rất lặt vặt này, nhưng có thể coi như là kinh thiên động địa đối với đầu óc

khờ khạo và nhà quê của chúng tôi lúc đó.

Và buồn cười hơn nữa là tới lúc đó vẫn còn có nhiều kẻ mơ mộng chiếc bài ngà. Chính kẻ viết bài này cũng là một trong số những con người cận thị khờ khạo đó. Thực vậy trong khi còn học ở trung học, tôi vẫn đinh ninh suy tính trong đầu là sau khi đỗ tú tài 2 vào khoảng 46, 47, sẽ đi học luật chừng ba năm, và nếu như hết sức cố gắng, vào khoảng1951 hay 52 gì đó, khi nào có khoa thi tri huyện, nhất định sẽ tham dự, miễn sao thi đậu, tư pháp cũng được, hành chánh cũng được. Nếu như đậu được tri huyện hành chánh thì là tốt nhất, vì sẽ được bổ đi trị nhậm các huyện, tha hồ hách và béo bở, đâu kém gì những Trần Chánh Thành, Trần Trung Dung, Thái Vĩnh Thịnh, Nguyễn Văn Thư v.v.

Nhưng người tính không bằng trời tính, và đâu có ai ngờ là chỉ mấy tháng sau đó, hầu như tất cả mọi sự trên đời này đều bị đảo lộn hết. Và một giai đoạn mới của lịch sử đất nước bắt đầu.

Vào những ngày gọi là cách mạng tháng Tám, nhà vua cũng như các hàng quan lại, hết thảy đều bị phế bỏ. Một phần bị giết hại như Thượng thư đầu triều Phạm Quỳnh, Tổng đốc Quảng Nam Ngô Đình Khôi, tri huyện Cung Đình Vận v.v. số lớn còn lại phải trốn chui trốn lủi để tránh nạn bắt bớ giam cầm của Việt Minh. Vào cái đêm Việt Minh cướp chính quyền, Trần Trung Dung lúc đó làm tri-huyện tại Yên Mô, một mình lội bộ trong đêm tối chạy về Phát Diệm cách đó chừng bốn, năm cây số, tạm lánh tại nhà cụ thông gia Phán H. nên thoát nạn.

Hầu như toàn dân bị lôi cuốn vào trào lưu mới. Trong những ngày tháng đầu của cách mạng tháng tám, người dân suốt ngày phải liên miên tham gia hết biểu tình lại đến khai hội, hết khai hội lại đến biểu tình tới đêm khuya mới được nghỉ trở về nhà để rồi sáng sớm hôm sau lại tiếp hoạt động "cách mạng" như ngày hôm trước. Như thế đó, họ bắt đầu được tiêm nhiễm những tư-tưởng mới và làm quen với các danh-từ như cách-mạng, dân-chủ, độc-lập, tự-do, yêu nước v.v. những danh-từ dường như họ chưa từng bao giờ được nghe nói tới trước đó. Đồng thời hết thảy những gì thuộc chế độ cũ đều bị lên án và coi như là sản phẩm của chuyên chế phong kiến. Bị lên án nặng nhất dĩ nhiên là đế chế và hàng quan lại phong kiến độc tài, bóc lột và gian ác. Nếu ông quan nào chẳng may bị đem ra tòa án nhân dân dù có trăm cái đầu cũng không đủ để cho "nhân dân" đem ra chặt.

Dù muốn dù không, tôi cũng như phần đông thanh niên nam nữ lúc đó đều tham gia cách mạng một cách hết sức nồng nhiệt. Có một vài lần, đứng giữa một rừng cờ đỏ sao vàng với một đám đông la hét như điên như dại, bỗng nhiên tôi nhớ tới cái mộng làm quan của mình trước đó không bao lâu để rồi tự cười thầm. Tuy "cách mạng" mới xảy ra có mấy tháng, thế mà tôi cứ tưởng như câu chuyện kia, cũng như vua Bảo Đại và chính phủ Trần Trọng Kim, đã là những chuyện xa xưa hàng bao nhiêu thế kỷ. Trong cái bầu không khí sôi sục hận thù lúc đó, hình như tôi đã tự thầm trách mình tại sao lại có thể có những lúc ngây thơ và ngu dốt đến như thế..., dĩ nhiên với tất cả sự thành thật của lòng mình.

Có một điều hết sức trớ trêu là trên phương diện cách mạng và lòng yêu nước, thành thực mà nói, tôi phần lớn được giác ngộ và dẫn dắt bởi những người mà sau đó chẳng bao lâu giữa họ với tôi đã coi nhau như thù địch.

Nay nghĩ lại những sự việc xảy ra cách nay đã bao nhiêu năm cùng với cái mộng làm quan buổi thiếu thời, tôi cảm thấy thằng nhỏ là mình lúc đó thiệt khờ và tội nghiệp. Dầu sao thì cũng chỉ là một giấc mộng, mà đã là một giấc mộng thì đâu có tội tình gì, có phải thế không các bạn?

Hơn nữa, đối với lớp người già như chúng tôi thì ngay đến cuộc đời chẳng qua cũng chỉ là một giấc mộng lớn, huống chi một giấc mộng con. Giấc mộng con làm quan của tôi đã tan biến từ lâu, và những người thuộc hàng quan lại ngày xưa, từ hàng tri phủ trở lên, kể như cũng chẳng còn ai, họa chăng còn lại một vài vị tri huyện thuộc lớp cuối cùng nay tuổi thọ đã trên dưới 90. Trong mấy đoạn ở trên, dường như đôi khi tôi đã quá nặng lời đối với những người ham danh lợi, chức vị và quan quyền, nhưng mà rồi tôi cũng thường lẩm cẩm tự hỏi: Nếu như thời cuộc đất nước trước kia không gì thay đổi và chế độ vua quan phong kiến vẫn được duy trì cho đến ngày nay và nếu như tôi "may mắn" đạt được giấc mộng làm quan không hiểu tôi đã là một ông quan như thế nào? Tôi có nên ghi ơn mấy ông Tây thuộc-địa và các "đồng chí" đã giác ngộ tôi về những vấn đề yêu nước và cách mạng hay không? Những câu hỏi thiệt dớ dẩn, có thể coi như điên khùng, nhưng có lẽ cũng không phải là không có lý và căn nguyên. Ấy thế mà rồi cho mãi tới bây giờ tôi vẫn chưa tìm được câu trả lời thích đáng.

GỐM BÁT TRÀNG CÓ CÒN CHĂNG?

LÊ VĂN TÂN

Gốm truyền thống Bát Tràng đã nổi tiếng trong câu ca dao trữ tình:

Trên trời có đám mây xanh
Ở giữa mây trắng chung quanh mây vàng
Ước gì anh lấy được nàng
Để anh mua gạch Bát Tràng về xây
Xây dọc rồi lại xây ngang
Xây hồ bán nguyệt cho nàng rửa chân
Có rửa thì rửa chân tay
Đừng rửa lông mày chết cá ao anh.

Gốm thành phần có gạch, sành, sứ. Gốm sành làm bát đĩa và các vật gia dụng thường ngày như lọ, thố, bát điếu. Gốm sứ làm các đồ chưng diện như bình hoa, trà dụng, tửu dụng v.v... Đồ gốm được làm thủ công với nguyên liệu đất sét dẻo, đá xay, vôi cát; nặn và tạo kiểu dáng bằng bàn quay đạp chân hay chạy điện. Sau khi xong thai cốt (đất mới tạo hình) người ta mới phủ lên lớp men cho bền. Với đồ gốm mỹ nghệ họ vẽ,

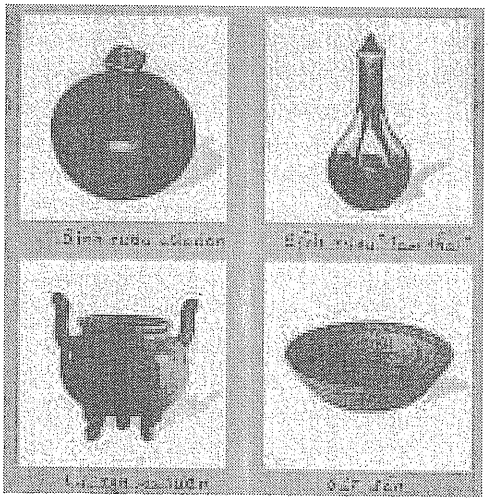

đắp men, trang trí hoa văn, điểu thú, sơn thủy, sự tích, theo như cách kiểu gốm cổ truyền Trung quốc đời Tống, đời Minh, đời Thanh.

Gốm thông thường không nổi tiếng của Bát Tràng là gạch chắc, bát đĩa bền, ít mẻ vỡ. Gốm sứ thì đủ loại, đủ hình thái, đủ màu sắc, đặc biệt học đòi được men xanh Céladon cùng chế tác lớp men nảy sinh ra: Rạn da rắn, rạn mạng nhện, đốm da rùa, vảy kỳ đà, vân hột gà lộn, hột gà ung, rất kỳ xảo.

Các thợ gốm Bát Tràng đã có duyên may, thụ đắc được kỹ thuật cổ truyền tinh xảo của gốm Trung quốc qua biến cố lịch sử và quá trình kinh nghiệm học hỏi.

Theo "Experience Bát Tràng Village" thì làng Việt Nam chuyên làm đồ gốm duy nhất này đã có gần 1000 năm rồi. Khi Vua Lý Thái Tổ dời kinh đô từ Hoa Lư ra thành Thăng Long bên bờ sông Hồng, nhà Vua ra lệnh cho 12 nghệ nhân làm gốm, di chuyển với Vua để sản xuất gạch xây dựng kinh đô mới. Sau khi các nghệ nhân đóng góp cho công trình xây dựng Hà Nội xong đến ngày nay, họ ở lại lập nghiệp chuyên làm gốm càng ngày càng phát triển phồn thịnh, qui tụ được nhiều tay thợ giỏi. Làng được đổi tên là Bát Tràng, trong thế kỷ 15 và lập truyền thống làm đồ gốm có giá trị cao tiếp tục đến hôm nay. Gạch Bát Tràng nổi tiếng được lửa lò nung kỹ, bền cứng, không mắc rêu phong. Người ta dùng để xây nhà, lát sân mà màu đỏ đẹp và bền thách thức với gió mưa và thời gian hủy hoại.

Khách du lịch thăm khu làng cổ Bát Tràng sẽ thấy những ngôi nhà gạch có từ trăm năm còn sót lại. Ngôi nhà gần như chìm phần ba hay một nửa dưới lòng đất bởi cơn lũ bão vẫn còn dấu tích lớp tường gạch lên gân sành đá và mái ngói nâu trơ gan cùng tuế nguyệt. Đi trên ngõ đường lát gạch cổ xưa mà không bị rêu phong, nhà thơ Hoàng Cầm cảm khái thốt lên *"Bát Tràng không năm tháng."*

Khác các làng ở quê toàn nhà tranh vách đất, họa hoằng lác đác nhà ngói, làng Bát Tràng thì nối đuôi nhà gạch, lớp trước lớp sau liền cánh tường, chung một ngõ. Làng cách xa thành phố mà trông như được đô thị hóa. Nghề làm gốm do có quy củ nghệ thuật truyền thống chứ không phải trông theo mưa nắng thất thường rủi ro mất mùa nông nên dân làng gốm Bát Tràng không vất vả, dân trí cao, có đời sống khá giả. Bát Tràng phú đã nói lên các nét phong phú này:

Quanh co dòng tốn thủy, cõi Đông Nam một dải đầm sen.

Nối đuôi nhà ngói, lớp trước lớp sau, liền cánh tường vôi như trì như trát.

Đất thiêng này lắm người văn hiến đỗ, có nhiều

kẻ phát... (1)

Nắn hòn đất, các cô, các chị, cuộc vần xoay dưới gốc

Lò chen chúc anh em bạn hữu, quanh năm tuôn vẻ khói đen sì...

(1) Lê Tộc Bát Tràng phát:

LÊ TRẦN CẨN – Quận công

LÊ HOÀN VIỆN – Đệ tam giáp đồng Tiến sĩ khoa Ất Mùi (1715)

LÊ HOÀN HẠO – Đệ tam giáp đồng Tiến sĩ khoa Đinh Mùi (1727)

LÊ HOÀN HIỂN – Đệ tam giáp đồng Tiến sĩ khoa Ất Tỵ (1785)

LÊ THIỆN – Tham Tán Nghĩa quân Bãi Sậy.

Dân làng gốm Bát Tràng nhờ "Nhất nghệ tinh nhất thân vinh" nên đời sống phong lưu. Trai ngoài nghề thì học văn hiến hoặc dong chơi với bầu bạn. Gái thì ngoan ngoãn đảm đang chiều chồng hết mức nên mới có câu nói trước đây:

Sống làm con trai Bát Tràng

Chết làm thành hoàng Kiêu Kỵ.

(Làng Kiêu Kỵ làm nghề Dát bạc và Thuộc da. Thành Hoàng luôn luôn được cúng tạ mỗi khi có công trình hoàn tất).

Một kỳ tích nữa rất hiển hách cho đất nước là việc học hỏi và trau dồi nghệ thuật sáng tạo kiểu cách (style) và tráng men gốm bí truyền của gốm danh tiếng Trung quốc. Gốm tráng men xanh ngọc và trắng ngà được ưa chuộng thuộc truyền thống Cổ ngoạn của giới sành điệu trước thế kỷ 14. Vào thời này luật lệ nhà Minh cấm chỉ xuất cảng những men gốm (céramics) danh tiếng màu xanh ngọc và màu trắng ngà của Trung quốc ra khỏi nước. Nghệ nhân Bát Tràng đã lấp chỗ trống đó và rất sớm, sản phẩm của các nghệ nhân tài hoa được tung bán ra thị trường thế giới. Chất lượng của các nghệ phẩm này đã củng cố thanh danh tuyệt kỹ lành nghề của gốm Bát Tràng. Vào dạo qua khu Làng cổ, khách có thể còn tìm thấy đồ gốm làm bằng thủ công giống như cách đã làm 700 năm trước đây. Thêm vào kiểu cách cổ hữu, nước men rạn đẹp lạ lùng và màu sắc Celadon là những phát triển ngoài quy định.

Theo như thế thì Bát Tràng là làng gốm tiên phong chế tác đồ gốm mỹ thuật cổ truyền, tất nhiên Bát Tràng phải được tiếp thu một di sản từ đâu, cách nào, và dày kinh nghiệm học hỏi, giao lưu với mỹ nghệ ngoài nước.

Sự tiếp thu di sản làm gốm phải có xuất xứ. Theo Tổ phả các họ làng Bát thì có các cụ thuộc năm dòng họ Lê, Trần, Vương, Phạm, Nguyễn hồi thế kỷ XV đã đem gia quyến đến vùng có 72 gò đất trắng này lập nghiệp. Trước các cụ ở Thanh Hóa, một vùng gọi là Vực Tôm. Nơi này hồi đó Trịnh Kiểm tùy tướng cho Nguyễn Kim, phò Nhà Lê, có bà mẹ rất thích ăn thịt gà. Trịnh Kiểm còn hàn vi, nghèo, đi làm rẫy, rất có hiếu, đã đi bắt trộm gà của dân làng cho mẹ ăn thịt. Khi Trịnh Kiểm quân hành theo Nguyễn Kim, dân Vực Tôm bắt mẹ Trịnh Kiểm ném xuống Vực Tôm để thủ tiêu một bà Hạm gà. Khi Trịnh Kiểm làm tướng, nghe biết sự việc, thề sẽ làm cỏ dân Vực Tôm để trả thù cho mẹ. Dân Vực Tôm biết tin sợ hãi, bỏ đi di cư ra phía Bắc, ngưng lại bên bờ sông Hồng có gò đất sét làm gạch và đồ gốm. Mẹ Trịnh Kiểm bị ném xuống Vực Tôm, nơi này đùn lên gò mối thành mả thiên táng nên con cháu Trịnh Kiểm làm Chúa quyền khuynh thiên hạ, lấn át cả Vua Lê.

Đồ gốm sơ khai phát sinh từ đời Chu Thế Tôn (954-959) tiền Nhà Đại Tống (960-1279) gốm đầu tiên, người Trung quốc gọi là *Sài dao* hay *Sài diêu*, một chủ tiệm đồ cổ ở Chợ Lớn sưu tầm được, là một miếng sành nhỏ màu xanh đậm da trời, giới cổ ngoạn tôn là Sài ngọc. Tương truyền Vua Sài Vinh, đế hiệu Chu Thế Tôn, tìm ra men màu xanh da trời. Một hôm, có sớ tâu lên đợi lệnh vua, muốn biết vua chọn màu gì cho thợ chuyên làm đồ gốm, vẽ lên các món ngự dụng. Vua phê vỏn vẹn bốn chữ 'Vũ quá thiên thanh." Nhờ đó mà thợ chế ra màu xanh lơ. Nghiệm ra khi mưa tạnh, bao nhiêu bụi trần đều quét sạch, da trời xanh ngắt trong khe, tuyệt không có một chút bợn nhơ, còn gì đẹp hơn.

Màu "Vũ quá thiên thanh" (Trời xanh trong sau cơn mưa) là đặc trưng màu đồ sứ mỹ thuật đời Tống. Người Tàu gọi là sứ ĐÔNG THANH là Long Tuyền dao, nghĩa là đồ sứ ở Long Tuyền, tên một thị trấn thuộc tỉnh Triết Giang, nơi sản xuất đồ sứ này. Họ còn gọi là đồ thanh từ, nghĩa là đồ sứ xanh.

Người Tây Phương gọi đồ Đông Thanh là CELADON, lấy màu áo của chàng Céladon, một nhân vật trong truyện Astrée của Honoré d'Urfé về thế kỷ 17. Áo choàng Céladon thì màu xanh lá mạ được nhiều người ưa chuộng. Giữa lúc tiểu thuyết này được người ta tán thưởng, thì Công ty Ấn Độ, mới thành lập để buôn bán với phương đông, đem những đồ Đông Thanh về, mà màu men đồ sứ này lại giống như màu áo của chàng

Chiếc độc bình khổng lồ

Céladon, người ta liền gọi loại đồ sứ ấy là céladon, thành thử tiếng celadon nguyên tên người, rồi thành tên màu, sau thành tên một loại đồ sứ.

Ở Việt Nam, đồ Đông Thanh màu céledon phần lớn đã tìm thấy ở huyện Nông Cống, huyện Hoằng Hóa, huyện Quảng Xương, phủ Tỉnh Gia (Thanh Hóa) mà bát đĩa chiếm phần lớn. Nay ta xét tại sao ở Thanh Hóa, một tỉnh ở phía Bắc địa đầu Trung Việt, có lắm những đồ Đông Thanh còn nguyên lành hay mảnh vỡ chôn dưới đất.

Ta biết rằng về thời Bắc thuộc, tỉnh Thanh Hóa là quận lỵ của quận Cửu Chân, là nơi quân Tàu đóng lâu đời. Việc giao dịch giữa dân tộc Việt Nam với người Trung Hoa tất nhiên là thịnh. Các hàng hóa [illegible] Tàu sang ta, trước là để quan [illegible] sau là để bán cho dân ta tất phải nhiều. Trong [illegible] ở Tàu sang ta lẽ dĩ nhiên có đồ sứ Đông Thanh.

Sự truyền nghề làm đồ gốm do một biến cố lịch sử sau đây. Năm 1138, bên Tàu vì cớ loạn rợ Kim, kinh đô phải thuyên chuyển xuống phía Nam và đóng ở Hàng Châu. Ở đây thợ làm đồ sành đồ sứ xây lò để làm những đồ hảo hạng cho nhà vua dùng, đồ sứ này gọi là quan dao (hay quan diêu) trong số này đồ sứ men màu xanh celadon được trau dồi cho đến tinh xảo. Đến khi nhà Tống mạt, nhà Nguyên lên thay, có nhiều người không phục tùng nhà Nguyên mà họ coi là bọn xâm lược, bèn tản cư đi các nước lân cận. Thanh Hóa là nơi nhiều người Tàu ở trước, thì tất nhiên có nhiều người sang lánh nạn, mà trong số bọn người di cư này tất có những tốp thợ làm đồ sứ Hàng Châu. Sang đến Thanh Hóa, họ đem nghệ thuật truyền thống của họ ra để làm đồ sứ như xưa, và truyền bá trong dân bản xứ. Có thế thì ta mới hiểu được tại sao Thanh Hóa nơi Vực Tôm, các cụ tổ làng Bát Tràng tiếp thu được nghề gốm sứ (Ceramic).

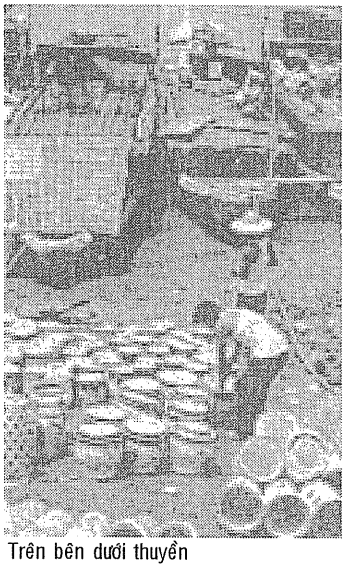
Trên bên dưới thuyền

Đồ gốm Bát Tràng sở dĩ được người ta chuộng là vì men đẹp, đất nặn lọc kỹ, chấm vẽ khéo léo và hình dáng lại tao nhã. Đất dùng làm đồ gốm theo cách kiểu Đông Thanh là một thứ đất sét rất mịn, luyện kỹ và lèn rất chặt, và thành phẩm gõ kêu như tiếng chuông.

Men thì trong và bóng, trát dày, có chỗ dày đến một li (0.m001). Đất sét thường hung hung đỏ vì có nhiều chất sắt, cho nên men phủ phải tráng dầy để che kín màu hung đỏ đi.

Sắc men là một thứ màu xanh nhạt, người ta ví như màu lá đào non, màu hồ thủy, hay màu nước biển, có thứ trăng trắng xám lạt như màu da trời. Có hai thứ men: men trom và men rạn.

Nét vẽ là những hoa lá, con giống, thường là chim cá, khắc sâu vào đất hay chạm nổi lên trên. Men xanh phủ kín, nom như ngọc thạch. Men làm theo Đông Thanh celadon là sứ xanh xanh, đồng màu, chỉ những nét vẽ mới rõ lên được là vì men chỗ này đậm hơn hay nhạt hơn.

Hoa lá phủ kín cả lòng bát đĩa hay quanh bụng bình hoa chỗ phình ra, chia từng ngăn từng ô. Hoa lá có nhiều kiểu liên chi. Có cái có những vòng cánh hoa, vòng nọ trùm vòng kia, phủ kín đều sản phẩm. Có cái thì trơn tuột, ở giữa đáy có một con cá vảy vuông ô quả trám. Có cái không có hoa lá gì, chỉ có thành khía dọc nhỏ, đều nhau từ trên xuống dưới. Lợi bát lợi đĩa thì hoặc trơn hoặc khía hình lá sồi.

Nói tóm lại, các đặc điểm của đồ gốm đồ sứ Bát Tràng là men xanh lạt, trong và dày, đất lèn chặt, rắn và nặng, gõ kêu coong coong.

Đồ gốm sứ Bát Tràng để bày biện chưng diện thì vẽ học đòi theo lối Cổ phủ: chim hạc, sơn thủy, tích truyện mà người đi sứ đem về để tặng thân nhân bè bạn trong nước, thành có tên là *Đồ Sứ* (porcelaine diplomalique ou porcelaine d'ambassade). Đồ sứ quý giá phải đắp men nảy sinh sau một thời gian nứt vết rạn (cracked glaze) như Da rắn, Mạng nhện, Đốm da rùa, Lông thỏ, vảy kỳ đà... mà khách cổ ngoạn ưa thích.

Đồ gốm vật dụng Bát Tràng cũng được chế

tạo cầu kỳ như ấm trà hình chữ Lộc, chữ Thọ, chỉ thấy vòi rót nước ra, còn chỗ đổ nước vào ở nơi kín đáo không thấy, chỉ có chủ nhân xử dụng chỉ cho mới biết. Bình vôi có quai hình giao long, trúc hóa long.

Men phủ có nhiều khác thường, ngoài màu xanh ô liu, lục đậu có màu da lươn, trứng sáo, gan dê, xác trà, gạch cua, vân tia vằn hột gà lộn, hột gà ung.

Trong chiến tranh đồ gốm Bát Tràng ngưng sản xuất và sự thực dụng lỗi thời, người ta tìm mua chúng giá trị tương đương đồ cổ. Một bình vôi Bát Tràng với giá 40.000$ VN năm 1952.

Đồ gốm Bát Tràng đến thời kỳ công nghệ được phục hưng do đơn đặt hàng của các nước ngoài, nghệ thuật được cách tân theo thị hiếu thời đại mới, nhưng vẫn giữ cốt cách Việt Nam.

Aki Nakasone, khách thưởng ngoạn Nhật ở Ishikawa, đã khen ngợi "Gốm Bát Tràng giàu nghệ thuật có cách lưỡng tính cá nhân và truyền thống."

Torence Holmes ở Ottawa, Canada, tỏ hài lòng: "Các tiệm gốm Bát Tràng cung hiến một sự lựa chọn lớn, nếu khách hàng không thể quyết định về kiểu cách, lối trang trí hay kích cỡ, chủ tiệm sẽ niềm nở hết lòng giúp đỡ."

Laura Dawes ở Fremantle, Western Australia (Đông Úc) cảm xúc: "Hình dáng mượt mà và cách trang trí thanh nhã của đồ gốm Bát Tràng gợi nơi tôi tình cảm chứa chan về đất nước Việt Nam."

Quá rõ, nghệ thuật gốm Bát Tràng làm say lòng người.

Men lý ra thơm ngát trăng quê suốt ngõ.
Màn thiên lý rung rinh. (Hoàng Cầm)

Bàn tay điêu luyện của thợ gốm tài hoa Bát Tràng đã tạo ra sự truyền cảm thành quyến rũ đến mê đắm. Nhà thơ "*Lá diêu bông*" si tình Hoàng Cầm đã kể trong tập thơ "*Men đá vàng*" một huyền thoại lâm ly, kêu gọi người thợ "tham vàng bỏ ngãi" trở về với nghệ thuật huyền diệu.

Bát Tràng xưa, có người phụ nữ mắt đẹp như ánh sao đêm, tóc thơm hương ngâu, hương bưởi, nàng nhìn vào tên cướp, hắn phải buông lưỡi kiếm. Nhưng hạnh phúc không đến với nàng. Chồng nàng, một người thợ gốm tài hoa, đã bỏ làng gốm đi tìm vàng. Nàng đi tìm chồng và hóa đá với nguyền khắc vào vách núi:

"Bao giờ chồng em trở về, biết tiếc thương em mà khóc đẫm cả thân hình cô gái đá này, để em được tắm trong nước mắt thơm ấm tình người ấy, thì em sẽ sống lại, tươi đẹp như ngày nào mới yêu anh."

Lời nguyền âm vang như tiếng bão giông, sấm chớp, mưa nguồn đổ xuống dòng sông Hồng, theo gió nắng đến bên người chồng. Chàng trở về, thân xác tả tơi khóc nàng đẫm nước mắt. Nhưng nàng không sống lại. Nàng biến thành ảo ảnh trên tay người thợ gốm Bát Tràng, uyển chuyển thành vũ khúc tình yêu. Có lẽ bởi thế mà men gốm Bát Tràng sâu lắng một tình yêu để người ta càng ngắm càng say.

Lò gốm cổ truyền Bát Tràng lại còn là một hòa điệu của âm dương ngũ hành: Kim, Mộc, Thủy, Hỏa, Thổ. Kim là kim loại ngâm trong men gốm tạo ra màu sắc. Mộc là củi, gỗ, tre, rơm tạo ra lửa nung. Thủy là nước hợp với đất tạo ra dáng gốm, minh họa được cảm hứng mỹ thuật. Lửa là cha tạo ra xương thịt của gốm, sinh hóa phẩm chất, sắc thái của gốm. Đất là mẹ tạo ra hình thể, cách điệu sản phẩm gốm. Tự cổ chí kim, nghiệm ra bất cứ thứ gì vào lửa cũng tiêu nát ra tro, duy có đất sét, vào lửa biến hóa, có thể trở nên "vàng ngọc."

Bình, chén có da nổi sần vì lửa lò quá độ, làm cho men chảy, men "khóc" thành những giọt lụy đóng dưới chân bình chân chén, làm cho nổi u nổi nần, đã không bị vứt bỏ mà trở nên quý giá tăng tiu vì đó là thứ kỳ quan hiếm có.

Món đồ bị lửa táp lem luốc, có khi từ màu hồng dợt biến ra màu hường mét (rose pâle) hoặc từ hồng sậm trở ra đủ thứ màu "tam thái," "ngũ thái." Kinh nghiệm nung lửa tùy cao độ để tạo ra men rạn da rắn, da rùa, lông thỏ..v..v...

Sự hanh thông của nhịp điệu ngũ hành biến thể đất thành vàng, men thành ngọc, mỹ thuật thành bất tử, càng để lâu càng thêm giá trị. Đó là âm vang của kinh nghiệm chế tác, của qui luật sanh hóa của vũ trụ do ông cha ta để lại. Âm vang đó nhắc nhở thế hệ chúng ta biết gìn giữ và phát huy nghệ thuật cổ truyền làng Bát Tràng. Nhạc sĩ Văn Ký đã sáng tác nên bài hát "Giữ lấy làng cổ Bát Tràng" với những lời tha thiết chân tình:

Uống chung một chén Bát Tràng
Rồi mai em có sang ngang cũng đành
Áo hồng, men ngọc, tóc xanh
Dòng sông quê mãi long lanh mộng vàng...

Kỷ niệm ngày về
thăm Làng Tổ Bát Tràng,
mồng 8 Tết Ất Dậu (17/2/05)

Tham khảo: Tinh hoa Hà Nội *của Mai Thục*

Chị Cả Bống

PHẠM LƯU VŨ

Truyện ngắn Chị Cả Bống đã được đăng trên báo Người Hà Nội ngày 8 tháng Sáu vừa qua, và có tin vì truyện này mà số báo ấy bị tịch thu. Truyện phản ánh tình trạng băng hoại đạo đức ghê gớm của xã hội Việt Nam hiện nay, mời bạn đọc theo dõi nguyên văn đăng lại dưới đây.

*

Chiều tà, một người đàn ông phóng như ngựa phi nước đại về phía tây thành phố, nơi ấy có nhà tù với cái tên rất đẹp là "Hoà khí". Tới cổng gác, ông ta trình thẻ căn cước cho lính canh. Sau khi xem chứng minh thư, lính canh dẫn ông vào văn phòng nộp hồ sơ. Một người đứng tuổi đeo kính trắng nhận hồ sơ rồi bảo:

- Dẫn tới khu nhà chờ, đợi thẩm tra hồ sơ, ba tuần sau có kết quả.

Lính canh lại dẫn ông ta đi, khu nhà chờ gồm vài dãy nhà cấp 4 sập xệ và rêu mốc, rất đông người ở kín các gian phòng, đàn ông, đàn bà, lớn bé, già trẻ, đủ cả... Điều kiện sinh hoạt rất tồi tệ song không ai ta thán, đơn giản họ chỉ ở lại đây có vài tuần. Từ khi lập ra khu nhà chờ này không lúc nào vơi người. Ngày nào cũng có người đi, lại ngày nào cũng có người đến. Giống như người đàn ông kia, mọi người chờ thẩm tra hồ sơ, nếu đủ tiêu chuẩn sẽ được vào tù. Tiêu chuẩn đơn giản nhưng không phải không kỹ càng, chỉ những người lương thiện không dính tý lưu manh nào mới được vào tù. Tất nhiên lũ bất lương đừng hòng bén mảng tới.

Chẳng ai lấy làm ngạc nhiên, ở xứ xở này, không có chuyện gì là không xảy ra kể cả những chuyện ngược đời, đơn giản mọi người không những thích đùa mà còn đùa rất dai; 5 giờ rưỡi sáng, kỹ sư Hoàng thức dậy, vợ và đứa con trai mười tuổi của anh đang ngủ say. Đứa con gái 17 tuổi của anh đêm qua không về, chị giúp việc cũng đã dậy từ lúc nào, đèn dưới bếp hắt lên mấy vệt sáng le lói qua khe cửa. Mười phút cho việc vệ sinh cá nhân, 25 phút cho việc mở các loại cửa. Như mọi nhà trong thành phố, từ lâu anh đã biến căn hộ của mình thành một pháo đài. Các cửa sổ ngoài việc lắp chấn song bằng thép dày, còn được giằng ngang ba ống thép to bằng cổ tay, chia đều từ trên xuống dưới. Cửa đi cũng bằng thép đúc, bên ngoài dán một lớp gỗ mỏng. Tính từ trong ra đến cửa, còn năm lớp cửa như thế, tất cả đều có khoá đặc biệt, mỗi cửa gồm ba chiếc khác loại nhau. Mở đến lần cửa cuối cùng thì vợ con anh cũng vừa trở dậy. Những việc chuẩn bị cho một ngày mới diễn ra đã thành nếp. Sau khi dặn dò kỹ lưỡng chị giúp việc hai vợ chồng dắt xe đi làm. Chị kiêm thêm nhiệm vụ đưa con tới trường, chiều về ghé qua chợ mua thức ăn cho ngày hôm sau. Trước khi ra cổng, anh một lần nữa kiểm tra trên người vợ con xem có đeo bất cứ loại trang sức nào không, nhắc vợ cẩn thận kẻo bị cướp... Anh lại lần lượt khoá tất cả các cửa từ trong ra ngoài, trong lúc vợ đứng giữ xe. Đứng bên ngoài thò tay qua các lỗ cửa thực hiện những thao tác của người mù, mười phút nữa cho công việc ấy, xong xuôi vợ chồng con cái chia thành hai ngả phóng xe đi.

Kỹ sư Hoàng làm việc tại một cơ quan thiết kế gần trung tâm thành phố. Mới ngoài 40 mà tóc anh đã gần như bạc trắng, thằng con trai lớn 19 tuổi đang ở trung tâm cai nghiện, đứa con gái thứ hai 17 tuổi đua đòi chúng bạn bỏ cả học đi vũ trường thâu đêm, suốt sáng. Không phải vợ chồng anh không biết dạy con mà là bất lực. Con đường đời biết bao nhiêu cạm bẫy, nó gài khắp mọi nơi, mọi chốn, gài trên mỗi bước chân. Già đời chững chạc như vợ chồng anh, ngày nào cũng phải nhắc nhau từng tí một mà vẫn ngay ngáy lo rằng không biết lúc nào, cái bẫy nào sẽ ụp xuống mình đây?

Kỹ sư Hoàng chợt lạnh người. Có tiếng còi nghe rợn tai, một cảnh sát giao thông bước quả quyết từ trên vỉa hè xuống đường vừa tuýt còi, vừa chỉ thẳng cái dùi cui vằn vện vào mặt anh, một cảnh sát khác ngồi vắt vẻo trên yên xe máy phân khối lớn sơn màu trắng. Chưa kịp hiểu mình có sai luật hay không anh vội đạp phanh, chiếc xe dừng tấp lại.

- Kiểm tra giấy tờ! Người cảnh sát vừa rút chiếc còi ra khỏi miệng vừa giơ tay lên mũ chào như một cái máy, vừa ra lệnh cho anh. Cầm giấy tờ của anh đưa cho anh cảnh sát ngồi trên chiếc xe

phân khối lớn, anh cảnh sát ấy lại tiếp tục đút còi vào miệng cầm gậy trỏ xuống đường chọn bắt xe khác. Anh cảnh sát ngồi trên chiếc xe phân khối lớn, lướt qua đống giấy tờ của một anh khác. Không nói năng anh ta đưa mắt ngó lơ đi chỗ khác như thể chờ ai đến đọc giùm. Cũng như một cái máy, kỹ sư Hoàng dựng xe, móc bóp, rút ra một tờ đẹp đẽ vuông vắn có in hình lãnh tụ, bước tới chỗ anh ta.

Đến cơ quan, vừa kịp giờ làm việc, chuông điện thoại reo. Đầu dây bên kia là một thẩm phán toà án, người đang xử lý vụ kiện đòi nợ của cơ quan anh. Bằng một giọng rất lễ phép anh thẩm phán nhắc khéo anh rằng vụ kiện của cơ quan anh sẽ có thể bị đình chỉ vì phía anh chưa nộp chi phí cho việc thẩm tra. Nhân tiện anh ta nhắn rằng bữa nhậu chiều qua vì điện thoại cho anh không được mà anh ta và đám chiến hữu bên viện kiểm soát phải ký nợ nhà hàng một khoản kha khá, lúc nào anh ghé qua thanh toán giùm...

Chiều hôm đó về nhà, kỹ sư Hoàng chưa kịp mừng vì tin cô con gái đã trở về đang nằm bẹp trên gác thì đã nghe vợ mếu máo báo tin chiếc xe máy của chị bị cướp, mẹ con phải đi bộ về. Thực ra chị đã dối anh, chiếc xe máy đó chị đã buộc phải thế chấp để chuộc cô con gái từ cái động của một mụ tú bà, vì cô còn nợ mụ một khoản tiền vay mua son phấn với mức lãi 40 % một ngày. Thế coi như của đi thay người. Kỹ sư Hoàng chưa kịp phát điên lên vì giận dữ thì may quá nhà có khách. Ông trưởng khu phố và mấy cán bộ của Ủy ban lừng lững bước vào:

- Chúng tôi đến nhắc anh về khoản đóng góp xây nhà tù - Ông trưởng khu vào đề ngay, nhân tiện báo để anh biết tháng trước có xe chở vật liệu đến đây, anh đã thuê thợ sửa nhà mà không xin phép. Uỷ ban đã nắm được việc này, nếu anh không thu xếp ngay thì sẽ bị lập biên bản thu giữ giấy tờ nhà, giấy tờ đất.

Kỹ sư Hoàng ngớ ra, quả thật tháng trước anh có thuê thợ lắp thêm một lần cổng nữa, phải xây mấy mét vuông tường, tưởng việc nhỏ, không phải xin phép, ai ngờ... Thôi đành "thu xếp" cho mấy vị trong Uỷ ban, nhưng còn khoản đóng góp xây nhà tù ?

- Can phạm bây giờ nhiều quá ông trưởng khu phố giải thích. Đấy anh xem, trong nhà gặp lưu manh, ra đường đụng kẻ cướp, đủ các kiểu ăn cướp; rồi còn lũ ăn trộm, lừa đảo cho vay nặng lãi, nhà tù nào cũng chật ních, phải xây thêm. Ngân sách không kham nổi phải áp dụng phương pháp "Nhà nước và nhân dân cùng làm." Phố ta được giao chỉ tiêu góp vốn xây 500 mét vuông nhà tù, thế mà ngẫm lại vẫn chưa đủ cho số tội phạm của chính phố ta đang nằm trong đó, chưa kể số sắp phải vào tù nay mai...

Đoàn cán bộ khu phố về được một lúc thì lão Tiến cụt giò đến, đó là một lão già vô tích sự nhà kế bên. Lão bị cụt một bên giò từ hồi chiến tranh, giờ sống bằng số tiền thương tật, thỉnh thoảng con cháu dấm dúi gặp chăng hay chớ cho thêm. Suốt ngày chẳng làm trò gì, chỉ hay la cà hết nhà này đến nhà khác kiếm câu chuyện làm quà. Nhà kỹ sư Hoàng là một trong những nơi lão hay mò đến. Lão dở hơi ấy liến thoắng như thể đã tỏ tường mọi chuyện:

- Họ đến đòi tiền đóng góp xây nhà tù phải không? Anh kỹ sư này tôi nói anh xem có đúng không nhé: - Làm người lương thiện bây giờ vất vả quá, phải góp tiền xây nhà tù cho bọn bất lương ở, lại còn phải nai lưng nuôi chúng nữa, trong khi bọn lưu manh ngày càng chiếm đa số, người lương thiện ngày càng giảm đi. Biết đâu đến một lúc nào đó, những nhà tù kia mới chính là địa chỉ mà người lương thiện cần đến cho mình. Khi ấy tất nhiên bọn lưu manh tha hồ ở ngoài, vì lương thiện bây giờ đâu có nhiều nhặn gì, vừa bắt chính bọn chúng phải nai lưng ra làm đề nuôi người lương thiện, như thế có phải là công bằng không ?

Kỹ sư Hoàng phì cười vì cái lý sự ấy của lão Tiến cụt, vừa lúc ấy, chuông điện thoại trong nhà đổ dồn, vợ anh nghe xong, mặt tái mét ra báo tin dữ:

- Anh tới ngay bệnh viện Chúng Sinh. Thằng Phúc con chị cả bị cướp giật té xe, chấn thương sọ não đang nằm cấp cứu trong ấy.

Chị Cả Bống là chị gái kỹ sư Hoàng ở dưới quê, anh chị có ba thằng con trai thì hai thằng lớn theo bố làm nghề xin đểu kiêm trấn lột ở bến đò Đuôi Cáo bị đâm lòi ruột, chết cả ba bố con từ năm kia. Cũng là cái số thôi. Làng khối người làm nghề ấy hoặc hao hao nghề ấy mà có sao đâu, chỉ thỉnh thoảng lại thấy đi ở tù, vài năm về còn lưu manh hơn trước. May còn lại một mình thằng út là Phúc ngoan, hiền, học giỏi. Năm ngoái đỗ đại học lên ở ký túc xá. Nó thương cậu mợ Hoàng nghèo nên không muốn nhờ vả. Chị Cả bán hết mảnh vườn còn lại sắm cho nó cái xe máy cũ làm phương tiện đi lại. Hôm ấy đang làm cỏ ngoài đồng có người gọi về cái trạm điện thoại công cộng ở đầu làng báo tin nó bị nạn. Chị nghe nhắn lại mà muốn quỵ luôn xuống ruộng. Vội vã chạy về nhà, chị vét vội mấy bơ lạc, bơ gạo nếp cho vào mấy cái bao ruột

tượng tất tả chạy ra bến đò Đuôi Cáo. Vừa mới mon men gạ bán ở các hàng quán quanh đó, bất ngờ gặp mấy anh quản lý thị trường, chị bị bắt vào trụ sở. Lạy van thế nào họ cũng không nghe, còn dẫn hết "nghị định 01" đến "thông tư 04" gì đó ra đọc sang sảng vào hai cái tai đã chỉ còn nghe thấy tiếng lùng bùng của chị. Kết quả mấy bơ lạc ấy bị tịch thu vì lý do bao bì không có nhãn hiệu hàng hoá!

Thật khốn khổ cho chị, chỉ do cuống lên vì đứa con cuối cùng còn sót lại đang gặp nạn, muốn bán tống bán tháo mấy món tài sản ít ỏi ấy cho thật nhanh để lấy tiền đi xe lên thành phố. Chứ có phải chị buôn gian bán lận gì đâu ? Còn tiền thuốc thang, nói dại, nếu nó bị nặng chị chưa biết sẽ trông vào đâu, một viên thuốc cảm bằng cái cúc áo bây giờ giá bằng ba bốn cân thóc. Giờ thì ngay đến việc lên nhìn mặt con cũng bị chặn đứng lại rồi. Không có tiền ai người ta cho chị đi xe hàng trăm cây số? Càng nghĩ chị càng quýnh quáng chân tay, cuống cuồng, đứng chôn chân một chỗ, đầu óc mụ đi, mắt ráo hoảnh, vô hồn nhìn phía trước như một bức màn sương... bỗng từ trong cái màn đục lờ ấy, một bóng trắng hiện ra quần quại, máu bê bết hiện ra chập chờn lúc xa xa, lúc ập ngay trước mặt, gió lạnh quất gai người. Phảng phất màu tanh của máu tươi. Tai chị nghe rõ ràng tiếng kêu cứu của đứa con trai. Chị bàng hoàng nhận ra đó là tiếng rên từ địa ngục, tiếng của một âm hồn không còn ở cõi nhân gian này nữa:

- Mẹ ơi, con chết rồi. Họ đang mổ bụng con. Mẹ ơi...

Chị cả Bống hốt hoảng lao tới, giơ hai tay túm lấy bóng con, chợt cái bóng như có người giằng lấy, chập chờn quăng qua quăng lại trước mặt chị rồi mờ dần mờ dần, vẫn còn ri rỉ tiếng kêu cứu của oan hồn, rồi tất cả lịm đi. Cả tiếng kêu cứu lẫn cái bóng máu me chợt tắt ngấm bởi một tràng cười ré lên sằng sặc như của lũ ma quỷ nhưng không phải vọng lên từ địa ngục, tiếng cười ấy rõ ràng đang ở cõi nhân gian hiện hữu này...

Chị cả Bống sau này phát điên không về làng nữa, cứ lê la liếm láp ở quanh cái bến đò có cái tên rất ấn tượng là bến đò Đuôi Cáo ấy. Nhưng chị không điên ngay lúc đó, có người chứng minh là sau khi ra khỏi trụ sở ban quản lý thị trường chị vẫn còn tỉnh táo nhớ ra trong người còn sót mấy đồng tiền lẻ. Chị lần vào trạm điện thoại công cộng gọi điện báo cho cậu em trai. Đó là tất cả những gì chị làm được cho đứa con. Sau đó chị mới phát điên.

Kỹ sư Hoàng đến bệnh viện Chúng Sinh thì trời đã tối. Tìm tới phòng cấp cứu, anh hỏi thăm nạn nhân tên Phúc, cô hộ lý mặc blu trắng bảo:

- Biết ai là phúc với hoạ gì ở đây. Đi mà hỏi trực ban.

Phòng cấp cứu rộng mênh mông, đầy những giường là giường, giường nào cũng ít nhất hai người nằm trở đầu đuôi. Đủ các kiểu tai nạn, vỡ đầu, gãy chân, lòi ruột, lòi xương. Ánh đèn nê ông trắng bệch soi loang lổ những máu me bông gạc. Nồng nặc một thứ mùi vừa tanh tanh máu, vừa ngầy ngậy thuốc tây. Bóng những blu trắng đi qua lại giữa các giường như ma trơi. Làm sao nhận ra đứa cháu bây giờ ?

Kỹ sư Hoàng vội vã đến phòng trực ban. Phòng trực ban cấp cứu nằm cuối dãy hành lang đầy những kẻ nằm người ngồi vạ vật rất chi là bệ rạc. Trong phòng có mấy người cũng mặc blu trắng đang chụm đầu bàn bạc nhỏ to:

- Cái mật hôm trước bán vội quá. Ngay hôm sau có người tới trả cao hơn cả chục triệu, tiếc đứt ruột - một người nói.

- Cái này đếch bán nữa, đem ngâm rượu. Hũ rượu trước hết con mẹ nó rồi. Mấy lão hen suyễn kinh niên uống vào là khỏi, để giành bán cho các lão ấy. Gớm họ vừa chi tiền vừa cám ơn rối rít ấy chứ - một người khác nói.

- Thôi được rồi! Người thứ ba nói - các ông xuống làm ngay đi, thằng này căn cước ghi rõ ràng: - 19 tuổi. Đã kiểm tra, đảm bảo còn nguyên dương (đàn ông chưa xuất tinh lần nào) chết do chấn thương sọ não vừa được mấy phút. Cái mật này mới tuyệt hảo, để quá hai tiếng có mà hỏng mẹ nó cả chì lẫn chài. Đã điện thoại cho bên công an rồi, họ bảo cứ mổ đi, có gì đừng "quên" họ là được.

Hai người kia vội vã đứng dậy lao nhanh ra khỏi phòng, vừa lúc ấy kỹ sư Hoàng bước vào:

- Bác sĩ làm ơn cho hỏi thăm nạn nhân tên Phúc, 19 tuổi, sinh viên năm thứ hai, nghe nói bị chấn thương sọ não có cấp cứu ở đây không, nằm giường số mấy? Tôi là cậu ruột cháu - kỹ sư Hoàng vừa hỏi vừa tự giới thiệu.

Anh bác sĩ còn lại trong phòng thoáng một chút giật mình. Anh ta làm như nghĩ ngợi điều gì rồi ngập ngừng:

- Tên Phúc, sinh viên, 19 tuổi... A... anh... à bác ngồi chờ cháu một lát.

Linh cảm thấy có gì nghiêm trọng xảy đến với đứa cháu, lại cứ tưởng anh bác sĩ kia vì thông cảm với nỗi đau của mình mà chưa nỡ nói ngay. Kỹ sư Hoàng vừa lo sợ vừa cảm động nhìn anh bác sĩ

đang cúi gằm mặt, tay lần giở một cuốn sổ to tướng chậm rãi lần một hồi. Mồ hôi đã toát ra lấm tấm trên khuôn mặt đỏ như gà chọi, anh bác sĩ chợt ngẩng lên bảo:

- Trong sổ này không thấy có tên Phúc. Bác ngồi đây chờ cháu đi lấy sổ khác. Nhớ là đừng đi đâu đấy.

Nói xong anh ta gập sổ rồi vội vã ra khỏi phòng, không quên đóng sập cửa lại, còn một mình trong phòng, kỹ sư Hoàng lòng như lửa đốt. Bỗng chuông điện thoại reo vang, một hồi, hai hồi... chừng như người đầu dây bên kia có việc cần gọi cho bằng được. Kỹ sư Hoàng do dự giây lát rồi nhoài người với lấy cái ống nghe, định nói cho bên kia chờ lát nữa gọi lại. Vừa áp ống nghe lên tai, kỹ sư Hoàng chợt nghe ngay một giọng nói dằn từng tiếng:

- Trực ban cấp cứu phải không? Bảo với pháp y rằng cái mật lần này tuyệt đối không được bán nghe chưa! Chú Sáu bên Uỷ ban đăng ký rồi đấy.

Kỹ sư Hoàng chưa kịp hiểu mô tê ra sao thì người đầu dây bên kia đã dập máy. Sau khi định thần suy nghĩ kết hợp với mấy câu cuối nghe được loáng thoáng lúc mới bước vào phòng, kỹ sư Hoàng chợt lạnh người với một nỗi nghi ngờ. Anh với cuốn sổ lúc nãy mở ra. Ngay giữa trang cuối cùng, rõ ràng có tên nạn nhân Nguyễn Hồng Phúc, 19 tuổi, sinh viên, té xe, nhập viện lúc... giờ... ngày - người đưa đến: Phạm văn A - bạn cùng lớp. Bỗng cánh cửa sịch mở, anh bác sĩ khi nãy ùa vào. Nhìn thấy cuốn sổ trên tay kỹ sư Hoàng, anh ta thoáng một giây bối rối rồi lập tức liến thoắng:

- Cháu quên không đọc trang cuối, đúng là có...

Anh ta chưa kịp nói hết câu kỹ sư Hoàng đã ngắt lời:

- Tôi biết hết rồi, anh không phải giải thích.

Rồi chẳng muốn nói gì thêm, nữa kỹ sư Hoàng ném trả cuốn sổ, hấp tấp lao nhanh ra khỏi phòng, anh bác sĩ hé cửa ngó theo, hơi lắc đầu, mỉm một nụ cười ý nhị rồi đóng cửa lại, ung dung quay vào. Chuông điện thoại lại reo, anh ta cầm lấy ống nghe:

- Dạ... dạ... à thế ạ... Báo cáo, xong xuôi cả rồi ạ. Thế thì chú nói chú Sáu chuẩn bị rượu tốt để ngâm, cháu sẽ bảo anh em mang sang ngay bây giờ ạ.

Kỹ sư Hoàng xuống đến nhà xác thì Phúc đã nằm trong ngăn lạnh. Một không khí thê lương sặc mùi tử khí. Nền nhà vương đầy những bó nhang cụt, những cục nến gãy, những mẩu giấy tiền vàng mã... làm quang cảnh nơi đây giống như vừa xảy ra một vụ cướp. Viên quản lý nhà xác nghe trình bày, quan sát anh từ đầu đến chân bằng cặp mắt âm u như cặp mắt quỷ rồi chẳng nói chẳng rằng, ông ta lừ lừ tiến đến kéo một ngăn tủ ra. Kỹ sư Hoàng lạnh toát người nhìn trân trân cái xác... "Đúng thằng Phúc rồi, chị Cả ơi, khổ thân chị quá"... Không giữ nổi bình tĩnh, anh khuỵu xuống gục đầu vào ngăn tủ. Mùi máu tanh tưởi ập vào giác quan. Anh chợt tỉnh, ngẩng phắt lên, lấy tay lật manh áo trước bụng đứa cháu... một vết mổ cẩu thả còn chưa khít miệng với mấy mũi khâu vội vàng, dúm dó :

- Các người đã mổ cháu tôi... các người đã... Tôi sẽ kiện, kỹ sư Hoàng gào lên trong nước mắt.

- Híc... viên quản lý nhà xác cất tiếng, giọng cũng âm u như phát ra từ bụng gã - Tha hồ cho ông kiện, tất cả những cái chết bất đắc kỳ tử thế này đều phải mổ hết, luật pháp quy định như vậy. Hừ có mà điên mới đi kiện luật pháp. À mà tôi đã vi phạm nội quy khi cho ông xem xác, lấy gì chứng minh ông là người nhà bây giờ? Mời ông đi khỏi đây. Nói xong gã đưa tay đóng sập ngăn tủ lại.

- Nhưng tôi... kỹ sư Hoàng chưng hửng... vậy còn cháu tôi ?

- Trước hết phải có giấy tờ chứng minh ông là người nhà của nạn nhân đã, rồi sau đó phải làm đầy đủ thủ tục mới mang được lấy xác ra khỏi đây. Mà ông định cõng xác trên lưng mang về hay sao? Viên quản lý lạnh lùng phán.

Kỹ sư Hoàng có vẻ hiểu ra những việc cần làm, anh thất thểu bước ra khỏi nhà xác gọi điện về nhà bảo vợ chuẩn bị căn cước, sổ hộ khẩu lên phường xin giấy chứng nhận rồi tìm đến một tiệm bán quan tài. Ông chủ tiệm quan tài có tên "Nhân nghiã đường" hăng hái đón khách. Chỉ vào đống quan tài đủ các kiểu loè loẹt đang bày la liệt, bảo kỹ sư Hoàng :

- Tuỳ bác chọn cái nào thì chọn. Bác cho biết địa chỉ, số nhà, giờ khâm liệm... chúng tôi sẽ cho người đến lo liệu.

- Không phải liệm ở nhà mà là ở nhà xác bệnh viện chúng sinh. Kỹ sư Hoàng ngắt lời.

- Thế thì không được rồi. Ông chủ Nhân nghiã đường lắc đầu - tôi không bán được cho bác đâu, cũng không làm gì được hết.

- Tại sao lại như thế ? Kỹ sư Hoàng kinh ngạc thốt lên?

- Chắc đây là lần đầu tiên nhà bác có người chết ở bệnh viện - ông chủ Nhân nghiã đường giải thích - bệnh viện có luật của họ, muốn lấy được xác ra phải có cửa. Quan tài mua tiệm nào do họ chỉ, khâm liệm, ma chay... tất tần tật do người của họ làm hết. Có thế họ mới ăn chứ, độc quyền mà.

- Té ra phải như vậy. Kỹ sư Hoàng cay đắng nghĩ rồi rời khỏi tiệm "Nhân nghiã đường." Quay lại chỗ nhà xác chờ một lúc lâu thì vợ anh mang giấy tờ tới. Mấy đứa bạn học của Phúc biết tin cũng đã tìm đến, mang theo nhang hoa và trái cây. Lúc này đêm đã gần khuya, mắt đỏ hoe vợ anh mếu máo:

- Ối anh ơi, vẫn chưa thấy tăm hơi chị cả đâu, em đến nhà ông chủ tịch nói mãi ông ấy mới ký cho cái giấy chứng nhận, lại vừa đóng lệ phí, vừa bồi dưỡng hết mấy trăm. Cháu nó nằm đâu để em vào thắp nén nhang cho cháu.

Kỹ sư Hoàng dẫn vợ và đám bạn của Phúc vào, trình mớ giấy tờ cho viên quản lý. Gã này săm soi một lát rồi lắc đầu :

- Không được, trường hợp này công an còn phải điều tra, vả lại khi nãy ông còn định kiện tụng gì nữa cơ mà? Sáng mai đến giải quyết.

-Chẳng lẽ để đứa cháu lạnh lẽo qua đêm không một chút khói nhang an ủi linh hồn? Kỹ sư Hoàng lúc này đã mụ mẫm hết tinh thần, cụt què cả ý chí, anh chỉ còn biết vớt vát như một cái máy :

- Tôi xin ông, ấy là tôi chót nhỡ mồm. Tôi không kiện tụng gì đâu. Mọi việc giao cho các ông "lo" hết. Chỉ mong sao mang cháu về nhà...

- Vậy thì về viết cam đoan đi, viên quản lý hạ giọng - nhưng cứ phải sáng mai mới giải quyết. Không có giấy của công an thì bố tôi cũng không dám giao xác cho các người.

Sáng sớm hôm sau, vừa thò mặt đến cổng nhà xác bệnh viện Chúng Sinh đã có mấy kẻ mặt mũi rất chi là khả nghi túm lấy kỹ sư Hoàng.

- Xác của bác là xác tai nạn giao thông phải không? Giá chót tám triệu, chúng em lo mọi thủ tục chiều lấy xác ra... quan tài khâm niệm 12 triệu nữa bao trọn gói - một người trong bọn bảo.

- Tại sao lại phải đến chiều? Làm ngay trong sáng nay không được sao? kỹ sư Hoàng hỏi lại.

- Hì các bác này đúng là chưa "chết" lần nào. Phải đợi công an người ta hoàn tất hồ sơ chứ... một người khác giải thích - mà chúng em phải đưa bác đến làm tờ khai, chiều lấy được là còn nhanh, với điều kiện phải có bồi dưỡng... không thì cứ đợi đấy.

Đám người ấy quả là thạo việc, rốt cục chiều hôm ấy kỹ sư Hoàng cũng đưa được xác đứa cháu về nhà sau khi đã được khâm liệm cẩn thận. Vẫn không thấy bóng dáng chị cả đâu, linh tính xảy ra chuyện chẳng lành, kỹ sư Hoàng bàn với vợ cùng mấy đứa bạn của Phúc trông nom nhang khói, để anh về làng đón chị Cả lên:

- Có mấy kẻ lạ mặt lảng vảng ngoài cổng nghiêng ngó hỏi thăm, mấy đứa bạn của Phúc chạy ra nghe ngóng rồi vào bảo:

- Mấy thằng cò nghiã địa bác ạ. Nó bảo đất chôn mặt tiền lối đi là 12 triệu, phía trong tám triệu, chưa kể tiền lo giấy phép chôn và công đào huyệt lấp đất xây mộ, tuỳ theo to nhỏ tính riêng. Nếu túng tiền thì chôn đứng. Chôn đứng rẻ hơn một nửa, tất nhiên đất rộng chỉ bằng 1/3. Nghiã địa bây giờ khối người phải chôn như thế, thành ra đầy những ma đứng, linh hồn đứng, đứng vĩnh hằng.

Vội vã phóng về quê, kỹ sư Hoàng hoảng hốt lạnh người khi hàng xóm bảo chị Cả Bống đã lên thành phố từ chiều hôm qua, mấy nhà khác thấy anh về đổ đến hỏi thăm. Có người chợt nhớ ra bảo:

- Sáng nay đi chợ thấy ở bến đò Đuôi Cáo có ai nhang nhác bác Cả Bống ấy. Hay là bác sang tìm thử xem.

Không kịp suy tính, kỹ sư Hoàng vội vã lao sang bến đò, tìm khắp các hàng quán hỏi thăm, ai cũng lắc đầu. Chợt anh nhìn thấy dưới bờ sông sát mép nước, một người đàn bà đầu tóc rũ rượi đang ngồi ném những nắm cát xuống dòng sông... kỹ sư Hoàng vừa nghi hoặc, vừa thận trọng tiến lại gần... "Ai như chị Cả? Anh cất tiếng gọi... một tiếng, hai tiếng... Người đàn bà chợt quay phắt lại... Đúng là chị, chị nhìn anh với đôi mắt thất thần, khuôn mặt răn reo, lem luốc cát. Bỗng chị lảo đảo lao đến, ôm chầm lấy anh, gào lên nức nở:

- Ối ! Con ơi, con về với mẹ đây rồi, người ta cướp cái gì của con, con chết có đau không? Con về đây báo oán mẹ... mẹ không đến được với con... con ơi.

Cứ thế chị gào mãi, gào mãi, tiếng gào rợn cả một khúc sông. Kỹ sư Hoàng hai tay nâng khuôn mặt chị, miệng hoảng hốt nhắc đi nhắc lại: - Em đây mà, Hoàng đây mà!

Song chị đâu có nghe, đâu có thấy, chỉ một mực gào tên con... dần dần tiếng chị khản đặc chỉ còn như tiếng thở lào phào... Người chị bỗng lả đi, từ từ khuỵ xuống. Kỹ sư Hoàng quỳ xuống theo, hai chị em ôm nhau quỳ trên bãi cát, hoàng hôn bắt đầu buông, trăng chiều rực lên đỏ thẫm. Qua màn nước mắt, anh cảm thấy tất cả không gian như chìm trong biển máu, bên tai anh chợt vọng lên văng vẳng giọng nói của lão Tiến cụt hôm trước:

- Làm người lương thiện bây giờ vất vả quá... biết đâu đến một lúc nào đó những nhà tù kia mới chính là địa chỉ mà người lương thiện cần đến cho mình. /

Giới thiệu sách

TÁC GIẢ VIỆT NAM
Vietnamese Authors
do LÊ BẢO HOÀNG sưu tập và biên soạn

PHẠM XUÂN ĐÀI

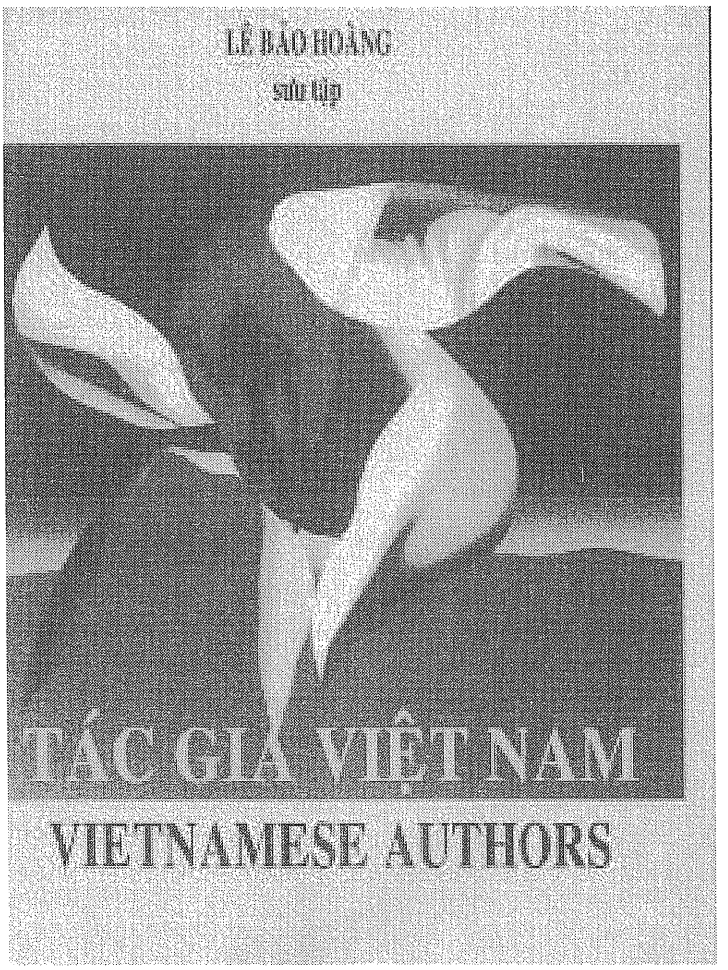

Tháng 6 năm 2005, nhà xuất bản Sóng Văn vừa cho ra mắt một cuốn sách đặc biệt, đó là quyển "Tác Giả Việt Nam – Vietnamese Authors" của Lê Bảo Hoàng. Gọi là đặc biệt vì đây là lần đầu tiên có một cuốn sách chứa đựng thông tin về những người Việt Nam viết lách và sáng tác đông đảo như thế, không kể xu hướng chính trị của họ. Sách dày 770 trang, giá bán 25 Mỹ kim.

Việt Nam do bị chia rẽ về chính trị từ 1945, và sau đó đất nước bị chia cắt trong 20 năm, các sinh hoạt tinh thần hầu như cũng bị chia làm hai, theo hai khuynh hướng quốc cộng, bên này không muốn nhắc đến phe bên kia, hoặc nếu có muốn cũng thiếu thông tin, vì chế độ nào cũng cấm đoán sách vở của phe đối nghịch. Rất nhiều người

trẻ ở Hà Nội lớn lên không biết Nhất Linh và Nguyễn Tường Tam là một người, cũng thế, nhiều người miền Nam không biết tác giả bài quốc ca mình hát trong suốt hai thập niên là một nhân vật quan trọng trong chính quyền miền Bắc. Những người danh tiếng lẫy lừng còn như thế, nói gì đến "quần chúng văn nghệ" rất đông đảo ở khắp các miền đất nước? Rồi tiếp đến trong ba thập niên trở lại đây còn có sự kiện mấy triệu người Việt Nam đi ra sống ở nhiều nước trên thế giới, họ cũng tiếp tục viết lách, sáng tác, biên khảo, nếu không "điểm danh" thì cũng khó lòng biết hết ai với ai.

Nguyên cái ý định làm công việc điểm danh này đã là rất đáng phục. Soạn giả Lê Bảo Hoàng đã bỏ ra năm năm trời để tìm tòi, thu thập, liên lạc, hỏi han mới có được con số gần 1500 tác giả được đề cập đến trong cuốn sách này. Hãy đọc lời của ông về quan niệm và cách làm việc để thực hiện tác phẩm:

"Tác giả Việt Nam là một sưu tập, góp nhặt những nét chính về tiểu sử của những người sáng tác trong các bộ môn nghệ thuật: thơ, văn, biên khảo, âm nhạc, hội họa, nhiếp ảnh, cải lương, chèo, thoại kịch.

Tác giả hiện diện trong sưu tập, gồm những người có những tác phẩm được phổ biến khởi từ năm 1905, và tạm dừng ở giữa năm 2005.

Nguồn tài liệu sưu tập được góp nhặt từ những tác phẩm văn học, những tạp chí, nguyệt san, tuần báo, những trang điện toán trong và ngoài Việt Nam, cùng những tư liệu nhận được từ chính tác giả, gia đình, thân hữu của tác giả."

Công việc của người biên soạn sách này là sưu tập những thông tin về mỗi tác giả, gồm tên thật và các bút hiệu, quê quán, ngày tháng năm sinh và chết (nếu đã chết), một số nét trong đời sống và hoạt động văn học nghệ thuật, và sau cùng là liệt kê những tác phẩm của người ấy; không có phần ý kiến của người biên soạn như bình luận hoặc phê bình về mỗi tác giả. Ngoài ra, nếu tác giả ấy đã được giới thiệu ở sách nào, hoặc tác phẩm được trích đăng ở đâu thì cũng được ghi nhận. Tùy theo tài liệu thu lượm được, và chắc cũng tùy vào sự đóng góp trong sự nghiệp của họ, phần viết cho mỗi tác giả dài ngắn rất khác nhau, có người chỉ vài ba dòng, có người hơn một trang.

Đây là một quyển sách tài liệu, với mỗi tác giả được giới thiệu bằng những thông tin rất cụ thể. Phần tinh túy của một người sáng tác hay biên khảo, tức là chính tác phẩm của họ, thì không được đề cập tới. Có thể thấy đó không phải là mục đích của người biên soạn, vì là một công việc quá lớn, một người làm không xuể. Mục đích của cuốn sách này rõ ràng chỉ là "điểm danh," sau một thời gian dài đất nước và lòng người ly tán, soạn giả thấy cần phải kiểm điểm lại danh sách của giới sáng tác, biên khảo Việt Nam trong suốt một thế kỷ qua. Với công sức của một người, ý định đó đã là đáng khen và đáng phục rồi. Thực hiện được, hao tốn bao nhiêu thì giờ, công sức và cả tiền bạc để một cuốn sách như thế này ra đời, thì phải ghi nhận đây là một thành tích rất đáng kể. Không có một thiện chí mãnh liệt đối với nước nhà, không có sự kiên trì liên tục, không có một đam mê sục sôi muốn khôi phục và gầy dựng thì một cá nhân đơn lẻ không sao có thể làm nổi công việc này. Dĩ nhiên ấn bản đầu tiên này còn rất nhiều điều không vừa ý, như tài liệu về một số tác giả có thể chưa được đầy đủ hoặc chính xác, một số không nhỏ tác giả chưa được đưa vào vì chưa có thông tin, không có hình ảnh của mỗi tác giả v.v..., nhưng nếu hiểu rằng "thà thắp một ngọn nến nhỏ còn hơn là ngồi mà nguyền rủa trong bóng tối" thì cuốn sách này chính là ngọn nến ấy. Đưa ra hầu hết các bộ mặt sáng tác và biên khảo của Việt Nam trong suốt một thế kỷ qua mà không kể phe phái chính trị, đâu phải là một việc đơn giản! Thế kỷ 20 là một thế kỷ tiến bộ vượt bậc nhưng cũng tan tác vượt bậc trong tâm thức Việt Nam. Đây chính là một hành động đầu tiên mời mọi người cùng "ngồi lại" một chỗ với nhau, không phân biệt chính kiến, không phân biệt tài năng hay sự nghiệp lớn nhỏ, không phân biệt địa phương hay trường phái, để nhận diện nhau, thì dầu chỉ mới là một ngọn nến nhỏ, đây vẫn là một vùng ánh sáng dẫn đường lóe lên giữa một cõi còn mịt mùng thù hận và nghi kỵ. Rồi cái ánh sáng của ngọn nến nhỏ ấy sẽ được tiếp sức của bao nguồn ánh sáng thiện chí khác, sẽ lớn dần lên, xua bạt cái đêm tối mịt mùng của thù hận và nghi kỵ kia đi.

Cái khó khăn của sự khởi đầu đã có người gánh vác, người đó là soạn giả Lê Bảo Hoàng, một bút hiệu khác của nhà thơ Luân Hoán, với cuốn "Tác Giả Việt Nam" đầy công phu. Mong rằng tác phẩm này sẽ được tất cả chúng ta đón nhận với một tình cảm quý trọng lẫn bao dung, vì nó rất xứng đáng được dành cho những cảm tình ấy.

Trúc Lâm Thiền Viện.com

Thiền sư Thích Thanh Từ

Thiền Sư Thích Nhật Quang

Mắt biết thấy là Chân Tâm
Tai biết nghe là Chân Tâm
Thân biết xúc chạm là Chân Tâm

Chân Tâm là ông chủ thường biết rõ ràng trùm khắp sáu căn mà không có tướng mạo. Không có sinh diệt.

Là phát minh mới của Thiền Sư Thích Thanh Từ, Viện Chủ Thiền Viện Trúc Lâm Đà Lạt. Để hướng dẫn cho Tăng Ni & Phật Tử tu theo Thiền Tông Việt Nam hiện nay.

Chúng tôi có phát hành Video, Cassette, CD học Phật của Thiền Sư Thích Thanh Từ & Thích Nhật Quang

Xin vui lòng liên lạc Mãn Tâm An: (714) 891-6742

9455 Bolsa Ave. # E, Westminster, CA 92683. USA

hay www. Thientongvietnam.vinamall.com - truclamthienvien.com

Băng mới phát hành của Thiền Sư Thanh Từ: Khám phá được ông chủ - Thầy Nhật Quang: Chữ Tu

HÙNG SƠN
JEWELRY. INC.
SINCE 1950

ENGAGEMENT - WEDDING - LOOSE STONES
G.I.A. CERTIFICATION DIAMONDS

9200 BOLSA AVE. # 128 WESTMINSTER, CA 92683 TEL 714-897-6600
(INSIDE ASIAN GARDEN MALL - PHƯỚC LỘC THỌ)

Giá Bán 5 Mỹ Kim